VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

về bộ sách "văn học miền nam"
văn học & võ phiến
phê bình văn học cảm tính
nguyễn thanh sơn
chân dung nhà văn, trong một thế nhìn
lê minh hà
sau mùa lũ sông côn
tâm thanh
đọc truyện hồ minh dũng
đoàn nhã văn

truyện
võ đình ● nam dao ● lâm chương
nguyễn thị thảo an ● đặng thơ thơ

thơ
đức phổ ● ngu yên ● trần thị laihồng ● trần thảo lu
đặng hiền ● kiệt tấn ● thận nhiên ● trần hồng châu
ng. thanh châu ● nguyễn đức thanh ● trần thiện hiệp

169
THÁNG 5 2000

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 169 ● tháng 5, 2000

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
VĂN HỌC	3	phỏng vấn nhà văn võ phiến về bộ sách "văn học miền nam"
ĐỨC PHỔ	20	*tri mã lực*
NGUYỄN THANH SƠN	21	phê bình văn học cảm tính
LÊ MINH HÀ	26	chân dung nhà văn, trong một thế nhìn
NGU YÊN	31	*cuối thiên niên: ký*
ĐOÀN NHÃ VĂN	35	hồ minh dũng, ngòi bút của tình thương
TRẦN THỊ LAIHỒNG	49	*tầm vông*
TÂM THANH	50	sau mùa lũ sông côn
VÕ ĐÌNH	60	bạn cũ
ĐẶNG HIỀN	66	*tháng năm xanh*
KIỆT TẤN	67	*những mùa ảo tưởng*
NAM DAO	68	trong buốt pha lê
THẬN NHIÊN	91	*thơ không đặt tựa # 17*
LÂM CHƯƠNG	92	đi giữa bầy thú dữ
TRẦN HỒNG CHÂU	118	*không, tôi chưa muốn chào vĩnh biệt*
NGUYỄN THỊ THẢO AN	120	đỉnh trời tròn
NGUYỄN THANH CHÂU	133	*dạ âm, lạc lối*
TRẦN THẢO LƯ	134	*chiều cancun xa quê*
ĐẶNG THƠ THƠ	135	vườn lan
TRẦN THIỆN HIỆP	147	*tháng giêng em về*
VĂN HỌC	148	giới thiệu sách mới
NGUYỄN ĐỨC THANH	154	*huế tháng tư*
VĂN HỌC	155	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

Thư Tòa soạn
Văn Học

Cách đây đúng mười lăm năm, *Văn Học Nghệ Thuật* Bộ mới tục bản, và sau chín số, hậu thân là tạp chí *Văn Học* ra số đầu tiên. Trong thời gian dài đằng đẵng đó, tuy tờ tạp chí đã trải qua nhiều thăng trầm, nhưng *Văn Học* vẫn cố gắng hết sức mình để mời những nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo uy tín đóng góp bài vở, sau đó cố gắng in ấn, trình bày những bài vở ấy một cách trung thực, trang nhã, làm gạch nối cảm thông giữa người viết và người đọc. Bạn đọc có lẽ cũng nhận thấy sự cố gắng của *Văn Học*, nên đáp ứng bằng cách trở thành độc giả dài hạn lâu dài, giới thiệu tờ báo với bạn bè thân nhân; nhờ thế *Văn Học* mới tồn tại đến ngày nay. Không có cơ hội nào thích hợp hơn cơ hội này - ngày kỷ niệm mười lăm năm xuất bản - để Ban Chủ biên trân trọng cảm tạ tất cả các văn hữu và độc giả đã giúp đỡ *Văn Học*.

Trong những văn hữu có bài đăng trên số này, nhà văn Võ Phiến - người sáng lập ra *Văn Học Nghệ Thuật* - có thể đại diện cho thế hệ đầu tiên của *Văn Học*. Người đăng bài lần đầu trên *Văn Học* ở cuối thời gian mười lăm năm là Nguyễn Thanh Sơn, một nhà phê bình trẻ chưa tới ba mươi hiện sống ở Hà nội. Ở giữa hai mút của thời gian, là tâm tình của nhiều thế hệ, nhiều hoàn cảnh, là sự đa dạng ở phong cách và đề tài. Mỗi số Văn Học là cánh cửa mở vào nhiều thế giới, và bạn đọc từ đó có nhiều cách nhìn về lịch sử, xã hội, văn chương. Tinh thần đa nguyên văn hóa là chủ trương của *Văn Học*, và sau mười lăm năm, chúng tôi tin rằng các văn hữu cộng tác với *Văn Học* cũng như quí độc giả đã mua và đọc *Văn Học* đã mặc nhiên chấp nhận nguyên tắc đa nguyên ấy. Chúng ta mạnh dạn phát biểu những điều chúng ta tin là lẽ phải, nhưng cũng sẵn sàng nghe những điều người khác nói. Đó là điều quan trọng Văn Học muốn gìn giữ như một thứ "của tin" cho năm thứ mười sáu.

Phỏng vấn nhà văn Võ Phiến về bộ sách "Văn Học Miền Nam"

Văn Học (VH): Trong năm 1999 vừa qua, nhà xuất bản Văn Nghệ vừa hoàn tất việc xuất bản và phát hành trọn bộ Văn học Miền Nam (VHMN) *gồm 7 tập, dày trên 3200 trang của ông. Công trình tốn nhiều thì giờ và tâm huyết ấy, ông bắt đầu từ lúc nào? Động cơ nào khiến ông khởi sự công trình dài hơi ấy?*

Võ Phiến (VP): Tôi bắt đầu viết bộ *Văn học Miền Nam* hồi 1984. Giữa năm 1986, tập đầu (là cuốn *Tổng quan*) viết xong.

Tại sao viết? – Nói chung, ai cũng thấy việc ấy cần làm. Sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách, ở Tàu ai chẳng mong tìm lại sách mất? Sau khi Minh Thành Tổ tiêu hủy sách Việt, ở nước ta ai chẳng thấy cần sưu tầm lại sách cũ của dân tộc mình, truy cứu về văn học mình? Nhưng thấy cần làm là một chuyện, còn thấy chính mình nên làm lại là chuyện khác. Tôi không thấy nên tự trao cho mình công việc ấy. Hãy chờ ai đó, một kẻ thích hợp.

Tôi đến Mỹ năm 1975. Ngoài việc kiếm sống, tôi làm các việc quen thuộc khác: làm báo, viết truyện dài truyện ngắn, làm thơ vớ vẩn, viết tùy bút, tạp bút v.v... Và bồn chồn chờ đợi... kẻ thích hợp. Chín năm sau, thời gian trôi qua đã nhiều, chuyện cũ phôi pha, dấu vết cũ phai mờ dần... Tôi đánh liều, tặc lưỡi: "Thì hãy làm tạm vậy".

Động cơ viết sách đã trần tình ở "Lời nói đầu" cuốn *Tổng quan* trong lần in thứ nhất năm 1986, lại giãi bày ở phần kết cuốn ấy trong lần in thứ ba (trích đăng trên báo *Người Việt*, số xuân Canh Thìn, 2000). Lời mình đã viết ra rồi chính mình dẫn lại, e kỳ cục khó coi. Tôi không tiện làm thế, mà độc giả thì rất có thể có những vị không gặp dịp đọc đến, hay có đọc qua nhưng lâu ngày đã quên; vậy khi nào quí báo nêu ra điều gì từng có

câu đáp sẵn trong *VHMN*, tôi xin phép chỉ nhắc xuất xứ để độc giả tiện xem lại. Xin quí báo hiểu cho: không phải tôi thiếu thiện ý phân giải mà chỉ ngại việc mình dẫn lời mình!

VH: Trước khi nhà Văn Nghệ xuất bản bộ sách 7 tập trong hình thức và kích thước hiện nay, nhà xuất bản cũng đã in một số phần của bộ sách này với khổ nhỏ hơn, có thể gọi là loại sách bỏ túi. Hỏi đó vì sao có chủ trương in sách theo khuôn khổ nhỏ như thế?

VP: Sách 7 tập thì 7 tập nên cùng một kích thước: nhà xuất bản đã làm thế. Sở dĩ từ năm 1991 đến năm 1995 có in ra mấy tập khổ nhỏ, đó chẳng qua là chuyện làm tạm bợ, trong hoàn cảnh đặc biệt.

Số là vì tài liệu tìm kiếm khó khăn, việc biên tập tiến hành chậm chạp, từ khi cuốn *Tổng quan* ra đời (1986) đến 1991 đã năm năm không có cuốn kế tiếp xuất hiện, tôi ngại độc giả nghĩ mình đã nản lòng bỏ cuộc, quên lời hứa hẹn. Mặt khác, sau một cuộc giải phẫu tim trước đó, bấy giờ tôi lại gặp rắc rối sắp phải trải qua một cuộc giải phẫu tim nữa. Tôi lo nếu mình gặp rủi ro không hoàn tất công việc thì những gì đã viết xong sẽ thất lạc uổng phí. Chi bằng cứ viết đến đâu in ra đến đó, về sau có thể có kẻ dùng đến như một thứ tư liệu, cái dở dang sẽ không đến nỗi hoàn toàn vô ích. Nhưng rốt cuộc rồi tôi đã làm xong bộ sách. Vậy bảy tập sách khổ nhỏ đã in trước không còn công dụng nữa, xin quí vị độc giả hãy quên chúng nó đi. Tôi mang ơn nhà xuất bản Văn Nghệ đã chiều lòng mình trong việc làm tốn kém này. Trong đời, thỉnh thoảng vào những dịp tưởng mình sắp "đi xa", tôi vẫn lưu lại cho các văn hữu những ghi chép mình ký cóp dành dụm, lưu lại như một chút quà (dù giá trị chẳng là bao).

Chuyện trên đây, năm 1991 đã nói ra ở các trang đầu cuốn *Thơ Miền Nam I* (khổ nhỏ); năm 1999 lại được nhắc đến ở đầu cuốn *Truyện I* trong bộ *Văn học Miền Nam* (khổ lớn). Nói đi nói lại... Tuy nhiên, quí báo đã có lòng nhắc đến...

VH: Làm sao ông có thể sưu tầm đầy đủ (hay tương đối đầy đủ) văn liệu để viết bộ sách này?

VP: Chuyện tìm tài liệu, tôi cũng đã có viết ở đầu cuốn *Tổng quan* (1986). Vả lại, về mặt tháo vát, quen biết, thông thạo các nguồn tài liệu, tôi chỉ có thua người chứ không hơn được ai. Dù sao, kéo dài công việc trong một thời gian dài như thế thì rốt cuộc chắc kẻ kém nhất cũng có được số tài liệu cần thiết, phải chăng. Đại khái là sách mượn từ những bạn

bè có tủ sách lớn, sách nhờ thư viện đại học gần mượn ở những thư viện đại học xa, mỗi lần 3 cuốn một, sách nhờ lùng mua lén lút ở trong nước v.v...

Bên lề việc tìm tài liệu, tôi xin kể đôi ba mẩu chuyện:

– Để soạn phần tiểu sử các tác giả, thoạt tiên tôi nghĩ đến công trình của Trần Phong Giao. Trước tháng 5-1975, ở Sài Gòn, tôi biết anh Trần đã soạn xong một cuốn từ điển các văn nhân thi sĩ Việt Nam. Tuy chỉ được đọc một số trích đăng đây đó trên các báo, tôi cũng nhận thấy đó là một công trình biên soạn rất cẩn thận. Tôi nhắn hỏi, anh Trần cho biết bản thảo đã chuyển ra ngoài nước, nhờ người này (hiện ở địa chỉ...) trao lại cho người kia (hiện ở địa chỉ...) cất giữ. Bèn liên lạc người này và người kia: không nơi nào còn cất giữ nữa. Một tài liệu quí đã đi đời.

– Cũng trước tháng 5-1975, ở Sài Gòn ông Thanh Tùng bắt đầu cho xuất bản bộ *Văn học từ điển*. Cuốn đầu trong bộ sách dành cho phần "tiểu sử tác giả". Năm 1990, cuốn ấy được tái bản ở Hoa Kỳ. Sách đưa ra tiểu sử 626 tác giả Việt Nam từ xưa đến nay, và kê thêm một danh sách hơn hai trăm vị sẽ được bổ túc sau, danh sách bổ túc gồm nhiều tác giả thời 1954-75. Cho đến nay sách ấy chưa ra đời!

– Một tác giả nọ có ngót năm chục tác phẩm được xuất bản. Tôi "may mắn" có cơ hội mượn được toàn bộ, lắc la lắc lư mang sách về, hớn hở, vùi đầu đọc. Đọc xong thấy tưng hửng, tuyệt chẳng có ý gì để viết cả. Kẹt cứng. Cái khó này kéo theo cái khó khác: Làm sao trả lại sách? nói gì khi gặp lại mặt nhau? Tôi ngượng ngùng, bẽ bàng. Tôi loay hoay khổ sở. Nhanh nhẩu mượn sách lung tung: một sơ suất nhất thời có khi để lại những ray rứt khôn nguôi.

VH: Theo ông, bộ Văn học Miền Nam *thuộc thể loại nào: sách biên khảo văn học sử, sách phê bình văn học, hay như có một số người nghĩ, sách được viết theo lối viết sử trường của ông là tạp bút, tạp luận?*

VP: Mười bốn năm trước, mở đầu cuốn *Tổng quan* tôi có lời thưa rằng sách ấy e không xứng đáng là lịch sử, là phê bình gì cả.

Năm năm sau, mở đầu cuốn *Thơ Miền Nam I* (khổ nhỏ), lại đã báo trước rằng ngoài những bài viết riêng cho cuốn sách này, sẽ còn có những bài điểm sách, tựa sách, tùy bút, nhận định v.v...

Bốn năm sau nữa, chuyện ấy cũng được nhắc lại khi mở đầu cuốn *Truyện I* trong bộ Văn học Miền Nam.

Nay quí báo hỏi đến, hẳn là do hảo ý muốn vấn đề được làm sáng tỏ thêm. Vậy xin nói thêm:

Hồi 1942, viết xong cuốn *Thi nhân Việt Nam* ông Hoài Thanh bảo "cái điều tôi ngại nhất là sẽ mang tên nhà phê bình." Rồi ông nghĩ ngợi: "Chẳng hạn có thể gọi những bài tôi viết là tùy bút, tùy hứng... Nhưng không lẽ tôi là một nhà tùy bút, một nhà tùy hứng, hay một tùy bút gia, một tiểu luận tác giả."

Ngay sau đấy, ông Vũ Ngọc Phan (trong bộ *Nhà văn hiện đại*) nêu ra trường hợp của người sợ hai chữ phê bình, và ông Vũ bảo: "Việc gì lại phải lẩn tránh một cách trẻ con như thế." Rồi ông Vũ xếp Hoài Thanh ngay vào chương "Các nhà phê bình và biên khảo". Từ đó, tha hồ ông Hoài Thanh e ngại, ai nấy cứ giữ nguyên ông ở vị trí ông "ngại nhất".

Trong bộ *Từ điển văn học* của nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội (Hà Nội) ông được gọi là "nhà phê bình, nghiên cứu văn học Việt Nam". Sau này, trong cuốn *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản*, Nguyễn Hưng Quốc kể tên Hoài Thanh trước tiên trong danh sách "những tài năng kiệt xuất nhất về phê bình văn học của giai đoạn 30-45", lại nói rõ: "không thể nghi ngờ, Hoài Thanh và Vũ Ngọc Phan là những thiên tài, một người cực kỳ nhạy bén về thơ và một người cực kỳ tinh tế về văn".

Đó là trường hợp một người viết tùy bút hóa ra một nhà phê bình.

Nhân ông Hoài Thanh, nghĩ đến ông Thánh Thán. Hoài Thanh là người hay e hay ngại: ông "nhỏ to" với độc giả về bao nỗi ngại ngùng của mình. Thánh Thán không phải hạng người như thế. Trái lại. Đây là một kẻ phóng khoáng ngông nghênh. Không có cái gì khiến ông ngại nhất, cũng không có gì làm ông ngại nhì. Đọc *Tây Sương Ký*, tới chương "Đáp thư", thấy Oanh Oanh đến phòng Quân Thụy thoắt cái xảy ra những chuyện cởi lần dây lưng, chuyện mở cửa động đào, chuyện khắp người bủn rủn trong lòng mê tơi, rồi chuyện thần hồn bay chín tầng mây ngoài trời v.v..., Thánh Thán vung tay viết luôn một bài luận về cái dâm.

Tiếp theo là chương "Khảo hoa". Thánh Thán đọc qua lấy làm khoái, bèn nhớ tới những lần khoái khác. Ông kể luôn một hơi 33 cái khoái vừa ôn lại được trong bao nhiêu cái khác đã từng mang ra bàn tán với bạn hai mươi năm trước. Đại loại, Thánh Thán bảo:

– Xem ma trơi, thật sướng.

– Ở góc phố có hai bác đồ gàn cãi nhau đã đỏ mặt tía tai, mà vẫn còn trịnh trọng "chi, hồ, giả, dã", cãi nhì nhằng mãi về những cái không đâu, cãi hoài không chịu dứt. Chợt có chàng tráng sĩ đi qua bực mình, ra oai quát một tiếng. Hai bác đồ nín khe. "Đã" quá chừng.

– Có mấy mụn ghẻ lở ở chỗ hiểm. Mang nước nóng vào phòng, đóng cửa mà rửa. Khoái ơi là khoái.

Cứ thế ông kể. Đó là văn gì vậy? Tùy bút chăng? Tạp bút chăng? Tạp

luận chăng? Hay là tùy hứng đấy chăng? – Đố biết. Chỉ biết trên ba trăm rưỡi năm qua thiên hạ vẫn xem Thánh Thán là một nhà phê bình, một trong những nhà phê bình lỗi lạc nhất của Trung Hoa.

Thực ra, ngẫm lại cách viết phê bình của các vị như Thánh Thán với Hoài Thanh có khác thường nhưng không vô lý, có tài hoa phóng khoáng nhưng không đến nỗi quái dị. Viết thế, đâu có sao? Giữa các loại tạp văn với thể loại phê bình văn học có chỗ tương quan.

Lỗ Tấn từng cho xuất bản một tập hợp 16 cuốn sách, tức bộ *Tạp văn*, gần sáu trăm rưỡi bài. Bài gì? – Đủ thứ: Từ tùy bút, đoản văn, tiểu phẩm, tạp cảm, cho đến thư từ, diễn thuyết, hồi ký, nhật ký v.v... Ôi thôi, thật linh tinh, bao nhiêu là thể loại, bao nhiêu là đề tài. Trong bộ *Tạp văn* ấy, nếu tách riêng ra những bài nói về các suy tưởng nhận định về văn học, đem in riêng sẽ thành một tác phẩm phê bình văn học. Đâu có sao? Như vậy cái này nằm trong cái kia, *Tạp văn* (trong đó có tùy bút, tạp luận...) không giới hạn đề tài; trong khi phê bình văn học thì tự giới hạn trong một đề tài. Phê bình, nhận định về văn học, tại sao không thể xuất hiện dưới dạng tạp văn? Trên thực tế, ở Đông Tây khắp nơi nó đã xuất hiện như thế tự những bao giờ!

Viết phê bình chân phương như Vũ Ngọc Phan là một cách viết, viết phê bình bay bướm như Hoài Thanh là một cách viết khác. Cả hai vị đều kiệt xuất. Cái cốt yếu nằm ở chỗ cảm nhận văn thơ có tinh không, xét đoán có sâu sắc có tinh tế không, diễn đạt có đủ sức thuyết phục không v.v... Không đạt được các đức tính cốt yếu thì dù viết có thật sự "đúng lối" phê bình, những ông Thiếu Sơn, Nguyễn Bách Khoa, Trương Chính... cũng không được xem là kiệt xuất.

Giữa thể loại này với thể loại kia, từ trước đã từng có sự phối hợp, sự trà trộn qua lại như thế. Chiều hướng phát triển cho thấy càng về sau lằn ranh giới giữa các thể loại càng nhòa đi. Viết về văn học Pháp thế kỷ thứ XX Germaine Brée cho rằng ngày nay vấn đề thể loại vẫn còn tranh cãi nhiều nhất và vẫn còn mơ hồ nhất (Rien n'est aujourd'hui plus discuté que le problème des genres littéraires, et rien n'est plus confus non plus). Jean Cocteau phân chia tác phẩm của mình ra làm ba loại: thơ kịch tuồng, thơ tiểu thuyết, thơ phê bình (poésie de théâtre, poésie de roman, poésie critique). Ở ta Hoàng Hải Thủy có tiểu thuyết phóng sự, Nhật Tiến có tiểu thuyết kịch, Duyên Anh có những thiên truyện ngắn những cuốn tiểu thuyết hình thức nửa truyện nửa ký, vì ông mang nguyên người thật với tên thật với diện mạo tính tình thật vào...

Đến đây tôi giật mình: tôi đang biến cuộc phỏng vấn thành cuộc mạn đàm, tôi đang "pha trộn thể loại" rồi sao? Thật ra vì thuận đà câu

chuyện mà trót đi xa, tôi không chỉ nói chuyện mình mà nói rộng ra thôi. Câu hỏi đặt ra vấn đề thể loại thì bàn về thể loại, thực lòng tôi không muốn dừng lại ở bộ *Văn học Miền Nam* của mình. Sách ấy thuộc thể loại nào? lối viết trong ấy là lối viết gì? Tôi đã nêu lên ở đầu cuốn *Tổng quan* từ nhiều năm trước, giờ tôi không còn bận tâm về chuyện ấy nữa. Tôi viết lách ra sao? đáng xếp vào vị trí nào? chuyện ấy nếu cần thì thiên hạ làm, tôi xen làm chi vào đấy? Ấy đâu phải việc tôi?

Mối quan tâm chủ yếu của tôi là phục hồi chân dung một nền văn học bị hủy diệt, là gợi lại hình ảnh cuộc sống tinh thần một thời kỳ bị xuyên tạc bôi bẩn. Thế thôi. Thể loại nào cũng là phương tiện. Phương tiện nào thích hợp với mình thì hãy dùng lấy.

VH: Bảy tập trong bộ Văn học Miền Nam *được phân theo thể loại như ba tập cho văn xuôi, một tập cho thơ, một tập cho tùy bút và kịch, một tập cho ký và một tập tổng quan. Trong từng thể loại, ông dựa vào tiêu chuẩn nào để chọn tác giả, và tác phẩm ông cho là tiêu biểu của tác giả đó để trích dẫn?*

VP: Tôi xin có một đính chính nhỏ: ba tập vừa nêu ra đầu tiên là dành cho thể loại truyện, chứ không phải cho văn xuôi. (Vì văn xuôi còn bao gồm cả tùy bút, kịch, ký.)

Tiêu chuẩn để chọn lựa tác giả là: Viết hay. Tiêu chuẩn để chọn lựa cái hay thì: Không có.

Thiết tưởng ai cũng ao ước nắm được một bản tiêu chuẩn chọn thơ văn hay. Có nó, tiện quá. Ở các tòa soạn tạp chí, văn thơ gởi tới ngổn ngang. Chỉ cần đưa ra một bản tiêu chuẩn rõ ràng minh bạch, thế là nhân viên tòa soạn nào cũng có thể theo căn cứ mà chọn lựa nhanh chóng. Đỡ biết bao nhiêu phần việc của chủ bút, chủ biên. Vả lại người viết nào lại không muốn biết tác phẩm mình vừa viết xong đã đạt mức thành công chưa: có bản tiêu chuẩn, mang ra so thử thì chắc ăn.

Ở các nước lớn vẫn thường có các tuyển tập thi ca hay nhất, truyện ngắn hay nhất, trong năm qua, trong thập niên kỷ vừa qua, hay suốt thế kỷ vừa qua. Tất nhiên không phải ở mỗi nước chỉ được phép thực hiện một tuyển tập. Mọi nhà xuất bản, mọi nhóm văn nghệ, đều có thể làm tuyển tập. Nội dung những tuyển tập ấy, lấm chỗ khác nhau.

Ở các hội đồng tuyển chọn giải thưởng văn chương đều xảy ra những cuộc tranh luận lắm khi gay gắt, giải quyết sau cùng bằng lá phiếu của mỗi hội viên, không phải bằng đối chiếu vào tiêu chuẩn.

Ở Miền Nam bấy giờ cũng có những tuyển tập truyện và tuyển tập

thơ. Về truyện, tôi đang nghĩ đến các cuốn *Hai mươi nhà văn hai mươi truyện ngắn* do nhà Phù Sa, cuốn *Ảo tượng* do nhà Lá Bối, cuốn *Tuyển truyện Sáng Tạo* do nhà Sáng Tạo, cuốn *Ba miền mười khuôn mặt* do nhà Kim Anh, cuốn *Những truyện ngắn hay nhất của quê hương chúng ta* do nhà Sóng thực hiện. Trong những tuyển tập ấy, có cuốn chọn 7 truyện, có cuốn 10 truyện, có cuốn 20 truyện, cuốn của nhà xuất bản Sóng chọn 45 thiên truyện. Mặc dù trên nhan đề chỉ có nhà Sóng nêu lên yếu tố "hay nhất", nhưng chắc đó cũng là chủ ý chọn lựa của mọi nhà khác. Dù vậy kết quả không giống nhau bao nhiêu: trong tổng số 64 tác giả không một người nào được sự tán thưởng đồng tình của cả năm ban tuyển trạch. Chỉ có 6 tác giả cùng được chọn vào 3 tuyển tập, và 13 tác giả khác cùng vào 2 tuyển tập. Chín người mười ý: cái hay cái đẹp có nhiều dạng vẻ, trường hợp thẩm quan gặp nhau vẫn có đấy nhưng không nhiều mấy đâu.

Về tác phẩm, thì cũng như về tác giả: sự chọn lựa nhằm vào cái hay. Cái hay, cái đẹp là quan tâm chủ yếu trong văn chương nghệ thuật. Thế nào là hay, là đẹp? cái ấy không thể qui định thành tiêu chuẩn. Cái hay cái đẹp của mỗi thời mỗi khác, của mỗi hoàn cảnh văn hóa mỗi khác.

Quyết định một chọn lựa, người phê bình đem mình ra đánh cá, đem sự "sáng suốt" của mình ra thử thách. Sự chọn lựa phản ảnh trình độ của người chọn, thẩm quan, xu hướng, lập trường v.v... của người chọn. Mình khá hay tôi, mình xứng đáng hay không xứng đáng với công việc đảm đang, hải nội hải ngoại chư quân tử sẽ căn cứ vào đó mà xét. Hậu quả xấu tốt, mình gánh trọn; kẻ tốt bụng xung quanh khỏi phải lo lắng giùm. Giả sử vào một lúc cao hứng nào đó, Thánh Thán mê mẩn một cuốn tiếu lâm nào đó, chọn làm đệ thất tài tử, hậu quả ông "Thánh" tất lãnh đủ.

Đánh giá cái hay của tác phẩm trích tuyển, thường tôi có chú ý đến ý kiến của các tác giả. Dung hòa được đôi bên thì nhất. Vì thế, trong nhiều trường hợp tôi lấy ngay các thiên truyện đã in trong *Những truyện hay nhất của quê hương chúng ta*, vì được biết ban chủ trương bộ tuyển tập này đã yêu cầu các tác giả tự chọn lấy truyện thích ý nhất của mình.

Mặt khác, lại còn vấn đề tiêu biểu: chọn tác giả tiêu biểu cho mỗi khuynh hướng, chọn tác phẩm tiêu biểu cho mỗi tác giả. Được thế, còn gì bằng! Nhưng không phải lúc nào cũng làm được: nếu người tiêu biểu, tác phẩm tiêu biểu lại không xuất sắc về mặt nghệ thuật thì chọn lấy hóa ra đem chỗ nhược mà phơi bày. Tiêu biểu cho thơ Nguyễn Vỹ chẳng hạn hẳn là những bài thơ có đủ 12 chân, vì ông Nguyễn đã chủ xướng trường thơ Bạch Nga. Gặp hoàn cảnh ấy có chọn lựa khác là phải.

Trở lại trường hợp của mình: Trích văn thơ người, tôi cố tìm cái hay trước tiên, đồng thời cũng gắng tìm cái tiêu biểu. Chẳng hạn về Chu Tử

thì cố chọn một đoạn Chu Tử nào mà người đọc có thể nhận ra cái ngang tàng của Chu Tử; về Lê Xuyên thì một đoạn Lê Xuyên nào giúp người đọc có thấy loáng thoáng cái duyên và cái lẳng lơ của Lê Xuyên; về Hoàng Ngọc Tuấn thì một đoạn nào làm người đọc có thể thấy cái lãng mạn bay bướm của Hoàng Ngọc Tuấn v.v...

Cố gắng vậy, có được vậy không là chuyện khác. Hoài Thanh có khi nhận xét xong một số thi nhân, rốt cuộc không chọn được lấy một bài nào để trích (như Trần Huyền Trân, như T.T.Kh.).

VH: Từ khi những tập sách khổ nhỏ được phát hành, cho đến khi toàn tập 7 cuốn in xong cuối năm ngoái, có một số dư luận về bộ sách của ông. Đại khái các ý kiến ấy tập trung vào ba điểm chính:

(a) Ông không được khách quan khi lựa chọn các tác giả cần đề cập tới trong giai đoạn 20 năm của văn học Miền Nam, như có người chỉ có một bài thơ đã được nhắc tới, trong khi vài nhà thơ đã thành danh trước 1975 lại bị bỏ quên.

(b) Sự khen chê đối với một số người cầm bút của ông không được công bằng, đôi khi quá gay gắt (chẳng hạn nhận định của ông đối với Nguyễn Thị Hoàng, Võ Hồng...)

(c) Lối viết ông dùng trong bộ sách không thích hợp với nội dung mà dù muốn dù không, cũng có tính chất lý luận, biên khảo.

Ý kiến của ông như thế nào về ba điểm chính dư luận nêu ra (công khai hay ở chỗ riêng tư) trên đây?

VP: Số dư luận được quí báo thu nhận và nêu ra có ba điểm chính. Ba điểm chính cùng chung một hướng: là hướng chê bai cả.

Trong lớp nhà văn tiền chiến người ta nhận thấy phê bình mà chỉ nói đến cái hay có Hoài Thanh, chỉ nói đến cái sai cái quấy là Nguyễn Văn Tố. Cái dư luận quí báo ghi nhận đây thuộc khuynh hướng Nguyễn Văn Tố. Trong điểm chính dư luận thứ hai có lời bảo tôi "đôi khi quá gay gắt" đối với một số người cầm bút. E rằng vẫn chưa bắt kịp xu hướng dư luận đâu: đôi khi gay gắt, so với thuần túy gay gắt, thấm vào đâu.

(a) Câu hỏi gồm 3 điểm. Trước, xin nói về điểm thứ nhất: vấn đề chọn lựa khách quan các tác giả. Trong vấn đề khách quan có nêu trường hợp cụ thể (thơ ít mà được chọn, làm thơ nổi danh lại bị bỏ quên).

Thiết tưởng sự chọn không thể căn cứ vào số lượng tác phẩm. Nếu được thế, công việc sẽ nhẹ nhàng giản dị hơn biết bao: Trước khi chọn, tiến hành một cuộc kiểm kê: ai có bao nhiêu trước tác thơ văn, kẻ ít người

nhiều kê khai đầy đủ, có chỗ căn cứ vững chắc, làm việc sai sẩy thế nào được.

Chọn lựa cũng không thể căn cứ vào chỗ "đã thành danh". Kẻ thành danh là do thiên hạ chọn, không phải ta chọn. Người viết sách phải đích thân chịu trách nhiệm về sự chọn lựa của mình.

Tất nhiên nói thế không có ý cho rằng không phải sự chọn lựa vô danh là không đáng đếm xỉa, không phải "thiên hạ" là không đáng kể, chỉ có ta mới đầy đủ khả năng phân định giá trị. Cái danh căn cứ theo dư luận quần chúng, người phê bình không thể không biết đến, không quan tâm đến. Tuy nhiên trong ấy vẫn có những yếu tố cần lưu ý. Chẳng hạn:

– Dư luận có khi tán thưởng kiểu đầu tóc dài bù xù, có lúc thích kiểu đầu trọc lóc; có độ chịu áo cổ cao vạt dài eo rộng, có độ lại ưa cổ hở vạt ngắn, eo thắt; có khi khoái kiểu thơ văn đầy suy tư, dằn vặt, khi khác lại yêu lối thơ tung hê cái giống sổ sàng v.v... Thời trang, thời thượng, thay đổi thoăn thoắt, từ cái cực đoan này tới cái cực đoan khác, trên mọi địa hạt.

– Dư luận không nhất thiết chọn lựa văn nghệ phẩm theo tiêu chuẩn nghệ thuật. Đa số khách hàng văn nghệ phẩm không đi tìm cái hay, cái đẹp; họ tìm món hàng thích hợp cho nhu cầu của mình. Hoặc nhu cầu giải trí: phim hề, truyện hiệp sĩ kỳ tình, truyện trinh thám, truyện tình lâm ly bi đát, phim bộ Hồng Kông... Hoặc nhu cầu giáo dục, học hỏi v.v... Họa hoằn những chọn lựa ấy mới gặp chủ đích thẩm mỹ của người phê bình.

– Xưa kia dư luận dần dần tự thành. Về sau, ở xã hội công nghiệp có những yếu tố tạo nên dư luận nhanh chóng, ảnh hưởng mạnh mẽ tới dư luận, hướng dẫn dư luận... Chẳng hạn, các hình thức quảng cáo của giới xuất bản, những hoạt động bành trướng thế lực của các nhóm phái, các phe cánh. Một nhà xuất bản có ngân sách quảng cáo lớn, có tạp chí riêng, có đài phát thanh, truyền hình thân hữu v.v... dễ tạo nên tên tuổi, tăng thêm thanh danh cho các tác giả. Còn phe nhóm, từ hồi tiền chiến hai nhóm Tự Lực văn đoàn và Tân Dân đã từng tố cáo nhau mãi về chuyện cạnh tranh quá ráo riết: người cùng nhóm viết ra thì tấm ta tấm tắc tâng bốc nhau, mà gặp văn kẻ khác nhóm thì cứ nhặt từng hòn sạn đãi qua đãi lại, thì chế giễu chịu hết thấu.

Cứ thế, người cầm bút xuất thân ở ngay tại thủ đô văn nghệ, có thân hữu nắm trong tay một nhà xuất bản, tờ tạp chí, viết tới đâu được in tới đó, được ca ngợi inh ỏi, tưng bừng; so với người ấy, một văn hữu tỉnh lẻ hè hụi viết đêm ngày, chép gửi khắp các báo, rồi hồi hộp chờ đợi, một văn hữu côi cút như thế, bảo thành danh làm sao nhanh chóng cho kịp hạng may mắn nói trên.

Thành thử kẻ viết sách tự mình chọn lấy những tác giả mình cho là có tài, tức kẻ viết hay viết giỏi. Bất luận kẻ ấy danh lớn hay danh nhỏ, viết ít hay viết nhiều.

Viết ít mà nên danh, kim cổ đông tây không hiếm. Trong phạm vi một nước ta gần đây, cuốn *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh có 46 tác giả thì đã ngót một chục thi nhân chỉ một bài xuất sắc được đưa ra, thậm chí có mấy thi nhân không được trọn một bài hay để trích dẫn. Đoàn Phú Tứ hình như toàn bộ vốn liếng một đời chỉ "dăm bảy" bài thơ. Còn T.T. Kh. ngoài hai bài gửi đến tòa soạn báo *Tiểu thuyết thứ bảy* còn có thơ thẩn nào nữa không mà thành thi nhân?

Nhà phê bình làm như thế có thể bị ngờ vực là không "khách quan", tức chọn lựa theo cảm tình. Cảm tình giữa Hoài Thanh với Đoàn Phú Tứ ra sao, chúng ta không rõ, chứ giữa Hoài Thanh với T.T. Kh. thì chắc chắn là không. T.T.Kh. tuyệt vô tung tích, cho đến ngày nay cũng chẳng ai biết là ai. Trong cuốn *Thơ* (ở bộ *Văn học Miền Nam*) của tôi có nói đến vài ba thi sĩ ít có thơ trên sách báo, trong số ấy hai người tôi chưa từng biết mặt, chưa từng quen.

Đã không thấy có động cơ xấu là được rồi. Còn chọn sai, chọn đúng, cái ấy người viết sách lãnh đủ. Anh ta sẽ chịu trận với đời, không trốn tránh đi đâu.

Chọn lựa tài năng nghệ thuật không căn cứ vào số lượng tác phẩm cũng không căn cứ vào tiếng tăm. Chỉ nên căn cứ vào thẩm thức của mình. Thẩm thức người đời thường khác nhau, là cái chủ quan.

Chọn lựa không khách quan, cái viết cũng không khách quan luôn! Về chỗ này tôi cũng lại nghĩ đến thái độ của Hoài Thanh. Cuối cuốn *Thi nhân Việt Nam* ông tâm sự với độc giả: "Có lẽ bạn đang chờ những bài nghiên cứu vô tư và khách quan. Bạn cũng sẽ thất vọng. Vô tư thì tôi đã vô tư hết sức, nhưng khách quan, không."

Hoài Thanh lại từng nhỏ to than thở: "Tôi đã đọc tất cả một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở." Dư luận tha hồ chê ông vụng tính, nên làm lụng cực nhọc. Cặm cụi đọc tới chừng ấy thơ dở thì nhừ xương, chịu sao thấu! Tại sao không xem cứ những vị nào có nhiều thi phẩm xuất bản và đã thành danh thì đưa ngay vào sách: Như thế đỡ tổn hại sức khỏe, lại được tiếng khách quan.

Nếu còn quan tâm nữa đến chuyện khách quan, họa chăng có thể nghĩ đến trường hợp những vị cầm bút mở sách phê bình xem qua loáng thoáng không thấy có những thi sĩ mình ưa thích trong ấy, liền tri hô vào "dư luận": thiếu khách quan! Nếu có xảy ra trường hợp này thì chính những vị quá tin ở thẩm thức của mình, đòi lấy nó ra làm căn cứ để ai nấy

phải theo, chính những vị ấy mới là thiếu khách quan, thiếu nhiều đa.

Cũng nằm trong phạm vi điểm thứ nhất của câu hỏi có vấn đề các tác giả "bị bỏ quên". Vấn đề ấy trước khi *Văn học Miền Nam* được in trọn bộ, trước khi quí báo ghi nhận dư luận mà chúng ta đang thảo luận đây, hồi đó chính tôi đã nêu lên, trong "Lời nói đầu" cuốn *Truyện I* và đã tận tình giãi bày các lý do khiến mình phải làm cái điều sẽ không vừa ý một số người đọc. Lời ấy hoặc không đến được, hoặc không thuyết phục được độc giả, tôi lấy làm tiếc hết sức.

Dù sao, đã có dư luận, không thể ngơ đi mà không bị trách cứ. Vậy đối với vị nào chưa có dịp lướt mắt qua, tôi tha thiết xin hãy vui lòng đọc mấy trang sách từ 506 đến 510 của cuốn *Truyện I* vừa nói trên đây. Ngoài ra nhân có nhã ý của báo *Văn Học* mà chúng ta lại được tái ngộ ở vấn đề này, tôi không dám ngại dông dài, mà góp thêm đôi ý kiến.

Thường thường trong sách những cái *thiếu* không phải *sót*, những cái đã *bỏ* không phải vì *quên*. Vì tình thế chẳng đặng đừng mà thế thôi. Số người tham gia vào hoạt động sách báo càng ngày càng nhiều. Ở Việt Nam hồi tiền chiến theo Hoài Thanh có bốn nghìn người có thơ (chỉ riêng thơ thôi, không kể các thể loại khác) đã đăng báo và in sách. Vậy thì tính chung cả giới cầm bút được mấy vạn người? Và ở những nước lớn Âu Á số lượng người cầm bút ở mỗi nước là bao nhiêu vạn người, ức người? Kể sao cho xiết! Rồi trong số ấy bao nhiêu kẻ sẽ vào văn học sử? Trong bộ văn học sử Pháp quốc, do Germaine Brée và Edouard Morot-Sir cùng viết về thời kỳ 1920-1975 chỉ thấy đề cập tới 183 tác giả thuộc mọi thể loại. *Sót* với *quên* đâu có sót quên lớn lao đến thế? Vậy do đâu?

Trước hết không phải hễ cứ cầm bút là làm văn học nghệ thuật cả. Kẻ kể chuyện tiếu lâm, người viết truyện võ hiệp, trinh thám, để giải trí, kẻ truyền bá võ thuật, người tuyên truyền chính trị, rao giảng đạo lý để giúp người trau dồi sức khỏe và tư cách v.v... Người đời có bao nhiêu nhu cầu, người viết có bấy nhiêu đáp ứng. Đáp ứng nhu cầu tinh thần cũng cần thiết như đáp ứng nhu cầu vật chất, hoạt động cũng tấp nập tưng bừng như nhau. Trên đời không có nghề thấp nghề cao. Các hoạt động nghề nghiệp tạo ra sản phẩm: Sản phẩm vật chất và sản phẩm tinh thần đều là món hàng để tiêu thụ, đều quí cả, đều có giá trị cả, nhưng không phải là tác phẩm nghệ thuật. Những người sản xuất tốt, bán nhanh bán nhiều, họ được tán thưởng rộng rãi, yêu chuộng khắp nơi, tên tuổi họ có thể nổi lên ầm ĩ, họ thành danh: chúng ta mừng cho họ. Nhưng gia nhập vào hoạt động văn nghệ, vào giới sáng tác, thì cái đóng góp phải là những dạng vẻ đẹp mới, những quan niệm, những đường hướng sáng tạo mới..., là chuyện những người hành nghề kể trên không quan tâm, biết sao!

Hồi nhỏ đi học, có độ tôi đọc André Maurois. Về sau mấy chục năm, hoàn cảnh sinh sống đổi khác, tôi lênh đênh từ cái thích này sang cái thích khác, quên bẵng tác giả xưa. Một hôm sực nhớ đến, tôi lật sách xem ông mất hồi nào. Trong phần "Từ điển các tác giả" của cuốn văn học sử Pháp vừa nói trên đây không thấy tên ông. Tò mò lật qua phần danh biểu, thấy trong suốt cuốn sách sáu trăm trang tên ông chỉ được nhắc lướt qua 5 lần, tác giả không hề ngừng lại để nhận xét về A. Maurois được 1 (một) dòng chữ nào! Tôi bùi ngùi. A. Maurois đã viết nhiều, đã có chân trong Hàn Lâm Viện Pháp quốc, đâu phải không thành danh! Ông đã bị xem là không mang đến, không đóng góp được gì thực sự sáng giá cho văn học nghệ thuật chăng? Cái giá trị sáng tạo, cái ấy mới đáng kể. Khổ thân ông.

Trở lại trường hợp mình, tôi không hề dám *quên* nhiều *sót* nhiều. Trong bộ *Nhà văn hiện đại* gồm 5 cuốn, số nhà văn được Vũ Ngọc Phan chọn lựa có tất cả 79 vị; thời kỳ văn học được nói đây dài 30 năm. Trong số 79 vị được Vũ Ngọc Phan chọn, về thể loại thơ có 10 thi sĩ. Trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh – sách chỉ chuyên về một thể loại – số tác giả tăng lên hơn gấp 4 lần, tức 46 vị.

Về phần tôi, tôi chỉ nói về nền văn học ở một nửa lãnh thổ Việt Nam, trong một thời kỳ chỉ có 20 năm. Về thơ, được chọn nói đến là 32 vị, về truyện 50 vị, về ký 22 vị, về tùy bút và kịch 14 vị.

Ấy là chuyện nhiều với ít, đủ với sót, quên với nhớ. Còn về chuyện thành danh so với vô danh cũng không hề thiếu trường hợp để suy nghĩ. Hoài Thanh ngồi viết *Thi nhân Việt Nam* ngay tại Huế, ông quên thế nào được các tên tuổi như Ưng Bình Thúc Giạ Thị, Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng v.v... đang tồn tại bên cạnh mình? Là gạt ra đấy thôi. Ông lại chọn vào danh sách những Tản Đà, Thâm Tâm, kẻ đã qua đời, người chưa có tập thơ nào xuất bản. Cuốn *Thi nhân Việt Nam* xuất bản năm 1942, cụ Ưng Bình qua đời năm 1961, trong ngót hai chục năm cụ không hề lên tiếng phát biểu gì, không góp vào "dư luận" câu thắc mắc nào về cái sót này. Hoài Thanh có thể không thích thơ các cụ, nhưng không thể không kính trọng phản ứng rất thể thống của họ.

Còn Vũ Ngọc Phan? Những tên tuổi như Nguyễn Bính, Chế Lan Viên đã được Hoài Thanh chọn lựa, ông Vũ vứt phăng đi. Ông rước vào cụ Nam Hương Bùi Huy Cường, tác giả mấy tập *Thơ ngụ ngôn*, tập *Văn cười*, và ông khen nức nở.

Giả sử bấy giờ có ai vạch kẽ ra chỗ kém cỏi xoàng xĩnh của loại thơ Nam Hương, so với thơ Nguyễn Bính chẳng hạn để "đánh phá" Vũ Ngọc Phan thì chỉ làm đau lòng cho cụ Nam Hương thôi. Nói qua nói lại, chê tới chê lui thơ cụ, sao nỡ. Còn giữa ông Vũ và "ai" kia thì sự tranh cãi qua lại

chưa chắc đã tới đâu, đã làm sáng tỏ cái gì. Bá nhân bá ý thôi. Thời gian trôi qua, không ai nói, chúng ta không khỏi phục thầm là dư luận bấy giờ quả tế nhị.

Liên quan tới chỗ thi sĩ thân hay sơ, có danh với không có danh, Hoài Thanh đã từng kêu: "Nhưng ái ngại hay khinh ghét, khi xem thơ tôi chỉ biết có thơ. Tôi không hề nghĩ đến danh vọng của người hay của tôi. Danh vọng quí thật, nhưng còn có điều quí hơn danh vọng, quí hơn hết thảy: lòng ngay thẳng, mà ít nhất cũng phải giữ trọn trong văn chương."

Ấy là khi đề cập đến sự phán đoán khác nhau. Lại còn trường hợp phán đoán nông nổi: dư luận thích người này, Hoài Thanh thích người khác, thế là dư luận chê Hoài Thanh. Bấy giờ Hoài Thanh van nài: "Muốn hiểu rõ tôi có nói đúng hay không bạn phải xem trọn thơ từng người một. Và phải xem kỹ. Hầu hết những bài thơ hay, có đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hay." Chưa chắc sự van nài ấy được dư luận cứu xét. Người phê bình chọn lựa không hợp với ý kiến với sở thích mình là nêu ngay ra vấn đề công bằng, thiếu sót, thiếu khách quan. Thiết tưởng một thái độ lấy ngay sở thích của mình làm căn cứ, làm cơ sở để đánh giá việc làm người khác, thái độ ấy lẽ ra phải xem là ít khách quan, ít công bằng nhất. Không phải vậy sao?

Kể ra không phải không làm được một công trình không thiếu sót và không chủ quan về nền văn học thời đại mình. Chẳng hạn soạn một tuyển tập các tác giả một thời bằng cách mần mò kê ra một danh sách thật đầy đủ những ai có tham gia sinh hoạt sách báo, rồi yêu cầu mỗi người gửi đến ban soạn thảo tuyển tập một tiểu sử, với một tác phẩm của mình do mình chọn, với một bài viết về quan niệm văn chương nghệ thuật của mình v.v... Ban soạn thảo cho in tất cả. Công trình thật đầy đủ, thật khách quan. Nhưng đó không phải là một tác phẩm hoặc phê bình hoặc khảo luận gì cả.

Không thuộc vào những thể loại ấy, công trình nọ vẫn quí, vẫn nên làm, nên lưu giữ cẩn thận. Một dấu chân của con khủng long để lại còn quí thay, còn đóng góp được lắm lợi ích cho sự tìm hiểu cuộc sống, huống hồ những tài liệu có giá trị thống kê với nhiều chi tiết cặn kẽ. Tuy nhiên sách nào nên xếp theo thể loại nấy.

Trong việc nào có tính cách thống kê (không có luận có bình), tôi cố gắng làm được nhiều được đủ. Ở cuốn văn học sử Pháp quốc nói trên có 183 tiểu sử tác giả, ở cuốn *Tổng quan* trong bộ *Văn học Miền Nam*, tôi đã đưa ra ngót bốn trăm tiểu sử (trong bản in lần thứ hai có 371 tác giả; trong bản in lần thứ ba sau này có bổ túc thêm). Trong sách Pháp là nói về thời gian văn học hơn nửa thế kỷ (55 năm) trên toàn quốc; trong sách tôi là về

thời gian hai mươi năm trên nửa nước. Vì số phận hẩm hiu của một thế hệ chịu nhiều oan khiên, tôi đã làm chuyện quá đáng; sao có thể "đầy đủ" hơn được nữa mà khỏi thành lố lăng?

(b) Giờ chúng ta sang điểm thứ hai của câu hỏi: khen chê thiếu công bằng. Công bằng, chuyện tưởng dễ nhưng lại khó:

Khen Thúy Kiều chê Thị Nở, không phải không công bằng. Khen Thúy Kiều và khen luôn cả Thị Nở, lại không phải là công bằng. Công bằng là khen kẻ đáng khen, chê kẻ đáng chê (hoặc gay gắt hoặc hay không gay gắt). Vấn đề là biết phân biệt người đáng khen cái đáng khen với kẻ đáng chê cái đáng chê. Phê bình văn nghệ, sự phân biệt chỉ căn cứ vào cái đẹp cái xấu, cái hay cái dở. Vậy đây là vấn đề thẩm thức, không phải vấn đề công tâm. "Dư luận" lẫn lộn hai điều ấy. Khen cái dở cái xấu, chê cái hay cái đẹp, là thẩm định sai, thẩm quan kém; chứ không phải là bất công, thiên lệch gì cả. Chữ "gay gắt" gây cảm tưởng là sự thiếu công bình nhằm vào người không phải vào văn, vào tác giả không phải vào tác phẩm. Không ai "gay gắt" với một bài thơ, có chăng là gay gắt đối với một tác giả thiếu cảm tình, ôn tồn đối với một tác giả thân hữu.

Tôi chân thành xác nhận đối với hai vị đã được nêu tên, tôi tuyệt không có một ác cảm nào. Trái lại. Đối với một vị, trong rất nhiều tác phẩm của bà, tôi chọn nói đến tác phẩm thành công, tác phẩm hay nhất. Và nói đến, chủ yếu là để khen, khen những cái mới cái hay đã được đem đến cho ngành tiểu thuyết bấy giờ, do sự can đảm của tác giả. Còn đối với nhà văn kia, vốn là bậc huynh trưởng có tư cách khả kính, tôi vẫn trọng vọng bấy lâu, và đã tự mình xuất bản một trong những tác phẩm đầu của vị ấy gần 42 năm trước đây.

Cái nào nên khen tôi khen, cái nào nên chê tôi chê, tôi khen chê vô tư, theo trình độ nhận thức của mình, xu hướng thẩm quan của mình. Và bây giờ cũng như về sau tôi không bàn cãi về chuyện này bất cứ liên quan đến một tác giả nào khác. Vì lẽ là chuyện rất không nên đem ra bàn cãi.

Trách tôi gay gắt đối với ông này bà kia, vậy tôi phải cố phơi bày thêm nhiều cái xấu cái dở của họ để biện minh cho mình chăng? Ối!

Phàm đã chọn tác giả nào để đưa ra, tìm hiểu, nhận xét trên sách mình, thế là đã yêu thích, đã đánh giá cao tác giả ấy. Lời khen chê thế nào là phải, đến đâu là phải, về chỗ nào là cần: cái ấy mình liệu mà cân nhắc, cái ấy quyết định giá trị của chính mình, không cần biện bạch, không nên biện bạch dông dài khiến có thể gây tổn thương đến văn hữu xa gần.

Ai có kinh nghiệm đều rõ: Đọc sách người hễ gặp được cái hay ho, đắc ý, không gì thú bằng; nói về sách người hễ có dịp nói về những chỗ

hợp tình hợp ý mình thì không gì khoái bằng, thì tha hồ hót như khướu, tán rộng huyên thiên, cho thật "đã". Trái lại khi gặp phải chỗ dở, trái ý mình, không hợp với tạng mình, thì buồn xo, chán ngắt, thì tiu nghỉu như mèo cắt tai. Điều tôi thổ lộ cũng là thiên hạ thường tình thôi. Trên đời, chắc chắn không mấy ai thấy hứng thú khi phải ngừng lại chỗ dở, nêu ra chỗ dở trong văn chương. Phải làm việc ấy, chẳng qua chẳng đặng đừng, chẳng qua là vạn bất đắc dĩ. Chẳng qua công việc nó buộc mình, nhiệm vụ nó bắt mình phải thế thôi.

Viết đã thế, không viết được càng khổ hơn. Mang tác phẩm một tác giả nào về nhà nằm đọc, thoạt tiên là hăm hở. Đọc mãi, càng đọc càng thấy rõ tạng người với tạng mình không hợp nhau. Bấy giờ thật là điêu đứng. Bao nhiêu ngượng ngùng, lo ngại. Tất cả cảm tưởng tội lỗi trút cả lên đầu mình. Đối với những vị thân sơ mà tôi không có cái may mắn cùng nhau cùng gặp được trên một quan niệm thưởng thức văn chương, tôi rất lấy làm tiếc, tiếc vô cùng.

(c) A! Điểm dư luận này càng rõ là nặng tính giáo dục: Lối viết không thích hợp? Sách lý luận, biên khảo phải có lối viết khác?

Các điểm trên nêu ra những vấn đề thể loại, tiêu chuẩn, tư cách (khách quan, chủ quan,) v.v..., tức những bắt bẻ về nội dung. Giờ là bắt bẻ lối viết, tức chuyện hình thức đây.

Hai chữ "lối viết" không rõ nghĩa. Tôi đoán chừng là chỉ vào lời văn chăng. Đại ý cho rằng sách lý luận biên khảo thì lời văn phải nghiêm chỉnh đứng đắn mới là thích hợp, còn thứ lời lẽ tôi đem ra dùng đây là dùng lộn rồi chăng.

Đoán vậy, hãy cứ tạm trả lời vào cái mình suy đoán thôi; chờ hỏi lại dư luận, biết hỏi vào đâu!

Tôi quả thật chưa được biết viết sách gì thì phải dùng lối viết nào mới là chính thức thích hợp, dùng lối nào thì sai. Phép tắc làm việc thì vẫn có đấy. Thợ máy, muốn mở mỗi loại con ốc phải dùng mỗi loại "lắc-lê"; không thích hợp đố mở được. Ngày xưa, làm văn ở chỗ trường ốc phải đúng lối: kinh nghĩa, chế, chiếu, biểu, thơ, phú, văn sách..., món nào có chỗ dùng nấy, không thích hợp không được.

Nhưng ấy là chuyện khắt khe trong giới hạn thi cử của một thời đã qua. Còn đối với giới cầm bút nói chung mọi nơi mọi thời, trên mọi thể loại, không nghe có sự ràng buộc như thế bao giờ. Sách tôi, đại khái có liên hệ với phê bình và khảo luận, qua loa thôi, nhẹ nhàng thôi. Về phê bình chúng ta đã biết qua giọng văn của Thánh Thán. Thánh Thán là người có cá tính mạnh mẽ; văn ông bản sắc nổi bật lên rõ mồn một không

thể lẫn lộn với "lối viết" của ai cả. Thánh Thán bất luận khi viết về rửa ghẻ, về cởi sợi dải thắt lưng, hay về phép trước tác văn chương, đều thoải mái như nhau. Về khảo luận, tôi nghĩ tới Vương Hồng Sển. Vương ông có ý thức về văn phong đặc biệt của mình. Ông cười cợt, đùa giỡn trên trang sách; ông viết như ông nói, như trò chuyện trong chỗ thân tình. Sách ông viết xuất bản đã nhiều, phổ biến rộng rãi, tôi bất tất dông dài. Vương ông phân bua: ông "không thích giọng nghiêm". Cái giọng văn "không nghiêm" của ông, ông gọi nó giọng "bông thùa", tức cũng như là giọng cà-rỡn. Ông bảo trong *Cuốn sổ tay của người chơi cổ ngoạn*: "Cứ để bông thùa, như vậy mà được nhẹ nhàng, mà dễ cởi mở với nhau." Con người có giọng văn "bông thùa" là người như thế nào? – Là một người đã làm việc với nhân viên và học giả trường Viễn Đông Bác Cổ, đã từng làm Giám đốc viện Bảo tàng, từng giảng dạy ở đại học, và đã cầm bút đến tuổi chín mươi, râu tóc bạc phơ. Vậy thì tôi đòi ra vẻ nghiêm chỉnh đạo mạo hơn ông làm chi, hỡ trời!

Viết bình viết luận, hãy lo viết đúng, lo chi đến cái viết cho nghiêm. Lời lẽ trịnh trọng, nghiêm chỉnh rất mực, mà nói đâu sai đó thì có gì hay?

Vả lại chẳng những tác giả viết luận với bình được bông thùa, mà một nhân vật cao hơn Vương Hồng Sển, hơn Thánh Thán, cao tít mù, là Trang Tử, cũng không hề tự ghép mình vào phép tắc nghiêm túc đâu. Điều Trang Tử viết ra cao hơn cái luận cái bình nghìn lần vạn lần. Ông đâu thèm bình về cái văn của anh nọ chị kia, của người này người nọ; ông đâu thèm khảo luận về nền văn chương học thuật này nọ. Ông nói là nói về lẽ sinh tử ở đời, về lẽ vận hành của vũ trụ càn khôn v.v... Vậy mà giọng ông phóng túng biết bao. Ông kể những cái hoang đường, tưởng huyễn mà thực, tưởng thực mà huyễn; ông dùng ngụ ngôn, trùng ngôn, lại dùng chi ngôn, chuyện thì huyễn hoặc mà ý cao thâm tinh tường... Triết học là chuyện trang nghiêm quan trọng; giọng viết triết học Trang Tử thiếu hẳn tính thích hợp chăng?

Vào thời kỳ xảy ra vụ *Nhân Văn Giai Phẩm*, trên báo *Nhân Văn* ông Như Mai có đưa ra nhân vật Nghiêm Văn Túc, trên báo *Giai Phẩm Mùa Thu* ông Trần Lê Văn có đưa ra nhân vật Lê Hùng Tiến, rất hi vọng có lối phát ngôn thích hợp. Nhân vật Lê Hùng Tiến được mô tả "người anh khô đét lại, thẳng đờ như một cái áo quan, mắt chỉ biết trợn chứ không biết nhìn (...) hai hàm răng xít lại, dù có cạy cũng chẳng ra một nụ cười". Thế thì bông thùa thế nào được, bảo đảm trăm phần trăm: khảo bình tha hồ nghiêm túc, giọng văn tha hồ thích hợp.

Đến đây, tôi giật mình. Đáp lời phỏng vấn của quí báo, giọng tôi ban đầu dè dặt ôn tồn, dần dần tự nhiên đổi ra thân mật, rồi sau lại chuyển thành bông thùa, suồng sã. E không còn thích hợp nữa chăng. Vậy nên kết thúc cho kịp thời.

Vả lại dù là lịch sử văn học, hay biên khảo văn học hay phê bình văn học... là gì nữa, thì sách viết ra cũng để dùng một thời thôi. Rồi sách sẽ bị vượt, sẽ có sách khác thay thế, kế tục. Sách sử quan trọng của Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên..., ra đời; sau đó bao nhiêu sách lịch sử khác kéo nhau tiếp tục không ngừng. Mãi vẫn còn phải tìm hiểu thêm viết thêm, còn lâu mới đủ sáng tỏ mọi điều: các vua Hùng có hay không có? mỗi vua sống được mấy trăm năm? vú bà Triệu Ẩu đích thực dài đúng mấy thước? v.v. và v.v... *Sử ký* Tư Mã Thiên là sách quí tuyệt vời. Sau nó, lịch sử Trung Quốc vẫn phải viết đi viết lại mãi. Mỗi khai quật di chỉ đưa ra ánh sáng một cái mới, mỗi quan niệm sử quan xuất hiện đưa ra một cách nhìn khác về quá khứ v.v... Tác giả cứ đeo theo tác phẩm của mình để bênh vực nó, có làm mãi được đâu. Tác giả lẽo đẽo làm vệ sĩ cho tác phẩm mình là cảnh lố bịch.

Vừa rồi là nói chung về số phận của sách xưa nay. Sách tôi đâu được vậy. Sách tôi, tệ hơn nhiều. Sách, ngay khi mới viết đã chậm trễ: quan niệm phê bình trong ấy so với trào lưu mới trễ gần một thế kỷ. Giới phê bình chuyên nghiệp không khỏi cười cho. Vậy tại sao tôi không viết theo...kiểu mới? – Ôi, tôi mà viết Phê Bình Mới (hay viết theo bất cứ một trường phái phê bình nào cấp tiến hơn)! Tôi mà chạy việt dã trên cánh đồng Phê Bình? Những ông Đặng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc... sẽ lăn ra cười ngất. Tôi đã quá quen thuộc, thấm nhiễm thẩm quan một thời qua, tim óc đã dính liền với một cung cách thưởng thức văn chương của thế hệ mình rồi. Uốn nắn làm sao được nữa. Vả lại bản tâm mình chỉ muốn gợi lại một nền văn học mất tích đã mang theo nhiều kỷ niệm thân thiết của mình; sở học tới đâu mình làm tới đó, thời đại nó đã uốn mình theo hướng nào mình làm theo hướng nấy thôi. Đua đòi bôi bác, không nên. Còn như chờ mình tự đổi mới theo đúng kiểu rồi mới bắt tay vào việc thì còn thì giờ đâu nữa. Thôi thì cái mới sẽ có người mới làm. Lo gì!

Huống chi sách mình số mệnh đa đoan. Mười bốn năm trước, nghe hình như đã có gã vô danh nhảm nhí nào đó phát ngôn vu vơ, đại khái : "Thi phú làm ra để vịnh hoa xuân lá thu, vịnh cây quạt cây đa... thơ phú ấy nếu hay thì được truyền tụng nếu dở sẽ bị vất đi là rồi. Còn như viết cái gì có liên quan đến kẻ khác, có chê khen người nọ người kia, thì bị mắng mỏ tưng bừng là cái chắc." Chỉ viết ra đã thế, lại còn đeo theo lải nhải, nhất định càng nhảm nhí hơn.

Tri mã lực

ĐỨC PHỔ

** gửi Hoàng Xuân Sơn*

mưa rủ tuyết cùng rơi
ướt tóc người trắng tuyết
ta rủ ta rong chơi
tàn đời chưa dủ mệt.

ngày nào mới lên mười
biết yêu hoa ngắm nguyệt
chừ sắp vãng cuộc chơi
lòng đà đau nguyệt khuyết.

bước tới khốn nỗi tới
bước lui nhụt khí tiết
mãi níu đời hụt hơi
chừ buông tay cũng nghiệt.

thà làm con ma trơi
thà làm con chim két
người xa, quên nguồn cội
sống. cầm bằng đã chết.

đêm buông màn tóc rối
báo một ngày tận diệt
thiên đàng. ôi ! xa khơi
đường dài đau nguyệt khuyết.

Bởi vậy thiết tưởng nên dừng nơi đây. Đối với quí báo, xin cảm tạ hảo ý đã cho cơ hội bộc bạch. Đối với riêng mình, tôi nhân dịp này có lời tự nhủ. Nhủ rằng:

"Kiếp sau chớ khảo chớ bình
Làm cây Dư Luận chình ình (giữa) thế gian.
Tha hồ quậy dọc quơ ngang."

Võ Phiến
4-2000

Phê bình văn học cảm tính

Nguyễn Thanh Sơn

Không có âm thanh nào lại xoá đi những ước lệ về thời gian bằng những âm thanh của biển. Nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng rì rào của sóng vỗ, của cảm giác buồn mênh mông trước cái vô hạn của biển, tưởng như cả Trái đất đang trở lại với lứa tuổi còn nằm nôi, chỉ có cảm giác yên bình của một nỗi buồn tủi êm đềm.

Tôi nhớ lại bức tranh "Con quỉ ngồi" của Vrubel. Nhớ lại vẻ mặt buồn thảm đến cùng cực của con người khổng lồ trên đỉnh núi, tay buông thõng và chìm đắm trong suy tưởng.Trong suy tư, con người đó đang cố gắng thoát khỏi xác thịt của mình, hoà vào không gian và thời gian đang đặc sánh xung quanh, để thoát khỏi nỗi cô đơn vĩnh viễn đang đè nặng trĩu trên cơ thể.

Người ta thường hình dung về nhà phê bình như một ông già đeo kính, lưng oằn gẫy trước sức nặng của những giá sách - còn tôi, tôi sẽ hình dung về người viết phê bình như một con người đang ngồi suy ngẫm.

Cái gì là điểm khác giữa nhà phê bình và nhà văn? Phải chăng chỉ có nhà văn là Người sáng tạo, còn nhà phê bình chỉ là người mô phỏng và diễn dịch tạo phẩm đó ?

Có những nhà phê bình chỉ muốn hiểu được thấu đáo những chất liệu đã làm nên tạo phẩm của Người sáng tạo. Vận dụng những hiểu biết thông tuệ của mình, họ cố gắng đi tìm để giải mã (de-code) cho tạo phẩm của những nhà sáng tạo.Họ không hiểu rằng Người sáng tạo thường xuyên quay mặt đi khi buộc phải nhìn lại tạo phẩm của mình.

Bởi vì, lịch sử của quá trình sáng tạo là lịch sử của những thất bại. Trong khi sáng tạo, Người sáng tạo luôn mong rằng họ có thể "ngộ" được chân lý, và cái cảm giác ám ảnh họ suốt quá trình sáng tạo là cảm giác chân lý đang ở đâu đó ngay cạnh họ, chỉ cần một chút cố gắng là có thể

vật chất hoá được cảm giác đó bằng tác phẩm của mình. Họ muốn tác phẩm của họ sẽ là bản sao của bản ngã, rằng họ có thể tìm thấy cái tôi của họ bằng tác phẩm; nhưng đúng vào lúc họ tưởng bắt được con chim xanh lại chính là lúc nó vuột khỏi tay họ. Và họ lại đành lên đường đi tìm cái "Tôi của chính Tôi" một lần nữa, cố gắng tìm hiểu lý do nỗi cô đơn truyền kiếp của họ.

Chính vì vậy, mỗi tác phẩm, dù hoàn mỹ đến đâu, cũng là một tác phẩm dở dang, và nó hoàn mỹ trong cái dở dang đó.

Nhà phê bình cũng là Người sáng tạo, nhưng chất liệu tác phẩm của anh ta lại chính là những tác phẩm dở dang bỏ lại bên đường đi của những nhà sáng tạo khác. Bởi vì, nếu anh ta chỉ muốn viết ra những gì Người sáng tạo trước muốn nói, tác phẩm của anh ta sẽ chỉ là một trang giấy trắng rỗng không. Nếu chỉ coi tạo vật của nhà sáng tạo là cái đích cuối cùng của bài phê bình, thì thực ra còn có gì có thể nói hay hơn về một tác phẩm bằng chính tác phẩm đó nữa ?

Nietzsche nói, cái cây càng vươn lên cao, cành lá càng đâm trổ vào bầu trời thì gốc rễ của nó càng đâm sâu vào lòng đất tối đen, càng u uẩn trong những suy tư của nó. Tác phẩm của các nhà văn tạo nên lòng đất tối đen đó, những suy tư của anh ta sẽ khởi động những suy tư của chính nhà phê bình, thành cành lá, thành gốc rễ của một tạo vật mới, thành một tạo vật của nhà phê bình.

Hoài Thanh có nói ông ngại mang tiếng là nhà phê bình, bởi vì "bình" thì còn được, chứ sao lại "phê"? Không gì làm nhà phê bình khó chịu và bất lực bằng một tác phẩm dở, bởi vì người ta có thể giải thích tại sao nó dở, nhưng câu chuyện chỉ đến đó là hết. Anh ta không sao rút ra được cái gì đó cho mình, dường như không một tư tưởng nào, một hình ảnh nào có thể khả dĩ làm cái nền cho cái Tôi sáng tạo của nhà phê bình vươn lên. Một tác phẩm dở là một nền đất sa mạc.

Nhưng ngay ở trong sa mạc cũng có những ốc đảo, hoặc chí ít những loài xương rồng kỳ thú có thể sinh sôi ? Những tác phẩm dở cũng vậy, bởi trong khi đi tìm nguyên nhân cho sự thất bại của nó, một nhà phê bình tài năng cũng có thể tạo nên một tác phẩm tuyệt diệu của chính anh ta. Một lần nữa, sáng tạo của người đi trước chỉ còn là chất liệu cho sáng tạo của người đến sau.

Và, bởi nó biết chắt lọc những gì tinh tuý nhất từ lòng đất cứng rắn, ngay cả những vùng đất cằn vẫn có những cây cổ thụ.

Một trong những giấc mơ đẹp nhất của tôi là những giấc mơ tôi thấy mình biết bay. Nhưng mãi sau này tôi mới hiểu, niềm hạnh phúc lớn lao của tôi khi đó không phải là cảm giác tôi có khả năng bay lượn như chim,

mà là cảm giác tôi như không còn trọng lượng, không còn mang vác những gánh trĩu nặng của xác thịt và những thiên kiến nặng nề, cảm giác tôi lướt đi vun vút trong một đại dương tự do, cảm giác tôi đang hoà tan trong nó.

Chính vì vậy, điểm mấu chốt trong sáng tạo của các nhà phê bình không chỉ ở óc phân tích, mà còn ở khả năng cảm nhận và giao hoà với tác phẩm. Cũng giống như điểm mấu chốt của tình dục là sự hoà đồng của hai cơ thể, tác phẩm thành công của nhà phê bình là sự hoà đồng của hai tâm hồn-tâm hồn nhà văn và tâm hồn nhà phê bình-nhằm giải toả nỗi khát khao chìm đắm đi tìm bản ngã của Người sáng tạo. Chính vì vậy, sản phẩm của nhà phê bình không lệ thuộc vào sản phẩm của đối tượng mà anh ta phê bình, chính xác hơn, nó phát triển tác phẩm đó theo một cách riêng của mình. Phê bình, đó là nhận biết người khác và đồng nhận biết của bản thân nó về cuộc đời, nói như Claudel.

Văn học, ở một khía cạnh nào đó, là dùng ngôn ngữ để xây dựng một trạng thái tinh thần. Nhưng chính vì nó là một trạng thái, nên nó rất động và không nên-cũng như không thể-nắm bắt nó một cách trọn vẹn. Phê bình văn học tái tạo sự đồng hiện của nhiều trạng thái tinh thần: của tác giả, của nhân vật và của bản thân nhà phê bình-người đọc được kích hoạt do trạng thái mà tác phẩm đem đến.

Phê bình văn học, vì vậy, sẽ không trọn vẹn nếu chỉ diễn giải cái đẹp. Nó còn phải diễn tả những rung động của con người trước cái Đẹp, của thái độ chiêm nghiệm cái đẹp. Bởi vì, nói như nhà văn Nhật Yasunari Kawabata "Khi đứng chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tuyết trắng hay của mặt trăng, tóm lại, khi chúng ta xao động bởi vẻ đẹp bốn mùa, khi cảm thấy tràn đầy biết ơn vì cuộc gặp gỡ với cái đẹp là lúc chúng ta nghĩ đến bạn bè nhiều nhất : chúng ta muốn chia xẻ niềm vui của mình với họ. Sự nhận thức cái đẹp đánh thức dậy trong con người cảm giác thông cảm với con người, và khi đó,từ bạn sẽ được thay thế bằng từ nhân loại ".Sự chia xẻ niềm vui đó chính là cốt lõi của cái mà tôi sẽ gọi là phê bình văn học cảm tính.

Phê bình văn học cảm tính phải là một phê bình động, một dòng chảy của cả tư tưởng lẫn cảm xúc,bởi cảm xúc, vào cái thời khắc được anh thể hiện bằng ngôn từ, lập tức biến đổi, và tư tưởng của anh bắt đầu quá trình tự vấn, nghi hoặc, phân tích nhằm cố gắng biểu đạt chính xác nhất cảm giác tức thời của anh. Tóm lại, nhà phê bình làm một cuộc tổng duyệt lại các thang giá trị của mình trong cuộc sống thông qua phản ứng của các thang giá trị đó đối với tác phẩm.

Phê bình văn học cảm tính còn phải nhìn nhận cái Đẹp ở góc độ của

những hiệu quả mà một tác phẩm văn học mang đến cho người đọc, một cái đẹp nằm trong lộ trình hướng tới cái tuyệt đối, một cái đẹp luôn luôn mang hai bộ mặt của thần Shiva-hủy diệt và sáng tạo.Phá bỏ cái cũ để sáng tạo cái mới, bởi chỉ có cái mới mới mang trong mình sinh khí của sự sáng tạo.Phá bỏ và sáng tạo trong một vòng tuần hoàn vĩnh cửu, bất diệt. Phê bình văn học phải cảm thấy luồng sinh khí sáng tạo đó dưới lớp vỏ gớm giếc của kẻ hủy diệt, nâng niu và khẳng định hướng đi của nó.

Phê bình văn học cảm tính, bởi vậy, một mặt phải chống lại với sự nhàm chán trì trệ của những đề tài và phong cách biểu hiện cũ kỹ, những thứ chắc chắn sẽ không bao giờ tạo được cú sốc khơi dậy cảm xúc dưới đáy sâu của tâm hồn người đọc.Chỉ có cái Mới mới đủ sức đập vỡ lớp vỏ vô tình mà dù muốn dù không, cuộc sống thường nhật cứ ngày ngày bồi thêm lên trên bề mặt của tư tưởng, tâm hồn và xúc cảm người cầm bút. Mặt khác, phê bình văn học cảm tính cũng phải cưỡng lại sức cám dỗ của những toan tính duy lý tuyệt đối chuyên đi tìm những công thức chung cho văn học, cho dù những toan tính này nhân danh Cấu trúc luận, Phê bình Mới...hay gì gì đi nữa. Không chỉ bởi khó có một công thức chung cho năm tỷ trạng thái đọc và hàng triệu người viết, mà còn bởi nhân danh những cuộc tìm kiếm này, người ta đã cách ly phê bình văn học trong tòa lâu đài của những tâm linh, tích hợp văn hóa, siêu văn bản, liên văn bản, làm nhòe văn bản,...tóm lại là những mỹ từ sáng choang đang đào một bức hào sâu ngăn cách phê bình hàn lâm với người đọc.

Phải rất can đảm mới có thể thốt ra: " Tôi không hiểu! Vậy thì rốt cục thực sự các người muốn nói gì ?" trong khi mê mụ trong trận đồ bát quái đó của chữ nghĩa hàn lâm. Phê bình văn học cảm tính đòi hỏi trả phê bình văn học lại cho độc giả, một độc giả dư hiểu cầu vồng là hiện tượng khúc xạ của ánh sáng nhưng vẫn chiêm ngưỡng nó như một món quà của Tự nhiên trao cho tâm hồn, một độc giả muốn đọc phê bình như một tác phẩm, như một góc tâm hồn của nhà phê bình để soi lại chính bản thân chứ không phải một công trình khoa học cứng ngắc mà sẽ không ai còn nhớ đến. Phê bình văn học cảm tính đòi hỏi nhà phê bình cũng phải đồng thời là một nhà văn.

Không phải ngẫu nhiên mà các nhà văn hay coi thường các nhà phê bình. Sợ hãi không dám trình bày những suy tư cá nhân, nhiều nhà phê bình thường gán ghép những ý nghĩ của họ vào tác phẩm mà họ nghiên cứu, lén lút vứt đứa con sơ sinh của mình lên bậc thềm nhà khác. Những nhà văn cười cợt những ý tưởng mà người ta đặt vào cho họ, vào tác phẩm của họ - đứa con hoang hiếm khi được những bàn tay ân cần đưa vào trong nhà !

Tôi muốn, phê bình phải thực sự thoát khỏi tình trạng là cái bóng của tác phẩm, và những bài phê bình không phải bắt đầu bằng những gì "nhà văn nghĩ...", mà bắt đầu bằng "tôi nghĩ...". Phê bình phải thoát ra khỏi cái bóng đối tượng của nó để sáng tạo, bởi vì, thực sự phê bình cũng là một hình thức sáng tạo. "Phê bình thơ ca", nói như Eliot, là "phân tích thơ ca để sáng tạo nên thơ ca".

Hãy nghĩ sâu xa hơn những truyện cười của Azit Nexin, câu chuyện về nhà bác học đã viết hàng tá sách chỉ để chứng minh nhà thơ nọ đã chết vào ngày mỗ ngày mỗ mà không phải ngày mỗ ngày mỗ. Biết đâu họ chỉ viết để đi tìm một chân lý cho riêng họ, và trong khi suy tưởng, họ đã đi xa hẳn khỏi điểm khởi đầu của cuộc tranh luận. Những chồng sách đó chưa hẳn đã vô giá trị như vậy !

Phê bình văn học cảm tính có những hạn chế của nó. Ngoài việc việc khai tử nhà văn để phục sinh cho văn bản như của Phê bình Mới, nó còn đốt cháy văn bản để người đọc-chú phượng hoàng non có thể thoát thai từ đống tro tàn. Nhưng chính vì lệ thuộc vào tâm hồn cũng như tri thức của người đọc, nó không tránh khỏi số phận bị nhốt trong chiếc lồng của những hạn chế về tư tưởng, tri thức đó. Nietzsche nói đến Ba biến thái của tâm hồn : con lạc đà, con sư tử và hài nhi. Thực tâm, tôi mong muốn được chiêm ngưỡng con rồng vĩ đại, nơi mà "những giá trị ngàn đời chói sáng trên những vẩy của nó", con rồng "Mi phải", con rồng mạnh nhất trong tất cả những con rồng. Có lẽ vì khi anh chưa được chiêm ngưỡng những giá trị đó, làm sao anh có đủ sức mạnh để chiến thắng nó và quay về với hoá thân thứ ba của anh, ngây thơ, trong suốt và long lanh như đứa hài nhi.

Bởi vậy, tôi chưa đạt được tới bất cứ một hoá thân nào cho những bài phê bình của tôi. Có chăng, những bài viết đó chỉ là những gánh nặng đầu tiên mà con lạc đà chất lên vai nó, để chuẩn bị cho chặng đường dài của nó vào sa mạc, nơi gặp gỡ hoá thân thứ hai.

Và chắc chắn đó là một con đường dài...

Hà nội 27.2.1999

Đón mua cuốn sách mới của nhà xuất bản **Văn Học**

thần, người, và đất việt

(bản mới)

của Tạ Chí Đại Trường

có nhiều bổ sung so với bản cũ xuất bản trước đây

dày 370 trang. Giá 20 Mỹ kim. Văn Nghệ phát hành

Chân dung nhà văn, trong một thế nhìn

Lê Minh Hà

Gương mặt ông nhàu. Tôi biết rằng có thể ông không nhất thiết trải qua toàn bộ những cảnh đời mà nhân vật của ông đã trải. Ông không sống trong một gia cảnh không quân thần phụ tử. Nhưng ông đã đói cái đói của kiếp người, đã phải nhào lộn giữa đời như một giọt máu. Những vết rạn trên gương mặt bùn khô của ông không nói hết được với ta về những cơ cực vò xé tâm hồn ông trước khi cho ông thấu hiểu nỗi đời nhường ấy.

Trong văn học đương đại Việt Nam, chưa có một nhà văn nào lại làm thiên hạ tốn bút mực nhiều như ông, ngay trong khi tác giả còn chưa chết. Không có trước những bước dọn đường, tên nhà văn nổ bùng trên báo chí, bằng một loạt truyện ngắn dữ dội và hết sức thơ. Nếu đọc ông bằng một tâm hồn chỉ có phẫn nộ và phẫn nộ, người ta sẽ hả hê bởi cái giọng văn gằn lạnh ấy. Nếu đọc bằng đôi mắt của người yêu văn chương nhưng mới chỉ dừng lòng yêu ấy ở những gì hòm hợp với mình, người ta sẽ khó chịu nổi ông. Thực đơn chữ nghĩa ngày ấy không có món ấy. Và thói quen trong sáng tạo và thưởng thức sáng tạo bao giờ cũng lì lợm hơn bất kỳ thói quen nào.

Người ca ngợi ông thì hết lời ca ngợi. Nhưng liệu ông có hài lòng chăng vì những lời khen không hoàn toàn thỏa đáng, không bắt đầu từ trang viết của chính ông mà lạc tuốt ra ngoài quỹ đạo văn chương. Người chê ông thì cũng hết lời. Và cái hèo người ta dùng để nện ông thì thật đáng sợ: Là quan niệm đạo đức của cả một thời. Tài có mà tâm thiếu. Tôi nhớ có nhà phê bình đã phán một câu như thế về ông, xanh rờn.

Cứ sống đi đã. Ông thường trở lại với bạn đọc nhiều lần trên từng trang sách với ý tưởng này. Và cũng nhiều lần nói thế với cử tọa bằng cái giọng "cả tẩm", điềm đạm, trầm tĩnh. Tôi nghe như chứa cả một chút chán chường. Có cảm giác rằng ông hiểu rõ những người đang chất vấn ông đến với ông vì lý do gì. Biết ngưỡng mộ một tên tuổi luôn là mốt của nhiều thời. Biết trình bày lòng ngưỡng mộ ấy là một cách trang điểm không phải dở của nhiều người tự tin đến đáng ghen tỵ.

Ông ý thức rõ ràng về danh tiếng của mình. Danh tiếng, chứ không phải tăm tiếng. Điều ấy ở ông mạnh đến nỗi ông biết rằng bản thân cái tên ông là một lực cản sáng tạo, và thời của ông thực ra đã qua rồi. Tôi nhớ một nhà thơ đích thực từng khao khát được người ta chôn mình đi. Tài không lớn, tâm bé bé, không thể đạt tới tầm khao khát tự hủy đó. Đời nghệ sỹ sẽ dài hơn đời người trong nghĩa sinh học đơn giản nhất khi người nghệ sỹ được chọn là một cọc mốc, một tiêu chí trên hành trình sáng tạo của những người nghệ sỹ khác của dân tộc mình, và xa rộng hơn.

Từng tiên đoán nền chính trị thế giới rồi ra sẽ là một món nộm suông sã, ông hay nói về thời và thế. Và khái niệm bá đạo, vương đạo cũng hay trở đi trở lại trong tác phẩm của ông, trong câu chuyện của ông. Đọc ông, và nghe ông, tôi nhận ra điều này: Ông biết tìm thời thế để chính danh. Biết rõ mặt trái thường không trong ngọc trắng ngà của chính trị, ông bộc lộ rõ và can đảm sự nhạy cảm chính trị của mình. Nghe ông, trong tương quan với nhiều người viết cùng thời, cùng hoàn cảnh sáng tạo như ông, không sợ nhầm lẫn khi nói rằng đó là một nhân cách. Nhân cách không phải bao giờ cũng trùng khít lên cá tính sáng tạo. Nhưng khi điều đó xảy ra, ở một tầm mức cao, ở độ đậm đặc lớn, thì điều đó là một may mắn cho những người đam mê nghệ thuật và chọn khuất lụy nghệ thuật như một cách sống. Trong trường hợp ông, đó là may mắn cho bạn đọc, cho những người tin vào khả năng biến cải của nghệ thuật và của những người tạo ra thứ báu vật này.

Bươn chải trong đời sống để vươn tới trong nghệ thuật, ông đã tự chọn cho mình một con đường khó khăn. Cũng có thể bảo là nhà văn của chúng ta khờ khạo. Hay ngông ngạo? Khi ông là nhà văn Việt nam, khi ở Việt nam, nghệ sỹ hoàn toàn sống được nếu biết biến mình thành một thứ công chức. Ông từ bỏ biên chế nhà nước, ông đi buôn, ông mở quán, ông vẽ...Ông tự sống. Và bây giờ, tự sống bằng ngòi bút.

Ông nói rằng nhất thiết phải vương đạo trong nghệ thuật. Ở một nơi nào đó, một lúc nào đó, ông đã nói và viết rằng phải vương đạo trong chính trị. Vương đạo thì chỉ có một. Vậy là hai khái niệm này không loại trừ nhau. Liệu nghệ thuật có vương đạo được không trong một bối cảnh chính trị vương đạo? Tôi không hỏi, nhưng lắng nghe giọng ông, đục và khàn đi, cảm giác như hơi âm u khi nói về điều ấy, tôi biết rằng ông tin vào khao khát của mình. Và tôi muốn bị thuyết phục. Phải, lịch sử văn minh nhân loại đã cho thấy rằng một nền nghệ thuật có thể thăng hoa từ đói nghèo, mông muội, nhưng để đi xa hơn nữa, ở cái thời con người không được quyền mông muội như mấy ngàn năm về trước, nghệ thuật đòi hỏi nhiều lắm, nơi chủ thể sáng tạo, nơi khách thể thụ hưởng sáng tạo ấy.

Ông nói với bạn đọc rằng cần phải để cho mình không được nghèo. Đó là điều kiện để không bị nhục. Ở đâu, bao giờ, cũng phải như thế. Tôi không biết va-ly của ông có lèn chặt mì gói như va-ly của nhiều nhà văn và cán bộ Việt nam khi ra nước ngoài làm việc không? Nhưng tôi tin rằng không, khi tiếp xúc với ông. Ông bày tỏ một cách thoải mái thái độ tôn trọng sự giàu có ở những xứ ông đặt chân tới ngoài Việt nam. Tôn trọng, không phải là sùng mộ. Ông cũng kể tôi nghe về ý định sẽ mua một ngôi nhà sàn đặt chơi trong vườn nhà. Mang ngàn sâu về thành thị, một cách xuất xử hành tàng thú vị của thời nay. Đấy là thái độ của người từng làm ra và biết giá trị tốt đẹp của vật chất, là thái độ của người tự sống, không bám víu vào bất kỳ một thứ lộc nào ngoài lộc trời dành cho mình: Là tài năng. Chính cái đó tạo ở ông phong thái đường hoàng và giản dị hiếm thấy. Biết mình, và biết tự hào, người ta thường không màu mè. Tôi cười: Đấy là thái độ sống của người gần đất xa trời. Ông không cười: Đấy là đường gặp chân lý.

Đã phải là chân lý chưa, khi ông nói, với một chút ngậm ngùi, rằng trí thức Việt Nam hiện đang sống ở hải ngoại được đào tạo tốt hơn trí thức xã hội chủ nghĩa nhà mình. Hình như, chưa có ai, trong giới văn nghệ sỹ Việt nam hiện nay ra nước ngoài nói thế. Muốn biết bản chất của bất kỳ hiện tượng nào, chấp nhận sự khác biệt, thừa nhận sự hơn của người, đấy là thái độ của kẻ sỹ theo đúng nghĩa. Không ăn gỏi đời sống, không lên giọng phán xét, không tự đồng nhất với dân tộc, tự tách biệt với cơ cấu mà hiến pháp Việt Nam hiện thời đã cho quyền lãnh đạo cả dân tộc, ông nói, kiêu hãnh, giản dị: "tôi là một nhà văn danh tiếng của một dân tộc nhược tiểu". Một dân tộc nhược tiểu gồm tám mươi triệu. Đấy là một trải nghiệm cay đắng, bình tĩnh, thực tế của một người mà tôi tin rằng lịch sử văn học

Việt nam sẽ ghi nhận như là một trong những nhà văn lớn nhất của văn học Việt Nam ít nhất trong năm mươi năm đổ lại đây. Trong một nghĩa nào đó, tôi nghĩ rằng ông đã đưa văn học Việt nam đạt tới tầm nhân loại bằng sáng tạo của mình. Ông cần một Người Dịch. Liệu có ảo tưởng không? Vì thực tế cho thấy một nhà văn càng dân tộc bao nhiêu thì càng mang tới cho dịch giả nhiều gian nan bấy nhiêu trên con đường chuyển dịch ngôn ngữ và, đồng sáng tạo.

Một nhà văn hải ngoại từng nói về văn ông: "Văn chương đến thế thì thôi". Đấy là sự bùng vỡ của thi pháp, của quan niệm về con người, về không gian lịch sử, về thời gian lịch sử, của quan niệm về biểu hiện... Điều này rất hiếm thấy ở một tác giả, ngay trong những khoảng giao thời của nghệ thuật, khi mà vấn đề hiện đại hóa nghệ thuật trở thành vấn đề sinh tử của nó. Mỗi người, từ vị trí của mình, từ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm nghệ thuật của mình đã đọc ông một cách. Sự thụ cảm văn ông vì thế về lý thuyết là không thể giới hạn. Người thì đơn giản là không thể chấp nhận. Vì lối tưởng tượng đời sống, lối hiểu đời sống của ông. Vì giọng văn nén chặt, rất cộc, vẻ như triệt tiêu mọi cảm xúc, ngay cả khi sử dụng tính từ. Nhưng vẫn phải đọc. Người khoái cái giọng sát phạt ở một số truyện của ông, hả hê với lối mổ phanh đời sống một cách lạnh và tỉnh. Người thích cái chất thơ bùa ngải ở một số truyện khác. Kẻ lại để mình bị mê hoặc bởi cái lãng đãng khó định hình như sương khói, như lên đồng ở một số sáng tác gần đây hơn... Ông buông bắt người đọc bằng cái khả năng viết không thể thay một chữ nào, và bằng khả năng ấy, ông đưa tới cho chúng ta một cách nhìn mới về lịch sử, về các cá nhân làm nên lịch sử, về nhân dân. Đừng tưởng ông bê vác khối tâm hồn nông dân lên mặt giấy khi ông xưng "tôi sinh ra ở nông thôn, mẹ tôi là nông dân". Ông không giả tảng, không làm duyên bằng lý lịch. Nhân vật của ông là con người trong cái phận vừa lớn lao vừa bé mọn của mình, trong ý thức về sự biết và không biết của mình, trong nỗi buồn trước cái đẹp, cái chua chát của đời sống. Ý thức được tất cả những điều đó, quả thật "làm người khó lắm". Tôi mê một nhà văn đã từng làm cho những kiếp sống mòn thành sống mãi, và tôi nhiều năm nay không có ý định so sánh tác gia này với bất kể người viết Việt Nam nào. Nhưng bây giờ thì tôi nói rằng nhân vật của ông, trên một tầm ý nào đó, có thể gọi tên, là nông dân, là trí thức. Nhân vật của nhà văn chúng ta đang nhắc đây, trên chính tầm ý ấy chỉ có thể gọi: CON NGƯỜI.

Viết, trước hết là cho mình. Cái hành vi hết sức vị kỷ này, ở thiên tài,

sẽ có kết quả là báu vật cho thiên hạ. Báu vật ông trao cho chúng ta, giống như là kiếm sắc, chặt, gọt, lạng tất cả những gì màu mè, không buộc người đọc phải đồng ý với ông mà buộc người đọc đối diện với chính mình, một mình náo động. Để cuối cùng, tin ở yêu thương. Tôi vẫn luôn luôn nghĩ thế về văn ông, ngay cả khi ông phanh phui cái ác, cái không như ý thì cũng không phải là để hể hả, mà là xót xa. Năng lực tưởng tượng kỳ diệu của ông đã buộc mỗi người đọc phải tự nhận diện cái ác một lúc nào đó có thể đã xuất hiện và chế ngự chính mình, và hủy diệt nó. Tận cùng văn ông là khả năng yêu thương và đau đớn.

Cái đấy là cái cần có ở mỗi người, và là chính yếu ở một nghệ sỹ. Đọc ông, nghe ông, tôi không nghĩ rằng tất cả đều chính xác, nhưng ẩn chứa trong đó là sự thật đó của tâm hồn ông. Vậy thì có nên băn khoăn nhiều không, vì những điều này khác ông nói có thể là chưa đúng theo ý chúng ta. Có thể, được chăng, đọc trong những khẳng định quyết liệt của ông một ý hướng chống lại áp chế, hay là một biểu hiện cái quyền ít nhiều được thất thường trong tính khí của bậc kỳ tài. Nếu ngần ngại trước các khả năng ấy, có thể nói đơn giản: Là nhà văn, sống và sáng tạo ở Việt Nam trong những năm tháng này, ông không phải chịu trách nhiệm vì sự thiếu thông tin của mình.

Tôi thấy ông. Ông cô đơn làm sao với hành trang nội tâm của mình. Và, vĩnh viễn đơn độc trên hành trình sáng tạo. Đấy là số kiếp của những bậc chân tài. Tôi lắng nghe, và hình dung, qua những khoảng ngừng ngắn giữa lời, khi ông lặp đi lặp lại "tức là...", như tìm lời giải đáp trước hết cho mình, và, qua âm thanh im lặng của từng con chữ rất ông. Ông đã tạo hẳn một dòng chảy mới cho văn học Việt Nam đương đại, là bóng cả của nhiều người viết hiện nay. Ông không biết ông là một trong những người thầy lớn mà tôi đã chọn để quên đi, để bước ra khỏi bóng của họ. Dù sao thì tôi đã không nói điều đó. Ông và tôi không cần ở nhau sự màu mè.

Một bạn viết hơn tuổi có nói rằng nếu tôi không phỏng vấn ông nhân dịp gặp ông ở nơi này thì thật đáng chém bút. Để làm gì? Và tại sao ông? Vì danh tiếng của ông? Những huyền thoại bao giờ cũng đầy dẫy xung quanh những người danh tiếng. Tôi đã đánh rơi mà không tiếc ý thích để huyền thoại bỏ bùa từ rất lâu rồi.

Đặt người đối thoại trong một quan hệ hỏi đáp nghiêm cẩn thế, sẽ chắc chắn được nghe nhiều tuyên ngôn, nhiều lời hay ý đẹp. Và khó có gì hơn thế. Nhưng tôi thích tin hơn vào những đối thoại giản dị, giữa CON NGƯỜI.

Cuối Thiên Niên: Ký

NGU YÊN

1.
Người hiểu hơn Trời một điều
Trời không biết chết

Đứa bé bây giờ trở già
Thích theo dõi gió cho lòng ớn lạnh
Gió thổi mát mồ hôi thanh xuân
Cùng một hơi chặt rụng lá vàng
Có sao sống là chết từ từ?
Chết là sống trở lại?
Chén rượu đổ xuống đất
Làm sao múc lên?
Dù mặt trời hôm nào cũng mọc
Ai chứng minh nó chết hoàng hôn?
Ta đuổi theo gió
Thấy tôi ưu tư mà kinh ngạc
Chết đã đứng ngang hàng
Sao còn thẹn khi nhìn giấy viết?
Ngày cuối thiên niên thế gian bụi bặm
Thở gần năm mươi năm
Sao khỏi dơ lây?

Sinh ra không tài năng
Chết không có gì hận
Ngược lại
.....
Thế giới này của kẻ xấu
Đứa bé lúc trở già
muốn học làm hèn hạ
Tiếc thay khi trẻ ngông cuồng
Quen đến già thất học
Làm rách cả di chúc, hư đám tang, phí kiếp người
Làm rách lòng vợ, hư con cái, phí văn chương

Dừng sát lề thiên kỷ
Trăm năm còn một ngày
Thất vọng không vì thời gian hết
Vì ta vô nghĩa có thời gian
Trăng chiều chớm dã buồn
Nắng chiều cuối càng buồn
Đời lạ gì ngoài buồn
Người vô lý chịu buồn
Sao không chết đi

Muốn giữ sống dành sợ người
Gió thổi tóc bay thấy trắng hơn hôm qua
Tóc bạc chưa hẳn vì già chắc vì nhục
Người hèn chí nhỏ được vui
Thọc tay vào số phận
Thương tâm
Giữ sao thơ không hận
Bản vô văn tự năng tăng mệnh
Hà sự kiền khôn thác dố nhân?
Hay cho Du mà tội cho Yên

Lượm dá làm dấu bia
Khắt bên này thiên kỷ
Mai bên kia thiên kỷ
Ai đọc bia dá mòn
Biết chăng người sắp chết
Mượn đời chôn ít thơ

Chim sắp chết tiếng kêu bi thảm
Người sắp chết tiếng nói như đinh đóng quan tài
Chỉ tiếc ai quá biết rõ mình
Bịt mắt bắn cũng trúng ý Trời lương lẹo
Nhớ năm nào thanh niên
Giữ được thân mà nghịch mạng
Giờ muốn bỏ mạng thất thân Trời không thương
Cọng cỏ mùa thu sao khốn khổ
Chết khô rồi chết lạnh đông
Buồn không đủ nghĩa

Muốn nói buồn sợ mắc cỡ với người sau
Cọng cỏ mùa đông sao khốn khổ
Chết lạnh rồi không muốn xanh lại xuân
Chọt bóng thiếu nữ làm nhớ thời trai tráng
Nhan sắc thì tàn phai
Tài năng đâu phải nhan sắc
Sao nỡ sánh tôi với giai nhân
Hiểu hay sao chim hót quá thảm
Ta vì đâu tiếng chữ bất tuòng?
2.
Mệt mỏi với tôi
Chịu dụng với sống
Chậm trễ với chết
Chiều cuối thiên niên ngừng lại sửa xe
Sương cuối thế kỷ thấm đầu đục tóc
Màu trắng pha phát tiếng chuông tang
Hôm nào xe mới như con trẻ
Bánh già rách ruột thấy rỗng không một cõi vô tình
Vá tạm
Đi tạm
Chờ tạm hỡi người đã biết không còn hy vọng
Lủng ruột xì hơi ta xẹp dần sức lăn
Chiều cuối thiên niên dừng xe cảm cúm
Ho
Ông lão đứng bên tránh xa
Người sắp chết có mùi

3.
Tiếng chim bi thảm
Tiếng đinh đóng nắp quan tài
Ông có gì trăn trối
Xin nói giùm như tâm sự tôi
Người bệnh già 99
Người thăm bệnh 49
Anh có gì muốn nhắn
Qua bên kia tôi nhắn giùm cho
Chạng vạng thế kỷ toàn thế gian bệnh viện
Tôi thăm ông thăm sự sống đóng màn

Thăm thiên niên mở màn chết
Bác sĩ, y tá, bệnh nhân, tất cả hăng say
tiến về phía chết
Thiếu vai hề
Anh ấy chết hôm qua

Ông tiên tri đã chết
Ông cứu người đã chết
Ông giúp người vui cũng chết
Tôi đang thăm ông Noel sắp chết
Hỏi người tốt còn ai chưa chết?
Y tá cười răng bén như dao mổ xác chết

4.
Rót ly rượu Jazz
Uống với gió ớn lạnh
Ai nói rượu tiêu sầu
Men Blue hát hoài không dứt
Buồn lắt lư dọng dặc dáy tim
Đêm cuối thiên kỷ
Muốn dập phá
Chửi bới thiên hạ
Chà đạp cuộc đời
Chợt nghĩ chuyện giết người
Vậy mà ngồi im
Nghe buồn quấn lấy già
Siết nghẹt thở
Cổ suyễn rượu uống không trôi
Em ơi
Đêm sắp hết thiên niên
Anh khóc và dái cùng một lúc

Ý tôi muốn nói
Tôi dái bằng đôi mắt
Hoặc ngược lại
.....

Houston, 31 tháng 12 năm 1999

Hồ Minh Dũng - Ngòi bút của Tình Thương

Đoàn Nhã Văn

Đầu thập niên 90, trong lớp người đến định cư tại Hoa Kỳ, theo những đợt sóng HO, đã lần lượt xuất hiện nhiều ngòi bút góp mặt với văn giới hải ngoại, mà ở họ, người đọc nhận ra ngay những hơi thở mới, những bản lĩnh nghệ thuật mới. Trong lớp-nhà-văn-HO này, có một người được độc giả chú ý đến ngay, đó là Hồ Minh Dũng.

Mặc dù cầm bút rất sớm nhưng phải gần 40 năm sau ông mới in tác phẩm đầu tay của mình, tập truyện ngắn *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa*. Tác phẩm đầu tay này như một dấu ấn xác định tên tuổi Hồ Minh Dũng, mà trước đó "hỏi cả phố Bolsa không ai biết Hồ Minh Dũng là ai." (1) Từ đó, truyện của ông xuất hiện đều đặn trên các tạp chí văn chương và đến hôm nay ông đã cho in ba tập truyện ngắn: *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* (HVHCM), *Câu Nam Ai Thất Lạc* (CNATL), *Một Mình Em, Đến Giữa Đời* (MMEĐGĐ) trong ba năm liên tiếp, 1996 đến 1998, và một truyện dài: *Còn Mây* , 1999.

Một quan niệm nghệ thuật

Trước khi đi vào thế giới chữ nghĩa mang tên Hồ Minh Dũng, thiết nghĩ cũng nên tìm hiểu về quan niệm nghệ thuật của ông. Từ quan niệm nghệ thuật này, ta có thể suy ra nhiều vấn đề xuyên qua bốn tập truyện.

Với Hồ Minh Dũng, *"nghệ thuật vừa để cho đời đẹp, vừa gỡ cho đời mình bớt cái vòng kìm tỏa rối rắm." (CNATL,* trang 29*)*. Làm nghệ thuật, ngoài sự đòi hỏi một năng khiếu, còn phải có một vốn sống dồi dào, nhất là nhà văn. *"Muốn viết văn hay thì phải sống nhiều, đi nhiều, đọc sách nhiều, chung đụng với thực tế nhiều và nhất là lòng mình phải thanh thản, đại lượng khi cầm bút." (CNATL,* trang 79*)*. Hơn nữa, làm nghệ

thuật còn đòi hỏi một tấm lòng, với đời, với người. *"Một người viết văn, (...), muốn chí thiết với đời, chí tình với người, thì phải xông pha vào nơi mà người không có tâm hồn, không viết văn được, thường so đo, lùi bước và quýnh quáng, sợ hãi." (Còn Mây,* trang 262).

Từ quan niệm nghệ thuật đó, Hồ Minh Dũng tiên quyết rằng để trở thành một nhà văn không phải dễ dàng, nó còn *"khó hơn cả cô gái mang tên Nữ Oa thời thượng cổ ngồi rèn đá ngũ sắc để vá trời."* (HVHCM, trang 15). Với ông, *"viết văn là một nghề quý. Nhưng viết văn làm sao cho người đọc phải lưu giữ lâu trong lòng. Người viết văn phải nghịch thủy hành châu, bơi ngược dòng nước để biết lòng trời là không dời được."* Còn nữa, nhân cách của nhà văn là một trong những điều tối quan trọng, nghĩa là không bao giờ *"để người ta trọng văn mà khinhà người." (Còn Mây,* trang 108-109)

Trang bị cho mình một quan điểm nghệ thuật như thế, Hồ Minh Dũng đã đến với người đọc trước nhất bằng cái đẹp. Điều này có thể thấy rõ ràng trong cách hành văn của ông: tạo ra sự thanh thản cho người đọc bằng một lối viết xuôi chảy, ngọt ngào như một lời chia xẻ và mời gọi độc giả đến những vùng đất đầy tình người, ngay từ những truyện ngắn đầu tiên.

Vùng truyện ngắn

Từ những truyện ngắn đầu tiên góp mặt trên các tạp chí văn chương, người đọc bắt gặp ngay một giọng điệu rất riêng tư của Hồ Minh Dũng: dàn dựng những câu chuyện lịch sử dưới con mắt đầy nghệ thuật. Những truyện ngắn: *Phù Thịnh, Mặt Trời Qua Thiên Đỉnh, Đá Nát Vàng Phai, Bia đá Ngậm Ngùi, Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* trong tập truyện *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa*, đến: *Thị Lộ, Ngọn Giáo Đến Lúc Cùn* trong tập truyện *Câu Nam Ai Thất Lạc*, và *Phủ Chúa* trong tập *Một Mình Em Đến Giữa Đời*, ông đã dựa vào những sự kiện lịch sử để dựng nên những truyện ngắn rất thu hút.

Tại sao phải dùng lịch sử để dàn dựng truyện ngắn?

Trong một cuộc phỏng vấn, Hồ Minh Dũng cho biết: *"Những nhân vật, ngôn ngữ đầy tiết nghĩa trong ấy, gây cho tôi một ấn tượng rất mạnh. Tôi thấy đời xưa có nhiều điều hay, nhất là trong các triều đại vua chúa có nhiều chuyện động trời, nếu bỏ qua thì...tiếc lắm. (...) Viết lại chuyện đời xưa, không mong gì hơn là, muốn người khác, cùng với tôi, mua vui cũng được một vài...phút giây. (...) Tôi không có chuyên chở một ẩn dụ nào hết" (HVHCM,* trang 354)

Không chuyên chở một ẩn dụ nào cả? Đây chỉ là một lối nói khiêm nhượng của nhà văn. Hồ Minh Dũng dùng lịch sử như một cái cớ để đưa người đọc trực diện một hay nhiều vấn đề mà không thể nào gởi gắm một cách trực tiếp. Quá khứ là lịch sử của hiện tại, hiện tại là lịch sử của tương lai. Từ hình ảnh của quá khứ trong truyện của Hồ Minh Dũng, người đọc hôm nay tái hiện trong trí tưởng tượng của mình những gì người xưa đã trải qua, có thể bắt được phần nào xúc cảm của người xưa trong phần xúc cảm của mình hiện tại. Từ đó, trong tâm cảm của người đọc, ít nhiều cũng xuất hiện những liên hệ, những so sánh xưa-nay, cũ-mới. Khi người đọc nghĩ đến sự so sánh, liên hệ, thì nhà văn đã đạt được điều mình mong muốn, vì sự gởi gắm của họ nằm đằng sau những dòng chữ, tự nó thấm vào lòng người đọc lúc nào, mà ngay cả người đọc cũng không hề hay biết.

Ở thể loại truyện mang tính lịch sử, dù thêm thắt tưởng tượng hay hư cấu, Hồ Minh Dũng phần nhiều không đi quá đà, không đẩy lịch sử ra khỏi vị trí của nó. Lịch sử vốn khô khan, nhưng bằng một lối viết đầy nghệ thuật, ông đã tạo nên những nhân vật lịch sử sinh động. Đưa đọc giả từ ngạc nhiên này đến thích thú khác.

Càng về sau, ông càng viết ít lại về thể loại lịch sử. Đây là một dấu hiệu trong sự chuyển hướng sáng tác của ông.

Xuyên suốt ba tập truyện ngắn của Hồ Minh Dũng, người đọc thấy ánh lên một tấm lòng tha thiết và một con tim đầy cảm thông. Nhìn một đất nước điêu tàn vì cuộc chiến vừa qua, những nhân vật của Hồ Minh Dũng không mang những oán hận ngút trời. Trước sau vẫn nghĩ rằng đây là vận nước, đây là thách đố nghiệt ngã mà người người phải vượt qua (2).

Đất nước đã trải qua nhiều năm bom đạn. Chiến tranh đã phá hủy biết bao đền đài, lăng tẩm, thắng cảnh danh lam, núi rừng trùng điệp, muôn thú phơi thây, nhưng nặng nề nhất và đau đớn nhất vẫn là sự hủy hoại lòng người. Chiến tranh như vắt cạn kiệt máu xương, như đốt hết những tấm lòng bác ái. Nhưng dù gì đi nữa, dưới ngòi bút của Hồ Minh Dũng, người ta còn một chút để ước mơ, còn một niềm hy vọng để hướng về phía trước. Như tấm lòng của người HO già trong *Mạt Lộ*. Mơ ước của ông không chỉ riêng cho thân mình đang cô đơn, chiếc bóng, lẻ loi nơi quê người đất khách, mà là giấc mơ chung cho biết bao người trong và ngoài nước, cho cả một dân tộc bị đọa đày. Ở người HO già, rạng lên một tấm lòng bao la như biển cả, như đất trời.

Ước mơ của người HO già cũng chính là niềm ao ước của Hồ Minh Dũng.

Sinh ra và lớn lên ở Huế, Hồ Minh Dũng nặng lòng với Huế, dĩ nhiên. Nếu nét đẹp thiên nhiên của Huế ăn sâu vào từng mạch máu, thì nét đẹp của con người Huế nuôi dưỡng ông trong suốt quãng đời niên thiếu. Đặc biệt, cái đẹp của thiếu nữ xuân thì, của tóc dài óng mượt, của tà áo trắng muốt tan trường, tất cả luôn ẩn hiện trên những trang sách của ông. Nhưng nổi bật nhất vẫn là đôi mắt. Ngày xưa, người hùng Phạm Thái trong *Tiêu Sơn Tráng Sĩ* than rằng: chí lớn trong thiên hạ đựng không đầy hai con mắt mỹ nhân, thì ngày nay, đôi mắt của những người con gái đất Thần Kinh cuốn hút cả thời trai trẻ của Hồ Minh Dũng. Có thể nói: ông dồn hết nét đẹp của họ vào đôi mắt, những đôi mắt biết nói, biết cười, biết đọc cả lòng dạ, tâm can của người khác.

"Ngồi trên lưng voi, đôi mắt Vi thắp lên những ánh đuốc ngời sáng của đêm Mê Linh chập chùng, hai má nàng ửng hồng lên như những sắc liên hoa trên hồ Lãng Bạc. Thần sắc nàng lóng lánh ánh thép ngời sáng của đất Châu Phong bừng bừng lửa thép. Không ai nghĩ rằng một nữ lưu đường đường anh hùng cái thế ấy là một cô gái đoan trang nhu mì, đi học về là lao vào những công việc nhà để phụ giúp cho cha. (...)

Khi nàng nói, tôi nhìn vào khuôn mặt đó, một nét thanh thoát lạ lùng, đôi mắt cương nghị, trong suốt của nàng toát ra một thứ ánh sáng kỳ diệu và đôi môi như một nụ hoa từ từ nở ra hương trời." (MMEĐGĐ, trang 65-70)

"Thiều Dung và Thiều Hoa là hai chị em sinh đôi. Khi mới sinh, bà mụ gọi là hai giọt ngọc. (...)

Thiều Hoa có đôi mắt nhìn vào ai thì người đó phải bồn chồn lo lắng. Các chàng thanh niên chỉ nhìn đôi mắt ấy một lần thì về nhà trùm chăn mà mộng tưởng tới, có khi cả mấy ngày không cần ăn." (CNATL, trang 157)

Một điểm khá nổi bật trong ba tập truyện ngắn của ông, đó là những bài tùy bút đẹp, nhất là ở tập truyện *Câu Nam Ai Thất Lạc*. Ở đó, bên cạnh tình người đằm ấm, tình Mẹ-Con vô bến bờ là một nỗi buồn man mác; một nỗi đau hời hời khi thấy núi lở, sông bồi. Qua hai bài tùy bút tiêu biểu: *Mẹ* (CNATL, trang 7-11) và *Huế: Núi Thọ Tang Sông* (CNATL, trang 12-21) ông đã gởi đến người đọc những bản văn mượt mà, đầy ý nghĩa. Mặc dù ông không đi sâu vào thể loại tùy bút, nhưng thiết nghĩ, nếu bước vào khu vườn này, ông có thể sẽ thành công, như đã thành công trong thể loại truyện ngắn.

Qua ba tập truyện ngắn, xuất bản trong ba năm, cái tên Hồ Minh Dũng đã trở thành quen thuộc với người đọc. Không dừng lại ở đó, Hồ

Minh Dũng đẩy ngòi bút mình xa hơn, vào một vùng đất mới: truyện dài, và *Cồn Mây* là truyện dài đầu tiên mà ông gởi đến độc giả vào cuối năm 1999.

Truyện dài Cồn Mây

Cồn Mây, xuyên qua cuộc sống của một gia đình, dựng lại một xã hội rối ren, đầy biến động từ 1945 trở về sau.

Thời cuộc đẩy đưa, người đàn ông mất sớm nơi chiến trường, để lại gia đình một vợ và hai con nhỏ, một gái một trai. Cuộc sống vất vả, người mẹ phải tìm mọi cách để nuôi con khôn lớn, và bà chọn cho mình một con đường: đi buôn. Người góa phụ mà đi buôn đường dài, không làm sao tránh được tiếng bấc, tiếng chì không những của xóm làng, mà còn của những người thân quen bên chồng. Hai đứa con, Phan và Hiền, lớn lên trong tình yêu thương ngút ngàn của mẹ. Phan, mơ ước làm một nhà văn, dựng nên một tác phẩm lớn. Anh quen và sau đó yêu Vân Hà, bạn của Hiền. Vân Hà có một con tim nhân ái, rộng mở, khó ai bì kịp. Phan quen biết nhiều bạn bè trong Thi Văn Đoàn Mây Ngàn như Bạch Kim, Tôn Nữ Tịnh Quyên, Hương Nguyễn .v.v. và nơi đây cũng sản sinh ra những mối tình ngang trái, éo le của thời cuộc. Cái đẹp rực rỡ của Tịnh Quyên và những trúc trắc trong tình duyên của cô như một số phận an bài. Sự thay đổi của Hương Nguyễn sau khi rời bỏ đất thần kinh vào Sài Gòn làm chủ bút một tờ báo cho thấy một bộ mặt khác của con người, hay nói rõ hơn là thời cuộc góp phần tạo cho con người thay đổi một cách nhanh chóng về lối sống và lối suy nghĩ. Mụ Đình, một lý lịch không rõ, một kẻ từng trải, người xuất hiện bất ngờ và ra đi cũng bất ngờ, đã tạo không ít bất an cho những người chung quanh. Bà là mẫu người đối nghịch với Vân Hà. Mụ Ái lấy chồng Tây, sinh ra Đống, đứa con trai lai đen, sau này để lại giọt máu rơi của anh cho Hiền, và đây cũng là điểm bắt đầu cho một số phận trôi nổi mà Hiền phải gánh chịu. Những người khác cũng đã góp một phần tạo nên một bộ mặt đa dạng cho xã hội lúc bấy giờ như: Ông Lâm - chú của Vân Hà với những tham lam sắc dục, người mang mụ Giang Đình về, đã làm thay đổi cuộc sống bình thường của làng xóm; Ông Minh Tâm - người có trái tim nhân hậu; vú Phấn quê mùa nhưng đầy lòng nhân ái, hình ảnh bà là tổng hợp của bao nhiêu hình ảnh thật ngoài đời. Tất cả các nhân vật và sự kiện xảy ra nơi đất Thần Kinh. Sau đó, Phan nhập ngũ vào Thủ Đức. Ra trường không bao lâu, Phan ngã xuống trên chiến trận. Truyện kết thúc bằng cái chết của Phan, nhân vật chính, "chuẩn nhà văn", để lại một tiểu thuyết dở dang. Tiểu thuyết này được đóng lại bằng những lời

tâm huyết của Hoàng Minh Bửu, đứa con nuôi của ông Minh Tâm, mà sau này mẹ của Phan nhận lãnh nuôi nấng, hiện sống trên đất Hoa Kỳ.

Cốt truyện không phức tạp, không nhiều lắt léo, nếu không muốn nói là đơn giản. Hồ Minh Dũng đã dựng lại những mẩu chuyện tưởng như là rời rạc nhưng được nối kết với nhau bằng những mắt xích liền lạc tạo ra một sự liên tục trong mạch văn với nhiều góc cạnh thật đẹp.

Ở *Cõn Mây*, Hồ Minh Dũng đã xây dựng nhân vật khá nhuần nhuyễn, nhất là ở mụ Giang Đình và Vân Hà. Hai nhân vật, hai thái cực. Hai con người tiêu biểu cho triết lý sống và nhân sinh quan khác nhau. Ở mụ Giang Đình, cái dã tâm phá vỡ hạnh phúc của người khác nằm trong những toan tính ngút trời, những âm mưu thâm độc khó nhận ra, thì ở Vân Hà là sự chịu đựng, lòng thủy chung và một con tim rộng mở đến mức độ đầy cảm động.

Gấp sách lại, vẫn còn nghe từng nhịp tim ấp áp, từng nỗi lo lắng cho đời, cho người của Vân Hà. Gấp sách lại, vẫn còn thấy hình ảnh của mụ Giang Đình với lưỡng quyền cao, thâm đen, đứng trước tiệm làm tóc của mụ, có khi múa tay, có lúc chống nạnh, miệng nói ông ổng như chưa bao giờ được nói và không hiếm lần cười hềnh hệch, bày cả hai hàm răng có mấy cái bịt bạc đã mốc xanh.

Dù Vân Hà và mụ Giang Đình là đối cực của nhau nhưng họ có chung một điểm: năng động. Họ càng năng động, những nhân vật khác dường như càng thụ động. Rõ nét hơn ai hết, đó là nhân vật chính, Phan, người mơ ước dựng nên một tiểu thuyết hay, người mà bạn bè gọi anh là một "chuẩn nhà văn".

Có thể nói Phan là một người thụ động từ đầu đến cuối, thụ động hầu như trong mọi hoàn cảnh: từ cuộc đời đến tình trường, từ quân trường đến chiến trường. Mặc dù có tham vọng làm nhà văn, nhưng người đọc thấy rằng nếu ước mơ này thành sự thật thì anh cũng chỉ là một thứ nhà-văn-tháp-ngà. Hết người này chỉ, đến người khác bảo; hết kẻ nọ dẫn dắt, đến người kia đẩy đưa, ngay cả những người khác phái bằng hoặc nhỏ tuổi hơn anh, như Hiền, Vân Hà, Hương Nguyên và Tịnh Quyên. Anh phải thú nhận rằng, sau khi nói chuyện với họ thì anh mới sáng hơn, rõ hơn trong nhiều vấn đề (Trang 62). Phan luôn nghĩ mình là nhà văn và hạnh phúc khi thấy người khác gọi mình là nhà văn (Trang 70). Anh oán ghét người khác khi người ta không nhìn ra văn tài của mình. Thậm chí, anh hờn trách những lời khuyên rất hữu lý, rất chân tình từ những người đi trước(3)

Phan không bao giờ tự chủ được lấy mình. Anh là một người bị động. Anh đã tự thú nhận: *"Sự nông cạn về kiến thức, thiếu khách quan trong*

nhận định, cộng thêm lòng hời hợt, tự phụ của tuổi trẻ, làm cho tôi thêm chao đảo trước những biến hóa vô cùng của cuộc đời" (Trang 173).

Muốn dựng nên một tiểu thuyết lớn, nhà văn phải là người từng trải,phải kinh qua bao nhiêu sự kiện, rồi nghiệm lại bao nhiêu vấn đề, để chắc lọc và tạo nên những chi tiết, những nhân vật tiêu biểu. Nhưng ở Phan thì không. Anh ít khi nào bứt khỏi tổ kén của mình. Phải đợi người tình kéo đẩy, thúc giục anh mới bước chân ra khỏi không gian chật chội đó để đi "thực tế", tìm hiểu đời sống của những người khác cho công việc viết tiểu thuyết (Trang 175). Khi nhận lệnh nhập ngũ, một bước ngoặc quan trọng trong cuộc đời, anh cũng không tự quyết định được cho chính mình, mà phải đợi Vân Hà lên tiếng (Trang 260).

Xuyên suốt *Cồn Mây*, người đọc không thấy được ở Phan một suy nghĩ độc lập, một quyết định dứt khoát mà trái lại là một sự lừng khừng. Anh hầu như phó mặc cho sự đưa đẩy của cuộc đời. Tới đâu thì tới.

Hồ Minh Dũng đã cố ý dựng nên một nhân vật chính như vậy?

Có thể vì truyện viết theo lối tự thuật. Tác giả sợ cái TÔI đáng ghét lấp đầy những trang sách, sẽ làm bực mình độc giả, nên nhân vật chính ở vào thế thụ động. Cũng có thể nhân vật chính đã bứt ra khỏi sự xếp đặt ban đầu của tác giả mà lênh đênh theo dòng chảy của thời gian, của chiều dài tiểu thuyết, theo những ý tưởng mới nảy sinh trong lúc dựng truyện. Tuy nhiên, theo thiển ý, đây là một cố ý của tác giả. Cố ý dựng nên một mẫu người sống thụ động và bị động trong giai đoạn khói lửa chiến tranh đang dấy động khắp miền Nam. Một mẫu người lúc nào cũng tưởng mình là cái rốn của vũ trụ. Trong một xã hội đầy biến động, một người thụ động khó thành công, dù là công việc viết văn. Nếu đây là thâm ý của ông, thì quả thật ông đã đạt được điều mình mong muốn khi dựng lại hình ảnh một nhà-văn-tháp-ngà, nếu được gọi là nhà văn; người sống ù lì trong cái vỏ ốc của mình mà cứ tưởng mình đang bước những bước dài trên con đường văn chương và có tham vọng dựng một tiểu thuyết lớn.

Ở chương 10, Hồ Minh Dũng viết về một đoạn đi thực tế của "chuẩn nhà văn", Phan, và người tình Vân Hà, ở "Con Hẽm Sau Lưng Nhà Tể Sinh". Ở đoạn đi thực tế này, người đọc thấy ông vắn tắc quá, sơ lược quá. Viết về một lớp người, dựng nên một xã hội nhỏ bên trong một xã hội lớn mà phần nhiều ông chỉ dựng những "phỏng vấn" thuộc loại mini. Vì thế, cuộc sống khó khăn, trật tự trong xã hội nhỏ, và tình người của họ trong xóm nghèo này bị đơn giản hóa quá nhiều. Người đọc chỉ mới được "nghe", chứ chưa thực sự "cảm"; chưa "thấy" được một cuộc sống đầy bất trắc của họ.

Còn Mây có tham vọng dựng lại một xã hội thu nhỏ, nhưng lại thiếu sự đào sâu vào một tầng lớp sống bên lề xã hội, mà thời nào cũng có. Chính điều này đã làm cho tác phẩm mất quân bình.

Trong suốt mười tám chương sách, Hồ Minh Dũng viết đối thoại không đều tay. Không những thế, người đọc còn thấy ông viết khá vội vàng ở chương 17, chương cuối cùng của Phan, trước khi anh ngã xuống (chương kết là do Hoàng Minh Bửu, em nuôi của Phan đóng lại tập sách sau cuộc đổi đời 1975). Có lẽ vì thế mà có nhiều chỗ hoặc lẫn lộn địa danh hoặc không sử dụng đúng tên gọi của vật thể. Ông viết:

"Xế trưa, một viên phi hành xem đồng tay (có lẽ tác giả muốn nói là đồng hồ đeo tay - chú thích của người viết), *nói:*

"Máy bay đang trên không phận Khánh Hòa, dưới chỗ chúng ta có nhiều tháp Chàm."

Một tân sĩ quan nhìn mây lướt qua ngoài cửa máy bay, nói bâng quơ:

"Người Chàm mà biết viết chính sử, biết lo cho con cháu học hành tử tế, thì giờ đây chúng ta tránh khỏi cái nạn nồi da xáo thịt. Chỉ lo đánh nhau với quân Chiêm cũng đã đuối sức rồi."" (Trang 297-298)

Thực ra, câu nói của viên phi hành không đúng về mặt địa lý. Khánh Hòa, một tỉnh miền Trung, chạy dài từ Cam Ranh đến Đèo Cả, không có nhiều tháp Chàm. Chỉ có một cái duy nhất, đồ sộ nằm phía Bắc của cầu Bóng, gọi là Tháp Bà. Có lẽ ông muốn ám chỉ đến địa phận Phan Rang, nơi có rất nhiều tháp Chàm nhỏ lớn vẫn còn tồn tại đến ngày nay, dù gió sương cùng với chiến tranh đã làm xụp đổ khá nhiều những thành quách, điện đài cũ.

Ở một chỗ khác ông viết:

"Đám học trò thơ ngây không còn ai kể chuyện, đem nhau ra cồn cỏ, chơi lại những trò chơi mà chúng có trước khi mụ Đình chưa đến. Khi đi qua bờ ruộng, bọn chúng phát hiện ra đám rạ nơi ông Lâm tằng tịu với con Ngọc ngày trước bị nhổ trốc gốc. Ở đó còn cắm một hình nộm nam bện rơm, có xiên một cái dùi nhọn ngang qua chỗ bộ hạ." (Trang 301)

Đoạn dẫn trên có nhiều trúc trắc. Có ba điều cần bàn ở đoạn dẫn rất ngắn này.

Thứ nhất, viết "trước khi mụ Đình chưa đến", là không rõ ràng. Hoặc là: *trước khi mụ Đình đến*, hoặc là: *khi mụ Đình chưa đến*. Kết hợp *trước khi* và *chưa đến* trong cùng một câu văn là đẩy câu văn vào chỗ tối nghĩa.

Thứ hai, đoạn trên dường như cho thấy chuyện ông Lâm tằng tịu với Ngọc là chuyện mọi người đều biết, vì thế ngay cả đám trẻ cũng biết đích xác cái nơi mà ông làm chuyện bậy bạ ấy. Thực ra, trong suốt chiều dài

của tiểu thuyết, chuyện ông Lâm và con Ngọc chỉ có ba người biết và giấu kín, đó là: mụ Giang Đình, Vân Hà (tình cờ nghe cuộc xô xát giữa ông Lâm và mụ Giang Đình) và Phan (nghe Vân Hà kể lại sau này). Vì thế đoạn văn trên dễ dẫn đến một sự hiểu lầm.

Thứ ba, chữ "bộ hạ" ông dùng ở cuối đoạn văn e rằng không chỉnh lắm. Ở đây, ý ông muốn ám chỉ là bộ phận sinh dục. Nhưng nếu chỉ bộ phận sinh dục thì lẽ ra phải nên sử dụng chữ "hạ bộ" mới chính xác. Mở lại những trang sách cũ của người xưa, ta sẽ thấy ngay được điều này.

Bộ hạ: (danh từ) người theo hầu một viên chức cao cấp; (nghĩa rộng) kẻ thuộc hạ tin cẩn và trung thành.

Hạ bộ: (danh từ) bộ phận ở dưới tức cơ quan sinh dục. (4)

Sơ hở trong lúc dựng truyện, nhất là ở những chương cuối, là dấu hiệu đuối sức của một người đi đường dài. Càng về gần đến đích, càng mệt mỏi. Vì vậy nên nhà văn khó có thể dò lại từng đoạn đường mà mình đi qua một cách kỹ lưỡng để phát hiện những sơ sót.

Thế giới của *Cõn Mây* là thế giới của những người phụ nữ. Nói rõ hơn, những nhân vật nữ rõ ràng, sắc nét hơn những nhân vật khác phái, ngay cả Phan, nhân vật chính trong truyện. Ở họ, cái trắng đen rõ ràng, dứt khoát. Thêm vào đó, sự bao dung, rộng lượng của những người phụ nữ như bao trùm cả một thời trong truyện. Nó vượt lên cái nhỏ nhen tị hiềm của những gã đàn ông, những người chỉ biết đến danh vọng, tiền bạc, tình ái lăng nhăng và trả thù vặt vãnh.

Cõn Mây mang một hoài bão lớn: những con sông đều gặp nhau ở đại dương, chứ không chia ra trăm nhánh rồi cạn kiệt giữa đường, trước khi hòa vào lòng biển lớn. Mỗi nhánh sông tựa một lòng người. Lòng người còn muôn nẻo nên đời thường còn nhiều sóng gió. Thao thức lớn nhưng ý chí của nhân vật chưa đủ lớn, ngay cả nhân vật chính. Chính ở chỗ chưa thực sự quyết tâm, còn thụ động trong suy nghĩ và trong hành động, nên trăn trở lớn không nhích xa được từ nơi xuất phát bao nhiêu. Hay nói cách khác, nẻo về hạnh phúc chỉ là một bắt đầu, dù rằng trang sách cuối cùng đã gấp lại.

Liên Văn Bản

Đánh giá tác phẩm văn học, không thể bỏ qua ngôn ngữ văn học. Bởi ngôn ngữ là nhịp cầu nối liền độc giả và tác phẩm. Cầu có vững thì sức chịu đựng mới cao. Cầu có rộng thì mới chuyên chở được nhiều thứ cần thiết. Ngôn ngữ có ngọt ngào, xuôi chảy, ý truyện mới dễ đi vào lòng

người. Ngôn ngữ có gân guốc, bề thế, bản văn mới chống chọi với thời gian. Vì thế, khó mà không đồng ý khi M. Gorky cho rằng *"yếu tố đầu tiên của văn học là ngôn ngữ, công cụ chủ yếu của nó và - cùng với các sự kiện, các hiện tượng của cuộc sống - là chất liệu của văn học."* (5).

Bước vào bốn tác phẩm của Hồ Minh Dũng là bước vào thế giới chữ nghĩa của ông. Đặt bốn tác phẩm này như một liên văn bản, người đọc thấy ngay một điều: thay vì chú tâm tạo nên chữ nghĩa mới, đưa vào bản văn những từ láy lạ lẫm, hay mở ra lối viết cầu kỳ, Hồ Minh Dũng chủ ý tạo cho mình một lối viết mượt mà, súc tích. Ông tận dụng lối diễn đạt này để thu hút độc giả, đưa vào lòng người đọc một sự nhẹ nhàng, thanh thản. Đọc xong truyện ông, như vừa nghe xong một bản nhạc êm ái, dịu dàng. Bước vào vùng chữ nghĩa của ông như dựa lưng trên chiếc gối êm, thả lòng mình vào vùng ấm áp, thân tình. Lối diễn đạt ngôn ngữ này xuyên suốt từ trang đầu đến trang cuối của liên văn bản, thì chắc chắn không thể nào đến từ một sự may mắn. Mà điều này chỉ ánh lên từ một cây viết lão luyện.

Lối viết xuôi chảy, ngọt ngào là lối viết lôi cuốn người đọc. Có lôi cuốn người đọc, tác phẩm mới đến, trước tiên, và ở lại lâu dài, sau đó. Tuy nhiên, nhiều khi vì sự mượt mà của câu văn, tác giả đã kéo nó ra khỏi sự cô đọng, thậm chí, đã tạo nên nhiều câu thừa trong một đoạn văn, hay những phần thừa trong một câu văn. Hậu quả, câu văn có thể mất đi sự "sống" cần thiết. Ở điểm này, người đọc bắt gặp khá nhiều chỗ trong *Còn Mây*, điều mà người đọc rất hiếm khi bắt gặp trong truyện ngắn của Hồ Minh Dũng (6).

Phàm là người thường, hầu như ai cũng thích ăn ngon. Món ăn ngon đòi hỏi sự hội tụ của cả hai: trình bày đẹp và hợp khẩu vị người ăn. Phần khẩu vị là phần quan trọng. Người đầu bếp thượng thặng là người biết liều lượng gia vị: không thừa, không thiếu. Thừa hoặc thiếu đều làm món ăn mất ngon. Văn chương, món-ăn-tinh-thần, cũng thế. Sự thưởng ngoạn món-ăn-tinh-thần càng khó hơn món-ăn-vật-chất. Người thưởng ngoạn món-ăn-tinh-thần thường kỹ lưỡng. Họ đòi hỏi người viết như một nhà đầu bếp thượng thặng, một sự cẩn trọng cần thiết, ngay cả ở phần tiểu tiết. Nếu chi tiết nhỏ có thể tạo nên tiểu thuyết lớn, thì chi tiết nhỏ cũng có thể làm giảm giá trị của một cuốn tiểu thuyết. Vì thế, ở sự cẩn trọng, tên tuổi nhà văn càng lớn, sự đòi hỏi này càng cao hơn.

Cũng nhìn trong chiều hướng liên văn bản, người đọc bắt gặp những trùng hợp lý thú. Nếu gọi sự trùng lặp như một lần ông ngoảnh lại nhìn về phía sau, thì không phải ông ngoảnh lại một lần, mà là nhiều lần trên

đường đi về phía trước.

Có khi ông dùng lại nhiều lần một sự kiện lịch sử (7). Có lúc ông lặp lại những điều kỳ lạ của thiên nhiên (8).

Dùng lịch sử để gởi gắm suy nghĩ của mình, hoặc sử dụng một sự kiện trong thiên nhiên để làm điểm xuất phát cho một ý tưởng, là một việc nên làm. Tuy nhiên, sự lặp lại trong liên văn bản cho thấy hai điều: thứ nhất, tác giả quá thích thú với những sự kiện này, nên cố tình lặp lại, thứ hai, khi viết nhiều và nhanh, nhà văn như quên đi quan niệm nghệ thuật của mình, mà chỉ chú tâm đến việc gởi đến bạn đọc những văn bản còn thơm mùi mực.

Hồ Minh Dũng dùng nhiều Thi-Văn-Đoàn trong những tác phẩm của ông. Lúc thì Thượng Tứ (MMEĐGĐ, trang 162), khi thì Hương Giang (CNATL, trang 33), chỗ khác thì Mây Ngàn (Cồn Mây, trang 44). Nhân vật xưng tôi hầu như lúc nào cũng thấy họ tham gia vào mấy Thi-Văn-Đoàn này. Và sự trùng lặp nhân vật từ Thi-Văn-Đoàn này sang Thi-Văn-Đoàn kia, hay từ truyện ngắn sang những phần trong truyện dài lộ liễu quá (9).

Làm nghệ thuật là làm đẹp cuộc đời. Làm đẹp đòi hỏi mỗi lúc một mới hơn, hay hơn. Mới, bao hàm ý nghĩa không nên lặp lại. Trong văn chương, sự lặp lại sẽ làm cho bản văn thiếu chất sống. Hơn thế nữa, nó còn cho thấy sự mâu thuẫn của chính tác giả với quan niệm nghệ thuật mà ông đã vạch ra từ bước đầu.

Qua bốn tác phẩm, người đọc thấy ánh lên niềm tha thiết với thiên nhiên của Hồ Minh Dũng, bất luận thế, thời. Nói rõ hơn, ông thở bằng hơi thở Huế; ông đập nhịp đập cùng với người dân Huế, và ông yêu từng vuông đất của Huế. Từ trang đầu đến trang cuối, từ hình ảnh trước tiên đến hình ảnh sau cùng, Huế thấm trong thịt xương, trong huyết quản của ông. Ở tấm lòng tha thiết với thiên nhiên của ông, độc giả lây luôn cái thú yêu hoa cà, hoa đậu cùng với mướp, bí, bầu; thấm luôn sự gần gũi, quen biết với rau sam, dền hoang, cỏ sữa, cỏ xước, cỏ roi ngựa, cỏ sâu róm .v.v.

Yêu mảnh đất quê hương như thế nên lòng không khỏi bồi hồi, xót xa khi nhìn những cảnh đời dâu bể, những sóng dập mưa cuồng của thời cuộc, của lòng người, đã thay đổi bộ mặt của Huế, đã đẩy Huế đến những tang thương. Không còn cái đau nào đau hơn cảnh *"đi giữa gia tài của mẹ, bước qua đất hương hỏa của cha mà trở thành khách lạ."* (CNATL, trang 15). Nhưng, trước và sau, Hồ Minh Dũng vẫn mở rộng lòng với đời, với người. Ngay như ở tác phẩm *Cồn Mây*, mặc dù truyện được dựng lại từ bối cảnh sau 1945 đến hôm nay, một thời biến động trên mảnh đất hình

cong chữ S, chiến tranh dồn dập đến, không một ngày ngưng nghỉ. Vậy mà ông chỉ chú trọng vào tình người, vào suy nghĩ, vào cuộc sống của những con người bình thường trong một xã hội đầy nhiễu nhương, thay vì lấy chiến tranh, lấy khói lửa, lấy điêu tàn để làm nền tảng. Điều này cho thấy Hồ Minh Dũng dùng tình thương làm bóng mát cho những tác phẩm của mình. Bởi tình người là cái đẹp trường tồn, vượt lên trên mọi chủ nghĩa, mọi định kiến. Khi lấy tình người làm nền tảng, Hồ Minh Dũng nhìn mọi biến chuyển, mọi tang thương, mọi dâu bể khi lòng đã lắng xuống. Ông không lấy những gì đã xảy ra, kéo đến, bủa vây và phủ ập lên cuộc sống bình thường để dấy lên những oán hận, căm thù. Ông không dùng những thứ đó như vũ khí để lên án "người bên kia". Ông không đứng chỉ tay, trách cứ. Mà ngược lại, ông viết với một tấm lòng bình thản, viết như một chia xẻ; một lần chia xẻ rồi quên đi. Xem nó như một số phận, một định mệnh. Xem nó như một thử thách nghiệt ngã để vươn lên. Phải bước qua thử thách để gầy dựng lại, nếu không phải toàn thể, thì ít nhất cũng là tình người.

Kết

Từ truyện ngắn bước sang truyện dài là một thách đố lớn cho nhà văn nói chung và cho Hồ Minh Dũng nói riêng. Chữ nghĩa trong *Cồn Mây* chưa đạt đến cái bén nhọn như trong thể loại truyện ngắn của ông. Có lẽ bề diện cùng với chiều dài của tiểu thuyết đã kéo tác giả ra khỏi những chắt chiu, gọt tỉa. Tuy vậy, bất cứ công trình nghệ thuật nào cũng đòi hỏi điều này. Thiếu nó, tác phẩm nghệ thuật khó lưu giữ dài lâu trong lòng người đọc (*Cồn Mây*, trang 108).

Qua bao thăng trầm, dâu bể; qua bao vật đổi, sao dời; qua bao tháng năm, ghềnh thác; Hồ Minh Dũng vẫn giữ một ngọn lửa trong tim. Trong cuộc sống đầy máy móc, tất bật, hối hả, gần gũi về thông tin nhưng xa cách về tình người như hiện nay, chúng ta cần những nhà văn như Hồ Minh Dũng, mà ở ngòi bút của họ, ta thấy ánh lên những nét đẹp của tình thương trên mỗi dòng mực, trên từng trang sách.

Đoàn Nhã Văn
4/2000

Chú thích:

1. Phỏng vấn do Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện vào tháng 4, 1996. Trong bài phỏng vấn này, Hồ Minh Dũng cho biết "tôi thuộc về loại: hỏi cả phố Bolsa (trừ khu Memmorial Park) không ai biết Hồ Minh Dũng là ai, kể cả ông Đỗ Ngọc Yến

chủ nhiệm báo Người Việt (lời Khánh Trường)."

2. *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa*, trang 74: *"Đất nước mình biết bao tai vạ đổ lút lên đầu, em vẫn tin là vì cơ trời ách nước"* .

3. *Còn Mây*, trang 109: *"Ra về, lòng nặng chĩu, tôi oán hận hầu hết mọi người, ngoại trừ những người trong gia đình tôi và Vân Hà."*

4. Thanh Nghị, *Việt-Nam Tân Tự Điển Minh Họa*, nhà xuất bản Khai Trí 1967, trang 147 và trang 608.

5. Dẫn theo *Lý Luận Văn Học*, nhiều tác giả, nhà xuất bản Giáo Dục, tái bản lần 4, 1998, trang 148.

6. Chỉ đưa ra một vài chỗ như một dẫn chứng ở đây:

"Sau câu nói, Hà vụt chạy về phía có bóng núi đổ xuống làm sẫm một mảng cát lớn. Tôi đuổi theo, la lên:

"Đến đó làm chi? Không khéo san hô cứa chân."

Con trai chạy nhanh hơn, chẳng mấy chốc tôi đuổi kịp." (*Còn Mây*,Trang 25)

"Năm 1945, ông làm nghề kéo xe. Hồi đó kéo, không phải đạp hay có gắn máy chạy như ngày nay. Người muốn đi chuyển, ngồi lên giữa cái khung bằng gỗ hay sắt, có hai bánh phía dưới, người phu cứ việc cầm hai cái cán kéo lăn đi." (*Còn Mây*,Trang 35)

"Là một người tu xuất, khi gặp mẹ tôi, ông Tâm khoảng gần bốn mươi tuổi. Hình thức bên ngoài, trông ông có vẻ chải chuốt, cởi mở và dễ thân thiện với mọi người." (*Còn Mây*,Trang 71)

"Ông Nhâm hớt tóc bị thằng Đống đánh thuở trước nay lại có cớ để bêu xấu mẹ tôi. Ông cho dán một tờ giấy có vẽ hình đầu người đuôi rắn ngay trước bàn gương soi mặt trong phòng hớt tóc. Người vẽ có tay nghề cao, chỉ phác họa dăm bảy nét, nhìn vào, nếu đã biết ít nhiều chuyện thâm thù ngày xưa, ai cũng hiểu là ám chỉ mẹ tôi." (Trang 222)

Phần được gạch dưới mang nặng tính chất thuyết minh. Càng mang tính thuyết minh, văn chương càng mất dần nét đẹp của nghệ thuật. Thực ra, có nó hay không có nó, đoạn văn vẫn không thay đổi ý nghĩa; người đọc vẫn hiểu ý tác giả muốn gởi gắm điều gì. Có nó, đoạn văn cũng không "sáng" hơn lên. Xa hơn, sự có mặt của những câu văn thừa, nhiều khi có thể làm loãng ý của tác giả và trong trường hợp xấu nhất, câu văn không còn sinh động và mất đi cái "thần" cần thiết.

Ở đoạn dẫn cuối cùng, có hai trường hợp xảy ra.

Thứ nhất, nếu có tay nghề vẽ cao, thì không cần đoạn gạch dưới, nghĩa là không cần biết đến chuyện thâm thù ngày xưa, người đọc vẫn biết đây là một việc bêu riu, ám chỉ người mẹ của nhân vật chính. Vậy, phần gạch dưới đích thị phần thừa.

Thứ hai, nếu cần phải biết ít nhiều chuyện thâm thù ngày xưa, mới hiểu được tranh vẽ ám chỉ ai, thì chắc chắn người vẽ không có tay nghề cao, vì thế, sự xác định tay nghề cao của người vẽ ở phần đầu là không chính xác.

7. Hồ Minh Dũng dùng sự kiện nhà Trần dâng công chúa An Tư để mong cầu hòa với quân Mông Cổ ít nhất hai lần. Một lần do Ngô Thì-Nhậm nói trong *Một Mình Em, Đến Giữa Đời* (Trang, 28). Lần khác do một người phụ nữ, mụ Giang Đình, nhắc đến, trong *Còn Mây* (Trang 148).

8. Từ *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* đến *Còn Mây*, Hồ Minh Dũng đã nhắc đến tia chớp nhiều lần. Nhưng đậm nét nhất là tia chớp đánh vào Khiêm Cung Ký ở Vạn Niên Lăng để dẫn đưa câu chuyện.

"Sao anh khờ thế, từ ngày sét đánh bia Khiêm Cung Ký, có ai dám đến đó nữa đâu." (MMEĐGĐ, trang 111)

"Những ngày sau tia chớp trời đánh vào Khiêm Cung Ký ở Vạn Niên Lăng, tôi dành hết thì giờ sáng tác cho một truyện dài. Dự định ban đầu của tôi là đưa thật nhiều hình ảnh của người tôi đang yêu vào trong từng trang sách." (MMEĐGĐ, trang 161)

"Đây là hiện tượng thứ hai trong vòng mấy năm, sau tia chớp đánh vào bốn ngàn chín trăm ba mươi lăm chữ của Tự Đức trong Khiêm Cung Ký ở Bi Đình.

Có ai ngờ, cái hồ hình trăng non đựng nước mưa để linh hồn vua "rửa tội" ở Vạn Niên Lăng đã cùng chung số phận với Cửu Đỉnh trước thềm Hiển Lâm Các trong Nội, bất thần khô đi trong mùa mưa lũ." (Còn Mây, trang 43)

9. Trong *Một Mình Em Đến Giữa Đời*, nhân vật chính, Bạch Kim, muốn trở thành một nhà văn nổi tiếng. Anh đi tìm chất liệu sống. Người anh nghĩ đến là Hoàng Quỳ và Khôi Nguyên, đôi vợ chồng, trong Thi Văn Đoàn Thượng Tứ. Khôi Nguyên là người đàn bà đẹp nổi tiếng nhất xứ Huế (MMEĐGĐ, trang 162). Sau đó, Hoàng Quỳ và Khôi Nguyên chia tay nhau.

Trong *Còn Mây*, nhân vật chính, Phan, cũng muốn trở thành một nhà văn nổi tiếng. Anh cũng đi tìm chất liệu sống, và cũng đến đôi vợ chồng Bạch Kim và Tịnh Quyên trong Thi-Văn-Đoàn Mây Ngàn. Tịnh Quyên cũng là một người phụ nữ nhan sắc lạ lùng mà cả thành phố Huế đều nghe tiếng (*Còn Mây*, trang 44). Bạch Kim và Tịnh Quyên cũng nửa chừng gãy gánh.

Đã tái bản bộ trường thiên của
Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate

ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về:
Diệu Chi K. Nguyễn
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA
Phone: (714) 894-8535

Tầm vông

TRẦN THỊ LAIHỒNG

gửi Túy Hồng

tập tầm vông
tay đây không tay đó có
tập vọ vọ
tay đó có tay đây không

tay có tay không
tay không tay có
đó không đây có
đó có đây không

ngỡ có bỗng không
khi không bỗng có
đầy tay có đó
phủi trắng lại không

có có không không
một khúc tầm vông
ba tấc đất thó
không lại hoàn không

- có có không? - không!
- không? - không có có!
- có không? - không có!
- có có hay không?

tập tầm vông
tay mô không tay mô có
tập vọ vọ
tay mô có tay mô không

có không một mảy bụi hồng

Sau mùa lũ sông Côn

Tâm Thanh

Lev Tolstoj, sau khi viết "Chiến Tranh và Hoà Bình", trở về thôn quê cày ruộng, lập các nông trại kiểu mẫu, sống theo lý tưởng bác ái, hòa bình, kiêng rượu thịt. Mỗi ngày thư từ của người ngưỡng mộ và vấn kế gởi về, Tolstoj không kịp đọc. Xin coi bức hí họa vẽ năm 1890 kèm theo đây, trích trong cuốn "Các Hí Họa Và Giai Thoại Về Tolstoj của Ju. Bitovt, Moskva 1908. Trong khi đó, tác giả của "Sông Côn Mùa Lũ" than *"tôi cô đơn khi viết... sách in ra, sản phẩm có đấy... người ta mang về dùng và sau mười năm chờ đợi...không có hồi âm nào cả"*[1] (tôi cắt xén và đảo lộn thứ tự câu, nhưng vẫn giữ ý). Chẳng có gì lạ. Cứ quan sát và so sánh một buổi trình diễn nhạc của người "tây" với người "ta" là thấy liền: cử tọa tây họ vỗ mỏi tay không thôi, cử tọa Việt Nam ban cho nghệ sĩ vài cái vỗ lẹt đẹt. Đó không phải vì cử tọa ta hà tiện hay trình độ thưởng ngoạn kém. Mà có lẽ vì người mình không quen biểu lộ tình cảm. Coi cải lương mùi tới khóc xụt xùi, nhưng rất ngượng khi có người thấy mình khóc. Bài này là một bước thử vượt qua sự ngại ngùng của một người đọc muốn chia sẻ cảm tưởng với tác giả và các độc giả khác. Bởi vì có vẻ như ngày nay không phải chỉ người viết cô đơn, mà người đọc cũng thế.

Có người ví "Sông Côn Mùa Lũ" với "Chiến Tranh Và Hòa Bình". Nếu việc ví von, vào lúc mà bộ sách chưa được dịch ra một ngoại ngữ thông dụng, có phần chủ quan, thì xét ra không phải là vô cớ. CTBH viết về sự khốc liệt, bật gốc của chiến tranh bên cạnh khát vọng bám vào đất đai và mái ấm gia đình; SCML viết về cơn chính biến của các phe phái

bên cạnh khát vọng cơm no áo ấm của quần chúng; đối với cả hai tác giả, khát vọng ăn no lớn hơn mộng tranh bá đồ vương. *"Những chuyện phế lập nơi cung phủ nhiều lúc không quan trọng bằng một cơn mưa"* (SCML, trg. 1707). Napoléon và Quang Trung có nhiều điểm giống nhau, cả hai có tài tốc chiến tốc thắng, cả hai cùng *"tự cầm vương miện đội lên đầu"*. Cả hai cùng đa tình. Nhưng, hai vị hoàng đế có hai cái nhìn khác nhau về lịch sử. Napoléon "của" Tolstoj tưởng mình có thể lèo lái lịch sử, tạo ra thời thế. Quang Trung "của" Nguyễn Mộng Giác cho rằng chính ông bị cuốn hút trong cơn lũ lụt. Tolstoj đem hòa bình đối chọi với chiến tranh, cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. NMG đem chính nghĩa đối chọi với chính danh, trong một cuộc nội chiến, chỉ về giai đoạn cuối mới có ngoại bang xen vào. Với hai cách diễn đạt hoàn toàn khác nhau và độc đáo, người đọc hiểu rằng lịch sử không tạo bởi những kế hoạch tinh vi của những cá nhân, mà nó là sự áp đặt của một định mệnh mù quáng.

Cái khó để viết một cuốn tiểu thuyết lịch sử, nói chung, là phải kể lại một câu chuyện mọi người đã biết kết cuộc rồi. Ai cũng biết vua Quang Trung đã *"đánh tan 20 vạn quân Thanh, Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tầu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa tới nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy."* (Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*). Nếu không khám phá được những sử liệu mới, hoặc khai thác, chắp nối và lý giải mới mẻ được các sử liệu sẵn có, không ai dám đặt bút viết tiểu thuyết lịch sử. Thà dã sử mà dễ phóng bút hơn. Có lẽ vì sử Việt, số trang đẫm máu và buồn thảm nhiều hơn số trang hoan lạc an vui, nên người Việt hờ hững với việc viết và bảo quản sử liệu. Chúng ta thiếu (chứ không phải không có) những nhà viết sử khoa học và khách quan như Tây Phương; họa may viết được bộ nào thì thiếu sự bảo trì cẩn trọng, chỉ một cơn gia biến cũng đủ thất tán. Chúng ta cũng thiếu tài liệu xã hội nhân chủng học, hội họa thì mộc mạc, viện bảo tàng hiếm hoi, khó mà biết được tiền nhân y phục ra sao, ăn ở thế nào, ngôn ngữ khác nay chỗ nào. Dù NMG đã thu thập được 50 bộ sách và tài liệu, và có lẽ không bỏ sót tài liệu liên quan nào, nhưng có thể nói ông thua thiệt hơn Tolstoj, vì nhà văn hào Nga viết CTHB từ năm 1865-1869, chưa đầy 50 năm sau chiến tranh Nga Pháp, NMG viết SCML từ 1978-1981, 200 năm sau biến cố [2]. Nhưng ông vẫn thành công trong việc dựng lại cả một xã hội Việt Nam thế kỷ 18, lấy Qui Nhơn làm trung tâm, nam vào Gia Định, bắc ra Thăng Long. Đọc SCML, riêng các chi tiết về y phục, tóc tai, nhà cửa, giao thông, thực phẩm và ngôn ngữ, tâm lý... tôi có cảm giác thích thú mà an tâm như coi một cuốn phim tây phương của một đạo diễn có lương tâm. Ông tránh cho độc giả khỏi phải gai ốc thấy

Cô An (người yêu của Nguyễn Huệ) mặc áo tứ thân xanh đỏ tím vàng chẳng hạn.

Đại cương, đây là câu truyện về gia đình ông giáo Hiến, một nhà nho lánh nạn Trương Phúc Loan, từ Thuận Hóa vào làng An Thái, vùng sông Côn. Ông trở thành thầy dạy học cho anh em Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ và quân sư cho Tây Sơn. Nhưng do chủ trương phò hoàng tôn Dương mà ông bị Nguyễn Nhạc nghi kỵ, chết trong thủi nhục. Riêng đối với Huệ, ông giáo Hiến vẫn là một người thầy đáng thương đáng kính. Các con của ông giáo Hiến, cô An trở thành người yêu "không bao giờ cưới" của Huệ; Chinh vào Gia Định chết một cách hồ đồ, thê thảm; Kiên theo con đường huyền bí và trở thành thầy pháp, cố vấn tâm linh cho nhiều người, kể cả Nguyễn Lữ; Lãng, em trai thân nhất của An, mặc dầu khác tính khí và chí hướng với Huệ, trở thành bạn chí thân của Huệ. Huệ coi Lãng như em, giữ riết bên cạnh mình để chứng kiến và ghi chép những giây phút lịch sử của vị hoàng đế cũng như những tâm sự riêng tư của ông. Lãng cũng là cái bóng khác, cái phần nhân cách sâu kín trong Nguyễn Huệ, phần lãng mạn, đa cảm. Huệ trách yêu Lãng hay "phức tạp hóa những điều đơn giản", nhưng Huệ cần sự rắc rối hóa đó để vẫn là con người có chiều sâu, bên dưới đời sống võ biền sôi nổi. Trong vai trò sử quan, Lãng không viết biên niên, nhưng ghi tâm tư, cảm nhận trên những điều quan sát. Nhưng những biến cố xảy ra ồ ạt như thác lũ *"Không đủ thì giờ để sống, làm sao có thì giờ đứng giạt ra một bên để quan sát sự sống! Quan sát đã không kịp làm sao ghi chép!"* (1892) Cuối cùng Lãng vẫn chọn lối chép sử riêng. Thí dụ về ngày Tết Kỷ dậu, tức trước khi vượt sông Hán thủy, tấn công quân Thanh, Lãng ghi:

"Hoàng thượng đột ngột tiến đến gần một bà lão gầy gò, đang nheo mắt ngó cảnh tấp nập. Hoàng thượng cúi xuống hỏi bà lão:

- Chúng tôi sắp giết hết quân cướp nước, cụ có vui không?

Bà lão ngơ ngác một lúc, ngước lên hỏi:

- Hả?

Hoàng thượng kiên nhẫn nhắc câu hỏi. Bà lão hỏi lại:

- Sắp hết đánh nhau chưa?

Hoàng thượng cười, bảo:

- Sắp hết rồi. Cụ có con trai ở lính phỏng?

- Không. Hết đánh nhau chắc lại được no nhỉ?" (1893)

Nguyễn Mộng Giác chọn lối viết sử của Lãng. Ông không kể biến cố, không tả cảnh, chỉ tả những gì dấy động trong tâm ông, dù lớn dù nhỏ. Lãng ngồi trong trại binh chép sử khi đại quân tiến vào Thăng Long thì *"Tiếng chiêng trống làm mặt đất run rẩy, nên nét chữ run rẩy theo"* (1892).

Về cái nhà tản cư ở An Thái của cha con An, ông viết: *"Cửa chính ghép bằng tre đập dập, khuôn cột cẩn thận bằng mây già. Hai cái cửa sổ hai bên hình vuông che kín bằng hai tấm phên đan hình mắt cáo, lúc chống nghiêng bằng hai thanh tre cật, trông từ xa, giống y như hai mí mắt mơ màng nhìn về phía hoàng hôn."* Cái cọc phơi quần áo trong cơn bão: *"Cái sào phơi quần áo đu đưa, dây mây kĩu kịt, cuối cùng không chịu nổi sức gió, đứt tung"* (114). Một tử tội trên đường ra pháp trường, không lo... chết mà cứ loay hoay vì miếng vải băng trên trán sụp xuống, người lính áp giải phải kéo lên giùm: *"An nghe anh ta cảm ơn. Cô ngỡ ngàng không hiểu tại sao trên con đường dẫn đến cái chết, vẫn có những nhu cầu phù phiếm vô ích như vậy... Người ta gác sang một bên, cái chết rầy rà"* (đoạn 7 chương 13 này là một trong những đoạn tuyệt diệu về văn chương). Đèn chai cũng là một dụng cụ cổ và ánh đèn của nó trong đêm: *"Qua màn sương dày, đóm sáng ấy nhòe ra, ươn ướt, như một chất rắn vàng óng đang tan rữa trên tấm thảm đục bát ngát"*. Tả lá trầu: *"Lá xanh lật lìa"*. Nho sinh không thuộc bài: *"Bộ dạng lốm thốm khó coi"*; hoặc chán chữ nghĩa (Kiên): *"Chữ nghĩa rệu rã trong miệng anh, đạo lý nhạt nhẽo không thắng được lòng hoài nghi"*. Tâm trạng một thiếu niên (Chinh) hiếu động thích giang hồ mà chỉ được phép vuốt lông ngựa, và tình nguyện cắt cỏ cho ngựa ăn: *"Và mỗi khi một đoàn ngựa thồ ra đi, bỏ lại máng cỏ héo và nền chuồng hôi hám vương vãi phân và nước tiểu, Chinh có cảm giác một phần ý nghĩa cuộc đời mình bị mang đi mất."* Tâm trạng của một người đang yêu (Lãng) *"Anh đi giữa những hàng tre xanh, trước mắt mọi vật trở nên rộn rã, hớn hở khác thường. Dòng sông xanh hăm hở chảy ra biển cả. Con đường anh đi thì tin cậy chạy theo dòng sông. Tre xanh trìu mến che nắng cho con đường, còn gió thì mơn man vẻ vuốt lên hàng tre, khiến lá xì xào khúc khích. Đời đẹp quá! Kể cả những chiếc lá rụng hình như cũng xem phút lìa cành là bắt đầu của một cuộc rong chơi mới, nên chao liệng đẹp mắt trước khi gửi thân lên mặt đất."* Bên lề cuộc duyệt binh vĩ đại của vua Quang Trung trước ngày bắc tiến, có hai người vợ lính đi tìm chồng:

"Ở một ven đường khác, có một chị đàn bà trạc ba mươi tuổi, mặc cái áo đen vá còn lấm bùn, mặt mày hơ hải, ngấn nước mắt còn rõ trên đôi má lấm bụi, đang tìm cách an ủi một chị đàn bà mắt đỏ hoe:

- Rồi sẽ tìm ra thôi chị ạ, đừng sốt ruột.

- Làm sao tìm được! Cha thằng Chút nhà tôi nhỏ người, đi vào đám đông hút mất, khó tìm lắm. Vả lại, sao người nào người nấy giống nhau như đúc.

- Tại cái nón dấu chứ gì? Chị có nhớ cái nón mo cau anh ấy ra sao không?

- Không, ổng giấu không cho xem, sợ tôi chế nhạo. Đêm qua...

- Anh ấy về được à?

Chị đàn bà đỏ mặt, đáp lúng ta lúng túng:

- Có gì đâu. Anh ấy nhân việc công, tạt qua nhà. Chỉ tạt qua được đủ *thời giờ chằm nón thôi, vì lén lút nên sợ trễ.*

- Vậy thì chị may mắn hơn tôi. Anh ấy chỉ kịp nhắn gặp nhau ở đây thôi.

- Nãy giờ chị có thấy người lính nào thấp mà có nốt ruồi ở mép trái hay không?"

Tưởng chỉ có một người lính đêm lén về nhà để... "chằm" cái nón dấu bằng mo cau cho kịp ra trận, không ngờ ai cũng đội nón bằng mo cau, thì đủ biết lòng dân như thế nào.

Văn chương như trên được trải trên 2000 trang giấy in, bốn chồng bản thảo gần như không một chỗ sửa chữa. NMG viết một lèo, như thác lũ. Có điều tôi trộm nghĩ rằng nếu NMG ngồi mà nhẩn nha đẽo gọt, cân nhắc chữ nghĩa, chưa chắc đã có những câu xuất thần như câu về chiếc lá rơi hay ánh đèn chai trên đây. Henry de Montherlant, khi giới thiệu "Madame Bovary" có viết *"Qua Flaubert, ta biết phải chảy máu và nước[3] để hoàn thành một trang sách"*. Nhà văn nào cũng phải moi tim vắt óc ra chữ nghĩa. Thấy tốc độ viết thao thao của NMG ta hiểu rằng "máu và nước" tuôn ra nhanh hơn, chứ không kém đau đớn hơn. "Chiến tranh hòa bình" trổi vượt hơn SCML trong những cảnh bi thảm của chiến tranh. Nhưng SCML trổi vượt hơn trong những cảnh lê dân bị hà hiếp, bóc lột, đói khát... động lực chính cho sự thành công của phong trào Tây Sơn.

Thấy bộ truyện đồ sộ quá, mà lại viết trong thời gian kỷ lục, tôi nảy ra cái ý đi tìm sơ hở. Tôi chỉ "bới" được bốn "con bọ": ông giáo mắng con *"Đồ con gái hư. Mười tám tuổi đầu mà không biết phép tắc"* (287) Sau đó một thời gian An bị cho nhỏ tuổi lại, *"Cô đã mười bảy tuổi đầu"* (312). Chỗ khác, tác giả để cho Nguyễn Nhạc dùng chữ *"năng nổ"* (1154) là chữ của thập niên 80-90; thời đó chỉ có chữ tương tự là "nắng nỏ" (theo Việt Nam từ điển Lê Văn Đức trích Chinh Phụ Ngâm *"Tưởng chàng trải nhiều bề nắng nỏ"*). Chương 76, tôi chờ coi ngòi bút tài hoa tả cảnh bi hài kịch "nồi da sáo thịt" giữa Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ, nhưng chỉ đọc thấy Nguyễn Nhạc *"bắt buộc phải ẵm Quốc Toản con Nguyễn Huệ lên mặt thành kêu khóc để gợi tình máu mủ"*, và kết luận *"Kể tỉ mỉ làm gì những điều vụn vặt ấy!"* Tôi bị hụt hẫng, nhất là sau khi đọc các chương trước, trong đó sự rạn nứt huynh đệ được phân tích một cách rất thấu đáo, tâm lý sâu sắc. Đoạn An khuyên em trai Lãng, có chút mâu thuẫn. Lúc thì nàng nói *"Chị chẳng hiểu được đàn ông... Nắm quyền thì được cái gì chứ?"*

(1761), lúc nói *"... Người còn chút hy vọng tiến thân là em... Chị thấy trước anh Huệ thế nào cũng làm nên nghiệp lớn. Và chị hy vọng do tình thân thiết em sẽ được cất nhắc"* (1762).

Ngoài vài điều nhỏ nhặt kể trên, khó mà tìm được những điều lẽ ra phải có trong một tác phẩm viết một lèo, không tẩy xóa. Thêm điều lạ nữa là một bố cục đồ sộ và vững chắc như thế mà không có sơ đồ trước, chỉ "theo đưa đẩy của ngòi bút"[1]. Ngòi bút này dẫn dắt người đọc theo chân Nguyễn Huệ vượt qua hết đồn lũy vật chất của nhà Nguyễn, nhà Trịnh tới thành trì chính thống của nhà Lê; và theo trái tim người anh hùng để xem bao giờ thì hình bóng An mới phai nhạt. Ngọc Hân công chúa -mối tình chính thống- và "cô ấy" -người tình đầu-, bên nào nặng hơn? Tác giả không nói rõ tấm lòng người anh hùng, nhưng hai người đàn bà thì *"mau chóng trở thành bạn tâm tình của nhau, vì ngoài những duyên cớ nhỏ như cùng một niềm trân trọng đối với văn chương thi phú, cùng một cảm tình đối với cúc vàng, trên hết mọi lẽ, là niềm cảm thông trầm lặng bên lên vì cùng ngưỡng mộ một người"* (1603). Đọc xong ta mới thở hắt ra, yên tâm...

Họ yêu nhau từ khi Huệ trọ học nhà thầy giáo Hiến. Trong trận đánh Quảng Nam, Nguyễn Huệ tịch thu được một cuốn thơ Đỗ Phủ, đem tặng An, kèm theo một bức thư, nhờ Thọ Hương, con gái Nhạc, gởi cho An. Nhạc biết được, hủy lá thư, giấu tập thơ quí đi. Thọ Hương tìm được thơ nhưng thư biến mất. Đó chắc phải là một bức thư tỏ tình, nếu không, Nhạc không cần hủy đi. Thời gian sau, Nhạc ép em lấy em gái Bùi Đắc Tuyên. Nhưng suốt đời không bao giờ Huệ quên An, và ngược lại. Huệ giữ Lãng bên cạnh để làm cây cầu gần gụi An. Lâu lâu Huệ lại hỏi Lãng về An *"Có còn oán hận ta nữa không?"*. Nguyễn Huệ biết An giỏi thêu thùa, trước ngày đăng quang, tự vẽ kiểu áo cổn và nói Ngọc Hân thêu, và đúng như dự tính, những đường kim lại do bàn tay khéo léo của An là bạn thân của công chúa thực hiện. An miễn cưỡng lấy Lợi, một tên hèn mạt cuối cùng bị xử tử vì tội phản bội. Ngày lễ đăng quang, An căn dặn em ở lại phục vụ hoàng đế, rồi đem hai con trốn ra khỏi Phú Xuân. Khi nghe Lãng kể về lễ đăng quang, *"An hồi hộp, nhớ đến chiếc vương miện chính An đã thêu cho Nguyễn Huệ, nhớ đến những giọt nước mắt nuối tiếc nhỏ trên tấm áo cổn"* (1842) Một buổi chiều lững thững trong trại chỉ huy, tân hoàng đế tình cờ bắt gặp Lãng. Lãng báo cho ông biết:

- Chị ấy đã dẫn hai con trốn ra khỏi Phú Xuân rồi.

Nhà vua bồn chồn:

- Sao Lãng không báo cho ta hay?

- Dạ, hôm sau là ngày đại lễ...

- Lãng có gặp ta trên đàn Nam giao mà! Sao không báo cho ta biết lúc ấy?

"Lúc ấy" là lúc nào, độc giả biết không? Đó là lúc *"... lịch sử sôi sục cuồng nộ... chiêng trống giục giã, ngựa hí voi thét, quân sĩ ùn ùn tiến ra phía trước như nước lũ, chính vua Quang Trung cũng cảm thấy mình mất mình"* (1880). Lúc ấy, nếu Lãng báo tin An trốn đi, nhà vua sẽ xử trí ra sao? Nhưng lời trách *"sao không báo"* lúc này nghe nặng tình quá! Chuyện giết chồng đoạt vợ của các bậc đế vương xảy ra đầy dẫy trong lịch sử, trong đó trường hợp David tổ phụ người Do-thái là điển hình nhất, nhưng Quang Trung Nguyễn Huệ không làm như thế. NMG có lối riêng để tôn phẩm cách Quang Trung lên một bậc cao hơn vua chúa khác, bằng những thái độ và cư xử bình dị của một con người.

Cách Nguyễn Huệ ứng xử với hai chữ chính danh cũng cao cả, khôn ngoan. Triệt để mà không quá khích.

Mở đề, Huệ nêu nghi vấn khi thầy giáo Hiến giảng về bài tựa truyện du hiệp trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên và cuộc thảo luận có tích cách từ chương giữa nhà nho tị nạn với người học trò có "khoái cảm phạm thượng" Tám Huệ. *"Lời thầy dạy con, rút từ sách thánh hiền, đều do những kẻ no đặt ra cả."* (245). Hai người thỉnh thoảng rủ nhau đấu vài hiệp tư tưởng, phần lớn là do những câu hỏi hóc búa của học trò. Càng ngày họ càng ghiền nhau, ngay trong những xung đột tư tưởng. Sự say mê trên hành trình tư tưởng còn được hỗ trợ thêm nhờ mối tình thầm kín giữa con gái thầy và học trò tâm đắc. Thầy còn câu nệ chính danh, trò đã tin vào sức mạnh của lẽ biến dịch, nhưng gặp nhau và thân thiết trong đam mê chân lý, và tin vào những giá trị nhân bản. Trước khi chết thầy biết rằng *"người cầm đuốc soi đường cho ông tối nay là chính đứa học trò thân yêu"* (544). Trò trước một cuộc chém giết biết rằng *"hiếu sát là một thứ ôn dịch, nó lan truyền nhanh đến nỗi không ai có thể được an toàn"* (373). Dù thầy mất trong sự ruồng bỏ của ông cả Nguyễn Nhạc, nhưng Huệ ngang nhiên đi sau quan tài tiễn đưa thầy. Đẹp quá! Sau đó, khi nắm quyền bính trong tay, Nguyễn Huệ không bẻ gẫy truyền thống vô lý bằng bạo lực. Ông dùng Trần Văn Kỷ, một nhà nho thức thời, làm quan trung thư lệnh, một loại cố vấn chính trị, và giao cho Kỷ nhiệm vụ chiêu dụ các nhà nho khác, nhất là La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp, người cứ một mực trung thành với vua Lê. Trần Văn Kỷ không hiểu tại sao Vương phải cầu cạnh Nguyễn Thiếp, ông nói với Lãng: *"Tôi biết trước là ngoài việc trải chiếu hoa trên nền nhà quốc học để mời cụ xơi trầu, uống trà; mời cụ đến dự lễ động thổ xây cất Văn miếu; hoặc đề chữ cho một ngôi đình mới, Vương thượng không thể giao cho cụ việc nào khác đâu."* (Đoạn 4 của chương 81 là đoạn cô đọng

nhất về lý luận chính danh). Ông nghè Kỷ cũng có người con gái, và đến lượt Lãng đóng vai học-trò-tâm-đắc-ngắm-nghé-con-gái-thầy. Chàng hỏi *"Thưa thầy, những nhà sáng nghiệp phải làm sao để có được lẽ chính thống?"* Trần Văn Kỷ trả lời *"Phải tạm dựa vào cái truyền thống cũ trong khi dùng sức mạnh gây dựng một truyền thống mới."* Nhưng đó là sách lược chứ không phải nguyên lý. Đối với Nguyễn Nhạc, "được làm vua thua làm giặc", ông nói *"Thiện là thành, ác là bại"* (755). Đối với Nguyễn Huệ, qua lời Trần Văn Kỷ, chính danh là *"niềm khao khát được sống no ấm, được sống khá hơn của đám đông"* (1661). Trong SCML ta thấy tràn lan cảnh cùng khốn của dân chúng, sưu cao, thuế nặng, quân quân hà hiếp, chìm trong binh lửa... Tác giả mô tả một cách cực kỳ linh động, tinh xảo, và với một tấm lòng trắc ẩn.

Thương nhất là người dân thì chẳng biết chính thống là gì. Họ chỉ biết nhắm mắt hô:

- Vạn tuế! Vạn tuế!

- Vạn tuế gì thế bác?

- Không biết. Chỉ nghe hô vạn tuế! Nào! Vạn tuế! (1285)

Họ không thuộc chữ nghĩa, nên tất cả sự khôn ngoan phó thác cho các ông đồ. Nguyễn Huệ biết vậy, và ba lần cầu cạnh La Sơn phu tử, như Lưu Bị tam cố thảo lư cầu Khổng Minh. Cái khác là Khổng Minh ra giúp Lưu Bị (cũng vì lẽ chính danh thiên mệnh) bằng tâm huyết và kế sách, còn La Sơn phu tử chỉ phán được một câu *"đánh gấp khi địch đi đường xa mới tới còn mệt"*. Binh pháp đó chẳng mới lạ gì, nhưng Nguyễn Huệ vẫn xoa tay nói *"ý phu tử hợp với ý quả nhân. Đúng như lời cổ nhân thường bảo một lời nói mà dấy nổi cơ đồ"*. Rồi Nguyễn Huệ nói với Trần Văn Kỷ *"Ôi chao! Muốn được các thầy đồ công nhận là chính thống, khó quá! Nhất là các thầy đồ Nghệ. Đã khó nhọc như thế thì ông cứ tìm cách loan truyền cho sĩ phu Bắc hà biết rằng ta đánh quân Thanh theo kế La sơn phu tử nhé. Điều đó có lợi lắm."(1865)*

Ôi! Nguyễn Huệ nghĩ ra kế phá giặc, chưa đủ, phải đem kế sách của chính mình cầu chứng nơi một nhà... chính thống về kiến thức. Đó là tuyệt đỉnh tế nhị của nhà anh hùng áo vải thường tự nhận mình là "dân núi".

Còn lại gì sau cơn lũ sông Côn? Tôi gấp tập thứ tư của SCML lại và tự hỏi. Bỗng việc xưa, việc nay chập chùng lên nhau. Lũ lên, lũ xuống, tính thời đại của SCML vẫn đầy. Đọc lại chương 90 mà chính tác giả lấy làm thí dụ trong bài "Nhìn lại những trang viết cũ", tôi thấy chuyện như mới xảy ra. Cảnh hàng thần lơ láo, tâm sự phức tạp của sĩ phu Bắc hà.

Cảnh họp hành cứu nước mà *"Có người rụt rè mở lời, nhưng càng nói càng mê chính âm vang lời mình, hứng chí phát biểu quá đà, cưỡng tình đoạt lý để trở thành trò cười cho thiên hạ."* Tác giả nói ông viết trong bối cảnh thời cuộc năm 1975. Đọc lại, tôi thấy nó đúng cho cả năm 2000, ở trong nước, và ở cả những hội đoàn ngoài nước, nhất là cảnh *"Càng về sau, số người quay ra nói chuyện riêng càng nhiều... Lâu lâu ông cử gàn nói được một câu dí dỏm nghịch lý, thế là cả nhà khách cười ầm, thoải mái... Cuộc bàn luận hỗn độn cuối cùng cũng đến được một điểm cuối: tất cả các nhà nho hiện diện đều đồng ý nên soạn thảo một lá thư chung xác nhận với nhà Thanh.... Chưa kịp tìm người soạn thảo thì có người hỏi bấy nhiêu nhà nho đã đủ túc số đại diện tất cả sĩ dân hay không... lại có người thắc mắc về nghi thức bang giao với nước ngoài..."* Thế ra người xưa, trong lúc thập tử nhất sinh vẫn loay hoay với "tuyên cáo chung", "túc số đại diện" và "nghi lễ", thảo nào cái anh tử tội kia, trước giờ chết, còn băn khoăn về miếng băng vết thương và lời cám ơn. Cảnh sau khi hai võ quan Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân bỏ ra, đại hội rơi vào tình trạng ồn ào như cái chợ, tôi thấy giống hệt cảnh phe quân phiệt bàn giao quyền hành cho phe dân sự, ở bất cứ quốc gia chậm tiến nào (1811). Còn cảnh Qui Nhơn thất thủ (chương 23) thì sao? Một người lính thất trận chửi *"Các quan! Bọn chó má! Đéo mẹ chúng nó. Bà con cô bác nghĩ có tức không. Chúng đã biết tin thất thủ, nhưng không hé răng cho chúng tôi biết. Chúng tập hợp chúng tôi lại, truyền phải hàng ngũ chỉnh tề ra bãi tập luyện. Chờ cho chúng tôi đi xong, chúng thắng ngựa đưa vợ con chạy trốn. Đéo mẹ, quân khốn nạn..."* Cảnh quân Tây Sơn vào Bến Nghé (Sài Gòn): *"... ở đâu đâu cũng phất phới cờ đào cả. Về sau truy ra mới biết có một bọn lưu manh may cờ Tây Sơn, đem đến bán từng nhà với giá cắt cổ. Ai dám từ chối nào?"* (890).

NMG còn có tài "định hình" một số nhân vật, với một giọng hài hước tới ranh mãnh. Ví dụ quan nghi lễ ngoại giao của nhà Tây Sơn sơ nghiệp xuất thân là anh thầy bói tên Chỉ, được biện Nhạc khoái chí khen *"Hèn gì anh vẽ bùa khéo tay"*. Thầy pháp kiêm tướng số Kiên là một anh quẫn trí vì suốt đời toàn gặp chuyện xui, anh biết vỗ về người xui xẻo và hù dọa những tay ngổ ngáo. Anh ru cả Nguyễn Lữ chết bình an trong... lẽ đạo. "Vụ trưởng" tiếp liệu thì do một anh chàng buôn nguồn láu cá (Lợi) hèn mạt, nhưng anh ta lấy được người yêu của Nguyễn Huệ v.v.. Ôi! Những hạng người như thế nhan nhản ra trên đời. Bây giờ.

NMG viết SCML khi còn ở trong nước, nhưng đã có những đoạn tha thiết về sự trở về. Phải chăng lúc đó ông đã có "ý đồ" ra đi và tiên cảm về nỗi nhớ nhà và tiên tri cả ngày trở về. Ông định nghĩa quê hương qua lời

Nguyễn Huệ nói với người yêu *"Quê hương là chỗ để về, nơi có một mái nhà, có những người thân yêu, có những kỷ niệm đẹp nhất của một đời"* (394). Đối với Huệ và An, đó là An Thái. Vì thế khi An cùng em trai trở về mái nhà xưa điêu tàn, nàng phải chờ ban đêm, trốn em ra ngoài, dưới ánh trăng *"Theo lối mòn quen thuộc ngày xưa An vẫn qua lại xách nước, An tìm đến chỗ có lẽ là nhà bếp. Mấy mảnh vỡ của cái ang chứa nước vẫn còn đó. Cái gáo đã mất cán, sọ dừa khô cưa đôi cũng đã bể..."* (472). Nhưng Lãng cũng có tâm sự đó, cũng "lén" ra và hai chị em gặp nhau, chỉ chỗ này là nhà bếp, chỗi kia mẹ nằm. Khi đọc câu *"Mọi người đều náo nức khi nhìn xuống chân đèo, chỉ trỏ nhau phương hướng quê nhà. Phải về thôi"*, (319) không hiểu tại sao tôi có lúc hình dung ra bức tranh "Soria Moria slott" nổi tiếng thế giới của Theodor Kittelsen vẽ cảnh đứa bé đeo ba-lô, tay chống gậy đi đường, mắt ngóng nhìn về lâu đài mộng, có lúc tôi hình dung ra cảnh Maisen đứng trên núi vọng về Đất Hứa. Còn tôi, lòng canh cánh ngóng về quê hương ngàn trùng của tôi, Việt Nam!

"Lịch sử tái diễn", sử gia cổ Hy-lạp Thukydides viết. Nhưng *"Kinh nghiệm và lịch sử dạy chúng ta rằng không bao giờ dân chúng cũng như nhà cầm quyền học được gì từ lịch sử"*, triết gia Đức Friedrich Hegel viết. Nguyễn Mộng Giác không viết một câu nào đại loại như thế trong SCML. Vì SCML không phải là một cuốn sử thuần túy, và Nguyễn Mộng Giác càng không có mục đích viết một cẩm nang để giải quyết các vấn đề thời đại. Thế thì đọc SCML làm gì? Hay như Nguyễn Mộng Giác tự hỏi *"Tôi cũng băn khoăn về lợi ích của những bộ sách tôi viết"*. Với tôi, câu trả lời rất đơn giản: Sau mùa lũ sông Côn, đã và đang có những mùa lũ khác. Dù người đang chìm trong cơn lũ này chẳng học được cách thoát sinh của người trong cơn lũ khác, nhưng ít nhất cũng chẳng nên sống hay chết trong mù lòa. Đọc SCML, cũng như đọc các pho sử hay tiểu thuyết lịch sử giá trị khác, là *"mon men đi tìm chân lý lịch sử, dìu nhau, dắt nhau qua khỏi khói mù hoài nghi."* (544)

Tâm Thanh, Na Uy

CHÚ THÍCH:

[1] Nhìn lại những trang viết cũ - Nguyễn Mộng Giác (in song song trên *Văn Học* tháng 3-2000 và Việt)

[2] NMG bắt đầu tìm tài liệu ngày 4.10.1977, bắt đầu viết ngày 24.5.78, xong ngày 1.3.81 tại Sài Gòn (theo chú thích của tác giả ở cuối sách).

3 "máu và nước": thành ngữ Kinh Thánh để chỉ dốc hết trái tim (Chúa Giêsu bị đâm vào cạnh sườn thấu tim, "máu và nước chảy ra")

Bạn Cũ

Võ Đình

cho Linh Giang

Tìm được số điện thoại của Văn, tôi gọi ngay. Đằng kia dây nói, giọng Văn vồn vã, ấm áp. Vẫn gọi bạn bằng tên và xưng là mình: "Vậy thì gặp nhau ở Contrescarpe đi. Quên đường rồi à? Trời, tụi mình xưa kia ngày nào không cuốc bộ ngả ấy! Để mình chỉ lại cho. Qua Cujas nhé. Xưa Thạch ở ngay đó mà. Ừ, cứ đi thẳng, quá Panthéon thấy nhà thờ St Etienne du Mont. Tiếp tục trên Clovis nhé. Rồi rẽ phải ở Descartes. Nhớ rồi hả? Tốt. Hai phút là tới Contrescarpe. *D'accord. D'accord. À demain. 10 heures.*

Buồn cười. Mấy chục năm khiến cho người ta thay đổi đấy chứ. Trái tim vẫn đó, nhưng tiếng nói có chiều đổi thay. Ở Mỹ thì OK, Ô kiếc. Ở Pháp thì đắc-co với lại xà-va.

Văn và tôi ngồi uống bia ngoài sân lộ thiên ở cái *brasserie* cũ nhìn ra đường Mouffetard. Bàn ghế lóc chóc. Mấy cây dẻ tây khẳng khiu. Hai con chó gầy chạy loanh quanh, sục sạo chỗ này, hít hít chỗ nọ. Hàng quán bên kia công viên lao nhao, rào rào: tiệm bánh mì, bánh ngọt, thịt thà tôm cá, tiệm đồ nguội, rau cỏ, trái cây. Mùi *choucrôute* chua chua đâu đây. Lại có cả mùi xúc xích un khói.

Văn vẫn hút *Gitanes*. Vẫn cầm điếu thuốc giữa ngón cái và ngón trỏ, ba ngón kia khum khum. Vẫn thói quen hớp một ngụm bia rồi khịt khịt cái mũi. Trần quang Tú Lưu Văn. Người có tên năm chữ. Được biết đến hơn: Văn Măng-đen-xon.

***

Dạo ấy chúng tôi còn trẻ lắm, ngày nào cũng túm tụm gặp nhau đấu hót. Đứa mơ làm họa sĩ, đứa "làm thơ", đứa "viết văn". Thằng Hiếu-hạt-tiêu cương quyết một ngày sẽ hiên ngang bước vào Hàn-lâm-viện Pháp

quốc: "Tao sẽ mặc áo đuôi tôm, đeo kiếm có ngù!" Bạn bè cười chế diễu, Hiếu thản nhiên: "Ừ, thì tao nhỏ con. Nhỏ con như Napoléon!"

Văn, Văn học kéo vĩ cầm ở Viện Quốc gia Âm nhạc. Thuở đó, những Perlman, những Du Pré, nếu đã ra đời thì còn đi học mẫu giáo. Đó là thời của Stern, của Oistrach, của Menuhin. Văn nói: "Thằng" Menuhin sư vậy mà mỗi ngày mỗi luyện. Ba ngày không luyện, thính chúng biết. Hai ngày không luyện, tụi phê bình biết. Một ngày không luyện, chính mình biết". Lại nói: "Trước khi xách đàn ra sân khấu, hắn trồng cây chuối, *asana yogique*, ba mươi phút để định tâm. Khiếp!". Chuyện "Milstein cướp đàn", Văn kể nhiều lần, không chán. Đang réo rắt ngon trớn, dây đàn đứt phựt. Milstein đặt ngay đàn mình xuống chân, giựt cây đàn trong tay đệ nhị vĩ cầm và tiếp tục cho đến hết bản nhạc. Cả một Salle Pleyel đứng dậy. Chưa bao giờ tiếng vỗ tay kéo dài đến thế. Tuy ngưỡng mộ Milstein như vậy Văn lại được biết đến như *Văn Măng-đen-xon*.

Ngồi quán, đi ngoài đường, hứng lên là Văn quên hết mọi người chung quanh. Cây đàn tưởng tượng kê dưới cằm, tay trái bấm liên tục trên phím, tay phải kéo cây cung vĩ cầm, miệng huýt sáo *Concerto en E mineur* của Mendelssohn. Người lạ có dừng lại nhìn con người quái gở, Văn không để ý. *Tiếng khoan như gió thoảng ngoài/ Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa*. Suzanna lắc đầu, vờ ngán ngẩm. Lắc đầu nhưng hoan hỉ, hãnh diện, chiêm ngưỡng. Suzanna là bồ của Văn. Cha Parisien, mẹ Corse. Năm thứ nhất trường Thuốc. Một nhan sắc chìm chìm, tối tối, nhưng con người cung cách, óng ả. Tóc dài và dày. Lông mày lông mi đen, rậm. Văn khoe: "Rậm lắm. Đen lắm." Và chúng tôi, những anh con trai tuổi hai mươi, cười hô hố.

Uống hết mấy chai Carlsberg với hai dĩa đậu phụng rang, chúng tôi chia tay. Văn nằn nì: "Thạch phải đến nhà ăn cơm với tụi mình. Suzanna bảo kéo cho được bạn về đấy. Ừ, tối mốt nhá!"

Hai hôm sau, tôi lấy *métro* đến nhà Văn. Khu Neuilly. Đại lộ Augier nhiều cây lớn, toàn những ngôi nhà bề thế xây lên thời dân *bourgeois*... làm vua. Kín cổng cao tường. Ban-công sắt rèn. Tam cấp đá hoa cương. Vào cửa chính phải có tín hiệu. Tiền sảnh nền cẩm thạch. Thang máy lát gỗ anh đào êm ru. Tôi bấm chuông nơi có gắn bảng đồng sáng loáng: Dr. Suzanna Ségrin Tran. Người mở cửa là một thiếu nữ xinh xắn, tóc vàng, áo váy đen tuyền, cổ và tay đính nẹp ren trắng. Tôi nghĩ thầm: Lại có cả thị tì. Thằng Văn sống ở đây được à!

Chuông reng, có tớ gái trang phục đúng kiểu gia nhân thượng lưu mở cửa đón khách trong khi ông chủ lại lúi húi sau bếp. Văn bước ra, còn

mang tạp-dề, nắm lấy cánh tay tôi:

- Thơm không? Thơm quá chứ lị!

Văn nấu bún riêu. Quay sang cô tớ gái, sai dọn rượu khai vị, Văn kéo tôi ngồi xuống ngay ở cái bàn nhỏ trong bếp:

- Mình bây giờ là *homme à tout faire**. Con nhỏ mở cửa cho Thạch là để làm cảnh. Suzanna ở phòng mạch về ngay bây giờ.

Chúng tôi vừa chẻ rau muống vừa uống *apéritif**, nói chuyện. Văn khoe rổ rau kinh giới và hũ mắm ruốc Việt nam. Bạn cũ gặp lại nhau sau nhiều năm, thường chóng chán. Hân hoan vồn vã được một hồi, hết chuyện. Văn và tôi nhìn nhau nhiều hơn là nói. Nhìn không chán. Một cái gì lâu quá không thấy, nay bỗng nhiên tìm ra lại. A, nó đây. Nó đây này. Văn bảo tôi:

- Già đấy. Râu Thạch bạc hết rồi.

- Ừ, già chứ. Văn không râu nhưng tóc bạc phơ. Mới hăm mấy, Văn đã có dăm sợi bạc. Tụi mình thèm lắm. Đứa nào cũng ước có mái tóc bạc bạc. Ra cái điều từng trải mà...

Văn nhấp một hớp rượu, khịt khịt mũi:

- Mới đấy...

- Ừ, mới đấy...

Chúng tôi ngẩn người, ngơ ngác; ba bốn chục năm đã trôi qua. Từ đâu trong chung cư thoảng vọng ra: Tì tì, tị ti ti, tì tí ti, tì tị ti tì...

Tôi hỏi:

- Brahms?

Văn gật đầu.

Đúng lúc ấy, Suzanna bước vào. Bà bác sĩ tuổi sáu mươi đẹp hơn hồi còn đi học. Bộ *pantsuit* màu sô-cô-la rất đậm, giản dị nhưng sang trọng. Xắc và giày da kỳ đà nâu nhạt hơn tí xíu, óng vàng. Khăn lụa choàng cổ trắng, đen, cam, đường nét tượng trưng. Rất *Paris 16ème**.

Không như Văn, bà vợ có khác đi nhiều. Thân ái, tự nhiên, nhưng nghiêm trang, kín đáo. Ngày xưa, khuôn mặt trắng ngần và mái tóc đen mướt ấy đã phảng phất cái bóng chìm chìm, tối tối. Bây giờ, ở đuôi mắt và khóe môi... Không phải chỉ là nét tuổi tác. Người Pháp gọi một khuôn mặt như vậy là *"marqué"*. Nét hằn... Tôi sực nhớ câu thơ Xuân Diệu: *"Hoa thu không nắng cũng phai màu/ Trên mặt người kia in nét đau"*.

Chúng tôi bưng mấy tô bún riêu ra bàn ăn. Văn khui chai vang trắng. Bún thật ngon. Bà bác sĩ cầm đũa rất thạo nhưng ăn chưa hết Văn và tôi đã làm sạch tô bún riêu. Văn liếc đồng hồ tay rồi xòe cả mười ngón ra:

- Xin lỗi, xin lỗi. Suzanna *ma chérie*... Bậy quá, vui quá suýt quên. Xem cái này nhé. Nhất định phải xem.

Văn đứng dậy, mở *la télé*. Cuộc trình tấu đã bắt đầu. Yehudi Menuhin.

Tiếng vĩ cầm quằn quại, nức nở. Rồi từ từ, từ từ, trở nên thôi thúc, quyết liệt. Rồi bung lên trận pháo bông hào quang ngời ngời. Rồi chìm hẳn xuống, rì rầm, thê thiết. Tiếng đàn xoáy vào đâu, tuôn tận phèo phổi, xuống tới ruột gan. Mặt Suzanna bâng khuâng, xa vắng. Trong khi Văn rướn người về phía màn truyền hình, chăm chăm nhìn bậc thầy gông mình kéo hết bản nhạc. Những giai điệu cuối cùng xoắn tít, quyện lấy nhau, thủy triều dâng lên, chồm lên, sóng bạc đầu điên cuồng dựng đứng rồi lao lên bờ cát, tuôn trào, lan tràn, lăn tăn, li ti...

Menuhin khom mình tạ từ thính giả: mắt Văn chớp chớp, long lanh. Môi Văn run run.

Tiếng vỗ tay mới bắt đầu rào rào, Văn đứng phắt dậy, tắt máy, đi ngay vào bếp để làm tô bún mới cho cả ba. Suzanna không muốn ăn thêm, xin rút lui đi nghỉ, "để hai anh nói chuyện với nhau". Nàng bảo tôi:

- Tuần sau anh rời Paris rồi à? Phải đến với tụi này ít nhất lần nữa. Hứa đấy nhé! Nhé?

Đã quay lưng đi, Suzanna ngoái lại nhìn chồng, thật nhanh. Cái nhìn thương yêu. Ẩn nhẫn. Ái ngại. Người cựu sinh viên trường Y cẩn trọng quá.

Đến gần mười giờ đêm, tôi mới quyết tâm đứng dậy ra về. Văn mặc thêm áo ngoài, nói để đi bộ một đoạn với tôi.

Đại lộ Augier giờ ấy rộng thênh thang. Cuối tháng chín, trời đêm Paris đã se lạnh. Những mảng trắng loang lổ trên thân dãy bạch phong sáng ngời trong ánh đèn. Tiếng gót giày nện lên lề đường một thoáng cho tôi cảm giác năng nổ của thời trai trẻ. Tôi hích cùi chỏ vào Văn:

- Nghe tiếng giày kìa. Vui hả?

- Ừ, vui. Lâu lắm mình mới được nghe tiếng giày như thế này. Thạch biết không? Lúc nãy, không có Suzanna mình đã khóc rồi!

- Mình biết. Còn vướng cái vĩ cầm đến mức ấy à?

- Còn, còn chứ. Thế mới kẹt. Xưa, hồi còn học ở *Conservatoire*...

- Mình nhớ... Tụi mình gọi Văn là Văn *Măng-đen-xon*...

Văn đứng hẳn lại. Tôi cũng dừng chân. Văn nắm lấy hai tay tôi ở ngay cùi chỏ. Nắm cứng ngắc:

- Ừ, mê lắm. Thế mà... Thế mà... Thạch đi rồi, rời Paris rồi, mình cũng ít khi về *Quartier**. Hồi đó mình có cái phòng con ở tận mãi quận 20, gần nghĩa trang. Père Lachaise, nhớ không, có mộ của Modigliani đó. Mình ham luyện đàn quá, lắm bữa ăn tối qua loa chi đó rồi tiếp tục đàn. Đến cái giờ ai về nhà nấy rồi mình mới rời Viện. Từ đó về đến phòng trọ, phải đổi xe ít nhất một lần. Ấy vậy mà trên nẻo *métro* nào mình cũng thấy

một ông già áo đen lụng thụng, ôm cái "rương" vĩ cầm. Chắc là kéo đàn thuê đâu đó về. Kéo đàn mua vui ấy mà. Người ta tiệc tùng say sưa xong xuôi rồi mới được ôm đàn về. Có bữa mình đổi hướng đi, lấy xe khác, vẫn thấy một ông già ôm vĩ cầm trong *métro*. Cả Paris có bao nhiêu "nghệ sĩ" như vậy? Hàng ngàn? Hàng vạn? Mình sợ quá. Cặm cụi kéo đàn ở *Conservatoire* để làm gì? Để một ngày nọ, đêm hôm khuya khoắc ôm đàn lủi thủi dưới lòng đất Paris như thế à? Mình sợ. Sợ quá. Đàn vẫn kéo nhưng lòng tin cứ long ra, rã dần, rơi rớt dần. Càng ngày mình càng thưa đến Viện. Rồi dứt hẳn. Xoay qua một hai hướng khác. Chẳng đi đến đâu cả. Rồi Suzanna tốt nghiệp. Mình chưa nên trò trống gì Suzanna đã nằng nặc làm đám cưới. Rồi mở phòng mạch. Rồi hai đứa con song sinh. Cuộc sống ngày càng phức tạp. Và mình làm *homme à tout faire** từ đó. Giấc mơ tiêu hao như điếu thuốc lá. Khói bay đi. Chỉ còn cái tàn lạnh và tanh. Tối nay nhìn Menuhin kéo đàn mà nước mắt cứ chực trào ra. Hèn. Mình là một thằng hèn...

Tôi ôm lấy hai vai người bạn cũ:

- Ừ, hèn. Nhưng Văn nấu bún riêu rất ngon. Nghe Menuhin đàn mà muốn khóc lại càng ngon. Rứa là tốt. Rứa là tốt.

Văn cười lớn:

- *Pas vrai**? Này, đến *métro* rồi đó. Lấy ngả Sèvres, xuống Michel-Ange Monitor, đổi về Austerlitz. Nhớ xuống Maubert là vừa.

Tôi bước đến cấp cuối cùng, ngoái lên, Văn còn đứng trên miệng hầm. Văn kêu với:

- Rứa là tốt , hí!?

***

Thuở ấy tôi đã được nghe tiếng kèn nọ rồi mấy năm sau mới quen Văn. Chưa bao giờ có dịp kể cho Văn nghe. Phải chi trạm *métro* xa hơn, chúng tôi cùng đi bộ với nhau một đoạn đường nữa có lẽ tôi sẽ nhớ lại tiếng kèn và kể cho bạn nghe.

Phòng tôi ở từng năm. Một cửa sổ hẹp và cao: nhìn xuống thấy cái sân tráng xi-măng dưới xa, sâu và mát như lòng giếng. Đêm đêm réo rắt tiếng hắc tiêu trên cao, đoán chừng từng bảy, từng cuối. Có thể trên cả từng cuối, trên *mansarde* *.

Tiếng hắc tiêu âm u, thê thiết. Có bữa nét uất nghẹn biến đi, thế vào là tiết nhịp thôi thúc đặc thù châu Phi xích đạo. Hay âm hưởng thống hận da đen châu Mỹ. Rồi lại quay lui về với những giai điệu ray rứt đau đớn cũ. Tôi mê tiếng hắc tiêu hàng xóm hồi nào không hay. Đêm đêm, tôi chờ đợi, tôi lắng nghe tiếng kèn, bồi hồi thương xót.

Một hôm lấy chìa khóa phòng ở quày mụ quản gia, tôi mới tình cờ

biết mặt người thổi kèn. Mụ Lancôme giả ngọt, rầy rà khéo anh hắc tiêu:

- *Monsieur Kwame*, ông thổi kèn hay đáo để. Đêm nào cũng được nghe. Có bữa đã ngủ rồi giật mình tỉnh thức vì tiếng kèn của ông đấy. *Clarinette* há? Hay quá. Mấy người ở tầng trên tầng dưới đều nghe ông cả. Đêm hôm khuya khoắc ngủ cả rồi mà vẫn được nghe!...

Monsieur Kwame lúng búng gì đó trong miệng, cầm chìa khóa phòng rút lui. Cà nhắc, cà nhắc. Một anh thọt. Lên cầu thang vừa hẹp vừa dốc, anh lết bết cái chân như một con chó què.

Từ bữa đó, tiếng hắc tiêu có vẻ co rút hẳn đi. Vẫn đắm say, vẫn thê thiết, nhưng có lúc nhỏ rí như một vết cứa rỉ máu. Chưa có dịp làm quen thì không nghe tiếng kèn khuya nữa. Mụ Lancôme nói *Monsieur Kwame* đã rời Paris, đã về Cameroun, quê anh, miền Phi châu xích đạo.

Tôi chưa bao giờ kể Văn nghe tiếng kèn của anh da đen thọt chân. Trước kia, tôi không kể vì với tuổi hai mươi tiếng hắc tiêu trên tầng cuối một khách sạn tồi có là gì khi đem so cùng tiếng đàn các nghệ sĩ lẫy lừng thế giới chơi những bản nhạc thượng thừa cổ kim. Ngày nay tôi cũng không kể làm gì khi Phi châu xích đạo đã và đang trải qua bao cuộc đổi đời khủng khiếp: "cách mạng", đảo chánh triền miên, hạn hán, lũ lụt, đói khát năm này qua năm khác, AIDS, LUPUS, những đại nạn hủy diệt hàng triệu, hàng triệu người vô tội. Anh thọt thổi hắc tiêu, biết đâu, có thể đã trở thành... bộ trưởng văn hóa của xứ anh. Cũng có thể anh đã chết cùng đồng bào anh, chết dấm chết dúi, chết bờ chết bụi, chết mà không biết rằng tiếng hắc tiêu của mình, đêm đêm trong "kinh thành ánh sáng"...

Tôi chưa bao giờ kể Văn nghe tiếng kèn của anh da đen thọt chân. Nhưng trước khi rời Paris, tôi sẽ gọi thăm người bạn già. Tôi sẽ bảo hắn là ngày nào không làm *homme à tout faire* * nữa thì có thể mở quán bún riêu. Nấu đặng như vậy, ắt sẽ đắt khách. Với lại, Văn này, xá "thằng" Menuhin một xá chứ thật ra kéo một bản đàn, dù là *Symphonie No.1* của Brahms đi nữa, chưa chắc đã hơn gì nấu được nồi bún riêu ngon quá là ngon.

Võ Đình
2000

CHÚ THÍCH

Truyện ngắn mà lại có "chú thích" là một điều kỳ cục, không nên làm. Tuy nhiên, hoàn cảnh đặc biệt của "văn chương hải ngoại" với bạn đọc tứ tán nhiều nơi, sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau, đòi hỏi phải có "chú thích".

Tháng năm xanh
ĐẶNG HIỀN

Buổi sáng, mặt trời lên mặt trời lên
Bãi cỏ bước qua bãi cỏ bước về
Mai lỡ cạn thơ tìm dòng khác
Nghe cuối chiều lục lọi trái tim

Ngày tháng năm có loài chim lạ
Đôi mắt mơ màng nhớ nhớ quên quên
Em ở đó lạc cùng gió hát
Con trăng bỏ về khi tiệc chưa tan

Mùa nắng tới trên cánh đồng xanh thẳm
Nắng đi qua thấp thoáng nụ cười
Bông hoa sớm mang tình đi mất
Tôi mang về bờ môi tháng năm

Buổi sáng, mặt trời lên mặt trời lên
Chuyện tình yêu con nước chảy hoài..

(CA. 2000)

Homme à tout faire: ở Pháp, cô gái giúp việc trong nhà gọi là *bonne*, rút ngắn của *bonne à tout faire*, (sai) việc gì cũng làm. Khi Văn gọi mình *homme à tout faire* là có ý tự trào, cho rằng ở nhà, lo mọi việc, mình là một thứ con sen... mày râu.

Apéritif: rượu nhẹ khai vị.

Paris 16ème: quận 16, khu giàu sang nhất Paris.

Quartier: gọi tắt *Quartier Latin* (Xóm La Tinh): quận 5, quận 6, trường ốc, sinh viên, v.v...

Pas vrai!?: Thế à!? Thật đấy à!?

Mansarde: tầng cao nhất, ngay dưới mái; chỉ những ai ít tiền nhất mới thuê ở: thấp, hẹp, lạnh mùa đông, nóng mùa hè, thiếu tiện nghi... Vì kiến trúc sư vẽ kiểu đầu tiên: François Mansard, thế kỷ 17.

Những vùng ảo tưởng

KIỆT TẤN

ngàn đời còn nhớ tên em
ngàn đời còn nhắc tên em

như loài cây nghiện nặng lục diệp tố
anh dánh cắp mặt trời trốn lên những vùng băng giá
mặt trời ru anh ngủ những mùa đông dài mississipi
mặt trời trụy thai mặt trời chết
bỏ anh một mình trong những ngục tù lạnh trắng mắt trong

đến những gã tiều phu mang rựa mác đến khẩn hoang
khu rừng trong anh và vút bùa xuống phù sa một
bãi bể hạt giống
mầm ngọt chết mầm chua cũng chết
những bụi xương rồng bắt đầu nhú lên lớn dần theo
ngày tháng gai góc thấu xuyên từng thớ thịt.

trong lúc dẫy dụa đớn đau anh quay cuồng
thoát khỏi sức hấp dẫn ngân hà
dấn thân vào quỹ đạo vạch nên những vòng lẩn quẩn lập thể
nhưng vòng lẩn quẩn không có định nghĩa nào khác hơn
và trong cuộc hành trình những miệng núi lửa hành tinh
anh không ngớt phẫn nộ hộc ra những vùng khói mù tự do
ôi những vùng ảo tưởng tự do
trong đêm tối anh rỏ thầm nước mắt nói với em
những vì sao độc hành suốt đời chua xót

những miệng núi lửa hành tinh nung nấu thịt xương
anh chín muồi
anh lột da biến thành loài rắn khổng lồ không có
mắt để vui mừng hay để làm nguồn nước mặn
cụa quậy trong vũng tối dầy triệu triệu năm ánh sáng
để rồi cỏ cây non không biết bao lần mọc lên
cỏ cây non không biết bao lần tàn đi trên thân thể.

Trong buốt pha lê

Nam Dao

Mầu lam nhạt pha loáng thoáng tím ngắt là mầu sáng một chiều đông rơi mau ngoài cửa sổ. Tôi đứng dậy. Ông ta lí nhí cám ơn rồi theo chân. Bước ra khỏi nhà quàn, tôi bảo "..thôi về, tôi chở ông".

Lên xe, ông ta im lặng.

Ông thờ thẫn nhìn ra trời tuyết. Trắng xóa. Trống vắng. Trùng trùng điệp điệp màu trắng và trống. Sự im lặng bỗng hóa ra bao la đến ghê rợn. Tôi nói lơ đãng "mùa dài tựa như không bao giờ dứt, ông nhỉ!". Ông ta vẫn im lặng. Xe đổ dốc trơn tuột, chúi xuống như trượt băng. Để chân nhấp lên bàn thắng, tôi buột miệng "Shit!" tay bẻ vô lăng quẹo trái vào con đường nhà ông.

Đến cửa, ông ta ngần ngừ". Hay ngủ lại đây tối nay đi. Đài T.V. báo mưa băng verglas, lái xe về Montréal có thể nguy hiểm...". Nhớ đến Felicia, tôi gật đầu. Mai là thứ bảy, ngày nghỉ. Tôi vào nhà, mở niên giám tìm tiệm pizza, quay điện thoại gọi đặt một cái thập cẩm all-dressed, 16 inch. Ông ta lẳng lặng đem ra hai cái ly, rót scotch, đổ xô-đa vào đẩy một ly về phía tôi. Tôi lắc đầu. Ông uống ực một hơi, rồi đứng dậy. Ông cầm chiếc búa, bổ củi rồi chẻ ra thành từng khúc nhỏ bỏ vào lò sưởi. Nhóm xong lửa, ông lại ra ngồi, tay cầm cái ly tôi không uống, chép miệng "Một mình, nay một mình!". Ái ngại, tôi nhìn ông. Để ly lên miệng, ông lại uống, rồi nói trống không "Cả hai có lẽ đều đi lên Thiên đàng rồi".

Tôi mường tượng lại hình ảnh xác bà ta trong quan tài ở nhà quàn. Bà vốn đầy đà, quan tài phải thửa riêng. Mắc chứng boulimie khiến lúc nào cũng ăn, bà phải nặng chí ít cũng đến hơn một tạ. Trong áo quan, thân thể bà phồng lên như miếng "buche" phủ đầy kem. Nhà quàn trát phấn, tô môi cho bà, hai môi đỏ chót nhìn tưởng như trái cerise thường để

trên trang trí cho loại bánh ngọt rẻ tiền. Ông ta lại quơ chai scotch. Chuông cửa reo. Chắc người ta giao pizza. Tôi đứng dậy.

Cắt pizza, tôi bảo "Ăn, không ăn uống say chết!". Ông ta gật gật, trông bất lực đến tội nghiệp. Ăn xong, tôi cời lửa, hỏi "Ông để tôi ngủ đâu?". Ông ta chỉ lên lầu, thẫn thờ "Thì phòng Félicia trên đó!". Lên thang, tôi nói với xuống "Cho tôi nghỉ một lát nhé!", tay đẩy cửa căn phòng tôi đã một lần ngủ qua đêm cách đây chưa đến một năm. Bật đèn, tôi nhìn quanh. Vẫn thế. Nhưng thiếu, thiếu Félicia. Giường nằm cạnh tường, drap xanh màu nước trải rộng như đại dương. Bên cạnh, bàn ngủ đỏ au màu gỗ acajou. Vẫn hai bức ảnh. Ảnh khi Félicia học xong trung học, miệng cười rạng rỡ, mái tóc hung hung óng ánh đổ xuống bờ vai. Ảnh khi Félicia tốt nghiệp đại học, mũ có một tua đỏ, nghiêm nhưng hiền và đẹp như bức tượng Đức Mẹ trong các thánh đường. Tôi nằm xoài trên giường, với tay tắt đèn. Ngay bên tai là tiếng pha lê chạm vào nhau thánh thót văng vẳng. Tôi nhắm mắt. Ai đó thì thầm. Tôi lắng nghe. Đằng sau tiếng pha lê, đâu đó có một thứ âm thanh kỳ diệu, không phải là tiếng người, không phải là tiếng nhạc, là âm thanh nhưng sao lung linh màu nắng và mang theo những cơn gió. Lạ nhỉ. Âm thanh mà lại có màu. Có gió. Lại lung linh, có đời sống. Giá cứ nhắm mắt để có thể nghe những âm thanh đó, có lẽ tôi sẽ chắp tay cầu xin Đức Mẹ cho tôi nhắm lại mãi mãi.

*

Trên con phố ngày xưa mang tên Maplewood, là rừng phong, là thơ, là mộng. Chợp mắt một đêm, sáng sau đường đổi thành Edouard Monpetit, tên một ông thầy tu giòng Tên nào đó mang khoa học nhân văn đến cái đại học nằm nghễu nghện trên núi. Đêm hôm trước, trời đổ mưa. Sáng ra, trời bắt đầu đổ lạnh. Âm hai, rồi âm ba... và cứ vậy chênh chếch âm bốn C. Nước mưa bám trên những cành phong đông đá. Rừng phong dưới chân đại học hóa thành một rừng cây pha lê. Những cành khô bọc đá băng trong suốt lung linh dưới nắng. Nắng vàng rực rỡ. Nắng chói trên những bãi tuyết trắng xóa đã đậu lại từ tháng trước. Nắng làm cho trời trên cao xanh hun hút. Nắng làm tuyết óng a óng ánh, màu trắng của tuyết nay phơn phớt lân tinh biêng biếc lạnh, cái lạnh có chất ẩm luồn lách theo những cơn gió. Gió liu riu, thỉnh thoảng lại tất tả thổi, rất bất ngờ, như nghịch ngợm, như trêu cợt. Lúc đó, những cành cây pha lê chạm nhau, tiếng leng keng văng vẳng, nhỏ nhẹ, mơ hồ, len qua những vùng mờ ảo của cảm giác lênh đênh bắt gặp lại từ một thời xa xưa quá vãng.

Rừng pha lê cất tiếng hát như thế đấy. Đứng trên nhìn xuống, những

cành phong còn non bọc trong pha lê xòa cong mình trong chiều gió thổi tựa như cả trăm cánh tay vũ "ba-lê" cùng vung cao theo cung độ một bản thánh ca giao hưởng. Tiếng hát trong vắt thủy tinh vút đến từng li ti tế bào não bộ gợi lên nỗi bâng khuâng lẫn lộn vui buồn, không đối tượng, không chủ đích, không bất luận một thực tại nào. Trong thanh âm đồng ca một giọng vượt cao va vào mây trắng để văng vẳng vọng về tiếng lụa tơ tươm tả xé rách bươm hồn. Buột miệng, tôi khe khẽ nói một mình, hát tiếp đi, hát nữa lên, hát thế là hát như trẻ thơ. Félicia chau mày "Có gì mà phải hát. Chẳng lẽ vì đường đổi tên?". Bước quanh bức tượng Edouard Monpetit để vào cổng phụ Centre Social là nơi sinh viên đến trong giờ nghỉ học, Félicia trượt chân, tay víu vào tôi. Nó làu bàu "Suýt nữa - ngước nhìn bức tượng nó buông xẵng - A, đừng có cười ta". Đó là lần đầu tôi mê đắm cái trong suốt của cả cánh rừng băng đóng óng ánh pha lê. Đó cũng là lần đầu tôi thấy Félicia nói với cái giọng khó chịu ta thán. Nhưng lạ thật, đó cũng là lần đầu bỗng nhiên tôi nẩy ý chiếm đoạt nó như một người đàn ông chiếm đoạt thân xác một con đàn bà, tôi - vừa bé vừa gầy - mà nó gọi là Petit-corps, thằng nhỏ-con, một thằng sinh viên da vàng đến từ cái vết ưỡn ẹo chữ S trên mảnh bức địa đồ mầu bôi lòe loẹt.

Quả là lạ. Từ ngày tôi nảy ra cái ý chiếm đoạt thể xác Félicia, tôi bỗng ngửi thấy một thứ mùi là lạ mỗi lần ngồi cạnh nó. Hít hà, tôi nhìn, cười cười "Mi bôi cái gì vào người". Nó trợn mắt "Không bôi gì. Tao chúa ghét nước hoa!". Tôi lại hít hà "Có mà, cho tao ngửi". Nó giả lả "Mi vờ, mi định trêu tao?". Tôi chúi mũi vào tóc nó, rồi vào cổ nó. Đẩy tôi ra, nó bảo "Đừng làm trò khỉ, tao không thích thế đâu". "Không, có cái mùi hăng hăng, ngai ngái, nồng nồng... Hay là nách mi, cho tao ngửi". "Không, khỉ lắm". Tôi dỗ mãi, tuần sau Félicia cho tôi chúi mũi vào nách. Vẫn không phải. Nhưng ngồi bên nó, cái mùi hăng hăng, nồng nồng, gây gây vẫn cứ xông vào mũi tôi. Tôi nói. Nó cợt "Hay là mùi da đỏ. Bố tao lai da đỏ đấy". Nó đẩy tôi ra "Nhưng tao không thích mi hít hà như thế!". Nó lại lạnh lùng quay mặt giấu vẻ bực dọc. Như thế, tôi lại càng thú vị.

*

Tôi làm quen Félicia năm ngoái. Nó lóng ngóng ôm một chồng sách, mắt ngơ ngác nhìn quanh tìm một chỗ trong thư viện. Đứng dậy, tôi nhường chỗ cho nó. Nó mỉm cười cám ơn. Tôi vào lớp, hết giờ học lại quay lại thư viện. Đến lượt tôi lóng ngóng tìm chỗ. Vào lúc sắp thi, bọn sinh viên lúc nhúc ngồi học, đứa nào đứa nấy cằm cặm cùi cụi. Thấy tôi, nó đứng dậy, nói nhỏ "Giả chỗ cho mi!". Nó cười, ôm sách, chồng sách nặng trĩu. Một quyển rơi xuống đất. Tôi cúi nhặt. À, sách hội họa. Tác phẩm của Gauguin.

Tôi đưa cho nó, nheo mắt, thì thầm "Mi vẽ?". Một thằng sinh viên ngước nhìn, miệng khe khẽ suýt. Félicia trề môi, lẳng lặng đi ra. Tôi theo. Ra khỏi cửa thư viện, nó quay sang hỏi "Mi tên gì? Petit-corps". Từ đó, nó gọi tôi là Petit-corps, và hầu như chẳng bao giờ nghe câu tôi trả lời. Tôi hỏi lại, nó đáp nó ở cư xá sinh viên, chỗ Résidence cho con gái. Cười tủm, tôi bảo tôi là hàng xóm nó. Tôi ở trên dốc đồi, chỗ cư xá sinh viên con trai. "Sao chẳng bao giờ thấy mi đi ăn ở cafeteria?". "Eo ôi! Ăn cái quái gì được. Ngày nào cũng thế, này pâté chinois này, rồi ra-gu cừu, và cứ đến thứ sáu là cá... cá luộc, tanh lắm. Mà này, pâté chinois có thật là món Tầu không?". Tôi lắc đầu. Nó thất vọng "Tao thỉnh thoảng ăn món này để có cảm tưởng mình đang du lịch. Mi nói thế thì chắc tao không ăn nữa!". Tôi cười cười "Hôm nào tao mời mi đi ăn phố Tầu, góc La Gauchetière và St-Laurent. Đến đấy, ăn món Tầu thật, không phải là pâté chinois... Mi tha hồ mà du lịch, muốn đến Vạn Lý Trường Thành cũng được".

*

Để nguyên quần áo, tôi ngả người nằm xuống giường. Áp mặt vào chiếc gối, tôi hít vào, hít thật sâu. Cái mùi nồng nồng, gây gây, lại hăng hắc đâu đây? Nhắm mắt lại, tôi tập trung cả trí tuệ lẫn giác quan vào cái mũi. Cứ thế tôi hít hà cho đến lúc nghe tiếng động khe khẽ phía cửa sổ.

Félicia ngồi, mặt hướng ra ngoài, lưng quay về phía tôi. Tôi hỏi "Mi đấy à? Mi về lúc nào?" Tiếng đáp nhỏ như tơ "Mới đây thôi! Mi ngủ say quá. Mi ngáy nữa, tiếng ngáy rông ron như tiếng mô tơ xe". "Ừ, tao mệt. Làm xong là tao lái xe đi đến thẳng nhà quàn. Mẹ mi nằm, mắt nhắm, trông thanh thản lắm!". Tiếng cười nhẹ. "Thanh thản. Dĩ nhiên là thế!". Tay đưa lên ve vuốt mớ tóc hung hung xòa xuống lưng, Félicia im lặng. Thỉnh thoảng có tiếng xe chạy, bánh lăn trên mặt lộ lạnh cứng đông đá nghe xào xạo.

"Petit-corps, mi chắc còn giận tao?" Félicia thốt lên. Tôi hờ hững "Giận mi làm chi?". Félicia lại cười "Không giận thì sao biệt tăm mấy tháng liền... rồi chỉ hôm ấy mới về với tao!" Bật miệng, tôi gần như quát "Ừ, tao giận đấy. Mi khiến tao không làm được đàn ông!" Félicia thở dài "Mi vẫn là đàn ông. Nhưng mi mất mặt, tự ái. Chỉ có tao...". Ngập ngừng, giọng Félicia nhẹ như tơ, trôi đi thoáng ánh sáng mỏng mảnh hắt qua cửa sổ, tiếp "Chỉ có tao mới không là đàn bà thôi. Có đàn bà nào mà không tử cung, không bụng, rỗng tuếch rỗng toác như thế. Đã vậy, mi chẳng hiểu, còn tao, tao lại không có quyền giận mi. Thậm chí còn ân hận là đằng khác". Đưa tay lên vuốt ve mớ tóc hung hung xòa xuống lưng, Félicia co vai, mặt cúi xuống không nói gì nữa.

Thình lình, Félicia vui vẻ "Mi có nhớ con bé Rosemary ngồi cạnh chú chó sói của Perrault không? Tao gặp nó rồi". Tôi lắng nghe, nhưng dĩ nhiên không tin, không tin một chút nào. "Hôm nọ, tao với nó rủ nhau cùng đi ăn sáng". Cười trong cổ họng, tôi gắt "Thôi, đừng nói láo, mi nói cho tao vui hẳn!". Quả là xưa nay cứ tôi thúc thì Félicia mới ăn một tí. Nửa miếng sandwich, hai cái biscuits secs. Vừa ăn, vừa lẩm bẩm đếm số calories trôi qua cổ. Và nhìn tôi, nó bảo "Nể mi lắm. Tao vẫn ở mức 95 pounds. Mi thấy, những đứa bé ở Biafra, có đứa chỉ 40 pounds mà vẫn cứ sống. Còn tao, đừng có lo gì. Mi thấy đó, tao vẫn đi học, đi thi. Trừ mi, có ai nói gì đâu. Tao vẫn bình thường - Félicia chép miệng - chỉ còn hơi béo một tí. Tao xuống được thêm 10 pounds nữa thì parfait - thì toàn hảo - rồi mi xem". Tôi lại ngắt lời nó "Biafra, khiếp! Thôi, không xem gì cả. Mở T.V., nào trung úy Calley châm lửa đốt nhà ở Mỹ Lai, nào đại tá Nguyễn Ngọc Loan kê súng sáu bắn vào đầu một thằng Việt cộng vụ tết Mậu Thân trên đường Nguyễn Tri Phương trong Chợ Lớn, nào bé gái tên Lan cởi truồng chạy trên Quốc lộ 1 ở Tuy Hòa, da thịt cháy xém vì bom xăng napalm. Rồi ở Biafra. Nhìn mà kinh. Người đói chỉ còn da bọc xương. Những bộ xương khô cử động, và những cặp mắt to tròn, lồi ra, vô hồn... trong khi đó thì Hợp Chủng Quốc và Canada mang lúa mì ra đổ xuống biển để giữ giá... Thôi, đừng xem gì nữa. Đi học với tao trên thư viện, đợi 11 giờ đêm thì về! Về sớm, lại mở T.V., lại thấy cảnh bom napalm cháy bùng lên da thịt trên châu Á, cảnh những bộ xương khô nghễu nghện khập khiễng trên châu Phi..."Ẹc, xem làm gì! ". Félicia gật đầu. Nhưng mấy hôm sau, nó khều tay tôi "Tao thử nhịn và sống cái cảm giác của những bộ xương khô xem sao nhé! ". Tôi chửi nó "Mi ngu. Cuối năm nay ra trường rồi, ăn lấy sức mà học cho xong. Lại còn cái projet tốt nghiệp. Mi có nghĩ đến cái dự án đó chưa?". Nó đáp, giọng ráo hoảnh "Rồi, Tên projet là *Phùdu: Sống trong mùa đông*". Trầm giọng, nó thì thào "Éphémère: Vivre en hiver", loại installation. Và nó sẽ phù du còn hơn cái tên tao đặt cho nó"

*

Chỉ vào bức tranh thủy mạc vẽ cành trúc cong veo của Tô Đông Pha trong tập tranh cổ tôi mượn ở thư viện, tôi nói "Đấy, cũng mùa đông. Một cành trúc ẻo lả trơ trụi. Và gió. Mi thấy không? Mất người họa sĩ phương Đông khác. Không màu sắc lòe loẹt. Không hình thể mà là bản thể. Bản thể của sự vật. Đi đến đấy, tức đi đến ngưỡng cửa của bản thể chính người vẽ. Bước qua, là vào đến bản thể của cả vũ trụ". Nó tinh nghịch trêu "Ai dậy mi thế! Tao chỉ thấy cành trúc này thật gầy gò. Sao mi không giục nó ăn như mi giục tao?". Tôi đỏ mặt, định cãi, nhưng rồi thôi, lảng "Tao, tao

chỉ định góp ý cho cái dự án tốt nghiệp của mi. Bọn học cùng lớp nói là Đại học đề nghị cho mi giải thưởng của Thống sứ Toàn quyền, nếu như cái projet đó...". Trừng mắt, Félicia xẵng "Nghệ thuật không cần giải thưởng! Mi nói lung tung". Thấy tôi tiu nghỉu, nó nắm cườm tay tôi, dịu giọng "Rồi mi xem. *Éphémère*. Phù du lắm. Chỉ một giây là hết. Sau cái đoạn kết đúng có tích tắc đó, cái bề ngoài vật chất thăng hoa. Tao đã nghĩ kỹ rồi. Một cành trúc gầy không có sức biểu hiện đoạn kết đó". Choàng tay lên vai tôi, nó tiếp như để an ủi "Mi sẽ là người đầu, và có thể cũng là người cuối cùng xem tác phẩm đó. Tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó".

Phải có cái projet bí ẩn của Félicia tôi mới khám phá ra sự tương phản giữa cá tính bên trong với cái bề ngoài của nó. Nó để tóc dài và chỉ mặc váy chứ không mặc quần bò Levis. Nó ít nói, rụt rè và khi nói thì nói nhỏ nhẹ với tất cả mọi người. Thế là tôi cứ mường tượng nó như những em gái Trưng Vương, ngay cạnh hông Sở Thú, những em tóc cũng dài, mắt cũng nhìn xuống e lệ, tay níu vạt áo xanh dương bay tốc lên trong gió sớm. Nhưng tôi nhầm. Cũng như tất cả những kẻ xung quanh nhầm. Đúng, nó chăm chỉ, tỉ mỉ, làm gì cũng kêu "Chưa, vẫn chưa hoàn hảo. *Pas encore parfait*". Đúng, nó ăn nói dịu dàng. Không, không phải thế, nó có nói gì với ai đâu. Chẳng nhẽ dịu dàng lại có thể chỉ là dư âm của sự im lặng. Không, cũng không phải thế. Và *pas-encore-parfait* là cụm từ đầy hiểm nghèo. Đi tìm sự hoàn hảo không phải là một cuộc phiêu lưu vô định hay sao?

Nó mất cả tháng, kiện lên đến Khoa trưởng, nhất quyết thể hiện cái projet mà đám thầy, bà của nó cứ quầy quậy lắc đầu. Nó không chịu vẽ, nặn tượng, hay dệt vải, làm đồ gốm... rồi trưng bày trong đại sảnh của Đại học như mọi sinh viên tốt nghiệp. Nó vẫn thưa gửi dịu dàng đủng đỉnh, không, nó nhất định không làm giống mọi người vì nó bảo sợ nhàm. Nó muốn thể hiện một tác phẩm có định mệnh. Phương tiện là médium, là môi giới. Médium của nó phải khác. Và thầy, bà lẽ ra là phải khuyến khích nó chứ. *The medium is the message*. Môi giới chính mới lại là thông điệp. Nhưng thầy, bà sợ cái mới. Sợ cái việc phải mặc áo quần mùa đông để ra khỏi đại sảnh chấm điểm tác phẩm của nó. Thầy, bà lắc đầu, than "Con bé thật dị!". Nhưng rồi thầy, bà cũng phải chịu. Bà Khoa trưởng nhắc bốn năm nay điểm gì nó cũng hạng nhất. Và Đại Hội đồng của Viện Đại học đã trót đề nghị tên nó cho giải thưởng của Gouverneur Général, Thống sứ Toàn quyền, một giải thưởng lớn nhất cho sinh viên tốt nghiệp

trên toàn đất Canada.

Kể từ dịp nghỉ lễ Giáng Sinh, Félicia lao mình vào cái projet đó như thiêu thân bắt được ánh đèn. Nó không ăn. Mỗi đêm chỉ ngủ năm tiếng, sáng dậy là cặm cụi dùng kìm uốn những sợi dây thép thành xương, thành sườn cho những mẫu hình người có, vật có, cây cối cũng có. Rồi nó nhào một loại bột như thạnh cao vào với đất sét.

Mua cho nó khúc thịt nguội và bánh mì, tôi mang đến phòng nó ở Résidence. Nó lẳng lặng đặt tất cả lên bàn, không nói không rằng, lại quay vào công việc. Nhìn lên tường, tôi sững người. Không hiểu nó cắt từ đâu toàn hình ảnh trẻ con Phi Châu bị đói ăn, mắt đứa nào đứa nấy sâu hoắm, nhưng long lanh khiến cho đầu chúng trông phình ra. Những cái đầu lâu sống động. Tôi nhìn Félicia. Vai nó gầy gò nhô lên. Tôi chợt nghĩ đến con vạc. Như cánh vạc bay là mi đấy à? Tôi dịu dàng "Tao mang về cho mi ăn. Không phải để mi bỏ đấy, thịt thiu rồi mi lại vất đi như những lần trước!". Nó ngước mắt, nhìn rồi lẩm nhẩm chỉ có thế mà tính ra những 2000 calori. Đầu gật gù trông như phình to trên đôi vai mỗi ngày một cao lên và nhọn đi tựa chông vót, nó với lấy một miếng bánh, cố nhấm nháp rồi bảo "Thôi, Petit-corps. Đừng mua gì cho tao ăn. Thế này là đủ một hai ngày rồi. Có lẽ tuần sau tao sẽ làm xong cái projet. Tao nhờ mi khênh đi hộ. Và giúp tao ba cái việc tưới nước". Tôi thốt "Tưới nước? Mi có điên không?". Không đáp lời tôi, Félicia ra kéo tấm vải đậy một bức tượng làm bằng bột thạch cao trộn với đất sét trắng. Tượng nặn một đứa gái và một con chó sói. Đứa gái to bằng người thật, tóc dài, trần trường, ngồi co hai đầu gối lên, một tay làm dấu thánh giá, tay kia chìa ra vuốt ve đầu con chó sói mình chúi xuống, đuôi cong ngược về phía sau, mõm nghếch lên nhe nanh ra chực cắn. Tôi lùi một bước, hoảng hốt "Gì thế? *Éphémère* chỗ nào? *Vivre en hiver* mà thế à?". Félicia nhìn tôi cười bí mật. Nó bảo "Tao bỏ tượng vào lò nướng cho khô một tí rồi mới quét màu lên. Màu sẽ là màu nước, pha thật loãng cho nó giống thủy mạc phương Đông để mi vui lòng, Petit-corps ạ".

*

Sang Giêng, tuyết đã phủ trắng một thành phố cứ choãi ra, im lìm, xa vắng. Khi khói lò sưởi lượn lờ trên nóc những mái nhà không bốc lên nổi trời cao để tan biến đi là những lúc lạnh nhất. Âm 20 độ C là ít, và có gió thì thành âm 30, âm 40 . Gió thốc cái lạnh như thốc cả trăm mũi kim châm vào da mặt tê cứng không cảm giác sau chừng năm ba phút ra đường. Gió thế, người co lại, gập xuống, trong áo ngự hàn với nào là mũ, găng, khăn quàng, toàn thân xù ra như loại gấu lông xứ lạnh. Tôi lập cập chúi đầu

bước, răng đánh vào nhau, miệng lầu bầu rủa trời mắng đất. Félicia lạnh lùng "Ăn thua gì, Petit-corps. Cái âm trong lòng mới đáng sợ. Xem mấy bức ảnh tao dán trong phòng, mi sẽ thấy". Tôi ngạc nhiên. Nó đủng đỉnh "Trẻ con ở Biafra khi chết đói mắt vẫn mở, mồm há, răng nhe ra như cười. Còn cái bụng, cái bụng trẻ con chết đói là phình ra tròn vo. Ở đây, mi, tao, và mọi người mở T.V. coi những hình ảnh như thế, ngày nọ qua ngày kia, thì trong lòng âm bao nhiêu độ C? Petit-corps, thế giới ngày nay ào vào hiện diện trong phòng khách mọi nhà. Chiến tranh Việt Nam với những cảnh thịt da bốc cháy lửa bom xăng đặc, và cơn đói châu Phi với những cặp mắt con ngươi lồi ra, long lanh chất axít cồn cào của dạ dày bỏ trống. Những hình ảnh đó chập chờn hàng ngày ám ảnh. Tao tự hỏi, lòng con người có thể đạt đến độ âm nào? Cái độ âm tuyệt đối ở đó mọi sự sống không còn ư?". Đột nhiên, Félicia đổi giọng, đay nghiến "Tao ích kỷ. Mi cũng vậy, Petit-corps. Thật tội nghiệp", và nước mắt ứa ra. Đó là lần đầu trong ba lần tôi thấy nó khóc.

Một sáng sớm đầu tháng Hai, Félicia gọi điện thoại "Mi đến giúp tao". Chúng tôi lấy xe chở bức tượng đến Đại học. Félicia đã chọn một chỗ đặt tượng ngoài trời. Cũng chính cái ý này mà thầy, bà trong khoa Mỹ Thuật ban đầu không chịu cái projet của nó. Họ bảo, nếu muốn xem tác phẩm mà phải choàng manteau, đi ủng, trùm mũ len và đeo găng tay thì có được ai? Nhưng Félicia nào phải là đứa thiếu thông minh. Nó chọn khoảnh đất khá bằng phẳng ngay cạnh cầu thang dẫn lên Đại học, xung quanh là những cây phong rụng lá nằm thoai thoải dốc đồi. Nó cười đắc thắng "Muốn vào Đại học lối này là phải xem *Éphémère*, không muốn xem cũng chẳng được!"

Chúng tôi lấy chân dậm cho tuyết chắc lại trong một chu vi rộng độ hai chục bộ rồi mang nước tưới lên, băng dần dần đóng lại bóng loáng, hệt như mặt hồ vào mùa đông. Đến khi hài lòng, Félicia mới mang bức tượng khỏi xe, tay gỡ mảnh vải chùm lên, răng lập cập đánh vào nhau vì lạnh. Tượng đứa gái đập vào mắt tôi: bây giờ, Félicia đã quệt lên mớ tóc dài màu hung hung đỏ, và cặp mắt, ôi cặp mắt xanh màu da trời, xanh và trong, trong suốt, nhìn không thấy được chiều sâu, hoặc giả có chiều sâu nhưng sâu hun hút, sâu đến tận vô cực. Màu da, màu da mới lạ, nửa ửng hồng, nửa tím nhợt nhạt, màu tím uốn rồi gãy theo khớp xương, xương sống, xương sườn, xương chân, xương cùi chỏ, xương đầu gối, xương lõm vào, xương lồi ra, uốn éo theo hình thể những bức ảnh treo trên tường trong phòng Félicia, ảnh của bọn trẻ ở Biafra bị bỏ đói. "Mà này - tôi hỏi, giọng thất thanh - Félicia ơi, tại sao bụng nó lại tròn tròn trên cái cơ thể

gầy gò cong queo này". Félicia đáp "Rosemary có chửa, mi quên rồi à? Rosemary trong phim của Polansky đấy. Nó chửa, và cái bào thai trong bụng có thể là con của quỉ Sa-tăng". Cúi xuống, tôi nhìn kỹ khuôn mặt đứa gái. Trời ơi, tôi kêu "Tượng mi ư? Sao miệng mi há ra như đang thét lên". "Không, tao có thét đâu, tao chỉ bảo con sói nhe răng định cắn rằng nhỡ cái bào thai tao mang đây là con của Chúa thì sao?". Tôi lùi lại. Răng con chó sói nặn bằng thạch cao được tô màu bích biếc. Còn mắt nó, đỏ hỏn, rừng rực lửa. Toàn là loại màu có lân tinh sáng lung linh, rờn rợn ma quái. Tôi thốt lên "Trời ơi! Cái gì phù du ở đây?". Félicia cười nhạt, xẵng giọng "*C'est à suivre*, để hạ hồi hẵng hay... Dẫu con Chúa hay con Sa-tăng thì kết cuộc cũng phù du,cũng *éphémère* thôi!". Nói xong, Félicia với xô nước, nâng lên rồi xối xuống tượng đứa gái và con sói. Tôi hoảng hốt hỏi "Mi làm chi vậy?". Nó không đáp, tiếp tục xối nước, mắt tập trung vào công việc như bị thôi miên, miệng mím lại. Nước đông lại, từng lớp băng dần dần đóng quanh bao bọc bức tượng. Gió ở đâu bất ngờ thổi. Hai đứa cùng quay lưng lại chiều gió, tay kẹp lấy vạt áo lạnh, khom người che mặt. Tay Félicia run rẩy. Khi dúng nước, cái lạnh là lạnh buốt hệt như thuốc tê khiến tứ chi mất hết khả năng cử động bình thường. Nó nhìn tôi cầu cứu. Tôi tiếp xô nước, xối như nó, đợi từng lớp băng đóng vào bức tượng. Cứ thế, chẳng nói chẳng rằng, tôi ngưng thì nó tiếp. Đến quãng ba giờ trưa, lớp băng bọc đã dày độ hai milimét. Như mê mụ bởi lớp pha lê óng ánh phản chiếu mầu nắng và mầu trời thỉnh thoảng lại hiện lên dăm sắc cầu vồng, tôi nghiến răng chôn bức tượng vào lớp đá lạnh, xối nước như cái máy tự động cho đến lúc Félicia dằng xô nước đẩy tôi ra. Nó bảo "Thôi, được rồi! Hệt như là verglas, mưa băng mùa đông. Đấy, chẳng nghệ sĩ nào vượt quá được thiên nhiên - nó ngửng mặt tiếp - lạy Chúa, xin vinh danh Người! Quả là có thế thật!" rồi bật cười tự chế diễu.

Chúng tôi lùi ra xa ngắm bức tượng bọc băng lóng lánh dưới nắng mùa đông. Félicia cắm biển bằng gỗ, chữ kẻ màu nâu *"Éphémère : Vivre en hiver"* rồi quay nhìn tôi, mặt tím ngắt vì lạnh, lắp bắp " Petit-corps, Xong rồi. Bây giờ về. Mi ôm tao cho ấm. Tao phải ngủ, có được không?"

*

Lấy tấm chăn đắp lên người tôi, Félicia mơ màng "Lại nhớ hôm mang *Éphémère* ra đặt cạnh cầu thang Đại học. Tao lạnh đến độ chân tay cóng đến không còn cảm giác gì nữa. Chắc mi cũng thế, phải không?". Thì chắc chắn vậy. Nhưng tôi chỉ bậm môi, dìu Félicia vào phòng tôi. Lấy tất cả chăn gối ra, tôi đắp lên mình nó, rồi tôi xoa đầu nóng, lọ đầu con hổ bằng thiếc sơn đỏ bé bằng hai đầu ngón tay tôi mang theo từ ngày rời Sài Gòn. Tôi xoa lên năm đầu ngón tay, năm đầu ngón chân, lên ngực

nó, xoa rồi tôi bóp tay, bóp chân, vuốt ngực, vuốt vú nó. Nhắm mắt, nó thỉnh thoảng rên nhè nhẹ, mái tóc hung hung đỏ đổ ra mặt tấm drap trắng như một vũng máu đang đông lại. Tôi rúc người vào trong chăn, ôm nó, lòng chập chờn một nỗi thương xót hoang mang, tay vuốt lên những khớp xương đang ấm lại dần, đầu mơ màng bất định. A, con bé! Mi gầy như Rosemary, bức tượng đang chịu lạnh, cái lạnh âm 10 độ C ngoài kia.

Giọng Félicia lại vọng lại từ một quá khứ xa xăm "Mi biết chứ? Mấy hôm sau ngày nào tao cũng ra xem những người đi qua nhìn bức tượng. Có kẻ bĩu môi. Có kẻ dửng dưng. Có kẻ dừng bước, chăm chú nhìn, rồi ngày nào đi qua cũng lặp lại một động tác. Dừng chân, nhìn, khe khẽ lắc đầu, tiếp tục đi. Báo Quartier Latin của sinh viên viết rằng bọn học Mỹ Thuật làm triển lãm tốt nghiệp Đại học trong Hall, riêng có bức tượng *Éphémère:Vivre en hiver* là đặt ngoài trời. Tượng cóp nhặt dấu ấn của phái Expressionisme, nhưng *Vivre en hiver* thì dễ thấy chứ *éphémère* là sự bịa đặt cốt thu hút chú ý của người thưởng ngoạn. *C'est de la tromperie - đó là giả trá*. Đấy, chúng nó viết như vậy, tỉnh bơ, phán như lời Chúa phán. Bọn học cùng lớp bảo tao, mi phải viết trả lời bọn nó, giải thích *éphémère* là thế nào, chứ để chúng nói lung tung thế sao? Tao không viết, đáp cứ chờ, đâu cứ phù du là phải phủ nhận thời gian, cái chiều thứ tư phải thêm vào không gian ba chiều mắt nhìn không thấy. Một đứa năng nổ gọi điện thoại cho báo chửi chúng hồ đồ và lặp lại lời tao bảo là hãy kiên nhẫn đợi. Báo liền bồi thêm một bài ngắn vài chục chữ, *éphémère* là phải đợi à? *Une contradiction dans les termes!* Một sự mâu thuẫn tự tại. Ha, ha - Félicia bật cười - chúng không chờ được, cái bọn hãnh tiến huyễn hão, bọn *vaniteux*. Nhưng trớ trêu, thật trớ trêu, chính hai cái bài báo đó đã khiến không biết bao nhiêu người tò mò đến xem bức tượng. Còn bức tượng, ánh sáng ban ngày thay đổi khiến màu sắc bỗng chuyển động hệt như sinh vật có sức sống bên trong. Đứa gái tóc hung trần truồng lưng dựa vào gốc phong, mồm há ra kêu thét, mắt xanh trong, ngồi co chân lên, bụng có mang cong tròn, một tay làm dấu thánh giá, tay kia xoa đầu con chó sói lông xám, mắt đỏ màu lân tinh nhe răng xanh biếc ra chực cắn, chực xé, ven một cái hồ đông đá bóng loáng. Rồi họ viết, kẻ khen, người chê. Kẻ "nhìn" thấy *éphémère*, người không. Kẻ cho là *expressioniste*, người lại bảo đó là hiện thực, thậm chí siêu-hiện thực. Rồi chê nhau, dè bỉu cho đến chửi nhau, và đôi khi quên hẳn đi bức tượng. Trong khi đó, con chó sói chỉ chực vồ Rosemary. À, mi có hiểu tại sao tao bảo con sói là của Perrault không? Con sói giả làm bà già định vồ con bé quàng khăn đỏ đấy. Lần này, sói hiện nguyên hình. Nhưng không có ông thợ săn vào đến cứu

Rosemary cả. Chuyện đời không phải là cổ tích kể cho nhau nghe để an lòng. Niềm an lòng nếu có được đến từ đâu? Petit-corps, từ đâu hả mi? A, nỗi phù du. Hiểu thế, có an lòng được không? Tao không biết. Tao cố nghĩ là như thế. Nhưng sao hình ảnh những đứa bé bụng ỏng chỉ da bọc xương ở Biafra cứ ám ảnh tao từng giây từng phút, hả mi? Phù du là đời sống, cớ gì tao lại để hình ảnh sự phù du ở Phi châu trên màn ảnh T.V. vô hồn kia nó làm tao lợm giọng buồn nôn mỗi lần tao thấy đồ ăn thức uống ê hề ở xứ này?".

*

Mùa Xuân năm ấy đến sớm hơn lệ thường. Mới giữa tháng Ba tuyết đã bắt đầu tan, chim chóc trốn cơn đông giá đã bay về rừng phong, tiếng hót ríu rít gọi nhau nghe vang một góc đồi, sà xuống đậu trên vai Rosemary vẫn trần truồng trong buốt giữa lớp pha lê băng đóng. Con sói nhe răng ra từ gần hai tháng vừa qua hình như vẫn đe dọa lũ chim. Chúng chờn vờn, bay qua bay lại như thử thách, nhưng khi đáp xuống chúng vẫn tránh cho xa, lảng vảng đâu đó xung quanh, rồi hốt hoảng cùng nhau bay tuốt lên cao mỗi khi gió động thổi rơi một nhánh phong khô còn mắc lại trên cành cao, tiếng rơi rất nhẹ, lắm khi tưởng mơ hồ như tiếng cục cựa của loài sóc đã thỉnh thoảng chui ra từ những hốc cây bí ẩn.

Félicia thở dài ngước nhìn trời. Sao mi lại thở dài khi mùa Xuân đã trở về? Nó bảo "Đã đến phút cuối cùng của một đoạn kết!". Lạ nhỉ, mi có điên không?" "Không", nó cười buồn, tay gỡ những sợi tóc hung hung xòa xuống mặt rồi lẳng lặng đi đường vòng, tránh theo lối cầu thang, nơi bức tượng *Éphémère : Vivre en hiver* đang hóa thân để mang hết ý nghĩa của đoạn kết một tác phẩm: lớp băng bao bọc bức tượng chảy thành nước khiến thạch cao và đất sét chỉ được nướng qua nay nhẽo ra, chảy dài, hình thể chùng xuống mặt đất như căng kéo bởi một sức hút đồng tâm khủng khiếp. Nước chảy làm màu vẽ trên bức tượng lem nhem, những sợi tóc hung hung của Rosemary nay đỏ đục như máu ứa ra từng vệt kéo hằn lên vết thương bổ dọc. Còn mắt Rosemary, màu mắt xanh trong nhòe nhoẹt lem luốc đỏ ứa ra nhỏ xuống từng giọt, từng giọt. Những giọt nước mắt, mỗi một giọt lại đục vào thạch cao, làm nhão thịt da, bắt đầu là hai gò má, loang lổ, lõm vào, rồi trống hốc trống hoác phơi dần ra những sợidây thép kết lại làm chỗ dựa cho khuôn mặt khi xưa, những sợi dây thép quăn queo, nhô lên, oằn oại, túm tó vặn vẹo lấy nhau. Hai ngày sau, thịt vai, thịt ngực cũng nhẽo dần, chảy ra bầy nhầy, vừa trắng vừa đỏ. Rồi đến bụng. Bụng Rosemary bây giờ là một túm dăm sợi dây thép cuốn vòng, rỗng không. Rỗng tuột. Rỗng tếch, chẳng đèo bồng được cả con của Chúa

lẫn con của Sa-tăng, không hề có dấu vết gì của sự sống. Rosemary hóa thân thành một đống dây thép có đủ xương sọ, xương sống, xương sườn, xương tay, xương chân. Con sói của Perrault cũng mất hết da hết thịt. Màu xanh răng nanh, ánh đỏ cặp mắt sói giờ trộn lẫn vào màu xám của lông, đổ dài một vũng sền sệt dưới chân cái khung dây thép xoăn cong, có gọi là sói hay gọi là bà nội của cô bé quàng khăn đỏ cũng chẳng một ai còn phân biệt được.

Bọn học truyền hình trong khoa Mỹ Thuật mang máy ra quay với vận tốc chậm. Tác phẩm của Félicia vừa ra, rã xuống thành một đống dây thép được ghi hình, hiện vẫn còn nằm trong kho lưu trữ của phân khoa. Báo Quartier Latin hết lời xin lỗi và đòi phỏng vấn Félicia. Nó từ chối. Truyền hình của bang Québec mò đến điều đình mua lại bản quay của Khoa và rình rập thế nào tóm được Félicia, giới thiệu nó như một mầm non đầy triển vọng trong nghệ thuật tạo hình. Nó nói rất ít, chỉ lập đi lập lại "Tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó". Từ ấy, nó trốn biệt. Dĩ nhiên là sau nó được giải thưởng của Gouverneur, nhưng ngày trao giải và bằng cấp, nó bảo nó bệnh, không đến lấy. Giải thưởng gửi cho nó là một ngân phiếu hai nghìn đô. Félicia chuyển cho Hồng Thập Tự Quốc Tế, chỉ ghi đằng sau "Xin mang đến cho những đứa trẻ bị bỏ đói ở Biafra!".

Tôi có linh cảm Félicia bệnh thật. Tuyết tan và mùa Xuân đã về, nó nhờ tôi đến dọn dẹp. Vào một tối có trăng, Félicia mang hai bao rác bằng giấy nhựa ni-lông màu xám sỉn đến cạnh cầu thang nơi đặt bức tượng. Tôi ngồi cạnh nó, im lặng, mặc cho nó gục vào vai tôi thút thít khóc. Chung quanh, bọn sóc đã ra kiếm ăn, chạy sột soạt khắp nơi. Ôm vai nó, tôi không kìm được, nói nhỏ "Félicia ơi! Có lẽ... có lẽ tao yêu mi thật!". Nó đưa tay bịt mồm tôi lại, nói như điên như dại trong nước mắt "Petit-corps, bụng của Rosemary trống rỗng, không có mầm sống từ lúc mới năm tuổi, và chẳng có gì khỏa lấp được để nẩy ra xanh tươi, như định mệnh". Rồi nó đứng dậy, vội vã quơ mớ dây thép bỏ vào hai bao rác, miệng mím lại kìm những tiếng nấc, người lênh khênh chao đi như chực ngã trong bóng đêm xanh nhợt dưới ánh trăng.

Chúng tôi mang hai bao ni-lông bỏ vào lò thiêu rác của Résidence. Félicia bật miệng "Như là lò thiêu người của bọn Nazi". Tôi chưa biết nói gì thì nó lặp lại "Tác phẩm nào cũng có định mệnh của nó - rồi tiếp - Tao là tác phẩm của Sa-tăng hay của Chúa hả Petit-corps?", giọng như lạc vào

một nơi không còn gì để bấu víu. Tôi hoảng sợ, ôm chầm lấy nó. Nhưng nó gỡ tay tôi ra, vuốt lại mái tóc hung hung đỏ tràn đổ xuống bờ vai gầy, và dịu dàng nói "Cứ bình tĩnh, Petit-corps, phải bình tĩnh!".

*

Hạn chót cho những kẻ không học khóa hè là cuối tháng Tư phải rời khỏi cư xá sinh viên. Những ngày cuối xuân hối hả như cây cỏ, mọc cho nhanh, thật nhanh, để kịp sống một mùa hè có dài thì cũng chỉ đến tháng Tám là hết. Bấy giờ, những nụ non xuyên tuyết màu lơ nhạt đã héo dần, để chỗ cho đám hoa crocus tím, vàng nhô ra khỏi mặt cỏ xanh rì mượt mà sắc non của ngọc bích. Sáng sớm, mặt trời chói lòa hắt xuống nhân gian tất cả sức nóng vừa sớm qua đông, cái sức nóng đủ ấp cho đám gà non có sức đạp vỡ cái vỏ trứng mỏng mảnh để chui ra chiêm chiếp kêu nỗi mừng một chân trời tự do mới mở. Tung những hột lạc cho đám sóc non bé bằng nắm tay tung tăng quanh gốc những cây phong đang nẩy lá, Félicia reo lên khi tôi đến. Nó vừa đứng dậy, vừa cười "Bonjour, Petit-corps! Mi phải dậy sớm thế vì tao, tao đền cho mi cái chi đây?". Tôi nắm tay nó, lắc và bảo "Dễ lắm. Đền cho tao, thật dễ! Mi xem, một thằng đực mới nhấp nhỉnh trên hai mươi như tao, cái gì... là... là cần nhất?". Nó chu mỏ, tinh nghịch "Ăn, ăn để lớn. Petit-corps, mi biết, không có sức khỏe chẳng làm gì được! "rồi bất ngờ nó víu đầu tôi hôn lên môi, một cái hôn vội, nhưng là cái hôn đầu. Tôi ngỡ ngàng. Bối rối, tôi ậm ừ ngờ nghệch "Bây giờ lên khênh đồ xuống, phải không Félicia?".

Bỏ lên xe mấy cái va-li, hộp giấy đựng toàn sách vở, Félicia vào ngồi cạnh tôi. Xe lên xa lộ Métropolitain, lấy đường 40 chạy về phía đông rồi bắt đường 15 ngược lên phía bắc. Qua St- Jérôme, đi thêm một lát là tới một cái làng nhỏ nơi gia đình Félicia trú ngụ. Tôi cho xe đi chậm lại, quẹo trái, nghe Félicia nói "Xuống đến cuối cái dốc là nhà tao". Nó dặn dò "Bố mẹ tao là những người đơn giản nhất thế gian này. Đừng ngại. Tao điện thoại về đây, bảo tao sắp đính hôn - rồi nó cười khúc khích, cấu tay tôi, tiếp - vì...tao đang có chửa!".

Bà mẹ nghe tiếng xe là mở cửa chạy ra reo "Ils sont arrivés!". Béo tròn, bà lịch bịch như một quả dưa hấu trong bộ quần áo rộng thùng thình màu lam, tay đưa ra bắt tay tôi, giọng vui vẻ "Bienvenu!". Vào đến salon, ông bố ở bếp đi lên, chào tôi ngượng ngập, và lúng túng bắt chuyện. Chuyện thì cũng chỉ có thế: đến Canada bao giờ? Mùa đông lạnh nhỉ? Còn Việt Nam, tội nghiệp quá, cứ chiến tranh mãi! Liệu về hay ở lại? Ở lại đi, đợi chiến tranh chấm dứt đã. Bao giờ? Không biết! Nghe đâu là sẽ có hòa đàm ở Paris? Dạ. Vâng. *Je n'en sais rien! Merde.* Tao nào biết gì! Cứt! Câm miệng lại. *Pauvre garçon, il a air si jeune!* Tội nghiệp, nó trông

trẻ thế! Cám ơn, ai khiến bay tội nghiệp tao. Ăn đi, món này là tourtière, chấm với ketchup. Ketchup không phải là tiếng Pháp. Phải gọi là *...coulis de tomate*. OK. *That's right*. Ông ta vẫn ngượng ngập, nói nhưng mắt cứ nhìn đâu đâu. Bà ta ăn, ăn ghê quá. Cứ tiếp tục ăn. Rồi tráng miệng. Ăn tarte nhé. *Tarte aux pommes*. Félicia mỉm cười. Về đến nhà, không biết sao nó vẫn chẳng tự nhiên chút nào, vẻ lại buồn buồn như có chiều chịu đựng. Nó nhăn mặt chỉ đụng vào bát vào đĩa như góp mặt chứ không ăn không uống gì. Khi ra khỏi bàn, nó như đứa sổng tù.

Félicia kéo tôi ra ngoài, chỉ về phía rừng phong, miệng ríu rít "Tao chỉ cho mi chỗ riêng của tao, chỉ tao biết, và bây giờ thì có thêm mi. Lại đây, tu viens, Petit-corps?". Nó chạy băng qua đường. Tôi đuổi theo. Bóng nó thấp thoáng trong những tàn cây xanh um, chợt hiện, chợt ẩn, rồi bỗng như tan biến đi như một làn khói mỏng giữa khu rừng gió khua lá động. Tôi cất tiếng gọi "Félicia! Félicia!", văng vẳng nghe tiếng nó trả lời. Chạy một quãng, tôi đến ven một cái hồ, nước trong văn vắt. Trước mặt là núi. Núi không cao lắm, nhưng vách dựng đứng, nhấp nhô đá tảng nhọn hoắt chọc lên trời. Tôi lại gọi, chân men theo bờ, vạch lá đi tới. Bên tai tôi, tôi thoáng nghe nó gọi "Petit-corps".

Ngồi dựa vào gốc cây bouleau có lẽ già cả trăm năm, Félicia nhìn lên, mắt óng ánh nắng vàng. Nó bảo "Cái cây này là chỗ quen biết từ khi tao mới bảy tuổi. Lại đây" nó thò tay vào hốc vừa lôi vừa nói "Xem này, con gấu nhồi bông của tao, tên là Nounou. Hồi đó mẹ tao bỏ cả ngày đi tìm Nounou, rồi gọi điện thoại đến nhà hàng xóm hỏi xem tao có quên Nounou khi sang chơi không? - nó phá lên cười - nhưng maman đâu có biết là Nounou đã tìm thấy một chỗ trú ẩn rất bí mật". Tay chỉ vào hốc cây, Félicia tiếp "Thế là ai cũng bảo Nounou mất tích. Chỉ một mình tao biết là không, một mình tao lẻn ra nói chuyện với Nounou. Hôm nay, tao giới thiệu, đây là Petit-corps - tay nó chỉ tôi - và còn đây, đây là Nounou, bạn tao". Tôi đến ngồi cạnh Félicia. Nó đưa Nounou vào tay tôi nói rất tự nhiên, nói như thật, tay chỉ trỏ "Chúng mày phải tử tế với nhau. Ngoài chúng mày, tao chẳng còn một ai để yêu thương, chúng mày nên biết như vậy!". Nghe rồi nhìn Félicia, tôi thoáng một chút hoang mang. Từ hoang mang, tôi dần dần hoảng sợ. Có phải đây là Félicia, đứa sinh viên làm bức tượng *Éphémère* tiếng tăm nổi lên ầm ĩ với câu "Tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó". Không. Không phải vậy, Félicia bây giờ hình như nhỏ lại thành một đứa con nít lên năm, lên bảy ở ven cái hồ nước trong vắt, trước mặt là vách núi dựng đứng,

chon von, nghiêng ngả như sắp ngã sập xuống, và sau lưng là gốc cây bouleau, thứ cây mình mẩy như mạ ánh bạc sáng loáng những ngày đầu một mùa hè vừa chớm.

Chúng tôi đi ven hồ, qua đến chân vách núi trước mặt. Qua đông, những nốt tàn nhang đã loáng thoáng trên da mặt Félicia nay như hồng lên, mớ tóc hung nhìn mượt mà hẳn ra, và nhất là cái mùi, cái mùi nồng nồng ngai ngái ám ảnh cứ xông lên trêu chọc kích thích khứu giác. Xế chiều, chúng tôi về đến nhà. Ông bố lại ngượng nghịu, lúng túng. Còn bà mẹ, bà lại tiếp tục mang ra nào là chocolat, nào là nước ngọt, và rồi ăn, rồi uống. Félicia bĩu môi vẻ không muốn bị làm phiền. Còn tôi, tôi nhấm nháp mỗi thứ một chút. Ghé vào tai tôi, Félicia thì thầm "Maman bị bệnh. Cứ phải ăn. *Boulemique* đấy! Tao có mang ảnh những đứa bé ở Biafra về. Treo lên xem còn ăn được nữa không?".

Sau bữa cơm tối, mọi người rủ tôi đánh belotte. Tôi không biết trò này, ai nấy tiu nghỉu. Félicia bảo "Nhường phòng tao cho mi nhé! Tối nay ngủ lại cho vui!". Bà mẹ cũng ân cần nài nỉ. Còn ông bố, ông cứ lúng túng, gật gật cái đầu tóc xù ra, miệng chỉ lập tới lập lui "... *Mais oui, oui!*".

Xa thành phố, đêm có tiếng dế nỉ non. Tiếng lá xào xạc. Tiếng gió. Rúc đầu vào gối, tôi hít hà, cái mùi ngai ngái gây gây bám vào mơ hồ đâu đây. Đầu óc như mụ mị, tôi chìm vào một giấc ngủ. Cứ thế, tôi ngủ mê mệt cho đến lúc quay người lại thì không biết từ lúc nào Félicia đã vào nằm ngay bên cạnh. Tôi khẽ gọi tên. Nó không trả lời. Tôi úp mặt tôi vào mớ tóc hung, tim co thắt một nhịp đập lạ lùng, choàng tay ôm lấy cái thân thể con gái sợ nó sẽ tan biến đi như trong đoạn cuối những câu chuyện Liêu Trai. Félicia, Félicia. Tôi nhẹ nhàng mở từng nút áo ngủ, tay xoa lên bụng, lên ngực, vuốt ve, trìu mến, miệng thì thầm Félicia, Félicia. Nó vẫn im lặng, bất động. Tôi đưa tay lên mũi nó. Nó thở. Nó vẫn thở cơ mà. Tôi lại mơn trớn, và nói. Có lẽ tôi nói rằng tôi yêu. Tao yêu mi Félicia, mi biết thế chứ? Rồi tôi đặt môi tôi lên mắt, lên má. Tôi rúc vào cổ. Tôi trườn xuống hôn ngực. Tôi liếm dọc khớp xương sườn. Félicia! Félicia! Tôi kéo cho chân nó dạng ra, mặt úp vào cái khoảng mềm mại rậm rạp tơ xuân. Mùi, lại cái mùi gây gây nồng nồng, cái mùi kéo tôi vào nơi âm hoang nhớt nhát nhiệt đới. Félicia. Félicia. Nó vẫn im lặng. Nó vẫn bất động. Tôi thò tay lên mặt nó. Nước mắt. Mặt nó chan hòa nước mắt. Nó khóc nhưng thân thể nó lạnh băng như một khúc cây cằn cọc không có đời sống. Félicia! Tao đây. Nó vẫn bất động. Nó trơ trơ ra. Sự chết à? Tao đây,

Félicia! Hãy đánh thức bản năng dậy. Hãy để tao lôi mi vào những sự bí ẩn vô cùng tận của đam mê xác thịt. Hãy cho tao làm người đàn ông. Cái lạnh lẽo vô hồn của thân xác mi chẳng khác gì mang thiến tao đi, mi biết không? Không. Nó vẫn bất động. Mi, mi sao vậy?

Tôi vùng dậy. Bắt đầu là bẽ bàng. Và cơn giận bất ngờ trào ra như bọt mép một cơn động kinh. Tôi nhổ xuống. Bãi nước bọt trên mặt nó lại khiến tôi càng bẽ bàng. Bấy giờ tôi cũng im lặng. Chỉ độc có cách là im lặng. Còn Félicia, nó vẫn bất động, lạnh ngắt như một xác chết. Sự bất lực trâng tráo như cú đấm thẳng tay làm nẩy đom đóm mắt, choáng váng đầu, tứ chi nhũn ra, thân người lặng đi rồi nặng chịch rơi vào một nơi u tịch. Tôi mặc vội quần, mặc vội áo.

Mở cửa, xuống thang tôi ra xe. Tiếng xe nổ máy khiến bố hay mẹ Félicia dậy bật đèn, ánh sáng thoáng hiện hắt qua khung cửa sổ. Tôi đạp ga. Xe lên hết con dốc, tôi quẹo phải, chạy thẳng ra xa lộ. Đêm xa thành phố đen tối như mực. Nhưng đen tối nào che khuất được nỗi bẽ bàng đeo đuổi khiến về sau, cứ mỗi lần đầu chung chạ với một người đàn bà lạ, tôi lại rùng mình, sợ gặp phải Félicia, một Félicia vô hồn bất động, mặt chan hòa nước mắt bỏ bơ vơ những cái hôn bẽ bàng trên cơ thể cạn kiệt tiệt cùng sinh lý.

*

Sự bẽ bàng đêm nọ ám ảnh. Nó là nỗi xấu hổ của mình với chính mình. Và rồi hoang mang. Mi, thằng đàn ông bất lực, không đánh thức nổi bản năng một con đàn bà. Mi, Petit-corps, mảnh khảnh èo uột đến từ một nước thiếu ăn, mi làm gì có được thân hình lực sĩ với những bắp thịt rắn chắc căng phồng. A, mi, thì ra mi thế đấy! Mấy em gái gốc Mít thỉnh thoảng gặp tôi lủi thủi trên đường, ngừng chân, trêu "Cái cô đầm tóc hung đâu rồi? Đầm là thế, cứ hè qua lại đổi bồ, à... đổi bò chứ...ha ha...". Phải kể là sinh viên du học thời đó còn hiếm. Các "chị" ít nên có giá, và bọn đực chúng tôi phải là loại con nhà lành mới được các "chị" ghé mắt đến, sai bảo đón đưa, và hành hạ để chắc mẩm rằng "tình yêu" đồng nghĩa với cái vòng lễ giáo thưa gửi, cái liếc mắt đưa tình lãng mạn, và khi tình yêu đến độ "chân thật" thì giống đực loại chúng tôi phải chấp nhận mất phẩm giá, mất mặt, mất sức, mất gần hết để khi được, nghĩa là đã "lừa" được, thì chàng mới có quyền trả đòn. Trả đòn bằng cách bảo em, này em yêu, anh là con trai, mà con trai thì không rửa bát, không nấu cơm, không thay tã cho con, ngủ dậy muộn, và lúc gặp bạn bè đến nhà đấu láo thì xin mời em, em yêu, em xuống bếp lo cho dăm ba món nhậu và chớ lên ngồi lanh chanh góp chuyện.

"Cứ hè qua lại đổi bò!". Mặc nó. Quên nó đi. Mà không quên cũng chẳng được. Làm việc hè phụ bếp trong một cái quán Harvey bán hamburgers, tôi cứ việc xong là lang bang góc St-Laurent và Ste-Catherine. Góc đó đầy các "chị em ta" của đất phồn hoa đô hộ này. Chúng nó mặc váy mini cũn cỡn, môi tô son đỏ chói, tay lúc nào cũng ve vẩy một điếu thuốc lá khói xanh um, đứng ưỡn ẹo, đi nhún nhảy, đầu lắc lư nhìn sau ngó trước. Đi qua, mùi nước hoa rẻ mạt bốc lên. Không nồng nồng ngai ngái. Không gây gây. Mùi thơm sực xông vào đánh tê mọi loại khứu giác tinh nhậy. Đi lại, mũi phồng lên hít hà. Thế là có đứa gái nhe răng trắng nhởn ra kêu "Eh, Chinoy, tu viens chéri?". Mi có đi không? Không. Lầm lũi bước. Đứa gái khác bạo hơn, xồ đến nắm nay, miệng toét ra "Chintok, un petit coup?" Mi làm một cái? Dĩ nhiên, "T'es propre?" Mi sạch chứ? Oui, oui. Lách vào ngõ. Lên gác. Đèn đỏ tù mù. Và thế, cứ thế, không đâu Félicia, tao không bất lực. Có con điếm gốc Esquimau đến từ Igaluit ré lên "... *C'est bon! Encore!*". Sướng quá, nữa đi, và sau nó xổ ra một chuỗi thổ âm tao không hiểu. Có con kêu, này thằng Tầu mi đặc biệt, "*Chino, t'es spécial!* ". Đúng, tao có khả năng, thậm chí có năng khiếu là đằng khác.

Thế là mỗi tuần một, hai lần. Tiền phụ bếp, xin trao lại cho chị em ta, hoan hỉ lách vào ngõ, lên gác, và trở thành thứ khách quen, le petit Chinoy, thằng da vàng khi sướng lại cất mồm gọi Félicia để nguyền rủa. Cứ thế, cho đến một ngày đái ra mủ. Thằng đốc tờ già nghiêm mặt "Bệnh rồi, ranh con! Uống trụ sinh". Nó kéo ngăn kéo lôi ra một cái bao cao su trông như bong bóng lợn dí vào mặt tôi, tiếp "Phải dùng cái này". OK. Mi thấy không Félicia? Tao uống trụ sinh. Tao nguyền rủa mi, con khốn. Tác phẩm nào cũng có định mệnh của nó! Cái tác phẩm lạnh nhạt mi gán lên thân thể tao là bệnh lậu chữa bằng những viên Péniciline màu vàng tươi bọc trong vỏ gélatine xanh rờn rợn.

*

Mùa hè qua nhanh như trận gió đột ngột thổi bốc lên cao những cánh chim đi tìm nắng ấm ở phía cực nam trái đất. Lá trong rừng phong chỉ hai tuần lạnh là vàng ối rồi lả tả rắc lên thảm cỏ bắt đầu tàn úa những nét chấm phá bước sang mùa. Thu đến. Thu đi, rồi lá phong rực đỏ dưới chân đồi Đại học bỗng chỉ ngày một ngày hai nhuộm màu tang tóc trắng mang mang của buổi Đông vội vã quay về xứ nửa năm tuyết phủ.

Bỏ góc phố St-Laurent và St-Catherine cùng những cái mông căng cứng bó chặt váy mini nhún nhảy đong đưa của chị em ta, tôi quay về Đại học, tiếp tục làm cái luận án bỏ giở từ đầu hè về tính ổn định của vật chất. Nguyên tử và phân tử chỉ hiện hữu ở những trạng thái bất biến của năng

lượng, vì vậy chúng không tan tác vỡ sụp như lý thuyết điện-động-học đã tiên dự, chỉ hoán đổi trạng thái năng lượng bằng cách trao đổi với điện từ trường một số năng lượng hữu hạn và nhất định. Nhưng tại sao hiện tượng này chỉ quan sát được ở mức tổng quan một tập thể, chứ cho từng nguyên tử một thì nó lại có vẻ như bất khả kiểm soát, không dự liệu trước được, và vô căn do nhân quả. Không. Không thể được. Vật chất khác với Félicia. Và tôi bắt đầu quên nó, hệt như sau khi thức giấc từ cái đêm mê m"tôi cố quên, quên như quên một cơn ác mộng.

Tuyết đã rơi từ đầu tháng. Ngày hôm qua, lại mưa băng. Ra cửa sổ, tôi lặng lẽ ngắm những cành phong đông đá pha lê vắt vẻo, chờ một cơn gió để nghe lại tiếng hát của rừng năm xưa, tiếng hát bản thánh ca mơ hồ huyền diệu. Trên kính cửa, hơi thở đông thành nước, rồi nước gặp lạnh kết thành băng, hình thể băng là những chòm pháo bông đủ loại cứ chuyển thể biến hóa cho đến cuối cùng trở thành một lớp đồng nhất bất động. Ngồi nhìn ra ngoài, tôi mông lung nghĩ lại cách giải quyết câu hỏi nay đã tóm gọn được như một bài toán. Bỗng chuông điện thoại reo. Tôi bực bội cầm máy. Giọng đàn bà. Tôi bảo "Chắc bà nhầm số! ". Bà ta đáp "Không. Tôi nhận ra cậu, cậu là bạn Félicia mà. Nó có đến chỗ cậu không?". "Không, sáu tháng nay tôi không gặp". Bà ta bật khóc "Tôi chẳng biết nó đi đâu từ hôm qua". Tôi lạnh lùng "Nó trưởng thành rồi. Đi đêm thì đi, nó rồi cũng về". Bà ta nấc òa "Lần này thì lạ lắm! Cậu không biết đâu, từ sáu tháng nay nó chỉ uống nước lạnh, mỗi ngày ăn dăm cái bánh qui khô. Nó không nói nữa, như câm, suốt ngày im lìm nhìn vào gương". Tôi giật mình. Tôi nói vội "Bà xem nó đi nó mang gì theo, quần áo thế nào?". Bà ta quýnh lên bảo tôi đợi. Mươi phút sau, bà cầm máy hổn hển "Tôi chịu, tôi không hiểu được. Trời lạnh thế mà áo măng-tô nó vẫn đấy. Cả đôi ủng đi tuyết nữa, vẫn còn để ở cửa ra vào. Cậu ơi! - bà ta khóc rưng rức - tôi phải làm gì đây?". Lần này, tôi nhói tim, lòng bỗng như hững đi, bụng rỗng ra. Chính tôi, tôi lắp bắp "Bà gọi cảnh sát, gọi ngay để họ tìm". Chợt nhớ đến gốc cây bouleau và con Nounou, tôi dặn "Nhớ ra ven hồ, nơi ngày còn nhỏ Félicia hay ra đó chơi". Dứt lời, nỗi sợ ào đến làm tôi tê điếng. Tôi dằn máy, bung chạy xuống dưới nơi đậu xe. Và cứ thế tôi lái thẳng lên xa lộ, nhắm hướng St-Jérome, cắn răng nhấn ga trên mặt lộ lạnh cong những lớp băng đóng cứ tuôn trợt đi như thoa mỡ.

Ông bố đứng ở cửa với dăm ba người cảnh sát khi tôi ngừng xe. Ông nhìn tôi, không có vẻ gì ngạc nhiên, nhưng vẫn ngượng nghịu lúng túng. Tôi hỏi "Đã ra ven hồ chưa?". Ông đáp "Hồ rộng thế, ai biết chỗ nào!".

Tôi nói vội "Đi với tôi, tôi biết chỗ!". Một cảnh sát chặn lại, giọng bình thản "Đợi! Đã gọi về Sở để mang mấy con chó tới. Chó có huấn luyện, thả ra là chúng đánh hơi người tìm được ngay!".

Lúc đó vào khoảng hai giờ trưa. Nhìn lên những cành phong, băng đóng óng ánh màu nắng trong vắt, thỉnh thoảng lại va khẽ vào nhau mỗi khi có gió, tiếng pha lê văng vẳng như khi người ta cụng ly uống rượu. Tôi bỏ mặc mọi người, một mình chạy băng đường. Vào rừng, tôi nhắm hướng hồ, cắm đầu bước. Félicia. Mi ở đâu? Trời sao lại lạnh thế này, hả Trời? Đến ven hồ, tôi ngóng tìm những cây bouleau. Nhưng lá cây đã rụng hết, nay băng đóng tuyết vùi. Tôi nhìn vô vọng, chẳng tìm được cái mốc nào mặc dầu tôi cố moi trong trí nhớ cái hôm đó, cái hôm Félicia dẫn tôi ra nơi riêng tư của nó, nơi có cái hốc cây nó giấu Nounou, con gấu nhồi bông mà nó gọi là bạn, rồi như đứa gái chẳng quá năm, quá bảy tuổi, nó giới thiệu với tôi như giới thiệu một sinh vật có đời sống. Félicia, mi ở đâu? Tôi gào lên. Tiếng tôi kêu làm những con sóc hoảng hốt chạy. Những cành cây băng đóng lại va nhau. Lại tiếng pha lê. Nhẹ. Mơ hồ. Nhưng bây giờ, nó buốt, nó nhói, nó chọc thủng màng nhĩ, nó đâm vào tim như mảnh sắc những cốc rượu vỡ.

Có tiếng chó sủa. Phải. Theo đó mà dò. Thính giác chó nhạy hơn. Khứu giác chó cũng thế. Không tin vào được gì khác, tin vào chó vậy. Tôi cất bước chạy, chạy thục mạng. Tiếng sủa. Gầm gừ. Tiếng mỗi lúc một rõ. Và cái cây bouleau cổ thụ. Đúng nó kia kìa. Tim tôi đập mạnh, máu dồn lên mặt, tôi lao tới rồi sững người lại.

Félicia, mi đó ư? Vẫn mặc bộ áo ngủ mỏng dính màu trắng, Félicia dựa vào gốc cây, chân co lên, một tay như làm dấu thánh giá, tay kia chỉ lên trời. Thân thể mi nay bọc một lớp băng. Một lớp trong suốt. Mái tóc hung hung đỏ đổ dài xuống, dính bệt, đông đá, cứng ngắc. Hai mắt mi mở to để hút cả vũ trụ vào. Sương vai nhô cao, sương sườn đâm ngang, ngực lép xẹp, miệng mi há ra như định nói gì đó. Nhưng bây giờ, còn gì mà nói, còn gì mà nhìn, hở Félicia? Con chó của cảnh sát vẫn sủa ngay chân mi. Chỉ khác là mắt chó không đỏ rực, nanh chó không xanh biếc lân tinh. Còn lại, tất cả tao đã nhìn thấy mùa đông năm ngoái rồi. Cái bức tượng *Éphémère: Vivre en hiver* đó. Nhưng bây giờ, không phải là Rosemary bằng thạch cao và đất sét trắng. Tất nhiên, tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó. Félicia, mi cũng là một tác phẩm. Dẫu là con của Chúa hay của Sa-tăng, mi cũng có định mệnh của mi, như bất cứ tác phẩm nào, do bất cứ ai tạo ra, có điểm khởi đi rồi đến một đoạn kết đã manh nha từ những bước đầu.

Félicia nhỏ nhẹ "Thôi đừng giận tao! Tao đã viết cho mi cả chục bức thư. Tao viết rồi xé. Mi ngốc lắm. Mi cho tao cái đêm hè hôm đó điều mà tao không nhận được. Không thể nhận, thì đúng hơn. Tao còn bẽ bàng hơn mi nhiều. Cái nỗi đau không nhận. Lắm khi, tao nghĩ cho dễ hơn nhận! Mi hiểu chưa?". Tôi quay mặt vào tường. Nó đến ngồi xuống giường, tay kéo lại tấm chăn đắp trên bụng tôi. Lát sau, nó thủ thỉ "Tao gặp Rosemary. Nó bảo tao, nó là tác phẩm của tao và nó chấp nhận tan vữa ra như tao sắp đặt khi mùa Xuân về. Còn tao, tao phải chấp nhận Thượng Đế là đấng sáng tạo ra tao. Tao bực mình, tao bảo từ năm lên năm tuổi, tao cứ thấy bụng tao trống rỗng chứ làm gì có sự sống. Nó cười, nhắc có lẽ Thượng Đế muốn thế đấy. Hệt như tao muốn biểu hiện sự phù du với bức tượng *Éphémère*. Rồi nó bảo, này Félicia, mi phải khôn ngoan hơn một tí. Mi ấm ức để làm chi. Tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó".

Tôi quay người lại nhìn. Bây giờ Félicia là Félicia của mùa hè năm ngoái, da mặt đã thoáng tàn nhan, ửng hồng như vừa bắt nắng. Nó vuốt tóc tôi, thì thầm "Ngẫm lại, đúng đấy. Từ năm lên năm tuổi, mẹ tao cũng than là bụng mẹ trống rỗng. Trống nên phải ăn, ăn và ăn... Ăn cho đến được đoạn kết. Một đoạn kết toàn hảo, parfait. Tao về bảo, này maman, tiếp tục đi. Đoạn kết, chẳng qua là tới sự hoán đổi cuối cùng để đạt trạng thái bất biến của năng lượng. Khi đó ta lại đoàn tụ. Như mi, tao cũng thấy là mẹ tao thanh thản như chưa bao giờ được thanh thản. Nếu mi bằng lòng, tao sẽ dẫn mi vào cái thế giới của tao, nhẹ như ê-te, và đang vào quĩ đạo của sự hoán đổi đó. Đừng tìm đâu xa, sự hoán đổi đó đúng ở tổng quan và nó cũng vô cùng chính xác ở mức độ nguyên tử và phân tử". Chẳng nói thêm, Félicia nắm tay tôi ấn xuống khiến cả hai như chìm vào một chất lỏng vô hình vô tướng mỗi lúc một loãng ra. Tôi hoảng lên, định vùng dậy. Nhưng Félicia để tay lên má tôi, nhẹ nhàng "Yên nào, Petit-corps!". Tay nó lạnh buốt băng đóng. Tôi kêu "Mi tính bắt tao đi đâu...bỏ tay ra. Để yên cho tao chợp mắt một tí. Tao mệt". Nó cười như trêu, áp cả hai bàn tay vào thái dương tôi bóp lại. Tôi ú ớ. Tôi kêu. Tôi đạp. Và rồi có tiếng nghe đánh rầm một cái. Tôi vùng lên ngồi dậy, thò tay vuốt mặt, mồ hôi tôi nhễ nhại, tanh tưởi và lạnh toát. Tôi vuốt mắt mình, không phải vuốt để nhắm mà là vuốt cho mở ra để sống và trở lại từ một cõi mộng du, cái cõi vẫn còn chao đảo giữa một Félicia vừa đâu đó nơi này, và một Félicia đã nằm gọn lỏn trong chiếc áo quan đặt trong nhà quàn cách đây hơn một tháng.

Có tiếng như chai lọ đổ vỡ dưới nhà. Tôi kéo cái chăn vẫn còn trên bụng, ngạc nhiên tự hỏi ai lên phòng này đắp chăn cho tôi. Lại một một

tiếng rầm nặng chịch hệt như tiếng ngã đập người xuống sàn. Tôi vội vã nhảy khỏi giường, mở cửa, lao ra cầu thang.

Ông ta nằm nhoài trên thảm, đầu gục lên ghế. Ghế nhớt nhát một đống nôn mửa, mùi chua chua xông lên. Tay vẫn nắm chai scotch nay chỉ còn chút cặn, ông khò khè thở. Một nửa mặt khuất. Nửa còn lại, chập chờn ánh lửa lò sưởi như chiếc mặc nạ cao su nhăn nhúm co giật một cơn động kinh. Ông ta lẩm bẩm, khụt khịt, thỉnh thoảng hừ hự rên. Bất ngờ ông la lớn "Trời, trời! Mon Dieu!", rồi lại nhắm mắt. Lại hào hển. Lại kêu Trời, kêu rồi lảm nhảm "Thế là họ đi mất hết rồi. Mụ vợ vào cửa Thiên Đàng... Félicia nữa, nó vẫy mẹ nó. Mẹ tròn như quả bóng. Còn con... con như khúc củi khẳng khiu. Con gái yêu dấu của bố, sao con đếm từng calori, người rạc đi, mất không thèm nhìn bố mi là tao đây. Tao, và chai rượu, dĩ nhiên. Phải, cũng vì những chai rượu. Mi phải biết, không có chất cồn thì bố mi điên mất. Có chất cồn, thì bố mi mất mi. Félicia chérie, mất mi ngay từ tấm bé".

Ông ta lại hự lên. Lại nôn thốc nôn tháo. Tôi định bụng kéo ông sang bên. Bãi mửa tóe ra đầy chiếc ghế, tay ông quờ quào vuốt mặt, miệng câu được câu không "Hừ, từ cái ngày đó, bố không dám nhìn mẹ mi nữa. Bố cũng không dám nhìn mi, Félicia yêu dấu. Bố cũng tránh nhìn bố. Cứ thấy cái gương là co người lại vì sợ. A ha! Cái ngày khốn nạn. Cái ngày mất hết. Trước là mất việc. Buồn, xách rượu về... Vừa uống vừa chửi thì xong một chai scotch... Chửi mãi, mở thêm một chai... Uống... Uống nữa... Mẹ mi đâu rồi...". Ông ta thình lình khóc to, gọi Félicia, Félicia, tay vung lên đấm vào mặt mình bôm bốp, miệng thều thào "Rồi mẹ mi về. Bố có biết gì nữa đâu. Một ngày sau mới tỉnh rượu. Mở mắt ra, đầu nặng như chì đổ... A, a, ta ở đâu... ở đâu. Mẹ mi ngồi khóc. Félicia, Félicia, nó ở đâu? Chở đi nhà thương... Làm sao? Thì làm sao nữa, mẹ mi bảo, làm sao à... Mẹ mi nhảy chồm lại tát vào mặt bố, rồi cào, rồi cấu, rồi thét "Sao mi làm thế , thằng khốn nạn! *Oh, mon Dieu!* ".

Ông ta rướn người, nhưng lại gục mặt xuống đống đồ ăn mửa ói lổn nhổn, miệng thều thào "Thế là hôm sau ngày mất việc, mất vợ và mất cả con, Félicia yêu dấu. Cũng vì thằng chủ nó bảo, đóng cửa hãng, thôi... về đi. Cũng vì ở nơi bán rượu, thằng bán hàng cười cười bán một cho một quảng cáo. Cũng vì... cũng vì thế mà con yêu, con lớn lên trong yên lặng, con gần như câm đến suốt ba năm. Con sợ hãi, vào ra khép nép. Thấy bố là trốn, con chạy ra sau mẹ, nắm lấy chéo váy, run rẩy, kêu *Non! Non!*. Con ôm mẹ con, con khóc. Đến trường, con không có bạn. Vào Đại học, con mới có được một đứa, nó lại là thằng da vàng loắt choắt như thằng bé

mười hai mười ba...Tưởng là rồi yên, đùng một cái, con lại không ăn nữa... Nhìn miếng bánh mì, con bảo 200 calori. Miếng hamburger, 600 calori... Và thế là con rạc người đi. Nhưng soi gương, con vẫn nói với mẹ con "Sao con béo thế". Mẹ cười "Mẹ soi gương, mẹ không thấy mẹ béo tí tẹo nào! Nhưng không ăn thì... chết!". Chết thế nào được. Chỉ tiêu phải đạt là 80 pounds, cho 1m 65 chiều cao... *Parfait* . Cứ thế, Félicia, bố phát lo, nhỏ nhẹ bảo "Phải ăn!". Con trừng mắt nhìn lại. Cái nhìn xoáy vào quá khứ làm bố gục mặt xuống. Bố nào còn có cái quyền gì để khuyên nhủ con. Và hôm con viết vài chữ "Maman, con đã đạt mục đích!" thì cũng là ngày con không về nữa. Félicia ơi! Phải chăng cái chết con chọn là hình phạt bố?.. Từ ngày con đi, mẹ con cứ ăn, ăn và ăn. Sáng sớm, mẹ ăn hai cái bánh mì , một lọ confiture, bốn quả trứng ốp-la. Mười một giờ, cơm trưa. Miếng steak to bằng cái đĩa, dầy hai đầu ngón tay. Rồi tráng miệng với nửa cái bánh ngọt đường kính mười lăm phân. Xong độ một giờ sau là đến trái cây. Nửa chục cam hay một nải chuối. Cuối cùng là cơm tối. Khi thì một rổ spaghetti trộn với sauce carbonara và các loại saucisses. Khi thì là cả ki lô thịt tái kiểu Tartare ăn cùng cái loại bánh lúa mạch cứng ngắc ...Ôi thôi! thật kinh hoàng, mẹ cứ ăn, không nhìn ai, lạnh lùng, bình tĩnh tọng vào bụng đủ thứ... cố tình ăn cho đến rách toang dạ dày ra. Đó, mẹ chọn cách chết khủng khiếp nhất để tạo thêm một hình phạt cho bố. Hai cái chết, cái nọ tiếp cái kia, cũng vì cái hôm mất việc mười bảy năm về trước, vì hai chai scotch...và một cơn say rượu, say...Trời ơi...đến độ không nhận được Félicia con gái bố mà độc chỉ có con vật giống cái nằm trong vòng vây hãm của một con giống đực hung bạo.

Ông ta gục mặt xuống bãi mửa mỗi lúc một lợm mùi, khóc hu hu, tay chân vật vã, miệng thỉnh thoảng lảm nhảm những câu gần như vô nghĩa. Thì ra thế. Cái chết trong pha lê trong buốt kia đâu phải chỉ có vì hình ảnh những kẻ thiếu ăn ở Biafra. Đâu phải chỉ có vì Trung úy Calley châm lửa đốt nhà những nông dân người Việt nghèo khổ ở Mỹ Lai. Đâu phải chỉ vì có phát súng của đại tá Loan bắn vào đầu một tên Việt cộng đột nhập Sài Gòn trong cuộc tổng công kích Mậu Thân. Đâu phải chỉ có vì em bé gái tên Kim Phúc bị napalm đốt cháy phải trần truồng chạy trên quốc lộ số 1. Cái chết đó còn đèo bồng thêm một lẽ khác. Nó không hiện tại, thực sự đã xảy ra từ khi lúc nào tương lai cũng ở phía sau và quá khứ thì nằm phía trước.

Tôi đứng dậy. Một sức mạnh vô hình nhấc tay tôi lên rồi chụp xuống cây búa cạnh đống củi.

Bây giờ, tôi thấm thía ngẫm ra tác phẩm nào cũng đèo ngay định mệnh trong cả phần hồn lẫn phần xác của nó. Tôi hiểu vì sao khi tôi tỏ tình Félicia khóc lần thứ hai dưới ánh trăng xưa và chỉ nói như điên như dại "Petit-corps, bụng của Rosemary trống rỗng, không có mầm sống từ lúc mới năm tuổi, và chẳng có gì khỏa lấp được để nẩy ra xanh tươi". Loáng thoáng bên tai, tôi nghe mơ hồ đâu đó tiếng thì thào "Tao cũng không có bụng. Không có tử cung. Tất cả ruỗng ra, rỗng ra, không có gì còn là đàn bà trong tao. Excuses-moi! Cho tao xin lỗi, mi nhé!". Tôi co năm đầu ngón tay nắm siết vào cán búa. Dưới mắt tôi, cái cằn cổ ông ta trông chẳng khác gì một khúc củi phải bổ ra chẻ nhỏ rồi quăng vào lò sưởi. Tôi lẳng lặng so đo cái chết thứ ba trong căn nhà này và một cuộc sống với tương lai không bao giờ có thể ở phía trước. Liệu ông ta có đáng được cho chết một cái chết sau quá khứ không?

Tôi mở cửa ra xe. Đường dẫu có đóng đá, cũng phải về thôi. Gió thốc cái lạnh kim châm cháy rát đâm vào mặt. Không gian trắng một màu tuyết, trắng đến xa vắng mênh mông. Rồ máy, bật đèn thì trước mắt cả cánh rừng pha lê bỗng hiển hiện vây bọc và bắt đầu cất tiếng. Quanh quất những gốc cây hàng trăm cặp mắt của chồn, của cáo, của sóc rừng rực ánh xanh, ánh biếc, ánh vàng hung, ánh đỏ lừ cùng chóe sáng lên dưới ánh đèn xe. Vụt một cái chúng biến sạch. Lẽ nào trong đó lại không có ánh mắt một con sói, con đã nằm dưới chân Rosemary trong buốt pha lê? Chắc có. Và bây giờ nó hẳn đã làm lành với Félicia, bởi ở cõi năng lượng mãi mãi trong trạng thái bất biến thì có giả làm bất cứ mụ già nào cũng là điều vô ích. Lại gió. Lại leng keng mơ hồ tiếng vỡ thủy tinh . Khi gió múa nhịp nhàng, tiếng hát cất lên. Vẫn bài thánh ca xưa tôi đã nghe chân đồi Maplewood, với giọng n"vút cao như tiếng tơ lụa rách tươm hồn, lẫn vào tiếng thủ thỉ của rừng pha lê động lòng an ủi. Và vẫn tôi, bây giờ cho đến mãi mãi mai sau, cứ bâng khuâng nhớ bức tượng Phù du : Sống trong mùa Đông giữa cái lạnh cắt da của số kiếp.

Lăn xuống dốc trơn như bôi mỡ, tôi rẽ phải, chân nhấp vào thắng, cố bẻ vô lăng nhưng vẫn không khỏi tuôn trượt đi trên đoạn kết một dốc đường định mệnh.

Nam Dao
27-01-2000
Giao Thừa Canh Thìn

Thơ không đặt tựa # 17

THẬN NHIÊN

Đã nhận lấy và ném đi
dẫu là tặng vật đời sống
trao tay con người.

Dẫu là hạt mưa mai
trên tiếng kêu khô thời gian
đổ trùm bóng xuống.
Tôi lắng nghe
mồ hôi lăn trên đá lạnh
nhịp dập thất thường của chính trái tim.

Là nỗi khát khao điên rồ
từ lòng đá
và biển tối
từ cơn giông
và những mùa nắng mưa hoan lạc
từ thế giới bất động và chảy nhão
trong mắt tôi.

Tôi là triệu phú
và gã ăn mày
dã dè sẻn rồi phóng dãng tiêu hoang
những giọt nước mắt của mẹ mình
những giọt nước mắt hóa thành đá cuội
chảy ngược vào lòng
chạm nhau lanh canh.

Tôi nhìn tôi sống
trong một thời đại nào khác
trong trái tim con người là những hòn đá cuội
lăn xuống lòng giếng
mất tăm...

Đi giữa bầy thú dữ

Lâm Chương

Chúng tôi theo xe hàng từ Phnom Penh lên cảng Kongpong Xom, trễ mất gần hai tiếng đồng hồ. Ngày đã xế, nhưng nắng còn đổ lửa trên đầu. Trời đứng gió, cái nóng hừng hực như hắt ra từ lò sấy. Chúng tôi quá bèo nhèo, vì lắc lư trên chuyến xe dằn xốc đường xa. Người dẫn mối cứ thôi thúc nhanh lên, nhanh lên. Đồ đạc tay xách nách mang, tất tả đến được điểm hẹn, tôi mệt phờ người. Ba gã chủ chốt người Miên còn kiên nhẫn chờ trên đầu dốc, nơi ngã ba đường lên chợ, dưới bóng dâm của một tàng cây. Hai gã ngồi trên hai chiếc xe Honda, phì phà điếu thuốc. Gã thứ ba đứng dựa lưng vào gốc cây. Thấy chúng tôi tới, họ bu lại vồn vã, cùng lúc những chiếc xe đò cổ lổ xỉ ì ạch bò lên dốc, thải khói và hơi nóng vào mặt. Đây là lần đầu tiên tôi gặp họ. Người dẫn mối giới thiệu chúng tôi, bằng tiếng Miên. Họ cũng tự giới thiệu lại mình. Một gã tên Nu, da xám, môi chì, mắt trắng, nói thạo tiếng Việt. Hai gã kia, chỉ nói tiếng Miên, tên khó nhớ. Gã tóc quăn, có bịt răng vàng. Giữa cái răng vàng, cẩn hình trái tim. Gã thứ ba, mặt mày sáng sủa đẹp trai, Tàu lai Miên. Tất cả, trạc tuổi ngoài ba mươi, mặc đồ chải chuốt lịch sự, tư cách đàng hoàng, đáng tin cậy.

Tôi xin lỗi vì trễ hẹn, và giải thích rằng đường từ thủ đô lên cảng có quá nhiều trạm kiểm soát, làm mất thì giờ.

Gã tên Nu nói không sao, làm ăn đôi khi trễ nãi là chuyện thường. Gã cho biết về phần gã, đã chuẩn bị đâu đó xong xuôi, còn phần tôi thì sao?

Tôi nói: "Cũng sẵn sàng."

Gã hỏi nhỏ: "Có đem theo đủ số không?"

"Đủ. Đi liền bây giờ chưa?"

"Dĩ nhiên."

Nu quay qua nói với hai gã kia điều gì đó. Trông họ rất phấn khởi. Tôi

cũng mừng. Dù trễ hẹn, nhưng mọi việc vẫn tiến hành đúng như dự định.

Xe Honda bắt đầu nổ máy kêu lụp bụp, như con ngựa cuồng chân nóng nảy lên đường. Tôi chào từ giã người dẫn mối. Anh là người Việt Nam sống lâu năm ở Kampuchia, cũng là người cuối cùng của đường dây tiếp nhận, lúc chúng tôi mới đặt chân đến Phnom Penh. Nhiệm vụ của anh là hướng dẫn, và giao chúng tôi cho người chủ chốt. Anh ta bắt tay tôi lần chót, chúc may mắn. Nu cho biết sẽ đi về hướng Tân Hao, bảo vợ tôi với đứa con gái mười ba tuổi, tên Khuê, ngồi xe của gã Tàu lai. Khuê ngồi giữa. Vợ tôi ngồi sau, choàng tay qua đứa con, ôm eo gã Tàu lai. Nu và tôi đi chung với gã răng vàng. Mỗi chiếc Honda chở ba người. Xe chạy. Tôi ngó ngoái về phía sau, thấy người dẫn mối còn giơ tay vẫy vẫy.

Đường đi Tân Hao rộng thoáng. Mặt đường không tráng nhựa. Nhiều đoạn lởm chởm trơ ra những sỏi đá, hoặc trũng xuống thành ổ gà. Thế nhưng hai chiếc Honda vẫn phóng như bay. Không khéo cán phải đá, hay vấp ổ gà, cả lũ bị quăng xuống đường, sứt tay gãy gọng như chơi. Tôi nói với Nu, bảo gã lái xe chạy cẩn thận hơn. Nu cười rằng đừng lo, gã đã từng lái xe trên đường này hàng trăm lần rồi, chưa bao giờ xảy ra tai nạn.

Hai bên đường là rừng. Có lúc xe chạy ngang qua trãng trống. Nhìn xa xa về bên trái, thấy bờ biển và mặt nước xanh rờn, bao la ngút mắt. Mùa này, gió lặng sóng im. Mặt biển láng như trải lụa. Vùng biển từ đây tới Lem Ngộp, Nu bảo đảm không có hải tặc. Mọi việc chắc chắn sẽ êm xuôi. Chúng tôi sẽ lên ghe trước khi trời sập tối, và vào khoảng quá nửa đêm, sẽ đặt chân lên bờ biển Thái Lan. Nghĩ tới một chân trời mới sẽ mở ra, cũng đủ thấy đời tươi đẹp, và tự nhiên yêu biển lạ lùng.

Xe đang chạy, Nu bảo: "Sắp tới nơi rồi. Đưa vàng."

Tôi hỏi: "Sao không chờ lúc xuống bãi?"

"Tới nơi là gấp rút chạy ào xuống bãi lên ghe. Nếu lằng nhằng mất thì giờ vì chuyện này, sẽ bể mánh hỏng việc lớn."

Cũng có lý. Cái giờ phút quan trọng nhất là lúc bắt đầu lên ghe. Thành hay bại cũng từ nơi khởi điểm này. Chiếc ghe đã chờ sẵn ở đâu đó. Honda vừa ngừng là chúng tôi nhào lên ghe liền. Bọn an ninh bờ biển có trở tay cũng muộn. Bởi người đầu mối đã cho biết, ghe tôi đi được trang bị máy bốn lốc đầu bạc. Tôi chẳng biết máy bốn lốc đầu bạc là máy gì, mạnh yếu ra sao? Nhưng người ta đã khoe như thế, thì chắc là phải ngon lành lắm. Dù công an tuần duyên có đuổi theo, cũng đành ngửi khói, chửi thề mà thôi. Chúng tôi sẽ chơi một cú thật ngoạn mục. Hồi hộp bất ngờ giống như phim trinh thám. Còn chuyện đưa vàng, trước sau gì cũng đưa. Thôi thì đưa ngay bây giờ, đổi lấy một chuyến đi định mệnh. Tôi luồn tay vào cái túi nhỏ may dính dưới đũng quần xì líp, móc hai thỏi vàng, đưa

cho Nu.

Gã đặt vàng trong lòng bàn tay nâng thử để ước lượng sức nặng, rồi nhét vội vô túi.

"Chưa đủ." Gã nói khi xe đang chạy.

Tôi nói: "Còn hai cây nữa, vợ tôi cất."

"Bảo vợ anh đưa ngay bây giờ."

Tôi gật đầu.

Nu nói tiếng Miên với gã răng vàng. Gã này phóng xe lên song song với gã Tàu lai.

Tôi bảo vợ: "Anh đưa vàng rồi. Em đưa luôn cho họ đi."

Vợ nói: "Chờ xuống bãi."

"Họ muốn ngay bây giờ."

"Ngồi trên xe, không lấy ra được."

Tôi biết lý do vợ tôi không thể lấy vàng lúc này.

Tôi nói với Nu: "Anh nghe chưa?"

"Tôi nghe. Xuống bãi đưa."

Ba gã lại nói líu lo. Xe vẫn phóng như bay, tới một khoảng rừng rậm, họ dừng lại đột ngột. Nu nắm tay vợ con tôi lôi bừa, khom người chạy lúp xúp men theo rặng phi lao, vào rừng. Có lẽ gã sợ những chiếc xe đò ngang qua nhìn thấy. Tôi ôm cái túi xách, hấp tấp chạy theo. Hai chiếc Honda bỏ chúng tôi lại đó, vọt thẳng về hướng Tân Hao. Chúng tôi luồn lách qua những lùm bụi gai góc, đến một con suối cạn. Mùa nắng, lòng suối phơi bày cát đá.

Vừa ngồi xuống, Nu bảo: "Núp ở đây, chờ ghe đến, mình sẽ ra bãi."

Tôi hồi hộp, tinh thần căng thẳng đến cùng tột. Nếu bị lính Miên bắt quả tang đang núp ló để chuẩn bị lên ghe, thì đời khốn nạn ngay. Vợ con tôi ngồi nép vào nhau, thở hổn hển, mặt xanh như tàu lá.

Tôi hỏi: "Anh có đi theo ghe với chúng tôi không?"

Nu nói: "Tôi đưa anh tới Thái Lan."

Rồi gã nhìn vợ tôi, xoè tay ra: "Đưa vàng cho tôi."

Vợ ngó tôi, ngầm hỏi ý kiến. Tôi cảm thấy có điều gì bất thường. Xuống xe, chúng tôi chạy ào, nhưng không phải ào lên ghe như Nu diễn tả, mà ào vào rừng. Ghe đâu không thấy. Thế thì có gì gấp rút? Kế hoạch thay đổi chăng? Dẫu sao, đã tới mức này rồi, một liều ba bảy cũng liều. Tôi nhìn vợ, gật đầu.

Vợ tôi đứng dậy, đi khuất vào bụi rậm. Tôi biết vợ đang móc vàng từ trong cửa mình.

Trong chuyến mang vàng lên Kamphuchia. Vợ giao tôi cất giữ năm khâu vàng, còn bao nhiêu vợ giữ. Khi qua biên giới Việt Nam, công an

biên phòng xét hỏi. Tôi sợ quá, nhét ba chiếc khâu vô hậu môn, nghe nhói cấn khó chịu. Còn lại hai khâu, không biết giấu đút nơi nào, tôi cho vô miệng nuốt luôn, trước khi họ mò xét khắp người. Tôi qua khỏi, chỉ lo vợ bị rắc rối. Nhưng vợ tôi cũng qua luôn. Sau đó, tôi hỏi em giấu ở đâu mà tài thế? Vợ mỉm cười, cầm tay tôi đặt vào chỗ mà tôi vẫn thường âu yếm vuốt ve.

Khi đến Phnom Penh, người dẫn mối gởi chúng tôi tạm trú nơi nhà người Miên. Tôi bắt đầu móc ba chiếc khâu trong hậu môn, nhưng thọt ngón tay vào không đụng. Không biết tại sao nó chạy tuốt vô sâu? Tôi hoảng. Vợ bảo, nó nằm trong phần ruột già, không đáng ngại. Khi đi cầu, phân sẽ tống nó ra trước.

Đúng như vợ dự đoán. Hôm sau tôi đi cầu. Thỏi phân như cục đất sét khô, đẩy ba chiếc khâu rớt xuống cái bô nhựa. Tôi dùng que bới cục phân, không tìm được hai chiếc khâu đã nuốt. Tôi tính đem đi đổ. Vợ giựt cái bô lại, rà tìm lần nữa. Vẫn không thấy.

Ngày hôm sau, tôi không đi cầu. Bao nhiêu lo lắng đồn dập làm bộ tiêu hoá nổi chứng rối loạn bất thường. Tôi bị táo bón. Vợ nóng ruột, mua cho tôi một liều thuốc xổ. Tôi uống thuốc với nhiều nước. Và nửa khuya đêm đó, như cái nút chai bung ra, tôi tháo dạ ào ạt. Tôi quậy trong cái chất lợn cợn dậy mùi. May quá, bắt được một khâu. Còn một khâu đi đàng nào?

Thêm ngày hôm sau nữa, tôi lại nín ỉa. Cứ vài tiếng đồng hồ, vợ bảo xách cái bô vô buồng ngồi rặn, quyết tìm cho ra chiếc khâu.

Tôi nói: "Bụng trống không, rặn thế nào được?"

"Mất chiếc khâu hai chỉ, là chết em." Vợ nhăn nhó.

"Nó không ra, anh sẽ bị nguy. Em không lo cho tính mạng anh, chỉ tiếc của."

"Nó còn trong ấy, không đáng ngại. Sợ ra rồi, mà mình không bắt gặp mới chết chứ?"

Đến ngày chúng tôi lên đường đi Kongpong Xom, chiếc khâu vàng vẫn biệt tăm.

Trở về với hiện tại. Khi vợ tôi từ bụi rậm đi ra, trao cho tôi một nắm khâu vàng. Những chiếc khâu được buộc thành hai chùm bằng sợi chỉ, còn ươn ướt chất nhờn.

Tôi đưa cho Nu: "Thêm phần này là đủ số."

Nu cầm vàng, xoè ra nhìn, suy nghĩ. Tôi đâm lo. Tổng số vàng, vẫn còn thiếu một chiếc khâu hai chỉ. Nếu Nu phát giác chưa đủ số, làm khó trong giờ phút này thì thật là rắc rối. Nhưng gã chẳng nói gì, đưa lên ngửi thử, rồi chun mũi khịt khịt mấy cái.

Tôi hỏi: "Anh thử vàng cái kiểu gì lạ vậy?"

Gã không trả lời, ra dấu bảo chúng tôi ngồi yên đấy, rồi bất ngờ quay lưng lũi khuất vào rừng rậm, nhanh như con chồn.

Tôi thảng thốt: "Anh đi đâu?"

Không có tiếng trả lời.

Tôi phóng theo: "Anh ơi! Anh ơi!"

Tiếng kêu không ai hồi đáp.

Tôi lại gào bằng tiếng Miên: "Bòn ơi! Bòn ơi!"

"Bòn" có nghĩa là "anh", tôi học được từ lúc mới đặt chân lên đất Kampuchia. Dù đã gào hai tiếng "bòn ơi" thống thiết, nhưng Nu vẫn mất hút. Tìm loanh quanh một đỗi, không thấy Nu, tôi tuyệt vọng trở lại con suối, ngồi lau mồ hôi, thở dốc. Vợ con tôi co rúm người, sợ hãi. Tôi chợt nghĩ đến những trường hợp đã từng xảy ra. Nhiều người lên Kampuchia vượt biên, bị lừa lấy hết vàng, rồi bị giết luôn để trừ hậu hoạ.

Tôi bảo vợ: "Em dẫn con Khuê tìm chỗ kín đáo ẩn núp. Anh ở lại đây chờ xem động tịnh ra sao."

Khi nói điều đó tôi đã có chủ đích. Nếu chúng trở lại đưa đi, thì coi như tôi hiểu lầm thiện ý của chúng. Nếu chúng manh tâm sát hại, tôi sẵn sàng một mất một còn với chúng.

Vợ tôi dẫn con tìm chỗ núp.

Tôi chạy theo dặn dò: "Dù có thế nào, em cũng đừng ra mặt."

Ngồi một mình nơi lòng suối, tôi tự hỏi trong tay không một tấc sắt, lấy gì chống đỡ khi bộ ba của chúng trở lại? Và nếu muốn giết tôi, chúng phải tay dao tay búa sẵn sàng. Tôi khó mà thoát thân, nói chi đến chuyện dằn co ấu đả? Suy cho cùng, tôi quyết định bỏ của chạy lấy người.

Tôi đến chỗ vợ con đang trốn: "Phải rời khỏi nơi đây ngay."

Vợ nói: "Chờ một chút. Có thể họ trở lại đưa mình đi."

"Họ đưa đi mua muối." Tôi gắt.

Vợ xót của: "Còn vàng trao cho họ thì sao?"

"Bỏ vàng, giữ lại cái mạng cùi."

"Ráng chờ, anh ơi. Còn nước còn tát."

"Nước nôi gì nữa mà tát? Hết vàng rồi, nó sẽ lấy máu. Chạy ngay bây giờ, may ra còn kịp."

Tôi nắm tay đứa con gái, băng ra đường. Ngoài đường trống trải. Có xe qua lại, bọn sát nhân không dám làm ẩu. Trong khi chờ xe ngược về Kongpong Xom, vợ tôi ngồi bẹp xuống lề đường, thảm não khóc không ra tiếng. Chưa bao giờ tôi thấy cái mặt của vợ đau khổ như lúc này. Bao nhiêu tiền của chắt bóp dành dụm trong mười năm trời, chờ tôi ở tù về để cùng nhau vượt biên, bỗng chốc hoá thành trắng tay. Chuyện đời như sân

khấu. Tự nhiên tôi bật cười khan. Chẳng biết tại sao tôi có thể cười được trong tình huống bi đát này? Ai đó đã nói, cười là tiếng khóc khô không lệ. Có phải tôi cười như thế không? Đời thật chó đẻ! Mình lao đao khốn khó, chạy trốn bọn ác ôn, lại gặp thằng thất đức.

Sau tiếng cười, tôi ngửa mặt lên trời, uất khí xung thiên: "Phật và Chúa đi đâu cả rồi? Sao không vặn họng mấy thằng quỷ sứ?"

Tôi muốn tiếng la vang rền cả thinh không như giọng sư tử hống của Tạ Tốn. Nhưng sao tôi nghe tiếng mình nhỏ như tiếng con dế gáy rè rè trong bờ cỏ thấp.

Vợ tôi quẹt nước mắt, phẫn nộ: "Giờ phút này mà anh còn cười, còn nói giỡn với Trời Phật. Tôi hận anh!"

Mất của, vợ bắt đầu nổi điên, giở giọng ngang bướng xưng "tôi" với chồng.

Tôi dịu nhẹ: "Em không hiểu anh."

"Tôi còn lạ gì anh mà không hiểu? Ai ở tù cũng đều rên xiết, nhưng anh ở tù với bộ mặt tỉnh bơ. Chuyện gì đối với anh cũng là trò đùa. Tôi mất vàng, tôi đau xót. Nhưng anh lại cười."

"Em muốn anh làm sao?"

Vợ rít giữa hai hàm răng sắc lạnh: "Chém nó!"

"Anh không có dao. Anh sẽ cắn nó."

Tôi vừa dứt câu, vợ tru lên đau đớn như chó sói tru trăng ngoài sa mạc.

Chúng tôi trở lại Kongpong Xom, bằng Honda ôm. Xe chở bốn người. Con Khuê ngồi trên bình xăng phía trước, trong lòng gã người Miên lái xe. Vợ chồng tôi ngồi phía sau. Trên đường đi, gã nói và chỉ chỏ vô rừng. Tôi không hiểu. Gã làm dấu bằng cách đưa bàn tay cứa ngang cổ. Ý muốn nói nhiều người đã chết dọc theo cánh rừng này chăng?

Chúng tôi lên tới chợ Kongpong Xom, lúc mặt trời sắp lặn. Từ khi rời Kongpong Xom cho đến lúc trở lại, chỉ cách bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi, những người đi tìm tương lai, bỗng hoá ra kẻ đầu đường xó chợ. Tôi lang thang, làm quen với một cụ già người Việt Nam, hành nghề mài dao cho các thớt thịt. Tôi bịa ra chuyện đi tìm người bà con nhưng địa chỉ không rõ ràng nên bị lạc. Đồng thời tôi xin cụ giúp chỗ tạm trú qua đêm. Cụ hứa. Và đêm đó cụ dẫn chúng tôi về chỗ ngủ của cụ. Đây là chái hiên lề đường, bên hông một tiệm sửa xe đạp. Dọc theo các chái hiên khác, cũng có những người hành khất nằm ngủ. Cụ nhường chiếc sạp cho vợ con tôi. Sạp kê sát đất bằng những mảnh gỗ vụn ghép lại. Cụ và tôi trải manh chiếu nằm trên nền đất. Hơi đất lành lạnh dưới lưng, mùi dầu nhớt

bốc thoang thoảng. Tôi gối đầu lên bọc quần áo.

Cụ nói: "Đừng sợ mất đồ. Cùng đinh ăn mày, cũng có nghĩa khí của cùng đinh ăn mày."

"Tôi đã mất tất cả rồi. Chẳng còn gì để mất thêm."

Tôi nói trong niềm cay đắng. Không ngờ có một ngày, mình rơi vào nỗi tận cùng bệ rạc thế này.

Nửa khuya, cụ già ngồi dậy quấn thuốc hút. Anh đèn đường vàng vọt soi không rõ, làm khuôn mặt lồi lõm của cụ nhoè nhẹt những vết mờ và bóng tối. Hình ảnh âm u, in lên cái nền phong héo úa như một tấm tranh đời bi thiết. Mọi vật chung chung quanh đều im lìm sâu lắng. Chỉ còn nghe tiếng muỗi vo ve. Cái đầu thuốc cháy, từng chặp loé đỏ lên, là điểm duy nhất còn linh động.

Vợ con tôi ngủ mê mệt sau một ngày vất vả. Tôi trằn trọc đau xót mãi khôn nguôi, ngồi lên xin cụ điếu thuốc. Thuốc gắt quá, tôi ôm ngực ho sặc sụa. Nước mắt tuôn trào ràn rụa. Cụ già vỗ nhẹ vào lưng tôi, như đè xuống một cơn ho, như an ủi một niềm thống khổ. Tôi quay ra ngoài hỉ mũi rẹt rẹt, và chùi nước mắt.

Cụ nói: "Dẫn vợ con lếch thếch đi vượt biên. Coi chừng mất mạng đấy."

Dù tôi không bày tỏ, nhưng cụ đã biết cả rồi.

Cụ tiếp: "Lần sau đừng có dại dột tin lời người khác. Hãy về Việt Nam đi."

Tôi nín thinh, nhìn qua dãy nhà tối ám bên kia đường. Còn có một chỗ nào để đi về không. Sau thời gian vắng mặt không lý do, tôi về là tự đem thân nạp mạng cho chính quyền địa phương.

"Cụ ơi, tôi không thể về. Tôi hết đường tới, chẳng còn đường lui."

Cụ nói: "Phải có cách giải quyết chứ?"

"Tôi ở lại Kampuchia, tìm việc làm."

"Làm gì? Cái tướng trói gà của cậu, khuân vác không nổi. Tính kế lừa thiên hạ ư? Tôi cho cậu biết, ở đây con người dữ như lang sói. Cậu chưa kịp lừa ai, thiên hạ đã lừa cậu mất rồi."

"Tôi muốn chẻ đầu bọn lừa đảo." Khi nói, tôi nhìn những con dao chặt thịt to bản, để kế bên bộ đồ nghề mài dao.

Cụ ngó vào mặt tôi: "Dám không?"

Lời cụ như cây thước đo xem tính khí liều lĩnh của tôi tới cỡ nào. Cái mạng của bọn kia, đáng triệt tiêu để trừ bớt ung nhọt cho xã hội. Còn cái thân tôi sau đó, nếu không chết cũng chịu một hậu quả vô cùng khốc liệt. Nó có xứng đáng để tôi đánh đổi một hậu quả như thế hay không?

Cuối cùng, tôi lắc đầu nói với giọng yếu xìu: "Tôi hèn."

Cụ quấn cho tôi thêm điếu thuốc: "Hàn Tín chịu luồn trôn giữa chợ, vì không thể lấy cái mạng đáng giá muôn người, đổi cái mạng của tên vô lại."

"Tôi không thể so với Hàn Tín. Không phải tôi sợ chúng nó. Tôi hèn, chỉ vì tôi quá thương tôi."

"Còn biết thương mình là còn ham sống. Từ từ làm lại cuộc đời."

Cách lý luận của cụ già, tôi thấy lạ. Với một cái đầu như thế, sao lại chịu sống hẩm hiu như người hành khất?

Tôi nói: "Tôi không hiểu cụ."

Cụ bảo: "Con người sở dĩ còn gần gũi được nhau, là vì không hiểu nhau đấy."

"Cụ nói chi lạ vậy?"

"Không phải sao? Mọi người đến với nhau bằng cái mặt nạ. Ngày nào mặt nạ rớt xuống, nhìn rõ mặt thật của nhau, ngày ấy hai bên trở thành kẻ thù."

"Đúng vậy, cụ ơi! Tôi có thêm vài kẻ thù, nhưng mình không làm gì được nó, mới đau chứ."

"Nếu tất cả mối thù đều có thể thanh toán, thì ra đường chỉ thấy mọi người chém giết nhau."

"Cụ là ai mà hiểu rõ tình đời đến thế?" Tôi hỏi.

Cụ chỉ bộ đồ nghề: "Cậu thấy đó. Tôi là lão già mài dao."

"Phía sau tấm bình phong ấy, là gì?"

"Cậu nghĩ tôi làm khổ nhục kế? Ha ha ha ..."

Tiếng cười như vỡ ra giữa đêm khuya, làm vợ tôi thức giấc trở mình. Tôi thật không hiểu tiếng cười của cụ. Óc tôi đông đặc không còn phân định được điều gì. Tiếng cười như sảng khoái, lại nhuốm một nỗi gì u uất bi thương.

Cụ tiếp: "Trước ngày mất Miền Nam, nếu cậu biết hỏi một câu như thế, thì những tên ăn mày, những thằng đi mua ve chai bán đồ cũ đâu có mặt, để sau này thay hình đổi dạng ra làm ủy viên, chủ tịch ngồi trên đầu trên cổ nhân dân."

Sáng ngày. Cụ già đưa chúng tôi ra bến xe về Phnom Penh. Tôi mua cho mỗi người một ổ bánh mì thịt.

Cụ nhất định không nhận: "Hãy lo cho vợ con đi. Coi bộ tình trạng sắp tới của cậu bi đát lắm đấy."

"Chuyện gì rồi cũng sẽ qua." Tôi nói một câu mà lòng không chủ đích.

"Cậu còn có vợ con, nghĩa là chưa mất hết đâu. Ở xứ lạ quê người, mang bộ mặt ngơ ngáo như cậu, dễ bị chúng lấy mạng, và cướp vợ con

đưa vào nhà thổ."

Giờ phút chia tay, tôi còn nhiều bịn rịn. Nhưng cụ tỏ ra dứt khoát và cương nghị, khác với vẻ người đờ đẫn mà tôi gặp chiều hôm qua.

"Đi đi. Cứ như đàn bà con gái thế này, thì còn làm ăn gì được?"

Tôi lên xe, lòng vẫn tự hỏi cụ già mài dao là ai? Là ai?

Tôi trở lại Phnom Penh, tìm đến cái nhà trước đây trạm trú, để hỏi về người dẫn mối. Người ta không biết kẻ kia ở đâu. Hoá ra, đây là nhà cho thuê giường ngủ. Lòng tôi bời bời trăm mối lo toan, nát óc nghĩ không ra lẽ. Về không được, ở không xong.

Vợ nói: "Mình có thể buôn bán."

Tôi hỏi: "Vốn đâu?"

"Em còn một ít tiền mặt và năm phân vàng. Anh còn hai chỉ."

"Anh làm gì có?"

Vợ chỉ vào bụng tôi: "Nó còn trong ấy. Không chạy đàng nào."

"Tính mổ bụng anh hả?"

"Gì mà trầm trọng thế? Trước sau gì, nó cũng tự động ra thôi."

"Nếu nó không ra?"

"Thế thì nguy cho anh."

"Thôi, chuyện ấy tính sau. Bây giờ, lo tìm chỗ ngủ đêm nay." Tôi nói.

Vợ đề nghị: "Thuê giường ở đây."

"Thuê giường một đêm, họ cứa cũng bộn bạc. Mình phải tiết kiệm."

Tôi dẫn vợ con lên chợ Ô Hoà Xây, khu chợ chính của thủ đô Phnom Penh, tìm người Việt Nam để làm quen. Trước nhà lồng chợ là dãy phố buôn bán, tập nập kẻ lại người qua. Đặc biệt có một gian nhà không bày hàng. Ngoài hành lang có những người đàn bà Việt Nam ngồi lê trên những manh chiếu. Bên trong kê mấy cái giường sắt. Tôi rà rê tới làm quen, trong khi vợ con tôi đứng ủ rủ sau một chiếc xe bán nước mía.

Thấy tôi, một chị hỏi: "Đấm bóp hả?"

Tôi nói: "Không. Chỉ tìm người quen." Và bịa ra một cái tên ma, hỏi chị ấy có biết không.

Chị bảo: "Không biết. Sẵn dịp lại đây thì đấm bóp đi anh. Trông anh có vẻ bơ phờ lắm. Đấm bóp giác hơi cho giãn gân cốt, máu huyết lưu thông là khoẻ ngay."

Tôi lắc đầu, cười cười.

Thêm vài chị rỗi việc bu đến. Tôi áp dụng bổn cũ soạn lại khi còn ở Kongpong Xom với cụ già mài dao, rằng tìm người bà con không gặp, nên bị lỡ đường. Xin họ giúp cho một chỗ ngủ qua đêm.

Một chị nói: "Anh về với bọn tôi đêm nay."

Tôi chỉ về phía xe nước mía: "Còn có vợ con tôi nữa."

"Gì mà đông thế? Kêu lại đây. Đứng xớ rớ, coi chừng bị giật đồ."

Vợ con tôi đến. Những người đàn bà nhìn, dò xét.

"Đi tìm việc hả?"

"Không. Tìm người bà con."

"Đừng có xạo, cha nội. Tôi biết là đi tìm việc."

Chị khác, ngó vợ tôi: "Trông còn ngọt nước lắm." Rồi nhìn qua con tôi. "Con bé này, có thể bưng cà phê bán dạo cho các bạn hàng trong chợ."

Vợ tôi hỏi: "Chị nghĩ em có thể tìm được việc ở đây không?"

"Ở đây à? Định cạnh tranh nghề nghiệp với bọn tôi hả?"

"Không. Em đâu biết đấm bóp. Việc khác kìa."

"Đàn bà con gái lên đây, đừng hòng tìm được việc gì khác, ngoài cái việc làm đĩ. Nhưng ông anh chịu cho vợ mình làm không?"

Vợ tôi xám mặt: "Xin chị đừng nói chơi."

Chị trề môi, mai mỉa: "Mệnh phụ, tiểu thư lúc khốn cùng túng quẩn cũng thành gái ăn sương. Ở đó mà khư khư giữ lấy cái nghìn vàng."

Vợ tôi cúi đầu nhẫn nhục. Lòng tôi tan nát. Cái tình đồng hương trên xứ lạ, sao nghe như muối xát gừng cay.

Không muốn vợ ngồi đây để nghe những lời xúc phạm, tôi bảo: "Em dẫn con đi mua đồ ăn cho nó."

Vợ con tôi kéo nhau qua chợ mua cơm. Mỗi phần cơm, có con cá nướng bằng ngón tay, được gói trong chiếc lá sen. Cả hai ngồi bên lề đường, bốc từng nắm cơm cho vào miệng. Nắng chiều nghiêng đổ xuống hai mẹ con một màu tàn phai héo hắt. Con tôi không còn cái vẻ hồn nhiên tuổi nhỏ. Mặt nó vô hồn ngơ ngác. Còn khuôn mặt sầu thảm của vợ tôi, phảng phất một chút gì hờn tủi.

Tôi xót xa, muốn bỏ đi. Nhưng giữa nơi ồn ào phồn tạp quê người, tôi biết đi đâu?

Trong khi tôi ngồi đấy, có một người đàn ông Miên bước vào. Mặt xạm đen, nhễ nhại mồ hôi như thoa một lớp dầu bóng. Lưng áo cũng ướt đẫm. Nhìn cách ăn mặc, tôi đoán chừng ông là phu khuân vác trong chợ. Các chị tranh nhau mời chào. Không biết họ sang đây hồi nào, mà rành tiếng Miên thế? Ông khách đứng quan sát từng chị, như để so sánh chọn lựa một nhan sắc. Các chị làm ra vẻ tươi cười. Cũng vẫn những cái miệng này, mới đây đã phát ra những âm thanh cú diều với vợ tôi, bây giờ lại thốt những lời dịu dàng dễ thương chi lạ. Ông khách chỉ vào một chị. Chị vui vẻ liếng thoắng dẫn khách vào phía trong. Có lẽ đã từng là khách hàng đấm bóp nhiều lần, ông khách tự nhiên trút bỏ quần áo bên ngoài,

chỉ còn độc cái quần xà lỏn màu đỏ chói, nằm sấp xuống chiếc chiếu trải sẵn trên nền xi măng.

Tôi hỏi một chị ngồi kế bên: "Sao không để người ta nằm trên giường?"

"Giường làm kiểu thôi. Nó lung lay như chiếc răng sắp rụng." Chị nói.

Tôi lần vào phía trong, xem cách làm việc ra sao. Chị lau mồ hôi cho khách bằng chiếc khăn nhàu nát. Chiếc khăn đã từng lau cho hàng trăm người rồi. Lau xong, chị xoè hai bàn tay chém lia lịa đều khắp trên lưng người khách. Những ngón tay va vào nhau, kêu lách chách.

Sau màn dần lưng, chị lên ngồi trên mông khách, đùi dang ra hai bên. Chị nhích tới nhích lui, bóp từ trên vai xuống tới thắt lưng. Khách có vẻ khoái, nằm nghiêng đầu qua một bên, mắt lim dim hưởng thụ. Dùng sức nhiều, trán chị lấm tấm mồ hôi, nhưng trông mặt tươi tắn yêu đời. Tiền. Chính mãnh lực đồng tiền đã biến đổi người đàn bà cáu gắt, trở nên vui vẻ. Thỉnh thoảng chị ngừng tay, lau trán với chiếc khăn vẫn lau mồ hôi cho khách. khoảng năm phút, chị xoay qua màn khác. Chị dùng ngón trỏ và ngón cái, kẹp từng miếng thịt trên lưng khách kéo lên. Và bàn tay kia phạt ngang như nhát chém. Một hồi, lưng khách muốn ửng đỏ trên làn da vốn đã xạm màu. Rồi chị xoè hai bàn tay chà xát thật mạnh dọc theo hai bên sống lưng. Sau đó, chị dùng mười đầu ngón tay kéo mảng thịt trên lưng khách. Mười ngón tay nhanh như những cái chân con rít, đùa mảng thịt thành gợn sóng chạy dài từ thắt lưng lên tận bả vai. Chị thụt về phía sau, chồm lên phía trước theo mỗi gợn thịt đùa từ dưới trở lên. Cái háng dạng ra, tới lui chà lết trên mông người đàn ông. Động tác làm tôi liên tưởng chuyện tục.

Bất ngờ chị hỏi: "Muốn học nghề để truyền cho vợ hả?"

Tôi lắc đầu cười gượng, và bỏ ra ngoài hành lang. Thà tôi gặm cỏ cạp đất mà ăn, chứ không để vợ làm cái nghề dị hợm này!

Chiều sắp tàn. Khách càng đông. Họ cần đấm bóp giác hơi để tìm chút thư giản sau một ngày lao động chân tay vất vả. Phía trong không đủ chỗ, các chị trải chiếu ra tận ngoài hiên. Những ông khách cũng dễ tính, họ xoay trần nằm sấp trên hiên, kế bên lề đường có bao nhiêu người qua lại. Người đi đường cũng không tò mò dòm ngó. Họ đã quen mắt, nên coi đấy là chuyện thường.

Các chị làm việc lăng xăng. Tôi kiên nhẫn chờ một chỗ tá túc qua đêm. Lại có dịp coi thêm màn giác hơi.

Giai đoạn này, chị đấm bóp không ngồi trên mông khách. Bộ đồ nghề là những cái lọ thủy tinh bầu tròn cỡ trái quít. Chị thắp ngọn đèn dầu nhỏ. Dùng cái que, một đầu có đính cục bông, nhúng vào lọ dầu, châm

lửa. Chị cầm nghiêng cái lọ, thọc ngọn lửa vào quậy quậy, và rất nhanh, chị chụp xuống. Cái lọ hút dính vào lưng. Từ miệng lọ da thịt phù lên. Chị làm nhanh tay và thiện nghệ. Cứ thế, từng lọ, từng lọ được chụp xuống, trông như những chiếc bong bóng nổi đầy trên lưng khách. Chị để yên đấy, và khách cũng nằm im. Trong thời gian chờ đợi, chị ngồi hút thuốc. Chị giải thích, phải chờ cho máu bầm tụ lại, sau đó sẽ đánh tan đi. Làm thế, máu huyết lưu thông, sẽ hết nhức mỏi và tránh được bệnh thời khí cảm mạo thông thường. Tàn điếu thuốc, da thịt phù lên trong lọ cũng bầm tím. Chị cầm từng chiếc giựt ra, mỗi lần giựt kêu bốc một tiếng. Lưng khách bây giờ, nổi đầy những vết bầm hình tròn. Chị lau sơ, và thoa đều một lớp dầu mỏng cho trơn. Thoa dầu xong, chị chỉ dùng một cái ống giác, thọc ngọn lửa vào quậy, và chụp nhanh xuống lưng khách. Chị kéo cái ống giác chạy lên chạy xuống, đều khắp trên lưng. Đây cũng là giai đoạn chót của màn giác hơi. Xong, chị lau sạch lớp dầu lần cuối cùng, và vỗ nhẹ trên lưng khách vài cái, báo hiệu mọi việc đã hoàn tất. Khách đứng lên vươn vai, mặc lại quần áo. Trông khách khoẻ ra, mặt mày tươi tỉnh thấy rõ.

Chiều tàn. Người trong khu chợ Ô Hoà Xây thưa dần. Các chị cuốn chiếu, thu dọn đồ nghề, và mua cơm phần gói trong lá sen, cho bữa ăn tối. Chúng tôi theo các chị về bằng xe Lambretta ba bánh. Ngồi trên xe, tôi nhắm mắt lại. Có cảm tưởng như mình đang lao vào cõi mông lung vô định, với nhiều bất trắc rủi ro.

Các chị thuê phòng trên tầng lầu thứ tư của một chung cư. Chúng tôi lên lầu cùng lúc những ông chồng của các chị về tới. Mỗi ông xách theo một thùng nước, tay kia xách cục nước đá treo tòn ten bằng sợi dây. Nước đá được bỏ vào thau nước lã, dùng làm nước giải khát. Còn thùng nước, dành cho các chị tắm rửa.

Chồng của các chị làm phu khuân vác nơi chợ búa, hoặc các bến xe hàng. Tất cả, họ thuê chung một căn phòng rất rộng. Phòng được chia ra từng phần làm chỗ ngủ, diện tích vừa tấm chiếu, che bằng những tấm màn vải. Họ sống tạm bợ. Kể cả tình nghĩa vợ chồng cũng là sự gán ghép tạm bợ giữa đường. Bởi những người đàn bà đàn ông này, đều đã có gia đình ở quê nhà. Họ trôi giạt sang xứ người kiếm sống, và ráp lại từng cặp, chẳng qua vì vấn đề âm dương phối hợp mà thôi.

Chủ nhà là một bà già người Miên, ít nói. Đôi mắt cú vọ nhìn người lom lom, thể hiện cái thói gian tham, xảo quyệt. Dù chúng tôi nằm dưới sàn gạch, bà cũng bắt chẹt phải trả tiền một đêm. Nghe nói vào thời Pol Pot cầm quyền, những người dân thành phố, một số chạy trốn, một số khác bị giết, hoặc bị lùa đi các công nông trường. Và họ đi không bao giờ

về nữa. Dân cùng đinh khố rách khắp nơi tràn vào thành phố, chiếm lấy nhà cửa. Từ đó, thành sở hữu chủ luôn.

Buổi tối. Tôi xuống đường, tắm nơi vòi nước máy, và xách lên một thùng cho vợ con. Vòi nước công cộng, một tay anh chị mặt rô tự đứng ra quản lý, phân phối và thu tiền bỏ túi riêng. Ai dám phản đối? Thời buổi nhiễu nhương rối loạn. Luật pháp như cái cân hư. Xã hội xô bồ. Lưu manh ngự trị. Trời Phật không có chỗ đứng trong lòng người. Ai cũng thủ sẵn một con dao. Họ vừa đề phòng, vừa rình cơ hội đâm mũi nhọn vào người khác.

"Ở đây, thứ gì cũng trả tiền. Biết thế, ở lại cái nhà trọ cho thuê giường, còn khoẻ hơn." Vợ tôi cằn nhằn.

Tôi nói: "Ai ngờ được những gì sẽ tới? Mình giống như nàng Kiều của Nguyễn Du. *Cũng liều nhắm mắt đưa chân. Thử xem con tạo xoay vần đến đâu!"*

Vợ nổi cáu: "Chết lên chết xuống không lo, còn thơ phú nữa? Dẹp ông Nguyễn Du đi. Hãy lo moi vàng ra mà sống."

"Anh cũng muốn lôi đầu nó ra, nhưng nó cứ nằm lì trong bụng. Biết làm sao?"

"Lúc nào anh cũng tâm niệm hai tiếng "đi cầu", thì nó ra thôi."

"Đi cầu mà cũng tâm niệm?"

"Phải. Anh cứ tưởng tượng mình đang chột dạ mót đi cầu, cần tống khứ tất cả những gì trong bụng ra ngoài. Đến một lúc, anh sẽ tuôn ra hết ngay. Người ta gọi đó là tự kỷ ám thị"

"Khổ quá! Em điên rồi, nên nghĩ đủ điều như thế."

"Không ám thị được, em sẽ cho anh một liều thuốc xổ."

"Em ơi, anh đang mệt mỏi. Uống thuốc xổ hoài, mất sức làm sao chịu nổi?" Tôi nói như rên.

Vợ cương quyết: "Cũng phải chịu. Nếu đêm nay, nó không ra. Ngày mai, em mua thuốc xổ. Em cần vàng để xoay trở. Chỉ có vàng mới cứu được mình trong lúc này."

Tôi vào nhà cầu, lót tấm giấy bìa trên sàn, ngồi rặn và tự kỷ ám thị. Vàng ơi! Vàng ơi! Vừa ám thị, tôi vừa gọi vàng ơi. Tâm trí lan man, nghĩ hận bọn thằng Nu. Vì mấy cây vàng, mà chúng nhẫn tâm xô vợ chồng tôi vào ngõ cụt.

Không biết oan gia nghiệp báo, nợ nần nhau từ tiền kiếp nào, mà chúng bám theo tôi như bóng với hình? Tôi được phóng sinh... Tôi nói phóng sinh thay vì phóng thích, mới bày tỏ hết ý nghĩa của những con người đang quằn quại chờ chết trong cảnh âm ty. Vâng, tôi được phóng

sinh ra khỏi trại tù, cũng chưa thoát nạn. Về quê, lại gặp chính quyền địa phương hà khắc. Họ chèn ép, bắt tôi đi làm thủy lợi liên miên. Gặp hồi mạt vận, vùng vẫy cách nào cũng không thoát. Đành cắn răng chịu đựng. Nín thở qua sông. Qua chưa hết con sông, lại nghe họ sắp đưa tôi đi gỡ mìn trên biên giới. Đã có nhiều người bỏ mạng vì công tác này rồi. Tôi biết họ muốn dồn tôi vào cửa tử. Không lẽ cúi đầu chờ chết? Tôi dẫn vợ con trốn ra Miền Trung, tìm đường vượt biên. Từ đó, thiên la địa võng trùng trùng bủa vây. Chạy ngả nào cũng chạm mặt bất lương.

Đầu tiên, tôi quen một bà mệnh phụ tại Nha Trang. Bà tự giới thiệu, trong quá khứ bà là giáo sư của một trường nữ trung học ở Huế, và là vợ của một viên thiếu tá chế độ cũ, tù cải tạo chưa về. Tôi đặt niềm tin nơi người đàn bà học thức này. Bà nói, bà đã từng tổ chức đưa người vượt biên trót lọt. Tôi là người đông cảnh ngộ với chồng bà, nên được đặc biệt ưu tiên, tận tình chiếu cố. Điều kiện vượt biên, không đưa vàng trước. Chỉ khi nào đặt chân lên ghe lớn, mới trao thư và mật mã để thân nhân căn cứ vào đó mà đưa vàng. Thời buổi củi quế gạo châu, con người hay lọc lừa phản trắc, khó tin tuyệt đối nơi một người nào. Điều kiện như thế, thật là sòng phẳng, và hợp lý. Để củng cố thêm niềm tin cho những kẻ sắp vượt trùng dương tìm đất mới, bà gọi bọn đàn em đến nhà, thắp đèn đốt nhang, cùng nhau thề nguyền trước bàn Phật. Phật đã chứng kiến. Con nào thằng nào dám lật lọng, trời tru đất diệt nó!

Một đêm tối trời, tại Hòn Khói. Tôi dẫn vợ con lên chiếc ghe nhỏ taxi, ra đảo hoang nằm chờ ghe lớn. Trên đảo đã có sẵn ba chục người chờ đợi. Giữa trời nước bao la, ban đêm gió lạnh thổi ù ù. Mọi người nằm rúc vào nhau tìm hơi ấm. Ban ngày, trời nắng như thiêu đốt. Ngồi núp theo những hốc đá, hả họng mà đớp khí trời. Đã thế, còn thêm cái nạn bị bù mắt đốt. Da thịt chân tay nổi mận sần sùi ngứa ngáy. Đám con nít không biết tại sao cha mẹ đem chúng ra chốn này để sấy khô, ướp lạnh. Chúng khóc la ỏm tỏi, đòi về. Khóc khan cổ họng, rồi cũng phải nín. Dưới cái nóng buổi trưa, chúng nằm thoi thóp, tội nghiệp.

Trong các hốc đá, nhóm tổ chức còn cẩn thận trữ sẵn gạo, muối, đường, cà phê. Nhiều người khen họ chuẩn bị chu đáo. Nhưng coi kỹ lại, không tìm đâu ra chiếc nồi để nấu. Đó là những vật dùng làm cảnh tạo niềm tin. Vật làm cảnh để đấy, thì muôn đời vẫn còn nguyên đấy thôi.

Mỗi ngày, có chiếc ghe nhỏ đem cơm nước từ đất liền ra đảo. Mọi người nôn nóng nhao nhao hỏi thăm chừng nào ghe lớn đưa đi? Được trả lời rằng, chưa thuận tiện. Phải chờ. Chờ cho thời gian chín muồi đau khổ.

Người đem cơm, chỉ một chiếc thuyền thấp thoáng xa xa, báo tin mừng: " Con cá lớn sắp tới rồi. Bà con viết thư mau lên."

Trong nỗi mừng vui quá đỗi, mọi người hấp tấp viết thư và ghi rõ mật mã cho thân nhân. Người lái ghe cũng sốt ruột không kém, anh ta thúc hối từng người, và nhanh chóng thu gom tất cả thư từ. Sau khi kiểm đủ số thư, anh cho biết cần chạy ra liên lạc với con cá lớn. Mọi người vất bỏ những thứ lỉnh kỉnh không cần thiết, thu gọn đồ đạc, nhấp nhổm ngồi chờ. Bao nhiêu mệt nhọc trong những ngày qua, phút chốc đều tan theo sóng biển. Con cá lớn sẽ đưa ta về miền đất hứa. Ôi, ba tiếng "con cá lớn" thân yêu biết dường nào! Ta mong đợi ngươi từ lâu lắm. Nhưng, sao lạ vậy? Hình ảnh con cá lớn càng lúc càng xa mù, mất hút giữa trùng dương xanh ngắt. Còn chiếc ghe nhỏ hướng mũi về đất liền, cũng biệt tăm luôn. Mọi người chưng hửng nhìn nhau, chưa tìm ra câu giải đáp. Lúc sau, chừng như thấm ý, có bà bật khóc. Rồi như một cái dịch truyền nhiễm, các bà khóc theo. Các ông văng tục chửi thề loạn xá ngầu. Tiếng khóc, tiếng chửi theo gió biển bay đi, không còn âm vọng.

Trưa hôm sau. Một người đàn ông khác, lái chiếc ghe nhỏ đem cơm nước ra đảo. Mọi người bu lại như muốn phanh thây xẻ thịt anh ta.

Anh kêu gọi: "Xin bà con bình tĩnh..., bình tĩnh..." Chờ cho mọi người dịu bớt cơn thịnh nộ, anh giải thích. "Rất lấy làm tiếc, ghe lớn bị động, không thể rời bến như dự định."

Có người hỏi: "Vậy, chừng nào rời bến được?"

"Hiện thời, công an đang theo dõi, chưa dám nhúc nhích. Không thể nói chắc thời gian."

"Chúng tôi ở đây, anh giải quyết thế nào?"

"Bà con chịu khó nằm chờ. Ai không muốn chờ, có thể theo ghe nhỏ trở về. Khi nào có chuyến, chúng tôi sẽ thông báo ra đi lần nữa."

Nghĩ đến những ngày chịu đựng vừa qua, mọi người ngán ngẩm. Tất cả đều muốn đi về, chờ đợi chuyến sau.

Tôi về đến nhà người em, vào lúc nửa đêm.

Em tôi ngạc nhiên: "Ủa? Sao anh trở lại?"

Tôi mệt mỏi: "Có đi đâu mà trở lại?"

"Tối hôm qua, bà thiếu tá đến trao thư, và thông báo anh đã lên ghe bình yên. Em coi thư, đúng là mật mã và chữ viết của anh. Em trao vàng cho bà rồi."

Tôi sực tỉnh, dậm chân kêu trời không thấu. Biết mình gặp phải lưu manh cướp cạn, năm lần bảy lượt tôi đến nhà bà thiếu tá, đòi lại sáu cây vàng. Nhưng bà luôn luôn đi vắng.

Một hôm, tình cờ gặp bà trên phố. Tôi lớn tiếng đòi bà phải trả lại vàng.

Bà bảo: "Vàng đã chia năm xẻ bảy rồi. Không thể gom lại được. Ông

chờ gọi đi chuyến sau. Tôi khuyên ông đừng nên làm rùm beng. Công an biết được, nó còng đầu cả lũ."

Tôi về, thuật cho vợ nghe trường hợp gặp bà thiếu tá.

Vợ nóng mặt: "Tố cáo bả và đồng bọn."

Tôi giải thích: "Tố cáo bả và đồng bọn lường gạt, thuộc tội hình sự, chỉ bị tù vài tháng. Còn mình vượt biên, bị khép tội phản quốc, thuộc tội chính trị. Tội chính trị ở tù tệ lắm cũng vài năm."

Vợ uất hận, gầm lên: "Tức chết... đi!"

Tôi nói: "Tức cũng phải ngậm bồ hòn làm ngọt. Chẳng lẽ mất vàng, còn lao đầu vô tù?"

Chúng tôi ở lại Nha Trang, nơi nhà người em, trong sự lo âu hồi hộp.

Em tôi trấn an: "Anh yên tâm. Láng giềng của em, đều có gốc gác thuộc thành phần chế độ cũ. Toàn là phe ta cả."

Tôi bị bà thiếu tá "phe ta", nữ giáo sư trường Đồng Khánh, chơi cho một vố đau như bò đá. Bây giờ, nghe nói "phe ta", tự nhiên tôi có ác cảm. Thiên hạ đua nhau bợ đít "cách mạng", theo thời xu thế. Tiểu nhân cúi đầu. Gió thổi cỏ rạp. Loại người mang tâm địa hèn mạt, họ sẵn sàng bán đứng "phe ta", đổi lấy một chút quyền lợi nhỏ nhoi nào đó. Những năm trong tù, cho tôi nhiều kinh nghiệm đắng cay. "Phe ta" lẻ tẻ vài anh trở mặt. Họ như những con giòi cựa quậy ngọi lên trong nỗi khốn cùng của anh em. Nịnh nọt dựa hơi "cách mạng". Hành hạ chà đạp "phe ta" không thương tiếc. Họ lấy sự vùi dập người khác làm sự sống còn của mình. Những khuôn mặt bẩn thỉu lem luốc đó, ra khỏi tù, tôi còn gặp lại họ ngoài đời. Họ giỏi luồn lách, và mau chóng thích nghi với chế độ mới. Làm người, nhưng họ mang bản năng của loài tắc kè, đổi màu da theo cảnh sắc.

Những người láng giềng của em tôi lịch sự và tử tế. Họ tỏ ra thân thiện với tôi như đã cảm thông nhau từ lâu lắm. Tôi nghi ngờ, nên cố giấu thân phận mình. Nhưng con mắt của "phe ta" rất tinh đời. Họ biết tất cả.

Một buổi tối. Bất ngờ công an ập vào nhà, lục soát và xét giấy tờ của tôi.

Công an hỏi: "Anh đến đây làm gì?"

Tôi nói: "Tìm việc làm."

"Sao không làm việc ở quê anh?"

"Quê tôi không có việc gì cho tôi cả."

"Anh đi, không có phép của chính quyền địa phương. Anh ở, cũng không thông báo cho chúng tôi biết. Tại sao?"

"Tôi tạm trú, chờ tìm được việc, sẽ xin phép các anh cho ở đây. Nếu không tìm được việc, tôi về quê cũ"

"Láo. Chúng tôi biết anh đang tìm đường vượt biên. Cho anh thời hạn một tuần rời Nha Trang. Hàng ngày, anh phải lên phường trình diện với chúng tôi, cho đến ngày đi khỏi."

Trong số những công an xét hỏi, có một gã còn trẻ. Gã này đang theo đuổi tán tỉnh cháu gái tôi. Khi công an ra cửa, gã cố ý đi chậm lại đàng sau, nói nhỏ với cháu tôi.

"Người ta tố chú vượt biên, nhưng không tìm ra bằng chứng. Chú đang bị theo dõi."

"Người ta" mà gã công an nói, là ai đây? Điểm trúng vào tử huyệt của ta, là người hiểu ta. "Kẻ thù ngồi sau lưng bệ hạ đấy!" Trên đường bôn tẩu, Kinh Dương Vương được rùa thần báo như thế.

Bị tống xuất khỏi Nha Trang, tôi về Sài Gòn, tìm đến những bà con thân thuộc. Tất cả đều thờ ơ lạnh nhạt. Trong khánh tận nỗi đời, nhìn rõ mặt trắng đen. Nhắc câu thân tình ân nghĩa cũ, dễ làm người ta khó chịu như coi tên hề diễu dở. Không bám víu vào đâu được, tôi như con chim run sợ trước cơn giông đảo điên thời cuộc. Thấy công an như thấy bóng dáng hung thần. Sứ giả của chế độ mới, đến đâu là gieo rắc điềm dữ đến đấy. Trong lao đao hốt hoảng, tôi chạy trốn theo đường dây vượt biên lên Kampuchia. Và tại đây, tôi sa vào bẫy của thằng Nu. Sa bẫy thêm lần này, chúng tôi thành trắng tay. Hy vọng vào chiếc khâu vàng, nhưng không biết nó còn trong bụng, hay đã lọt đi đàng nào?

Ngồi trong nhà cầu, tôi ám thị và gọi mãi vàng ơi vàng ơi, trong niềm đau nhức.

"Ra chưa anh?" Vợ hỏi vọng vào.

Tôi nói: "Chưa thấy gì."

"Ngồi ráng thêm chút nữa coi sao."

"Ráng vô ích. Cho anh liều thuốc xổ thôi." Tôi đi ra ngoài.

Vợ nhìn mặt: "Mấy hôm nay, trông anh hốc hác nhiều. Uống thuốc xổ cũng tội, nhưng không còn cách gì khác."

Buổi tối, trong gian phòng rộng lớn. Mọi người ngồi dựa lưng vào vách tường, tán gẫu đủ thứ chuyện. Qua câu chuyện, tôi biết có một chị, sáng mai sẽ về Việt Nam thăm gia đình. Những món quà chị sắm cho chồng con, đặc biệt có chiếc quần Jeans sờn gối. Chị nói, chồng chị sẽ rất thích chiếc quần này, dân chơi đúng điệu chỉ mặc quần Jean bạc màu sờn rách. Chị ngồi dựa lưng vào lòng anh chồng hờ. Anh cũng âu yếm vòng tay ôm khít lấy chị. Họ tận dụng những giờ phút còn gần gũi bên nhau. Tất cả những người khác coi thế là tự nhiên, nhưng vợ tôi ngượng.

"Kỳ!" Vợ nói nhỏ.

Tôi bảo: "Kệ người ta."

Đến giờ ngủ, những tấm màn vải được kéo ra, ngăn làm nhiều phòng nhỏ sát chân tường. Còn lại khoảng trống giữa phòng, tôi trải tấm chiếu cho vợ chồng tôi và đứa con.

Đèn tắt. Chung quanh, từng cặp nói chuyện thầm thì, cười khúc khích. Một hồi sau, nổi lên những tiếng động dâm dật. Họ không cần khẽ khàng, dè chừng ai nữa. Cặp nào cũng như nhau. Họ coi đó là điều tự nhiên. Mục đích gán ghép vợ chồng tạm bợ của họ, cũng chỉ vì chuyện ấy mà thôi. Chúng tôi bị bao vây bởi những âm thanh đầy kích thích.

Tôi cố dỗ giấc, và lãng quên. Nhưng sao cái lỗ tai bây giờ quá thính? Tôi nghe rõ cả hơi thở dồn dập của họ. Trong đầu tôi hiện ra những hình ảnh và động tác...

Con tôi, sau những ngày vất vả, buông mình xuống là ngủ khì. Vợ tôi nằm lặng, không biết thức hay ngủ? Tôi khẽ trở mình, đưa tay khều thử.

Vợ hất tay tôi: "Đừng."

"Ngủ chưa?"

"Hứ!"

Tôi cười thầm. Vợ tôi chú ý cái âm thanh quỷ quái này, còn hơn tôi nữa.

Sau một chặp đầu hôm, mọi người đi vào giấc ngủ. Nửa khuya, tôi nghe có sự cựa quậy, nơi vị trí của người đàn bà sắp về Việt Nam. Tiếng động dâm dật lại nổi lên. Anh chị cố vớt vát thêm thú vui dục lạc, để bù lại những ngày sắp xa nhau. Về thăm chồng lần này, nếu chị mang thai, đứa bé ra đời, dĩ nhiên chồng chị chịu trách nhiệm. Nhưng nó là con ai, chỉ có chị biết mà thôi. Khi tiết trinh là điều xa xỉ, loạn dâm là chuyện bình thường, thì loài người đồng hoá với súc sinh. Sáng ra, tôi nói với vợ ý nghĩ này.

Vợ nguýt dài: "Khéo lo chuyện tầm phào."

Tôi cười cười: "Đêm rồi ngủ ngon không?"

"Đừng hỏi báp láp. Ông ham lắm!"

"Ham gì?"

"Chuyện đó."

"Chuyện đó, ai không ham? Em cũng vậy."

"Không có tôi đâu. Đừng nói chuyện đó nữa. Bây giờ, ông vào nhà cầu rặn chiếc khâu cho tôi. Nếu nó ra, tôi khỏi tốn tiền mua thuốc xổ."

"Lúc nào em cũng nghĩ đến chiếc khâu!"

"Chứ sao? Thiếu nó, thì còn làm ăn gì được?"

Vợ chưa mua thuốc xổ. Tôi bắt lại được khâu vàng, sau một tuần lẩn trốn trong bụng tôi. Một chị đấm bóp tình nguyện dẫn chúng tôi đi bán

vàng. Dĩ nhiên, sự cám ơn phải cụ thể bằng tiền. Chị lại hướng dẫn chúng tôi ra vùng ngoại ô thành phố, mướn một căn lều bằng lá. Một căn lều theo đúng nghĩa đích thực của nó, nhưng chúng tôi gọi là căn nhà cho đỡ tủi thân. Mái nhà lợp bằng lá mía, chung quanh che chắn bằng liếp tre đan thưa thớt. Chiều sâu căn nhà quá ngắn, nhưng chiều ngang lại quá dài. Nghe nói, trước đây người chủ của nó dùng làm chuồng nuôi gà công nghiệp. Nhưng gà chết toi nhiều quá, nên dẹp luôn. Chuồng bỏ trống. Phía sau, còn chất đầy những chiếc lồng gà cũ. Có được một chỗ trú mưa che nắng là tốt rồi. Tôi ra sức quét dọn tẩy uế cả ngày, trông cũng mát mắt. Chúng tôi bắt tay ngay vào việc tạo điều kiện đời sống. Mua chăn màn nơi sạp bán đồ cũ. Mua chén dĩa, vài nồi nấu ăn, thêm chiếc nồi lớn dùng hấp xôi. Vợ tôi chọn nghề bán xôi làm kế sinh nhai. Cái nghề ít vốn, thích hợp với gia đình, tiện lợi cho việc ăn uống. Xôi bán không hết, vợ chồng con cái ăn xôi trừ cơm. Đỡ phí của trời!

Sáng sớm. Tôi gánh xôi vào thành phố. Vợ ngồi bên lề bán cho khách qua đường. Người mua kẻ bán nói với nhau bằng ngôn ngữ đôi tay. Miệng ú ớ không nên lời. Đôi khi ngớ ngẩn đến buồn cười. Mấy ngày sau, tôi nghĩ ra một sáng kiến. Nhờ người viết tấm bảng bảng liệt kê giá cả bằng tiếng Miên. Gói nhỏ một đồng. Gói vừa hai đồng. Gói lớn ba đồng. Người mua giơ ngón tay chỉ vào một trong ba hàng chữ ấy. Dễ dàng cho cả đôi bên. Con tôi cũng tích cực góp phần vào sinh kế. Nó bưng cái mâm có những nắm xôi đã gói sẵn, bán dạo theo các tiệm cà phê. Nó biết nở nụ cười mời khách. Có người không muốn ăn xôi, nhưng thấy nó lí nhí nói cái thứ tiếng chẳng ai nghe được và cười hoài, người ta cũng mua. Mặt nó vui hẳn lên, mỗi lần bán được gói xôi. Mười ba tuổi, lăn vào chốn mưu sinh, nó hiểu thế nào là giá trị của những đồng tiền. Còn tôi, đứng xớ rớ không biết làm gì. Lòng bức rức không yên. Tôi lang thang tới bến xe đò, xin làm phu khuân vác. Ở ngoài nhìn vào, cứ tưởng vai u thịt bắp là được việc. Nhưng không. Còn một điều kiện khác nữa, và đây mới là điều kiện cần thiết. Muốn có việc, phải giành mối. Trên đường đời, tôi thiếu bon chen, tay chân cò vạc lại vụng về xốc vác, nên chẳng ai thèm mướn.

Chiều về, tôi nằm trên chiếc võng đưa qua đưa lại, buồn bã rời rã. Nhìn vợ con lu bu chuẩn bị cho nồi xôi ngày mai, tôi thấy rõ ràng mình đang sống bám trên hai chiếc lưng gầy gò yếu đuối. Giận mình bất tài vô tướng. Buồn giận quá, đâm ra quẩn trí. Tôi thù bọn chính quyền của quê tôi, thù bà thiếu tá giáo sư ở Nha Trang, thù bọn thằng Nu ở Miên. Từ đó, tôi ghét lây đến cả người đời. Sau những bản mặt hiền từ, họ còn giấu biết bao điều tàn ác bất lương. Những kẻ giả danh, mặt người dạ thú. Trong uất hận, tôi tưởng tượng mình có đủ quyền uy, để làm như một Néron ngồi

uống rượu, xem lửa đốt thành La Mã. Hay một Tần Thủy Hoàng lùa thiên hạ xuống hầm sâu chôn sống.

Tính tình tôi trở nên bẳng gắt. Con tôi sợ hãi người cha lầm lì dữ tợn. Nó đâu biết trong sâu thẳm cõi lòng, tôi thương và tội nghiệp nó đến nhàu nát ruột gan. Hoàn cảnh khó khăn, nó không được đến trường. Đêm đêm, dưới ngọn đèn dầu, tôi dạy nó về những kiến thức nhà trường. Cố nhồi nhét vô đầu nó, những con số toán học. Nó quờ quạng với những ẩn số x, y. Tôi cú đầu nó, và la hét ầm lên. Nó hoảng. Càng hoảng, càng không lãnh hội được gì.

Vợ nói: "Anh dạy học với thái độ của nhân viên phòng tra tấn."

Nghĩ lại, tôi thấy mình quá nóng tính, không thể làm thầy, dù là thầy của con mình. Tôi tuyên bố không làm gia sư nữa. Con tôi mừng.

Vợ lại nói: "Suy nghĩ nhiều, coi chừng điên đấy. Phải làm việc gì cho khuây khoả."

"Việc gì? Khuân vác cũng không ai mướn."

"Không làm mướn cho ai cả. Anh đủ sức vác bao bánh mì không?"

"Dư sức."

"Được rồi. Anh vác bao bánh mì đi bán dạo, theo các xe đò đậu dài dài trên đường Thu Mút, gần chỗ em bán xôi. Khách xe đò thường mua bánh mì đem về nhà."

"Em có lý. Xôi bán ế, ăn hoài nhợn lên tới cổ họng. Bây giờ thêm bánh mì ế nữa. Mình có thể thay đổi món ăn. Một bữa ăn bánh mì, một bữa ăn xôi."

Thế là từ đó trở đi, tôi làm người bán bánh mì dạo. Sau khi gánh xôi vào thành phố cho vợ ngồi bán, tôi lội bộ ba cây số tới lò bánh mì, vác một bao trở lại đường Thu Mút. Tôi rảo theo những chiếc xe đò, cầm ổ bánh mì chìa ra trước mặt khách trên xe. Tôi mời họ mua, bằng cách kêu "bòn, bòn", và gật gật cái đầu.

Ngày đầu tiên, bán được nửa bao bánh mì. Còn nửa bao, tôi vác về. Vợ chồng con cái ngồi ăn bánh mì, cười hỉ hả.

Con tôi nói: "Ăn bánh mì chấm nước mắm, ngon hơn ăn xôi với đường."

Tôi hỏi: "Con chịu ăn hoài như thế này không?"

"Con chịu. Nếu cho con thêm chút thịt, thì ngon hơn."

Câu nói của con, làm lòng tôi đau nhói. Nó cần thịt, nhưng từ lâu chúng tôi đâu dám tốn kém vì loại thực phẩm cao cấp này.

Buổi tối, tôi nói với vợ, dù buôn bán được hay không, cũng mua cho con miếng thịt. Vợ nói, đã nghĩ điều đó rồi.

Hôm sau, tôi vác nửa bao bánh mì cũ đi bán nữa. Khách cầm ổ bánh

bóp thử, rồi trả về. Tôi cố gỡ gạc tiền vốn, chỉ bán hai phần ba giá, nhưng người ta cũng từ chối. Không ai chịu mua một ổ bánh mì cứng đơ như khúc củi.

Hôm ấy, nửa bao bánh mì cũ còn nguyên. Tôi muốn bỏ nghề.

Vợ khuyên: "Mới thua keo đầu, không đáng ngại. Thử thời vận thêm vài bữa xem sao?"

"Ừ, thì thử. Nhưng cái vốn của mình, đủ sức bù lỗ không?"

"Em còn đủ sức chịu lỗ mười ngày như thế. Hồi còn ở Việt Nam, có người chỉ cho em cách làm bánh mì cũ, trở thành bánh mì nóng dòn. Em sẽ thử."

Trong khi chúng tôi bàn chuyện, con tôi ăn bánh mì cũ với thịt heo ram mặn.

Nó nói: "Thịt heo Kampuchia, ngon hơn thịt heo xứ mình."

Tôi hiểu ngay rằng, vì quá thiếu thốn mà nó thấy ngon đó thôi.

Những ngày sau, tôi tiếp tục đi bán bánh mì. Công việc quen dần, tôi rút được nhiều kinh nghiệm mời khách. Làm ăn có khá hơn. Tuy thế, ngày nào cũng còn dư bánh mì đem về. Vợ tôi thoa nhẹ một lớp nước mỏng lên ổ bánh, và ủ qua đêm trong cái bao nylon. Buổi sáng, đem ra hơ trên lửa than. Bánh mì cũ lại trở thành bánh mì nóng dòn!

Chuyện buôn bán, cũng đủ cho gia đình sống lây lất qua ngày. Dù vất vả nhưng không bi thảm như lúc đầu. Đêm, tôi nằm trên chiếc võng đưa kọt kẹt, và hút thuốc. Vợ con tôi lo hấp xôi. Con tôi ríu rít kể chuyện. Có người ăn một lần đến ba gói xôi. Có người ăn xong, còn mua vài gói đem về nhà. Cũng có người chỉ ăn nửa gói, còn nửa gói chê dở, trả và đòi tiền lại.

"Rồi con có trả lại tiền không?" Tôi hỏi.

Nó cười: "Không. Con bỏ chạy."

Vợ nói: "Lần sau, nếu gặp người như thế nữa, con trả lại tiền cho người ta."

"Nhưng họ ăn hết nửa gói rồi."

"Thì trả lại tiền nửa gói."

Nó vẫn cương quyết: "Không trả. Gói xôi ăn lở dở, thì còn bán cho ai được nữa?"

Trong câu chuyện, thường nó khoe học được nhiều tiếng Miên. Nó dạy cho vợ chồng tôi đếm số. Và điều này, cũng cần thiết cho chúng tôi trong giao dịch buôn bán hằng ngày. Không khí gia đình tương đối dễ thở, nhưng láng giềng có điều rắc rối.

Xóm nhà lá tôi ở, toàn là gia đình nghèo người Miên. Cuối xóm, có một nhà người Việt Nam, nhưng tôi cũng không gần gũi tiếp xúc. Qua bao

nhiêu cạm bẫy cung nỏ, tôi nghi ngờ sự thân thiện của người đời. Chúng tôi sống âm thầm khép kín. Tránh động chạm làm mất lòng những người chung quanh. Tuy thế, một hôm bà Miên gần nhà, chỉ chó qua nhà tôi và la ầm lên. Tôi đứng bên này nhìn sang, không hiểu lý do và cười. Nụ cười không đúng lúc, bà tưởng tôi khiêu khích. Bà gầm thét, ném khúc gỗ sang tôi. Tôi né tránh, mà không phản ứng. Cái loại người vô giáo dục, thường rất đanh đá chanh chua.

Lúc đó, có anh Việt Nam nhà cuối xóm đi ngang, thấy vậy đứng lại nhìn. Tôi nhờ anh ta hỏi xem bà có chuyện gì? Sau khi hỏi, anh cho biết, bả chửi vì nghi tôi quăng cứt qua nhà bả.

Tôi nói: "Tôi không làm chuyện dơ bẩn đó."

Bà Miên không tin, cho rằng chỉ có thằng Việt Nam xấu xa mới chơi kiểu mất dạy như thế. Bà còn doạ, coi chừng bà đốt nhà tôi.

Sau hôm ấy, hai nhà hai bên quét rác đùa qua sân nhà tôi. Hành vi kiếm cớ gây sự. Tôi chẳng nói gì. Trò bỉ ổi tiếp diễn mỗi ngày. Cái sân thành nơi đổ rác. Kệ mẹ nó! Nói tới nói lui, ngôn ngữ bất đồng dễ thành lớn chuyện. Im lặng cũng là một cách biểu tỏ thái độ khinh bỉ.

Mỗi ngày, tôi phải lội bộ đi và về sáu cây số, để lấy bánh mì từ lò nướng. Vợ tôi bàn, nên sắm chiếc xe đạp, giúp đôi chân đỡ mỏi đường xa. Tôi mua chiếc xe cũ trành, với giá rẻ mạt. Xe không thắng, không chuông, không đèn, không vè. Chiếc xe trần trụi đơn sơ đến mức, nếu bỏ bớt một bộ phận nào đó, thì không chạy được. Với chiếc xe thổ tả này, chẳng làm ai động động lòng tham. Tôi nghĩ thế, và thường dựng xe nơi góc phố. Đúng năm ngày sau, chiếc xe bị cuỗm mất. Đây cũng là bài học dạy cho tôi biết rằng, bản chất con người là tham ác gian manh. Họ không từ nan bất cứ một thứ gì. Kể cả những vật nhỏ nhoi như cây kim sợi chỉ, cũng dấy lên trong đầu họ ý muốn chiếm đoạt. Từ nghìn xưa, Phật và Chúa đã biết thế, nên chiêu dụ con người ăn ở hiền lành, thì được lên Niết Bàn của Phật, hay Thiên Đàng của Chúa. Nhưng người đời thực tế lắm. Họ bảo, không nên thả mồi bắt bóng. Niết Bàn hay Thiên Đàng chỉ là ảo ảnh. Của cải trên thế gian là thực tại. Chiếc xe đạp trành của tôi, dù không béo bở, nhưng rõ ràng nó là một miếng mồi thực tại, có thể nhá được. Đừng ai đem địa ngục kinh khiếp mà doạ chúng sinh. Ngay chốn trần gian này, đã là địa ngục rồi. Có ai sợ đâu?

Những ngày bán bánh mì, tôi quen một cô tên Nga. Tôi gặp lần đầu, khi cô đáp chuyến xe đò từ Krong Kaoh Kong về Phnom Penh. Cô bước xuống đường Thu Mút trong cái dáng vẻ của một cô gái bụi đời. Hút thuốc và ngồi quán uống cà phê. Cô mua bánh mì, ăn kèm với bò kho.

Thấy tôi là người Việt Nam, cô bắt chuyện làm quen. Vài lần như thế, đôi bên tỏ ra thiện cảm với nhau. Cô cho biết, đã sống bốn năm trên xứ Chùa Tháp. Quê cô ở Bến Tre. Năm hai mươi tuổi, cô có người yêu đi Bộ Đội, đóng quân trên đất Kampuchia. Cô lên đây tìm người yêu, nhưng anh đã chết tan xác trong một cuộc phục kích bằng mìn của quân Khmer Đỏ. Đau buồn không muốn trở về quê cũ, cô sống lang thang nương tựa vào các trại quân Việt Nam. Tôi hiểu ngay rằng cô đang làm gái điếm. Năm nay, cô hai mươi bốn tuổi. Bốn năm lăn lóc bụi đời, làm cô già đi trước tuổi. Tôi cũng nói với cô về chuyện gia đình làm ăn sinh sống. Cô ngỏ ý muốn thăm vợ con tôi. Tôi dẫn về nhà, giới thiệu vợ con. Từ đó trở đi, đôi bên thành thân thiết. Mỗi lần về Phnom Penh, cô đều ngủ lại nhà tôi.

Có lần cô nói: "Em xin kết nghĩa làm em nuôi của anh chị."

Tôi hỏi đùa: "Ai sẽ nuôi ai?"

Cô cười: "Anh chị nuôi em."

"Nhà anh chỉ có xôi và bánh mì."

"Hai thứ đó cũng đủ no rồi."

Buổi tối, vợ thì thầm: "Giai đoạn đầu, làm em nuôi. Giai đoạn sau, làm vợ nhỏ."

Tôi nạt: "Nghĩ bậy!"

"Anh sắp ló đuôi rồi đấy."

"Đuôi gì?"

"Đuôi dê."

"Anh coi nó như em."

"Lằn ranh anh em kết nghĩa mỏng manh lắm. Nhích tới một bước, em nuôi biến thành vợ nhỏ."

"Ghen hả?"

"Tôi mà thèm ghen với con đĩ ngựa ấy à?"

"Ô hay! Sao mạt sát người ta? Nếu em không thích, anh bảo nó đừng đến đây nữa."

"Hứ! Tôi để coi hai người sẽ tiến đến đâu."

Dù thế, nhưng bề ngoài vợ tôi không tỏ vẻ gì để cô Nga biết được ý nghĩ của mình. Tôi cũng không hề bảo cô đừng đến nữa. Cô coi gia đình tôi là chỗ thân tình. Lâu dần, cô hiểu rõ lý do và hoàn cảnh, tại sao chúng tôi có mặt trên đất Kampuchia.

Một buổi trưa. Tôi đang nằm trên võng. Vợ con tôi đi chợ mua nếp và lá sen dùng cho việc bán xôi. Có gã bộ đội Việt Nam, mang quân hàm thượng úy, xuất hiện đột ngột trước ngưỡng cửa.

Gã hỏi: "Có phải anh tên Trần Văn Năm?"

Tôi tái mặt: "Vâng. Tôi là Trần Văn Năm."

Khi giao tiếp với mọi người, tôi tự đặt cho mình một cái tên giả. Nhưng sao gã Bộ Đội này biết được? Gã tìm tôi có chuyện gì? Và biết gì về thân thế tôi? Nếu gã phát giác ra tôi đang cư ngụ bất hợp pháp, rắc rối sẽ không nhỏ. Tôi chưa kịp mời, gã đã vào nhà, tự động kéo ghế ngồi.

Tôi miễn cưỡng tiếp người lạ bằng chén nước lả: "Xin lỗi, nhà tôi không có sẵn nước trà."

Gã khoát tay: "Được rồi." Và tra vấn ngay."Anh lên Kampuchia làm gì?"

"Bán bánh mì." Tôi trả lời trong sự bối rối.

Gã cười nhạt: "Thật không?"

"Nếu không tin, anh có thể hỏi những người Miên chung quanh đây. Họ biết việc làm của vợ chồng tôi."

"Ở Việt Nam anh làm nghề gì?"

"Thợ mộc."

"Cách Mạng vào Miền Nam, anh có đi cải tạo không?"

"Không. Chính sách của Cách Mạng không bắt những người dân như tôi đi cải tạo."

Gã lắc đầu: "Tôi muốn nói chuyện với anh trong tinh thần hiểu biết và thành thật, nhưng anh chối quanh. Anh biết cô Nga không?"

"Biết." Gã nhắc tên cô Nga làm tôi giật mình, nhưng vội trấn tĩnh.

"Cô là gì của anh?"

"Em nuôi."

"Cô Nga nói, anh là sĩ quan ngụy. Đi cải tạo, được Cách Mạng tha về. Trốn đi vượt biên, và bị người ta giựt hết vàng. Có đúng không nào?"

Tôi hoảng sợ, ngồi im. Có lẽ, mặt tôi cắt không còn giọt máu. Thằm rủa con Nga khốn nạn. Nó lợi dụng sự thân mật của gia đình tôi, để điều tra và tố cáo.

Gã tiếp: "Tôi đến đây là muốn giúp anh."

Gã giúp gì được cho tôi? Muốn bắt bớ hay lường gạt? Gã lầm rồi. Tôi chẳng còn của cải gì cho gã giở trò lưu manh lường gạt.

"Anh vượt biên, là hành động trốn chạy. Tôi giúp phương tiện cho anh chạy. Nếu ở lại, hoạt động chống đối, tôi bắt anh."

Tôi ngồi nghe, không dám tin, không dám có ý kiến.

"Tôi đóng quân ở Tân Hao. Về đây công tác, sẵn dịp ghé lại nói chuyện cùng anh. Tôi có quen với một thằng chủ ghe người Miên. Hắn thường chở người vượt biên, và tôi là người cho hắn mượn súng, đề phòng bọn cướp biển Thái Lan. Chuyến nào cũng trót lọt an toàn. Khi có dịp, tôi sẽ dẫn hắn đến đây, để hai người trực tiếp nói chuyện với nhau."

Tôi dè dặt: "Cô Nga đã nói về tôi, chắc cũng đã cho anh biết, tôi không còn vàng để vượt biên."

"Vì thế mà tôi muốn anh gặp hắn, để bàn xem có cách nào giúp được anh."

"Tôi bỏ ý định vượt biên rồi. Hiện tại, chỉ lo làm ăn, nuôi vợ con."

Gã cau mặt: "Cô Nga năn nỉ tôi giúp anh, nhưng anh nghi ngờ mãi."

"Xin đừng gài bẫy tôi, tội nghiệp."

"Muốn bắt anh lúc nào mà chả được. Gài bẫy làm đếch gì."

"Tôi sẽ hỏi lại cô Nga, về chuyện này."

"Tùy anh. Cứ hỏi lại cô Nga cho rõ. Bây giờ tôi đi."

"Chừng nào anh trở lại?"

"Không định trước được. Muốn nhắn gì với tôi, nói với cô Nga."

Gã đến đột ngột như muốn áp đảo tinh thần tôi. Và ngồi chưa nóng đít, đã thoắt đi như một cơn dông. Thái độ kỳ lạ của gã, làm tôi hoang mang, nửa tin nửa ngờ. Mong gặp cô Nga để hỏi về gã sĩ quan Bộ Đội. Nhưng cô như cánh chim phiêu bạt, biết đâu mà tìm?

Cô Nga về lại Phnom Penh, khi gia đình tôi đang ăn cơm chiều. Lần nào về, cô cũng mang theo món gì đó, để ăn với chúng tôi. Tôi có mặc cảm, cô chịu đựng sự dày vò thân xác để mua món ăn đem đến. Đã mấy lần, tôi bảo cô không nên mua gì cả. Cô chỉ ậm ờ, rồi vẫn làm như những lần trước.

Vợ tôi nói: "Em về đây, cứ ngủ lại nhà chị. Đừng mua món này món kia, phí tiền. Chị ngại."

Cô cười: "Không tốn kém bao nhiêu. Em góp phần cho vui."

Khi nói chuyện, cô thường nở nụ cười rất tươi. Vì thế mà nhiều thằng mê cô chăng?

Sau bữa cơm, tôi chờ cô nói về gã Bộ Đội, nhưng cô cứ lờ đi.

Cuối cùng, tôi mở lời: "Hôm trước có một thượng úy đến nhà anh..."

"Ồ! Hắn đến rồi hả? Có nói gì không?"

Tôi hỏi lại: "Em đã nói gì với hắn?"

Cô gọi vợ tôi cùng ngồi: "Em quen với gã thượng úy này lâu rồi. Hắn có nhiều tiền. Em thắc mắc, với đồng lương chết đói của bộ đội, hắn lấy tiền đâu ra mà nhiều thế? Hắn kể rằng hắn bán bãi cho những tổ chức vượt biên. Nghe chuyện vượt biên, em nghĩ ngay đến anh chị. Em kể cho hắn nghe về những khó khăn hiện tại của anh chị, và yêu cầu hắn giúp đỡ. Hắn đòi điều kiện. Em bảo, thân xác em chính là điều kiện của hắn."

"Sao em tự hy sinh mình như thế?" Vợ tôi ái ngại.

Cô nói: "Chị ơi, đời em đã ba chìm bảy nổi rồi, còn quý giá chi đâu mà so đo hơn thiệt. Em tính đưa hắn về giới thiệu, nhưng chưa có dịp.

Không ngờ hắn tự mò đến trước. Hắn nói với anh chị thế nào?"

"Hắn nói sẽ dẫn thằng cha chủ ghe đến, nhưng anh chưa biết thực hư ra sao, nên chưa dám tin."

"Chuyện này, có thể tin được. Hắn chịu giúp mà không đặt điều kiện với anh chị, vì hắn biết anh chị không còn gì cả."

"Tốt đến thế à?"

"Không. Hắn đặt điều kiện với em."

"Điều kiện gì?"

"Sau khi anh chị ra đi, em làm vợ hắn."

Vợ tôi hỏi: "Rồi em tính sao."

Cô bình thản: "Trao đổi như thế cũng hay. Hắn cần tình. Em cần tiền.

Ngồi lặng một lúc lâu, vợ tôi xúc động cầm tay cô Nga: "Chị có lỗi với em,"

Cô ngạc nhiên: "Không. Chị có lỗi gì đâu?"

"Chị cảm thấy mình có lỗi. Và nói ra lời này, như một lời xin lỗi."

Cô Nga vẫn tươi cười, không hiểu lý do. Nhưng tôi hiểu. Vợ tôi ân hận vì đã có lần nghi ngờ, và gọi cô là con đĩ ngựa, dù chỉ nói với tôi.

Mười hai năm, trên xứ Mỹ. Thời gian không dài lắm, nhưng cũng đủ lãng quên những oán hờn ngày cũ. Bao nhiêu khuôn mặt bẩn thỉu xấu xa trong quá khứ, nhoà dần trong trí nhớ. Chỉ còn hình ảnh một cô Nga, là đậm nét trong tôi. Muốn tìm cô để đền cái ơn tri ngộ, không là điều dễ. Trên đất nước Kampuchia, ngay vào thời đó, tôi cũng chẳng biết cô trôi giạt phương nào. Chỉ biết quê cô ở Bến Tre. Đầu óc cùn mằn bối rối của tôi trong những ngày khốn khó ấy, không có tầm nhìn xa, nên không hỏi rõ địa danh làng xã nơi cô đã lớn lên. Và cũng chưa chắc rằng, Nga là tên thật của cô ở quê nhà. Làm sao tìm lại được một con chim bay trong bao la trời đất?

Lâm Chương

cáo lỗi

Trong tháng Tư vừa qua, Ban Điều hành tạp chí Văn Học đã gửi báo đến quí độc giả dài hạn rất sớm (31.3.2000), nhưng Bưu điện Hoa Kỳ lại chuyển báo trễ nãi, khiến nhiều bạn đọc gọi điện thoại về than phiền. Văn Học đã yêu cầu Bưu điện Westminster điều tra nguyên nhân. Dù không phải do lỗi của Văn Học, chúng tôi cũng rất lấy làm tiếc, và hy vọng về sau không có sự chậm trễ như thế

Không, tôi chưa muốn chào vĩnh biệt

TRẦN HỒNG CHÂU

Đêm hung thần khủng khiếp
Đêm hình hài quái dị
Đêm đen láy A tỳ
Đêm trắng ma Hời thân
Hơi thở có tắc nghẽn
Tim yêu có ngập ngừng?
Mạch có xây xơ cứng
Lớp lớp bạch hồng cầu
Còn kịp về bến cũ?
Hay một nổ tung tận thế
Từ tâm thất, địa chấn tâm?

Tôi nâng niu trái tim bé bỏng
Trái tim mênh mông
Mẹ cho thuở còn thơ
Cho yêu thương
Cho buồn vui
Vòng tay thế kỷ
Nhịp đập kỳ bí
ẩn số ngàn đời
Trái tim tuyệt vời
Ngoan, ngoan nhé
Trái tim yêu

Sớm, trời trong xanh
Mây trắng xây thành
Từng giọt ánh sáng
Từng giọt kim cương
Vách tường hoa gấm
Rực rỡ phòng bệnh
Đời đẹp vô vàn!

Không, tôi chưa muốn giã từ
Cuộc đời quán khách nhạc trần gian
Bóng chiều nghiêng ngửa
Tiệc đời chưa mãn
Đàn sáo vẫn hồ khoan
Khoan hồ khoan

Níu chặt giòng đời
Nơi tôi còn một tổ ấm
Dù chua ngọt trái nhân sinh
Hãy xa đi những dặm đường hư vô
Hãy xa đi những hung thần bóng tối!
Không, tôi chưa muốn chào vĩnh biệt!
Lời thơ đang đỏ
Đậm nhạt tấm son
Nhớ chăng chiều đại lộ
Bóng người đẹp thành đô
Huyền sử xiêu xiêu mắt thủy triều
Nụ cười ân ái bước vương vương
Hồi tưởng mãi, hoài cố nhân ơi!

Nhớ chăng máu chảy ruột mềm
Tiếng quặn đau người cùng mẹ
Tiếng bi thương nửa phần nhân loại
Đời còn nhàu nát
Nhắm mắt sao dành!

Nhớ chăng thu về diễm lệ dáng Đường thi
Đã bắt chợt tôi bơ vơ hư thực mộng Trang Sinh
Giữa giòng đời mờ mịt khóc Tố Như
Thuyền lênh đênh
Thơ chưa kịp ghé bến!

Ánh sáng tràn vào đi!
Vào đi hải triều âm
Tôi muốn ngợi ca trời tự do
Cánh bằng muôn dặm mấy trùng dương
Không, tôi chưa muốn giã từ
Cuộc đời quán khách nhạc trần gian
Phím tơ vàng đang đỏ
Ly rượu đời chưa vơi.

Không, tôi chưa muốn chào vĩnh biệt!

Vào đây ánh sáng!
Vào đây
Ánh sáng kim thi
Lòng tôi rộng mở cánh hoa quỳ!

Đỉnh trời tròn

Nguyễn thị Thảo An

Đầu năm 89, anh quen James trong buổi tiệc tân niên của hãng. Hắn là dân Alaska, nhân nghỉ đông xuống miền nam thăm bạn. Hôi mới gặp anh cứ ngờ ngợ, thằng cha trông quen mà nghĩ mãi không ra từng gặp hắn ở đâu. Hai tuần sau, đem những tấm hình chụp chung trong buổi tiệc về. Vợ chỉ James xuýt xoa, ông nào giống Harrison kinh khủng. Anh giật tấm hình ngó kỹ. Ánh mắt thẳng, tự tin và thành thật, cộng thêm nụ cười nửa miệng ngượng ngập. Quả, hắn y hệt Harrison Ford trong phim Kẻ Trốn Chạy.

Hai tháng sau, anh thất nghiệp. Hãng máy bay sa thải hàng ngàn công nhân vì hết hợp đồng. Đám thợ mất việc túa ra đi thử thời vận khắp nơi. Anh cũng gởi đơn qua các hãng Lockheed, Mc Donnell Douglas, Boeing ở Florida, Texas, St. Louis, Cali... Thư có đi mà chẳng thấy về. Vợ than, thợ ráp máy bay sao giống dân Mông Cổ, rày đây mai đó. Anh bối rối, chỉ đáp bằng tiếng thở dài.

Cuối tháng ba, một chiếc tàu chở dầu hãng Exxon trong vịnh Prince William Sound đụng băng sơn bị bể. Mười một triệu tấn dầu tràn lan trên mặt biển. Mỗi ngày người ta nhặt được hàng ngàn xác sinh vật trôi dạt vào bờ. Ngành đánh cá bị thiệt hại nặng. Trong lúc ai nấy đang hướng lên Alaska để nghe ngóng thì James trở về. Hắn rủ anh lên đó. Họ trả lương cao và đang cần rất nhiều công nhân làm sạch bờ biển trước khi đông đến. Anh nhìn lên ti vi, chăm chú xem những người mặc đồng phục vàng, đứng trên bãi biển chùi từng cục đá. Ngoài xa, băng sơn trôi lềnh bềnh giống những mỏm núi ngoi đầu lên mặt nước. Bỗng dưng, anh bắt rùng mình, co ro như người đi trên tuyết. James thuyết phục, trời sắp sang xuân không lạnh lắm đâu, hay cứ lên đó làm để dành một thời gian lại trở về, còn hơn nằm đây ngóng việc. Chợt hắn hạ giọng, giống như năn nỉ. "Tin

tao đi, khi người ta chịu đựng được bất cứ cái gì giỏi hơn người khác, họ sẽ thành công hơn thiên hạ." Thấy anh ngần ngừ, hắn bồi thêm cú chót. "Ê, bộ mày tưởng Mike Tyson trở thành vô địch nhờ vào quả đấm ư? Không lẽ quả đấm của những thằng thua không làm người ta chết được à?" Rồi hắn rên rỉ, "Trời đất ơi, thằng vô địch thực chất chỉ là cái thằng chịu đòn giỏi nhất thôi." Cuối cùng vị nể anh gật, nhưng hứa thòng một câu, "Để tao hỏi vợ đã."

Tối đó, lựa lúc vui anh dợm ý. Chưa nghe hết chuyện, vợ đã gào, "Có việc, sao không nhận? Đi, cùng trời cuối đất, chỗ nào cũng đi, còn hơn ở lại có ngàyà đi ra đường."

James đón anh đến Valdez, thành phố nhỏ quay mặt ra biển, sau lưng núi tuyết chập chùng. Sinh hoạt chính của Valdez là vận chuyển dầu hỏa. Nhìn từ trên cao, những thùng sắt khổng lồ sơn màu nổi bật nối những đường ống dẫn dầu từ miền bắc, rồi chia ra thành nhiều nhánh trong vịnh. Đường phố Valdez đơn giản. Giao thông chính tập trung ở các cảng. Canoes, và các loại thủy phi cơ nhiều như trong các bãi đậu xe. Riêng các tàu dầu lớn nằm ngoài cửa vịnh.

James là người bặt thiệp. Hắn cư xử với kẻ mới quen rất thân tình. Mấy ngày sau, anh bắt đầu nhận việc. Chỗ làm chính là cái bãi biển anh đã từng xem trong ti vi. Trong lúc nhiều người kéo những đường ống to tướng hút dầu loang trên biển vào những tankers lớn, nhóm anh đi dọc bờ, nhặt xác các loài chim, cá... Con chết, đánh số rồi cho vào túi nylon. Con sống dính đầy dầu, được mang đi tắm rửa cẩn thận, xong chuyển qua trung tâm cấp cứu điều trị. Hình như chưa có con nào được xuất viện từ cái trung tâm này.

Chỉ vài ngày, anh quen việc. Cái khó là khi tắm con vật trước mấy chục ống kính thu hình của nhóm phóng viên. Một tay lanh lợi nhất bọn cũng đâm ra lọng cọng.

James không làm việc ở đó, nhưng thỉnh thoảng hay ghé thăm. Giờ nghỉ, thấy anh còn đi lượm xác mấy con chim liệng vô thùng, hắn la làng, đừng xách cổ, nắm chân và quăng xác chim. Người ta không cần anh siêng, chỉ cần anh tỏ ra biết thương yêu loài vật. Cốt sao cho mọi người thấy hãng dầu cũng biết bảo vệ môi sinh không thua cơ quan Greenpeace. James tiết lộ, cơ quan này, ngành đánh cá, và thổ dân đang xúm nhau kiện Exxon. Nếu hãng thua, chính hắn cũng bị thất nghiệp.

Cuối cùng, Exxon thắng kiện. James báo tin mừng lúc anh sắp mãn hợp đồng. Hắn níu kéo, đừng về, ở đây khối việc. Alaska là chỗ vàng trôi trên sông.

Những ngày nghỉ, anh theo James đến Anchorage, thành phố lớn nhất tiểu bang. Mùa hè, trời xanh mát. Người địa phương đua nhau mặc quần short, chạy bộ dọc vỉa hè. Chỉ đám du khách ru rú trong chiếc áo ấm dài tay. Anh ngạc nhiên thấy có rất nhiều người Á châu sống ở đây. James bảo đừng lầm, họ là người bộ tộc Aleuts, thuộc giống Eskimos sống rải rác ở Bắc Cực và ven biển Alaska. Giữa thế kỷ 18, người Nga chiếm đất và giết gần hết bộ tộc Aleuts. Sau này, thấy đất toàn băng giá, họ bán lại cho Mỹ với giá gần 2 cents một mẫu.

Anchorage nằm sâu trong vịnh Cook Inlet. Đầu mũi cảng có tượng James Cook, một thuyền trưởng người Anh tìm thấy dãy đất này vào năm 1778, trước Nga. Ven vịnh, có nhiều hãng xưởng, nhất là hãng cá hộp. Ngoài xa, tàu bè tấp nập nối đuôi nhau vào bến. James bảo, đó là những tàu mang cá về bán lại cho hãng. Đa số người Aleuts sống bằng nghề chài, họ không ưa những người tạm cư từ nơi khác tới. Khi lên phía bắc thành phố, anh thấy một nhà thờ cổ kiểu Nga. Nóc hình củ hành, vòm gác treo ba quả chuông lớn. Đằng sau là nghĩa địa của người Athabaskan. Những ngôi mộ vuông vắn như chuồng bồ câu, bên ngoài sơn phết rực rỡ trông rất vui mắt. Quanh đó là nông trại. Anh kinh ngạc nhìn những bông cải to hơn quả dưa hấu. Hình như những hạt giống qua được mùa tuyết ủ đều lớn hơn mức bình thường.

Cuối tháng sáu, ngày rất dài. Mặt trời thoáng chốc lặn, rồi hiện ra sau ngọn Denali. Thổ dân gọi đó là "căn nhà của thái dương". Đỉnh núi trắng xóa, sáng lòe trong mây. Phía trước, tuyết vẫn còn dầy đặc. Nhiều người thích lên đây trượt băng vào mùa hè.

Sau cùng, James ghé vào Portage Glacier xem băng sơn. Hơi ấm làm từng mảng băng nứt kêu răng rắc, rồi sụp xuống tan tành. Khói và bụi băng tung tóe văng cả bên này bờ. Anh ngạc nhiên, cứ đổ hết lớp này tới lớp khác, sao băng vẫn chưa hết. James nói, mỗi lớp băng đóng theo độ lạnh khác nhau, nên khi tan cũng theo từng lớp. Núi nhỏ nhưng băng dầy, chưa tới lớp cuối thì mùa đông lại đến. Thật ra, những người xứ này cũng chưa thấy được cái núi thật.

Khi về, thấy hoa Forget Me Not màu tím nhạt mọc tràn đồng, anh dừng lại trầm trồ. "Mùa hè ở đây thật tuyệt." Nghe vậy, vợ phán, "Tuyệt cái gì? Ở đây chỉ có hai mùa: tuyết rơi và tuyết không rơi."

Người địa phương quen gọi Prudhoe là thành phố. Thật ra, nó là cái vịnh cực bắc Alaska nối với Bắc Băng dương. Năm 1968, người ta khám phá dưới lớp tuyết trắng một thứ vàng đen. Gần mười năm sau, James là một trong những nhân viên đầu tiên dự lễ khánh thành giếng dầu số một.

Sau vài năm, hắn trở thành trưởng ban điều hành công nhân. Khi mãn hợp đồng, James kéo anh lên chỗ hắn làm việc. Prudhoe, nơi mùa đông độ lạnh thường ở tám mươi độ âm, nửa năm không có mặt trời, vừa nghe đã khiến anh rút chân lên ghế. Hắn gật gù nói, nhưng bù lại điều kiện làm việc rất tốt. Lương gấp ba hiện tại, tuần làm tuần nghỉ, nhà ở, điện nước sưởi đều do hãng đài thọ. Lát sau, thấy anh vẫn làm thinh, hắn đâm giận. "Ê, lúc trước, mày có biết cuộc sống xứ này ra sao đâu, mà dám lội nửa vòng trái đất tới đây? Giờ, từ đây đến đó chỉ mấy trăm dặm, lại chịu nằm bẹp dí một chỗ?" Hắn lắc đầu, chê, "Đúng là đồ gà chết." Xong, phủi đít đứng dậy. Cũng may, khi anh chạy ra gọi, xe James chưa nổ máy.

Mới tháng Chín, trời mù, ẩm và thấp. Mây đục, ngậm hơi sương. Buổi sớm, tuyết lác đác rơi, đến trưa tan chỉ vừa ướt mặt đường. James đến đón anh bằng chiếc máy bay nhỏ, loại bốn chỗ ngồi. Hắn vui vẻ bảo, Alaska giàu có nhưng đường sá nghèo nàn, chỉ chạy trong mấy tháng hè. Nhiều phố, huyện hoang vu nên giao thông chính nhờ máy bay. Chưa có nơi nào nhiều phi trường như ở đây. Đặc biệt, có thể gọi máy bay như gọi taxi trong thành phố. Những người lái airtaxi, họ gọi là bush pilot.

Ngược hướng bắc, máy bay lên không cao lắm. Dường như hắn thích lạng qua lại giữa những vách đá mầu lam. Đỉnh núi trắng xóa, mầu tuyết nhòe trong mây. Lưng chừng giữa triền dốc, thỉnh thoảng có bầy sơn dương nằm nghỉ. James bảo, loại dê núi khôn lắm, chúng thường ăn rêu ở những hốc đá cheo leo, nơi sói không bao giờ theo được.

Qua khỏi Fairbanks một đỗi, bên dưới là sông Yukon. Lòng sông rộng, trắng và thoáng. Xa xa, vài căn nhà trơ trọi ven bờ. Anh ngạc nhiên, sao có người lại chịu sống nơi hoang dã, biệt lập với đời. James dặn, giao thiệp với họ phải cẩn thận. Đó là những tội phạm, sau khi mãn tù không kiếm sống được trong thành phố. Họ bắt cá, săn thú...đời sống đơn giản. James bay sà xuống thấp, chỉ anh xem một cái quay gió đặt mé sông. Và nói, với thứ lờ này họ cũng có thể kiếm năm, sáu chục cân cá một ngày. Lên phía thượng nguồn, cứ mỗi đầu xuân, cá hồi đua nhau bơi ngược dòng đẻ trứng, lũ gấu kéo bầy lên gềnh há miệng chờ những con cá nhảy sóng, hệt như mấy thằng nằm chờ sung rụng. Anh chợt hiểu, thì ra hắn nói vàng trôi trên sông là vậy.

James lên cao khi bay qua một khu rừng rậm. Khí hậu đột nhiên xuống thấp. Nhìn bản đồ, chính là rừng taiga. Thật ra, đây là loại rừng tùng bách, lá nhỏ và trơn như cây kim, dễ giũ tuyết. Cánh rừng dầy, băng qua nhiều nước, làm thành vòng đai Bắc Cực. Nó ví như cánh cửa, chắn hơi lạnh tràn xuống miền nam. Ven rừng, có vài làng nhỏ, nhà chỉ dăm

căn. Mùa lạnh không người. Chủ nhân chỉ đến vào dịp hè để bán đồ kỷ niệm cho các tay đi săn và dân thám hiểm.

Vừa qua khỏi rừng, mới xế trưa trời đã chạng vạng. Dưới đất, tuyết tráng một lớp mỏng, ló những cọng cỏ lơ thơ cao chưa quá gối. Đằng xa, thấp thoáng trên giàn khoan một ngọn đuốc to cỡ đuốc thế vận cháy bập bùng trên cao. Bên dưới những ánh đèn điện giăng đầy nhấp nháy. Prudhoe, thành phố không có đường sá, cây cối, không có ai ngoài đám công nhân hãng dầu. Nhà ở là năm dãy lớn như năm cánh sao ăn thông với giàn giếng chính. Những người công nhân cư ngụ và đi làm cùng trong những dãy nhà này.

James hạ cánh. Hắn chạy quanh để hãm thắng, rồi vòng ra mé sau. Trên bãi tuyết, rải rác vài căn nhà lưu động như loại mobilehomes cất trên những sàn gỗ. Có nhiều sàn trống, trông như sân khấu lộ thiên. Đây cũng là khu nhà của hãng, ưu tiên cho những cặp vợ chồng và người muốn sống biệt lập. James mở cửa, giúp anh khuân đồ. Xong, hắn chỉ vẻ mọi thứ tận tình, rồi kiếu về. Sắp xếp hồi lâu, anh bắt đầu thấm mệt. Vợ từ phòng trong chạy ra la, nửa đêm sao chưa ngủ. Anh nhìn ra cửa sổ, trời trông như mới chiều.

Đêm qua có mưa tuyết. Vừa thức dậy, vợ ghé mắt sát cửa sổ xem trời đất. Chưa nhìn được gì, đã kinh hoảng hét to. Bên ngoài, một con gấu trắng cũng đang dí mặt sát khung kính để xem bên trong có gì. Anh vớ cây súng, lúng túng chỉa tứ phía chờ đợi. Được một lúc, James đến. Nghe kể lại chuyện, hắn cười như không. Rồi dặn, ra vào nhớ khóa cửa. Loại gấu trắng không phá nhà, và ít tấn công người. Chỉ bắn trong trường hợp tự vệ. Loại này quý và hiếm nên được chính phủ bảo vệ nghiêm ngặt.

Ngày đầu vào hãng, sau khi làm thủ tục và nhận đồng phục, James dẫn anh đi xem khắp nơi. Trung tâm là giếng dầu. Miệng giếng được đậy kín, không ai thấy bên dưới. Dầu được hút lên bằng những ống bơm sắt to và dầy, thông tận đáy, trên có giàn đồng hồ đo nhiệt kế, áp suất và dung lượng. Chung quanh là một hệ thống ống dẫn chằng chịt, bắt từ khu trung tâm để dẫn ra ngoài. Đây là loại dầu thô, sau khi chuyển xuống Valdez được chở bằng tầu để đưa về nhà máy lọc dầu trong nội địa. Ngoài những văn phòng hành chánh ở khu trung tâm, James đưa anh đi xem năm dãy nhà lớn ăn thông với khu chính bằng những hành lang dài. Giếng Một có bốn ca, mỗi ca một dãy gồm nhiều phòng nhỏ.

James dẫn anh tới dãy năm đúng vào giờ ăn. Nơi này giống một câu lạc bộ, có phòng thể dục, hồ bơi, khu giải trí, thư viện, nhà ăn. Giờ nghỉ,

phòng đông người. James lựa chỗ và chọn thức ăn. Anh liếc quanh, bối rối nhận ra nhiều người nhìn mình với vẻ tinh nghịch. Anh đưa mắt kiếm James, gặp ai hắn cũng vỗ vai chào. Họ thân mật đến độ gần như suồng sã. Một người có râu mép hất hàm về phía anh hỏi. "Ê, tay mơ nào vậy?" Chưa kịp nói gì, một ông già kéo James rỉ tai " Khai thật đi, mày làm thế nào dụ nó lên đây?" Nghe vậy, cả bọn phá ra cười. Một tên ốm nhom, ngồi trong góc phòng mai mỉa. "Cần gì hỏi, hắn chỉ giỏi rù quến kẻ thất nghiệp thôi." James đỏ mặt, đưa hai tay lên trời, cười gượng. Xong, hắn kéo anh tới, giới thiệu từng người. "Đây là Bill, Bob, John, Tom, Tommy,...". Một người bưng đĩa tới gần, làm quen. "Đêm qua ngủ ngon không?" Anh gật. Hắn kể, hồi mới lên, mấy đêm đầu chỉ nằm nghe sói tru. Anh nhìn ra ngoài khung kính than, "Ở đây vắng tanh." Hắn trỏ hướng đông bắc nói, cách đây mấy chục dặm có làng Eskimos. Khi buồn, tới đó chơi. Nhưng nhớ, đừng chăm chăm nhìn đàn bà của họ. Tụi đó ghen kinh khủng. Anh ngạc nhiên. Một người phía sau cười cợt. "Cứ ở lâu rồi biết, một đàn bà quý hơn mười lò sưởi." Cả bọn nhao nhao, "Luật xứ này, tội cướp vợ nặng hơn tội giết người." Cả đám xúm cười hô hố. Ông già bước tới vỗ vai, "Anh mang vợ, là mang cả gia tài theo đó, biết không?." Sau này mới thấy, đa số để gia đình ở miền nam, phần còn lại đều độc thân. Riêng James, từ ngày vợ bỏ đi, hắn vẫn ở chờ trong căn nhà cũ.

Buổi chiều trên đường về, James dặn "Đừng để ý những lời đùa, coi họ vậy nhưng tốt lắm. Mỗi lần bão, thường kéo tới giúp mình xúc tuyết." Thấy anh rùng mình, hắt hơi liên tiếp mấy cái, hắn an ủi "Rán chịu khó, dành dụm ít lâu, sau này lại trở về". Đột nhiên giọng hắn chắc nịch. "Đàn ông cần phải có tiền. Khi có tiền, đàn bà dù không yêu, họ cũng không nỡ xa mày." Hắn bật cười khan " Chân tụi nó cứ như đạp trúng kẹo cao su, dứt không đành." Anh làm thinh, tâm trí lan man nghĩ tới vợ James và căn nhà trống không của hắn.

Tối về, vợ ngồi trước lò sưởi chờ cơm. Anh hỏi, suốt ngày ở nhà làm gì? Chằm chặp nhìn ngọn lửa hồi lâu, vợ nói, " Ngồi xem sao rụng." Ngó vào trong , củi nổ tí tách, những hạt bụi lửa, bắn vọt lên cao rồi rớt xuống. Anh quay sang, nhìn sâu vào đôi mắt to, ngời bóng lửa. Đưa tay quệt má, vợ ngạc nhiên hỏi. "Gì vậy? Mặt dính lọ à?" Anh đưa tay giữ chặt mặt vợ, vờ la "Khéo, ngồi im. Sao đang rụng kia kìa." Quá khuya, ngọn lửa tàn. Anh vùi đầu vào ngực vợ ngủ quên. Mãi gần sáng, chiêm bao thấy toàn những dấu giày cao gót. Dưới đế sạch trơn, không dính một miếng kẹo cao su nào.

Sáng sớm, James gõ cửa. Hồi lâu, anh mới mở rồi xin lỗi. Vợ bắt xem kỹ, sợ mở lầm cho gấu. James cười, tặng một cái gối kê tay, có thêu hình

người và thú. Hắn nói, đây là Okpik, bùa may mắn của người Eskimos. Vợ chồng chuyền tay xem. Mũi thêu vụng về. Nhìn mãi mới ra là con chim cú, bộ cánh và đuôi tua tủa giống mấy nhánh xương rồng. James giải thích, đây là loại chim báo động khi thấy gấu. Xưa, được thổ dân thờ như một vị thần. Thấy vợ cứ cầm gối săm soi, anh định trỏ tay chỉ, nhưng vợ cản "Thôi, cứ để nhìn thành cây xương rồng cho nó ấm."

Cuối tháng Mười, mặt trời thấp, to và nhạt. Ánh sáng yếu, không đủ sức xuyên mây. Qua giữa tháng Mười một, trời tối sầm. Ngày và đêm lẫn lộn. Nhiệt độ xuống gần trăm độ âm. Tối, nằm nghe gió rớt ngọn trên mái nhà. Sáng dậy, thấy đất thở ra hơi khói. Ngoài trời, tuyết rơi lả tả. Tứ bề trắng xóa. Cảnh vật tiêu sơ. Sự sống chỉ còn cô đọng quanh lò sưởi. Vợ chồng hết nhìn nhau, lại ngắm trời. Cách mấy tuần, bão ập tới. Những cơn lốc như khởi từ nơi nào trong vũ trụ, phăng phăng muốn xoay ngược địa cầu. Vợ lo, cứ liên tưởng cảnh bị thổi tốc ra không gian như con kiến văng khỏi quả cam. Anh ôm vợ trấn an, nhưng trong lòng nghĩ tới James. Đứt liên lạc. Rất có thể cái máy gọi và hắn đã bị vùi trong tuyết.

Mấy hôm sau bão dứt. Vợ chồng dùng búa phá băng tung cửa ra ngoài. Bên nhà James, tuyết ùn thành đống. Trên mái, ngọn khói lãng đãng không bay. Anh bắt tay thành loa gọi. Không có ai trả lời. Được một lúc, bọn thằng Bill, thằng Bob lái xe cần trục tới. Sau cả buổi vật vã, căn nhà được kéo ra khỏi đống tuyết để đặt vào một sàn trống kế. Đâu đó xong, mới thấy James đục cửa bước ra.

Căn nhà hắn thấp và nhỏ. Mới bị kéo nên bên trong đồ đạc lộn xộn. Hai người bắt tay giúp James thu dọn. Chỗ ăn và ngủ đặt ngay lò sưởi. Cuối phòng có kệ sách. Anh lượm dưới đất khung hình bán thân một người đàn bà rất đẹp, chừng là vợ James. Hèn chi, hắn chung tình vậy. Sách rất nhiều. Anh ngạc nhiên thấy toàn loại chiến tranh và cao bồi. Hắn cười phân trần, đâu có ai ưa cảnh bắn giết. Hắn thích loại này chỉ vì truyện nào cũng đông người, đọc bớt lẻ loi. Anh kêu vợ lựa mượn mấy quyển, xem cho vui.

Sau cơn bão, khí hậu đột nhiên ấm lại. Vài ngọn gió Chinooks mang hơi nóng từ miền nam tới thổi tan bớt tuyết. James mừng rỡ, ngồi trước nhà ngắm trăng. Trăng mọc thấp và to, ánh sáng lạnh, vừa nhô lên đã chực rơi xuống chân trời. James ngửa cổ, bắt chước sói tru. Awhoo...whoo.. whoo... Âm thanh khàn đục, là đà lan trên tuyết. Anh cười rộ, hắn tru không giống sói. Nhưng cười chưa dứt, đã nghe từ xa, những con sói ở đâu tru lại từng hồi. Bóng trăng nhạt, tiếng sói thê lương, nghe như rót tận đỉnh trời. Vợ anh rùng mình, hình như chúng ở rất gần. James trấn an, sói chỉ đáng sợ trong truyện cổ thôi. Thật ra, chúng là giống chó hoang, thường

đói nên hung hãn, ban ngày lang thang tìm mồi. Tiếng tru chỉ là tiếng bầy gọi nhau.

Những ngày nghỉ, James rủ đi săn. Đây là mùa lý tưởng. Sau cơn bão, những con thú đói bắt đầu ra kiếm mồi. Hắn lấy máy bay nhỏ, đưa đi thám trước. Mặt đất hoang và lạnh lắm. Chân trời là một đường cong nằm ngay dưới đất. James bay thẳng lên cao, nhưng anh cứ cảm tưởng hắn đang nhào xuống đất. Theo hướng đông một đỗi, đã thấy vịnh Hudson, băng trôi trắng như bọt xà phòng. Dọc bờ, bãi đá đen lổm chổm. Anh ngạc nhiên dụi mắt, những cục đá hình như biết di động. Máy bay sà xuống thấp, hóa ra là bầy hải cẩu đông cả ngàn con. Trên cạn, chúng lê lết như người tàn phế xin ăn. James chỉ anh phân biệt, loại hải cẩu vùng này có lổ mũi tròn như hai nút khoén. Giống hải sư có hai tai và chiếc mào nhỏ xíu trên đầu. Còn hải mã có nanh, mồm như ngậm dao găm. Giữa đông, tháng Chạp và tháng Giêng, chúng rủ nhau vào vịnh Hudson trú gió và sanh nở trên các tảng băng trôi. Hải cẩu con rất đẹp, lông ngà, trông như một nùi bông sữa. Thợ săn, và lũ gấu trắng cũng tranh nhau tới kiếm loại này.

Xế chiều, James hạ cánh thăm làng Eskimos. Chưa xuống, hắn đã dặn, phải gọi họ là người Inuit. Eskimos là danh từ cổ, có nghĩa giống dân man di, ăn thịt sống. Làng nghèo và thưa. Đa số nhà bằng gỗ mỏng manh. Anh nhìn quanh tìm, nghe nói giống người này ở trong nhà igloo bằng nước đá. James đập vai anh, cười rộ. Đó là thời xưa. Và họ cũng chỉ dùng tạm trong khi săn hay chờ lúc cất nhà chính. Bây giờ, để cho các tay thám hiểm dùng chụp hình. Khi về anh bảo, đi hết làng không có một người nào coi đẹp. Hắn cười sằng sặc, đàn ông xứ đó chỉ ưa con gái đảm đang, nhan sắc là đồ xa xỉ.

James mở một cuộc thám thính xa vậy, nhưng lại đi săn gần nhà. Hắn vác nùi chỉ, lưỡi câu, một lều xếp, cái búa, chiếc đèn bão, tấm mền, và lon thịt gà làm mồi. Từ cửa, đi thẳng hướng bắc được trăm thước rồi dựng lều. Hắn câu cá bằng cách đục lổ trên băng, mắc mồi rồi thả câu. Chỉ chốc sau thấy dây không động đậy, hắn lại đục lỗ khác. Chưa đầy nửa buổi, chiếc lều bị dời cả chục lần. Thấy hắn nóng tính, anh phát bực la. "Câu cá giống như chờ vợ, phải kiên nhẫn mới được." Nghe vậy, hắn quay phắt lại, trợn mắt. "Ai chờ vợ?" Rồi phân bua, "Nó đang chờ tao, đâu phải tao chờ nó." Thấy anh kinh ngạc, hắn kể. Hồi mới lên, ở đây vắng tanh. Hãng mới lập, chưa hoạt động đều trong năm đầu nên ít nhân công. Buồn tới nỗi thấy kẻ thù cũng phát mừng. Vào lúc đó, hai vợ chồng tình cờ quen với một nhóm thám hiểm thuộc Nha Địa Dư. Tình bạn giữa họ rất đậm. Mấy tháng sau

hết công tác, họ ra về. Được vài tuần, thằng Bryan trong bọn lấy trực thăng trở lại, đỗ trước nhà. Anh cướp lời, "Bộ hắn muốn cứu vợ mày à?" James thở dài, "Không. Nó lại kêu vợ tao cứu nó." Hắn nhún vai, cười khẩy, "Thằng độc thật!" Rồi châm thuốc, rít một hơi dài. "Đàn bà, thảy đều thích nghe những lời nhảm nhí." Anh thắc mắc, "Sau này họ hạnh phúc không?". Hắn cười khì, "Ừ, cũng được mấy tháng." Xong, trở giọng vui vẻ, "Giờ, con vợ tao cũng đang chờ người ta cứu nó." Anh thở dài, khuyên. "Vậy, mày cưới vợ khác đi. Sống một mình buồn lắm." Hắn cười nửa miệng, "Đàn bà xấu, tao không muốn nhìn. Còn đứa đẹp, lại không muốn chỉ mình tao nhìn nó." Anh nghe vậy, khoe. "Đàn bà xứ tao tốt hơn nhiều." Rồi hứng chí kể một hơi truyện Nàng Tô Thị, Thiếu Phụ Nam Xương. Hắn lắng tai nghe, mồm há hốc như con cá mắc phải lưỡi câu.

Sáng, vợ đem cá ra xẻ để phơi, cằn nhằn, nắng đâu mà khô. James nói, ở đây người ta phơi gió. Xong dặn, phải để ý, hễ nghe tiếng cú thì đem cất, kẻo gấu ăn hết cá. Chiều về, ngoài sân không còn một con. Vợ bảo, thấy sói tới lại không dám đuổi. Anh tức, công câu cả ngày mất sạch. James cười lăn, chưa bao giờ hắn thấy ai như vậy. Chuyện thế làm hắn vui. Ngày hôm sau gom mớ cây đi đóng ngay mấy hàng sào treo cá. Vợ trông thấy khen, "Thằng cũng tốt. Trước, tôi chỉ ghét anh hay nghe lời hắn."

Đi câu hoài đâm chán. Có hôm mới vác về, vợ cự. "Ngày nào cũng ăn cá, riết rồi tôi cũng biết bơi." Nghe vậy, James rủ đi xa săn cáo. Hắn tán, lông cáo đẹp, ấm và quý nhất. Da cáo có hai lớp: lớp ngoài phủ lông trắng dài, xốp và đẹp, không thấm nước; lớp trong dầy và chặt như loại áo lót, đắt hơn loại hải cẩu và gấu. Hắn đem ra mớ bẫy sắt cũ. Bẫy cáo giống cái kẻng, trên có hàn hai nẹp sắt có răng cưa và một vòng tròn. Móc thịt gà, rồi treo đâu đó, nơi cáo thường đến. Cách mỗi tuần thăm, chỉ việc gỡ xác cáo chết cứng ngoài trời. Anh lấy xe trượt tuyết, theo hắn đi khắp nơi. Cáo dáng thon, đầu nhỏ. Mũi và tai nhọn, mắt xéo, đuôi xù. Lông trắng lẫn trên tuyết, rất khó thấy. Xem việc dễ, nhưng không đơn giản. Cáo tinh lắm, muốn bắt, phải ngụy trang mồi thật tự nhiên. Bẫy cáo, nhưng bắt được sói, chim chóc như ptarmigan là sự thường. Dần dà, anh hứng thú, xem trò dụ cáo vào bẫy như cuộc đấu trí. Thật ra, đi săn chỉ sợ bị lạc đường. Ở nơi không trời trăng cây cỏ, con người mất điểm tựa, đi càng xa mà cứ tưởng về gần.

Cuối đông, lạnh dưới trăm độ âm. Trời trắng nhạt, mây xuống thấp như tan vào đất. Bên ngoài, tuyết lắc rắc rơi. Mặt đất trơ, đông cứng thành loại nham thạch trắng ngần. Xa xa, tiếng gió gào thê thiết trên không. Tới

gần, nghe như tiếng kêu rên cùng đất. Quanh nhà, tuyết ùn thành đống, giống cảnh núi non hiểm trở. Mấy tháng cuối, bão tới tấp. Những ngọn gió Williwaws trên cao phà xuống từng hơi lạnh cóng.

Tuần nghỉ, gặp thời tiết xấu, anh nằm nhàxem phim. Những câu truyện hài khiến anh cười bò, quay sang thấy mặt vợ dàu dàu. Hỏi, bị vợ gắt. "Cười gì nữa? Tôi đã xem cả trăm lần rồi." Anh ngưng bặt, hứa đợi ngớt bão sẽ đi Fairbanks chơi. James rủ, nên xem hội Yukon Quest. Đó là cuộc thi chó kéo xe từ Fairbanks dọc theo sông Yukon đến thành phố Whitehorse. Đoạn đường dài một ngàn dặm. Giải thưởng là năm mươi ngàn dollars. Chính quyền địa phương và giới chủ nhân cũng tổ chức nhiều trò vui để giữ chân mọi người.

Khi tới Fairbanks, cuộc thi đã bắt đầu từ sớm. Đám đông tản dần, chỉ còn tiếng nhạc om sòm, rời rạc. James chạy dọc theo sông Yukon. Lòng sông nhiều khúc đóng băng, liền như mặt đất. Cách sông không xa, thấy có làng North Pole. Giữa làng là tượng ông già Noel mặt mày tróc sơn, lưng dài chân ngắn, vác cái túi rỗng bị gió đánh phần phật sau lưng. Vợ ngắm ngía hồi lâu thở dài, "Hồi nhỏ tôi cứ trông Santa Clause tốt bụng đem quà tới tặng. Giờ mới thấy, ông còn tội hơn mấy trẻ nghèo."

Tháng Tư dứt bão. Sang tháng năm mặt trời mới mọc nhưng trông như sắp lặn. Nắng vàng nhạt, héo úa, nhẹ và loãng trong mây. Đêm ngắn dần. Nhiều nơi tuyết bắt đầu tan. Đất loáng nước nhìn xa như mặt hồ cạn. Vài nơi đất xốp, nhão như lớp bùn, bên dưới vẫn chưa tan hết đá. Tới tháng sáu, mặt trời rực rỡ chiếu xiên. Nắng có mầu hoàng hỏa, buồn như buổi chiều tà. Nhiều loại cây cỏ bắt đầu mọc. Nhanh nhất là loại rêu Caribou, trắng ngà, xốp và nhẹ như miếng xà phòng. Xen giữa là loại cỏ tai hùm, lá tròn như tai gấu. Tháng Bảy là mùa hoa nở. Toàn loại hoa thân lùn, nhiều nhất là Tundra, cánh mỏng và nhăn, mầu đỏ chóe. Có loại vàng tươi như Poppy, hồng tím như Dwarf Rhododendron.

Mùa xuân, mùa đi săn. Những đàn bò rừng, hươu, nai, nhím, thỏa từ rừng taiga kéo ra kiếm mồi. Trên trời, từng đàn ngỗng, le le, chim biển cũng kéo về xây tổ, đẻ con. Anh chợt nhớ, phải săn thêm cáo để đủ may áo ấm cho vợ. Rủ James, hắn cười ngạo. Muộn rồi, mùa xuân tuyết tan. Cáo rụng lông, thay bằng lớp mầu xám. Hắn lấy xe truck chở anh đi khắp cánh đồng. Có những miệng hang phủ cỏ, trên dính nhiều sợi lông trắng như bông. James an ủi, hãy đợi mùa tới. Vả, giờ đang mùa sanh sản. Đám cáo mới đẻ vừa mù vừa điếc, nên cáo lớn cũng ít ra ngoài.

Xe dừng trên ngọn đồi cao. Bên dưới, một đàn bò rừng đông cả ngàn con thản nhiên gặm rêu. Thân nâu sẫm, đầu to đít teo, lưng rậm lông như

khoác một chiếc áo tời, chúng đứng lẫn trong mầu của đất. James nói, ăn cá hoài ngán, chừng về sẽ hạ một con. Vừa dứt lời, đột nhiên cả đàn rùng rùng bỏ chạy. Anh đứng dậy, che mắt nhìn. Một lũ sói dăm bảy con, đang hung hăng xông xáo giữa bầy bò. Chúng kéo đến đâu, lũ bò giạt ra đến đấy. Mắt bò rừng mờ, mới chạy vài bước không thấy bóng sói thì đã đứng lại. Chừng chút sau, chúng dí một con chậm chân tách khỏi bầy. Một con sói đầu đàn hung hãn phóng thật nhanh, vừa vượt qua đầu, nhanh như cắt, chồm lên ngoạm cứng mũi bò. Con bò rống lên, giọng khản đục thảm thiết. Nó vừa chạy, vừa lắc mạnh đầu để vất sói ra. Nhưng sói bấu chặt lắm. Phút chốc, mũi bò tứa máu, đuối sức chạy chậm lại. Một con khác phóng theo, nhe răng nhọn hoắc táp phập vào cẳng sau. Con bò lết thêm vài bước rồi quỵ hẳn, đàn sói xông vào cắn xé. Sức bò chống trả yếu dần. Anh bất nhẫn, giơ súng nhắm ngay lũ sói. Tức thì, James đưa tay đè mũi súng. Hắn nói, "Con người chết vì bệnh, con bò chết vì sói. Đó là số phận của mỗi loài. Cứu ngày nay, không cứu được ngày mai, phải không?" Anh hạ súng, không bắn. Nhưng suốt buổi cũng không cho hắn nổ một phát súng nào.

Chiều về, bắt gặp trên vạt cỏ non, một con reindeer, sừng bị sơn đỏ hoét. James giải thích, đó là thú hoang đã bị thuộc đàn, có người chăn giữ. Hắn cười nhạo, "Mày muốn cứu bò, thì đi chăn bò là tốt nhất." Ngưng một chút, hắn nheo mắt, "Thật ra, chính thằng chăn ăn thịt nhiều hơn số sói và thợ săn cộng lại." Anh làm thinh, trong lòng bỗng đâm ghét nụ cười của hắn.

Tối về, kể mọi chuyện. Vợ nghe xong bảo, anh chỉ ghét những gì trái ý thôi, không phải hắn. Rồi xoay sang chuyện khác. "Đốt sưởi quanh năm, đến nỗi giờ thấy ngọn lửa là tôi nổi nóng." Xong lại hỏi, "Bao giờ mình về nhà?" Anh ngạc nhiên, "Đây không phải nhà mình sao?" Vợ tức tối, đấm thùm thụp vào lưng anh, khóc. "Thì ra, anh không tính trở về." Anh kéo vợ vào lòng, dỗ. "Rán một thời gian. Ai chịu đựng giỏi một thứ gì, thì sẽ khá hơn người khác." Nghe vậy, vợ im bặt, rồi lôi anh chạy băng ra sân, chỉ về hướng làng Eskimos. "Coi, tới đó coi. Họ chịu đựng cả mấy ngàn năm, mà có ai khá đâu." Anh chưng hửng, đi một hơi qua nhà James.

Sáng dậy, thấy còn buồn, anh khoác áo lửng thửng dạo đồng. Dải đất mênh mông, cỏ lưa thưa, trông xa chân trời vắt cong và nghiêng một mé. Anh bỏ chỗ bằng nhảy lên mỏm đất. Tiếng chuột bọ, thỏ rừng kêu sột soạt dưới chân. Rồi ngồi xổm, ngóng mình vào vũng nước, suy nghĩ. Tới xế, trời trở lạnh, anh đứng dậy. Băng ngõ tắt, thấy xác một con sói cứng đơ giữa đồng, bụng lép kẹp. Lật lên xem, không thấy thương tích. Anh chột dạ, không lẽ sói Bắc Cực cũng chết vì lạnh. Mãi vẩn vơ, về tới nhà cũng

chưa nghĩ ra một câu nào nghe ngọt.

Thấy anh về, vợ vất cuốn sách, vụt ôm chầm rồi rơi nước mắt. Vợ nói, hỏi James, hắn bảo anh ra ngoài cả ngày lại không mang súng, đâm sốt ruột. Cảm động, nhưng lúng túng không nói được gì, anh ngượng ngịu vuốt từng lọn tóc mềm của vợ. Hôi lâu, chợt thấy cuốn sách bị quăng góc nhà, anh hỏi cầu hòa. "Đang xem cuốn gì vậy?" Vợ đáp, "Normandy, ngày dài nhất." Rồi lượm sách cất, "Mượn bên James lâu rồi. Mở ra, nhưng có đọc được chữ nào đâu." Anh cười, "Đọc đi, truyện này hay lắm." Vợ nhăn mũi, vờ chê. "Chỉ cái tựa, cũng biết tác giả nói xàm." Xong, đùa như thật. "Ngày hôm nay mới là ngày dài nhất đó." Anh cụng trán vợ, gương mặt trắng mịn chợt tối sầm. Nhìn trong mắt, hình như trăng sao cũng tắt.

Thoáng đó, mùa xuân qua rất mau. Mới hôm trước cỏ còn xanh, hôm sau đã ngả màu đồng lục. Có những nụ hoa chưa nở đã tàn vì sương giá. Buổi chiều, trời không một vẩn mây, xanh và cao vòi vọi. Ba người ngồi ngắm từng đàn chim vỗ cánh xuôi nam. Thấy một loại lông trắng, mỏ dài, mình thon như hạc, duỗi bay rất đẹp. James chỉ, đó là chim Arctic terns, loài bay xa nhất. Chúng di chuyển giữa hai đầu quả đất. Mùa xuân lên bắc, đông về lại xuôi nam. Anh ngạc nhiên, "Bay xa vậy chẳng lẽ chúng không tìm ra nơi nào khác để sống ư?" James lắc đầu. Vợ ngắm chim bùi ngùi, "Chúng tôi cũng giống loài di điểu, đi khắp nơi vẫn chưa thấy đâu là nhà."

Suốt ngày James cứ chặc lưỡi than, sao đông năm nay đến sớm. Nhưng tuyết mới vài bữa, đã thấy hắn huýt sáo ngoài sân đắp hình người tuyết. Vợ anh ra xem, nhìn hoài cũng không thấy giống snowman. Hắn đắc chí khoe, đây chính là người đàn bà chờ chồng trong truyện cổ Việt Nam. Thì ra, hắn thích Nàng Tô Thị. Chị cười, phụ hắn cào thêm tuyết. Lúc gần xong, như sực nhớ ra, hắn ngẩng đầu. "Ừ, tôi quên hỏi, sau đó người chồng ra sao?" Chị ngớ người hồi lâu, "Không biết nữa. Có thể người chồng lại lấy vợ sinh con. Chuyện thường tình, nên không ai nhắc tới." Nghe vậy, tự nhiên James đứng lên, lượm xẻng bỏ vào nhà.

Một tuần sau, có máy bay bỏ thư. Cả hãng mừng như ong vỡ tổ. Thư mấy tháng dồn đọc một ngày. Anh cũng chui một góc, cẩn thận gỡ những bì thư bốn cạnh có những dấu gạch xiên màu xanh đỏ. Những lá thư kêu cứu từ bên nhà giờ mới tới. Nhìn nét chữ nguệch ngoạc, anh thấy ra cả chốn quê xưa. Thư viết, mùa lũ về ngập trắng cánh đồng. Bao ruộng vườn nhà cửa đều trôi theo dòng nước. Gấp giấy lại, anh nghe như có tiếng người lạc giọng gọi nhau. Anh bỏ việc ra về. Đôi chân nặng như ai chôn

vào đất.

Vừa về tới liền kêu vợ ra bàn. Chưa nghe hết vợ đã giật mình giẫy nẩy. Đem tiền cho nhiều như vậy, biết bao giờ mình trở về được. Lại phải đợi năm sau. Mà chắc gì năm sau yên ổn? Cả đêm vợ trùm mền, vừa khóc, vừa kể. "Bão lụt xứ nào cũng ập vào tôi."

Một buổi trưa, vợ anh ngồi ngắm mấy dãy sào treo cá trống trơn, vẻ buồn xo. James đi ngang, thấy vậy dừng lại hỏi. Không biết giải thích sao cho hắn hiểu, hồi lâu mới than. "Bắc Băng Dương không có nước, vậy mà tôi cứ thấy tròng trành như người đi biển." Nói xong, lại ngó lên trời. "Bây giờ, chỉ ước được thấy mặt trời ở ngay đỉnh đầu, và thèm nhìn màu xanh cây cỏ?" James thở dài. Lần đầu tiên nghe hắn than, "Còn tôi ngược lại, bị mất thăng bằng đã quen. Giống như người đi biển lâu ngày, giờ lên bờ chỉ e say đất" Và, cười rất hiền, "Có thể khi thấy mọi người đứng vững thì tôi lại té." Rồi ngập ngừng hỏi, "Nếu trở về, không biết bà chịu giúp tôi không?"

Sau mấy tuần tuyết rơi, mặt đất trắng màu băng giá. Anh gom mớ bẫy cũ ra ngoài. Theo kinh nghiệm, giờ là lúc lũ cáo xông ra kiếm mồi. Chợt nhớ lại lần đầu theo James đi săn, trong bụng hồi hộp lạ. Cứ tưởng sau mỗi ụ tuyết, những con thú đang ghìm mắt rình mình. Cái khó bây giờ không phải việc săn bắt mà là thuyết phục sao cho vợ chịu ở xứ này. Anh nhíu mày, thở ra. Đàn bà thích ngọt, lại dễ xiêu lòng. Gắng ít lâu, anh sẽ may cho vợ một bộ áo quý, đẹp, và ấm nhất. Chắc vợ cảm động lắm.

Tuần sau, anh ngạc nhiên khi thăm bẫy. Hầu như cái nào cũng có cáo. Lông chúng óng ánh, đẹp hơn màu của tuyết. Anh mừng rơn, chất xác cáo lên sled rồi vội về nhà. Không may, xe trượt qua lớp băng mỏng, một càng sled bị sụp xuống cái hố đất. Anh bỏ chiếc skimobiles, xuống khiêng chiếc sled lên. Khi đẩy xe qua, anh trông rõ bên dưới. Đó là một cái hang nhỏ. Anh lom lom nhìn vào. Một đám cáo con cũng đang lăng xăng muốn xông ra cửa. Có con vừa thấy anh đã vụt trở vào. Hình như không có cáo lớn trong hang.

Trên đường về, anh cố gắng xua hình ảnh bầy cáo nhỏ đang chờ đợi. Và tự trấn an, chắc chắn cha mẹ chúng không có trong đám ở trên xe. Cái hang cáo hơi xa chỗ anh đặt bẫy.

Về tới nhà, không thấy vợ. Chạy qua bên James, cửa đóng kín. Trên có gắn một miếng giấy đề tên anh. Ngạc nhiên, mở ra xem, trong vỏn vẹn có mấy chữ. "Chúng tôi chân thành xin lỗi. Phía dưới đề: James Barrett và Di Nguyen."

Thơ Nguyễn Thanh Châu

Dạ âm

nằm nghe mang máng từ muôn thuở
những tinh cầu mở cuộc tuần du
buông xa xanh những hòa âm lạc
cuối rừng đêm bật dám cháy mù...

Lạc lối

đời như một biển kinh vô tụ
tìm thấy gì giải đoán trăm năm
tôi hoang mang giữa rừng ẩn dụ
lạc lối về cố thổ xa xăm

Khi anh trở về, cái nhà hôm nay lạ hoắc. Trong lò, củi vẫn còn âm ỉ. Đầu choáng váng như bị va vào đá, anh ngồi bệt xuống thảm, chân tay rã rời. Lát sau, mới với dậy cời tro. Ngọn lửa bùng sáng. Anh nhìn củi cháy, tâm trí hoang mang. Những hình ảnh rời rạc của quá khứ chợt quay về. Nhiều đoạn chập vào nhau, có đoạn vừa thoáng qua đã tắt ngúm. Tim nhói từng cơn, mắt cay sè. Anh với tay lấy chai rượu, nốc từng ngụm. Có rượu, mọi ý nghĩ bắt đầu trơn tuột. Những kỷ niệm nằm sâu trong tiềm thức vụt sống dậy. Trong đó Di vui tươi, hoạt bát và sống động giữa đám bạn bè. Chỉ khi lên đây Di thụ động và ưa bắn gắt.

Quá nửa khuya, rượu cạn, lửa cũng tàn. Anh ném bừa chiếc vỏ chai, rồi nhoài người xuống thảm. Trong cơn say, anh thấy mình nhẹ hẫng, bồng bềnh lơ lửng trên mây. Khi nhìn xuống, mọi vật bên dưới đã chìm trong tuyết. Đang chăm chú tìm, thình lình tuyết bỗng tan. Rồi nước dâng, nhà cửa, người vật đều trôi theo cơn lũ. Chợt nghe văng vẳng có tiếng người ơi ới gọi nhau. Anh ngoái đầu nhìn lại. Một con hải âu dính đầy dầu đang lốp ngốp lội theo, đôi mắt nó buồn thiu, như thể không bao giờ còn quay về biển.?

Chiều Cancun xa quê

TRẦN THẢO LU

Quán nhỏ sàn cây mấp mé nước,
sóng lăn tăn liếm láp chân bàn,
nắng khảm vảy vàng biển ánh lượn,
chân trời nhát chém máu lia ngang.

Nhà trơ xương, cột khô tróc nẻ,
mái lá chùi khung gió thênh thang.
Cá dớp động pha lê rạn vỡ,
trời nhăn vòng sóng lượn gương lan.

Bờ đá lở hào trơ dao sắc,
thuyền ai đem vắt vẻo đầu ghềnh,
bước viễn khách lưu chân thuở trước,
buồm xưa bỏ xó rũ buồn tênh.

Trời đang nắng bỗng mưa rất nhẹ,
nước rơi đều sủi máu râm ran.
Giọt nhểu động ấu thơ ré dậy,
bàng hoàng cửa mở gõ thời gian.

Mây vẫn cũ mưa quen như thuở,
máng nước dầy tháo tóe thơ ngây.
Bong bóng nở lan tràn biển vắng,
dứa bé trần vừa lướt qua đây.

Khung cửa gió mở tràn nước hắt,
đèn sật sừ phố ngủ trong mưa,
tóc rũ ruợi áo mềm vai nhỏ,
ai về dáng mỏng nép hiên xưa.

Mưa Cancun, quán kềm chân khách,
quê nhà ơi, khói thuốc lắt lay.
Thuyền ai neo, buồm buông, cột mỏi.
Tim người treo, sững gió chiều nay.

Vườn lan

Đặng Thơ Thơ

Đó là một mùa hè năm tôi mười tám tuổi, lần đầu tiên tôi được sống một mình. Chú Tường,bạn thân của ba, nhờ tôi đến trông nom vườn lan trong khi cô chú đi nghỉ hè xa. Gia đình tôi cũng về thăm trại của bà ngoại. Vì thế tôi đến ở hẳn nhà chú. Nhà trên đồi, một vùng đồi thênh thang gồm năm vườn lan, ba nhà kính nuôi lan và một phòng thí nghiệm. Số lan tôi phải chăm sóc chừng năm ngàn loại khác nhau. Ban ngày có người giúp việc đến dọn dẹp vườn. Từ chiều đến tối chỉ còn mình tôi.

Một ngày mùa hè của tôi bắt đầu từ bảy giờ sáng, pha một ấm trà nhỏ, ngắm một cành lan , trò chuyện với nó bằng những ý tưởng của mình. Có ngày tôi uống trà với nhiều cây lan chung quanh, những đóa hoa mà vẻ đẹp đang làm tôi mê say. Khoảng bảy rưỡi, tôi khoác bộ khaki, thêm một lớp áo ấm, và đi ra vườn.

Lan đất ngoài vườn mùa này rực rỡ với những chùm cả mấy chục đến mấy trăm bông. Chúng thích khí hậu lạnh và ánh sáng rực rỡ trên đồi. Khi hoa nở thì côn trùng và sâu bọ kéo tới. Hầu như tôi phải kiểm soát từng cây, từng bông mỗi ngày. Những khu cạnh đó trồng loại lan thường thấy trên thị trường: lan bướm, lan vũ nữ, lan dã hạc, lan vân hài. Rồi đến những loại hiếm hơn như lan nhện, lan bọ cạp, lan hổ, lan thiên nga..

Xuống thấp một chút là vườn lan biển, tôi gọi vậy vì chúng thích trá hình thành những sinh vật ngoài khơi. Chúng mang mầu san hô và hải quỳ, đài hoa buông rủ thành cánh tay bạch tuộc hay sao biển. Cánh hoa hình môi biến dạng ra những con sò đỏ tía hoặc những con sứa mềm xốp trong veo. Có một dạo người ta săn lùng những loại này vì hình thù kỳ dị của chúng.Tất cả những loại lan vừa kể chú dùng để cung cấp cho những tay sưu tập lan với mục đích thương mại. Họ mua một lúc cả mấy trăm cây, rồi bán lại cho dân chơi lan tài tử.

Khi nắng chiếu thẳng đỉnh đầu là lúc tôi phải vào nhà kính. Chú có ba nhà kính với ba miền khí hậu khác nhau, được trang bị hệ thống làm mưa, làm mây mù nhân tạo. Hệ thống điện toán tối tân để kiểm tra và báo động độ ẩm, độ khoáng chất, và độ sáng cho cây. Lan trong nhà kính là những loại cực hiếm, có loại trên thế giới chỉ còn vài tay sưu tập lan nuôi được. Có loại tưởng như tuyệt chủng, đột nhiên chúng mất tích và không ai hiểu tại sao.

Đặc biệt nhất là loại lan ra đời bằng phương pháp hóa học. Cấu trúc di truyền của chúng thay đổi và đảo ngược để tạo thành những đóa hoa vô cùng dị dạng.Chúng như một thứ quái thai ở người. Và chúng biến hóa như chỉ có ở trong truyện thần thoại. Những bông hoa có đuôi, có mào, có sừng , có răng, có những khuôn mặt tinh vi sắc sảo. Mỗi bông hoa là một nhân cách riêng. Những loại thật lớn có vóc dáng thô bạo và màu sắc kỳ quái gợi cho tôi hình dáng của những con vật.Trong thế giới những kẻ sưu tầm lan thì quái thai lan là món hàng đắt giá nhất, bị săn đuổi ráo riết nhất. Chú Tường nổi tiếng vì thế, chú tạo ra nhiều loại lan đặc thù hơn hẳn những tên tuổi khác.

Lan là một đam mê có tính truyền nhiễm. Tôi tin rằng nếu ở gần một người chơi lan, cuối cùng mình sẽ rơi vào bẫy. Có lẽ ba tôi hiểu rất rõ điều này. Chú Tường tặng nhiều lan đẹp, nhưng ba chỉ chưng trong nhà cho đến lúc hoa tàn, rồi trả lại cây cho chú.

Tất cả bắt đầu vào sinh nhật thứ mười ba . Chú hỏi tôi muốn quà gì. Tôi cảm thấy không còn thích đồ chơi như những năm trước nữa, nên nói bừa:

"Cháu chỉ muốn cái gì mà chú quí nhất thôi".

Chú cười:

"Dễ quá. Cháu thích cây lan nào, muốn bao nhiêu cây, cứ việc. Nhưng rồi sẽ mất thì giờ lắm đấy".

Chú chọn cho tôi khoảng hai mươi cây khác nhau, vừa chậu, vừa giò, đầy hoa và nụ. Tôi còn nhớ một giò Kim Điệp vàng rực mà mỗi lần gió thoảng lại chuyển mình ra bướm. Một cành lan khác cũng làm tôi say mê rất lâu, nó như những cô gái mặc áo đầm trắng viền ren và nơ hồng, đứng trên nền ngôi sao vàng nhạt. Chú mang đến nhà tôi, chọn một cửa sổ nhiều nắng cho lan, rồi lại mất cả ngày làm giàn ngoài hiên để treo những giò lan rễ dài cả thước.

Ngày hôm ấy trôi qua êm ả và vui nhộn bên ngoài. Nhưng bên trong, một thế giới riêng mới mẻ vừa mở hé cánh cửa, làm tôi bàng hoàng. Cùng

một lúc tôi nói cười rộn rã với mọi người, tôi cảm nhận lặng lẽ những xúc động ào ạt bên trong. Ngày đó tôi không bao giờ quên, lần đầu tiên tôi biết đến thứ cảm giác rộn ràng ấy. Nó êm ái như được vuốt ve, lại xót xa đê mê kỳ lạ. Nhìn những chùm hoa, tôi thấy ngọt ngào, tôi thấy đau đau, vừa đầy tràn vừa thiếu vắng.

Những ngày sau đó như có ai vừa đánh cắp mất linh hồn của tôi. Tôi không muốn rời mắt khỏi những bông hoa, và những ý nghĩ về chú Tường đeo bám dai dẳng như cái bóng. Tôi nhớ chú khôn nguôi. Nỗi nhớ điên cuồng và bão tố. Tôi ôm ấp và che giấu nó.

***

Khi nắng ngả sau đồi là lúc tôi quay lại phòng thí nghiệm. Mọi hoạt động nơi này đều tuần tự với chiều đi của nắng. Phòng thí nghiệm có hệ thống báo động nối với nhà kính và vườn lan. Tôi có thể kiểm soát tất cả trên màn ảnh lớn. Computer ở đây lưu trữ hồ sơ của tất cả mấy ngàn loài lan. Tôi có đủ dữ kiện về nguồn gốc, xuất xứ, phân loại. Hồ sơ lan cũng như hồ sơ cá nhân của một con người - tên cha mẹ, phương pháp thụ thai, đặc điểm nhận dạngỳ, cách nuôi dưỡng, sở thích, bệnh lý, và thuốc chữa.

Những dãy bàn dài la liệt chai lọ và ống nghiệm đựng bụi phấn hoa và mầm sống của những đợt thử thách mới. Trong này có một số cây tôi ghép lấy, thử công thức pha màu của chú Tường. Nếu thành công thì tôi sẽ có những đóa Vanda màu rêu. Đấy là mầu tôi yêu thích đặc biệt, và hiện nay trên thế giới chưa ai có Vanda màu này cả. Chú vẫn bảo:

"Chỉ ba năm nữa thôi là sẽ có Vanda mang tên Hiên. Cháu sẽ nổi tiếng đấy nhé".

Tôi cười:

"Cháu không cần nổi tiếng, cháu chỉ thích pha màu những đóa hoa. Điều này họa sĩ chỉ cần vài phút, còn mình thì phải mất mấy năm. Chú có bao giờ thấy sốt ruột không?".

"Không. Trong lúc chờ đợi mình làm nhiều thử nghiệm khác. Và mình được hy vọng mỗi ngày".

Ba năm nữa tôi sẽ biết được khuôn mặt của những cây Vanda non này. Trong thế giới lan, ba năm là một thời gian quá dài. Bởi mỗi ngày, trong các phòng thí nghiệm, người ta có thể tạo ra cả trăm loài lan mới. Người ta dành dật nhau thời gian và những hạt phấn hoa. Một cây lan quý rất có thể bị đánh cắp dù vẫn ở cạnh mình. Trong hội chợ lan, có người đã từng ăn cắp phấn hoa để về tạo ra những phiên bản y chang.

Tôi sắp xếp lại những ống nhỏ đựng mầm rễ và cây non. Cạnh đó là

bưu thiếp cô chú gửi từ châu Á, cô viết đã mua nhiều quà cho tôi lắm, chú cảm ơn tôi trông hộ vườn lan. Tại sao chú lại cảm ơn. Những lời lẽ có phần khách sáo và không thật với con người chú. Tôi đến đây mỗi ngày là vì lan, hay đúng hơn là vì tôi. Tôi nghĩ chú hiểu điều này, cũng như chú từng hiểu nhiều điều mà tôi không nói ra. Không hẳn là chú đọc những ý tưởng trong đầu tôi, mà là một sự đồng cảm. Điều này làm tôi thấy yên tâm, thấy dễ chịu, và nhiều khi muốn khóc. Vì vậy, những dòng chữ trên bưu thiếp như của một người xa lạ. Tôi không tìm thấy chú Tường trong đó.

Hệ thống báo động cho tôi biết ngoài kia trời trở gió. Tôi đến ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống vùng đồi lan chập chùng rực lên trong ánh nắng cuối ngày. Chú vẫn hay ngồi đây, đối diện với một cành lan ngoài vườn,thường là một tác phẩm mới ra đời. Có lúc chú cần một tách trà, có lúc chú cần nhạc, có lúc chú cần tĩnh lặng tuyệt đối. Chú ngồi im, đăm đăm nhìn những đóa hoa của mình.

Ngoài cửa sổ hôm nay là một cành Vanda bướm, đẹp như mới gỡ ra khỏi một bức tranh. Những chiếc lá hình nan quạt sắc sảo cứng cáp như nét vẽ, những cọng rễ trắng xanh buông rủ vướng vít ngoài khung gỗ, một cụm hoa tha thướt và trang trọng nghiêng mình nhìn xuống tôi. Màu của hoa kỳ lạ lắm, có khi tím ngát, có lúc biếc xanh, tùy vào ánh sáng trong vườn , lúc nắng lên hay chiều xuống. Nó bí ẩn như màu rừng thẳm trên những viên đá ngoài bờ suối, có bóng cây lá rong rêu thấm vào.

Tôi thấy nó lần đầu dưới bóng cây si xanh mướt dù lúc đó mùa thu đang trút lá. Chú ngồi trên chiếc ghế mây gần đó, mỉm cười bảo tôi: "Nhìn lên đi, cái chạc cây trên đầu cháu ấy".

Tôi quay lại, giật mình thấy một con bướm to màu tím vướng trong chùm lá. Gió nổi lên rào rào trong vòm cây làm nó không thoát ra được. Tiếng chú sau lưng:

"Đẹp không? Vanda mới nhất đấy! Lạ nhất là cánh hoa giữa hình môi(*).Hiên để ý nhìn kỹ xem".

Tôi thấy rờn rợn.Cánh hoa hình đôi môi của lan đã biến dạng ra một con bọ với cái đầu quá khổ, trán thấp cằm bạnh, đôi mắt tròn xoe nhìn tôi chằm bằm. Nó là con sâu, mặt khỉ, khoác lên mình cánh bướm nhung mượt mà huyền ảo. Tôi biết ngay đóa hoa này rồi sẽ "nổi tiếng". Không hẳn vì nó đẹp, mà vì nó bất thường. Khi nhìn ngắm nó, người ta sẽ hoang mang sẽ tự hỏi có lẽ nào lại thế. Tôi không chỉ nhìn nó như một đóa hoa, tôi nhìn thấy biểu tượng của vẻ đẹp ỳhóa thân từ một thứ gớm ghiếc nhất đời. Những người bi quan sẽ tiếc cho cánh bướm có con sâu ma quái. Những người hiếu kỳ sẽ săn lùng nó bằng mọi giá.

Tôi còn nhớ sau đó đúng một tuần chú nhận lời tham dự một buổi thuyết trình ở trường U.C.S.D. Ngay hôm chú vắng nhà thì cô Đào đến chơi. Cô Đào là bạn của cô, cũng yêu lan, bộ sưu tập của cô khoảng hơn trăm cây, phần lớn từ vườn nhà chú Tường. Đúng như tôi đoán, cô Đào bị cây Vanda bướm mê hoặc ngay lập tức. Cô săm soi từng chi tiết như nhà bác học sử dụng kính hiển vi, rồi cô lùi lại mấy bước nheo mắt ngắm nghía như họa sĩ khi mới quẹt xong những nét cọ cuối cùng.

Xong cô lại đi vòng quanh cây hoa, đánh giá tổng thể như đạo diễn đang cân nhắc tuyển chọn người mẫu. Cô cứ lắc đầu quầy quậy, miệng than thở: "Không thể tưởng tượng được. Không thể nào tưởng tượng được. Ôi Trời! Không làm sao tưởng tượng được".

Cô lúc đó đứng tựa vào gốc cây, mỉm cười bảo cô Đào :

"Cây lan này mới ra hoa lần đầu. Biết hôm nay Đào đến, anh Tường dặn mình treo sẵn ngoài vườn để tặng Đào".

Tôi điếng người nhìn cô trân trân. Cô có điên không? Cô vẫn nói với cô Đào mà mắt lại nhìn tôi. Chúng tôi cứ nhìn nhau như thế. Tôi không hiểu cô nghĩ gì, vì cây vanda này còn đang trong thời gian thử nghiệm. Nó là duy nhất trên đời. Và chú Tường chưa kịp lấy cấu trúc di truyền để tạo những phiên bản mới. Nhưng tôi không có phản ứng nào cả, vì cái nhìn của cô làm tôi hoang mang, nó vừa diễu cợt vừa thách thức. Tôi còn nhớ như in hình ảnh cô lúc đó, đầu ngước cao đài các, chiếc áo trắng mỏng tha thướt tạt theo chiều gió, cô khoanh tay khép sát vào ngực trong dáng vẻ kiêu kỳ và cô độc.

Theo lời chú kể thì ngày xưa cô yêu lan lắm. Đam mê lan bắt nguồn từ cô. Mỗi lần đến thăm thay vì mang hoa hồng thì chú lại cố tìm loài lan mới tặng cô. Tình yêu biến ý thích của cô thành đam mê của chú. Hai người vào rừng, đi ngoại quốc tìm lan lạ. Bắt đầu chỉ vài chục cây rồi con số cứ nhân đôi mãi thành trăm thành ngàn. Cuối cùng thì giấc mơ chú xây dựng cho cô đã thành hiện thực. Còn cô lại bắt đầu thờ ơ. Cô chắc mệt mỏi với việc chăm sóc cả ngàn giò lan ngày này sang ngày khác. Nhưng chú Tường không nhận thấy điều này, chú bận rộn với việc sáng tạo, giải quyết những thử thách mới chú tự đặt ra cho chính mình.

Chuyện cô Đàolàm tôi suy nghĩ mãi. Mấy tuần liền tôi tránh không dám đến. Gọi điện thoại hỏi thăm chú về có khỏe không, chú hỏi lại:"Cháu trốn đi đâu thế?".Chú biết là tôi trốn chú?

Tôi gặp lại chú dưới bóng cây si già. Chú an ủi tôi trước, dỗ dành như tôi vẫn còn là đứa bé. Khí lạnh của mùa thu se sắt làm tôi cảm thấy sức nóng kỳ lạ từ ngực và hơi thở chú. Chúng tôi đứng tựa vào nhau, tay chú ràng quanh bờ vai tôi. Tôi tha thiết muốn ôm lại chú, ghì sát vào thân thể

mình đang vô cùng mềm yếu. Nhưng rồi chỉ hỏi chú có buồn không. Chú nói: "Chú sẽ buồn nếu vì thế mà Hiên không đến nữa".

Tôi gần như nín thở. Sức nén bên trong làm tôi choáng ngất. Và người thì nhẹ như đang thoát bay cùng với gió

Tôi muốn nghe chú nói mãi, nói mãi. "Cháu đa cảm quá. Rồi cháu sẽ cô đơn". Tôi nói cô đơn là do mình tự chọn. Chú cười khẽ, nhưng giọng nói có chút gì buồn bã:

"Ừ, người nghệ sĩ suốt đời chỉ cần chơi với chính mình thôi. Thế cũng đủ rồi.

***

Tôi cũng đang chơi với chính mình đây, và cành lan trước mặt luôn gợi nhớ về bao nhiêu ký ức. Sau đó thì mọi chuyện trở lại bình thường. Cây Vanda bướm của cô Đào đã chết sau một cơn bão gió. Chú làm lại từ đầu, suốt ba năm chỉ tập trung vào loài Vanda hiếm muộn ấy, như tái tạo lại một đứa con đã chết. Công việc lần này cực kỳ khó khăn. Bao nhiêu mầm èo uột, chết non, hoặc mắc một thứ bệnh kỳ lạ. Chú gây cả ngàn cây, chỉ giữ được độc nhất cành lan này - mạnh mẽ và cho hoa thật đẹp. Cánh hoa màu tím biếc xanh có khoang viền màu nhạt như cánh bướm, và chính giữa là con sâu mặt khỉ ngồi thu lu với đôi mắt to trô trố.

Tôi hỏi chú định đi đâu trong hai tháng hè. Chú cười, bảo: "Chú đi với cô". Cô mơ màng: "Lâu lắm rồi cô chú mới lại đi chơi xa như thế này, có lẽ từ trăng mật đến giờ". Tôi nghĩ thầm, mười hai năm cho hai lần đi xa, cô thờ ơ với vườn lan vì vậy. Trông cô đăm chiêu, tôi nhìn cô - người ta vẫn nói đôi mắt người sắp đi xa mang hình ảnh nơi họ sẽ tới. Tôi muốn tìm trong mắt cô bóng dáng con thuyền trên mặt biển xanh ngắt, hoặc đường phố rộn ràng đèn sáng như sao. Nhưng không hiểu sao chỉ thấy những cánh đồng hoang vắng ngút ngàn, hình ảnh một đoàn tàu lửa đập vào đầu tôi, băng qua những bụi lau chập chùng vô tận.

***

Chú gọi tôi vào sáng sớm:

"Chú đánh thức Hiên dậy, phải không?"

Tôi trả lời không trong một cảm giác lạ lùng, chú đang ở đâu đây, tối qua tự dưng tôi có linh tính chú sẽ gọi cho mình.

"Chú đang ở Athens, khuya lắm rồi, chờ cô ngủ chú mới gọi cháu được. Cháu đang làm gì?"

Tôi nhìn ra bàn - một bình trà và hai chén nhỏ in hình những chiếc dù nhật bản xen lẫn hoa cỏ và những vệt màu tươi trên áo kimono.Chén hồng nhạt hoa anh đào của tôi, chén xanh lục màu thủy trúc của chú. Những

buổi sáng ở đây dã trôi qua như thế, tôi ngồi một mình, uống trà một mình, nhưng không hẳn một mình.

Tôi hỏi: "Chú có chuyện gì quan trọng không?"

"Cháu thông minh lắm. Chú muốn nhờ cháu một việc, Chú có người bạn là chuyên viên trang trí nội thất, trước khi đi chú đã nhờ anh ấy thiết kế lại toàn bộ nhà. Cháu liên lạc ngay hộ chú, nói anh ấy bắt đầu ngay ngày mai."

"Khoảng bao lâu thì xong chú biết không?"

"Chắc chắn sẽ xong trước khi chú về".

"Nhỡ cô không vừa ý thì sao?"

"Thật ra cô định để đi chơi về rồi làm. Theo như chương trình thì hai tuần nữa chú về, nhưng cô đổi ý đòi đi Ấn Độ một tháng. Thế nên chú định gây ngạc nhiên cho cô. Cháu giữ bí mật, đừng cho cô biết nhé!".

Một tháng! Tôi kêu thầm trong đầu. Sao chú đi lâu thế, đi xa thế. Chú không nhớ vườn lan sao?

Chú hỏi:"Hiên có khỏe không? Cây Vanda bướm đã ra hoa hết chưa?

Tôi buồn bã bảo chú yên tâm đi, cháu còn sống thì nó không thể nào chết được, chúc chú đi chơi vui. Nói chuyện xong thì ấm trà của tôi đã nguội. Khí lạnh ban mai làm tôi rùng mình.Ngoài kia sương trắng mỏng dần,nhưng trong nhà vẫn lạnh lắm. Lạnh như có người mới bỏ ra ngoài rồi quên không khép cửa lại.

Những tấm bưu thiếp cho tôi biết đường đi của chú. Delhi, Bombay, Jaipur, Ấn Độ Dương..., hình những đền đài và lăng tẩm trong ráng chiều hư ảo, hội chợ lạc đà, đường lên sa mạc Thar, những tấm lều vải bạt cả vùng cát mênh mông đầy khói trắng, những trạm xe lửa nơi mỗi thành phố chú dừng chân. Cho đến lúc này mọi sự vẫn tốt đẹp. Cây Vanda bướm đã ra chín bông, còn thêm năm nụ nhỏ. Catlaya đen vừa nở rộ ngoài vườn. Nhiều người kiêng không dám trồng loại này, còn đối với tôi, màu đen của những cánh hoa là màu quyến rũ nhất. Nó gây cảm giác vừa mịn màng vừa rờn rợn của bóng đêm ẩm ướt.

Việc sửa nhà tiến hành gần xong, chỉ còn lại lối đi, hành lang và phòng làm việc của cô ở khuất trên lầu. Tôi phải dọn bớt sách vở khỏi tủ sách, ngăn kéo và bàn viết để những người thợ dễ di chuyển trước khi lót thảm và lát gỗ sồi trên tường. Tôi hơi ngại công việc này, vì phòng làm việc là của riêng cô, tôi chưa bao giờ đặt chân vào.

Tôi có cảm tưởng mình đang xâm phạm thế giới riêng tư của người khác. Những cuốn sách cô đọc cho biết cô là một phụ nữ trí thức, thông minh, tinh tế, có khiếu thẩm mỹ cao. Thực sự những điều này tôi đã biết

rồi. Cô thích nghệ thuật, văn chương, thông thạo năm ngoại ngữ Anh, Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha. Những điều này tôi cũng đã biết rồi. Nhưng những cuốn sách nằm khuất ở ngăn cao nhất của tủ sách làm tôi ngạc nhiên và tò mò. Sách viết bằng một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với tôi. Ngoài ra có cuốn tự điển Hindi-Anh, tài liệu tiếng Anh về Ấn Độ, và cuốn *Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa*. Tôi giữ lại cuốn này, còn tất cả cho vào thùng, chuyển sang phòng khác để toán thợ làm việc.

Tôi mang sách ra đọc ở phòng thí nghiệm. Hình chụp trong sách từa tựa ảnh và bưu thiếp chú gửi về. Những lộ trình bằng xe lửa đi lễ hội, đền đài, hành hương, sa mạc, và săn bắn. Chỉ trừ đi săn, còn tất cả các *tour* kia chú đều đã dự. Và bằng xe lửa. Có lẽ thế sao. Chú nói chú đang đi phiêu du, đến Hy Lạp mới nghĩ ra đi Ấn. Còn tôi thì lại nhớ tới đôi mắt cô trước khi đi, hình ảnh những toa xe nối tiếp nhau đập vào đầu tôi. Cứ như chúng nằm trong dự định của cô, từ trước.

Hôm sau tôi nhận được hình chú chụp ở Lâu Đài Gió, một kiến trúc gồm những khung cửa nối tiếp chồng chất lên nhau. Chú viết:"Khung cửa chỉ là những khoảng trống để gió lùa vào, ở đây không có cánh cửa, chỉ có những tấm màn thật mỏng để người bên trong ẩn mình nhìn ngắm đời sống bên ngoài. Đêm đến, chúng trở thành những lỗ hổng thu hút gió, gió chạy đuổi qua các phòng, gió cuốn quanh những hành lang, gió xóay suốt lên đỉnh tháp cao, và những tấm màn bay lượn quay cuồng theo điệu nhạc gió. Người ta sắp xếp những khung cửa sao cho hơi gió có giai điệu, và tòa lâu đài biến thành một nhạc khí vi vu". Tôi tưởng tượng ra những phụ nữ Ấn quí tộc ngày xưa giam mình trong đó, những vòm mái chạm trổ tuyệt xảo như rèm mi rủ xuống những đôi mắt rỗng, tòa lâu đài như biết thôi miên bằng hàng trăm cặp mắt thần linh.

Trở lại phòng thí nghiệm, tôi đọc tiếp cuốn *Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa*. Có nguyên một trang nói về Lâu Đài Gió, trang kế là bản đồ. Trên tấm bản đồ có người đã dùng bút màu đánh dấu và nối kết những địa danh. Chính là lộ trình cô chú đã đi qua. Từ đó tôi dõi theo từng dấu mốc khúc mắc, sa mạc Thar đến Lâu Đài Gió , hướng lên đông bắc vào Manipur. Đường đi dừng lại ở đó.

Điện thoại vào buổi tối, biết chỉ có chú gọi, vậy mà trái tim tôi vẫn đập mạnh, vẫn nhói đau. Giọng chú lo lắng:

" Hiên sao thế, chắc có gì lo nghĩ phải không?"

Tôi muốn nói sao chú đi lâu thế, có biết tôi đang chờ không; nhưng rồi chỉ hỏi hôm nay chú làm gì, chú đi những đâu. Chú kể hôm qua cô chú

theo đoàn *safari* đi săn, tôi cười:

" Thế chú có săn được con thú nào không?"

Chú cũng cười:

"Đáng lẽ được nhiều lắm, nhưng chú lại nhìn thấy lan rừng. Thế có chết không! Hiên bảo chú phải làm gì?"

Một điều gì chợt vỡ òa trong lòng tôi, nửa như niềm vui, nửa như trách móc. Tôi thấy mình không phải, nhưng không thể không hân hoan, không mong đợi. Tôi vẫn cầu mong chú bình an trong mỗi giây mỗi phút của chuyến đi, và giờ thì tôi biết chắc những đóa lan rừng không cho chú một lúc nào yên nghỉ. Chú tả lan rừng cho tôi nghe, chú nghĩ có thể là Vanda, hoặc Ascocentrum, cũng có thể không phải, chú chưa nhìn thấy bao giờ, toàn những mấu rất lạ, hình dáng cũng lạ, hỏi những người ở đó cũng không ai biết. Vào sâu trong rừng thẳm sẽ còn nhiều nữa. Những cây lan ấy chưa được phân loại, chưa ai biết đến, chưa ai sở hữu.

Tôi thầm cảm ơn những đóa lan rừng, tựa như chúng đã mang chú về gần tôi hơn một chút. Dẫu sao tôi cũng nhắc:

" Chú đi chơi với cô chứ không phải đi tìm lan đâu đấy".

Tôi biết chú đã cam kết với cô rằng chuyến đi này không dính líu gì đến chuyện tìm lan cả. Chú thở dài:

" Cô không ngờ khu rừng này là nơi còn nhiều lan dại nhất trên mặt đất, cả ngàn loài hoa, cả một kho tàng. Cô bảo mang lan rừng về nước khó lắm, nhưng chú biết cách".

Tôi hỏi:

"Chú phải bỏ tiền để người ta chứng nhận là lan nuôi trong *lab* phải không?

Chú cười, "Ừ chỉ cần có tiền, vào sâu trong rừng mới khó. Chú định để cô ở lại chơi trong thành phố, chú thuê ba người Ấn đi dẫn đường và mang cây về, khoảng vài ngày là xong".

Một linh cảm xui khiến tôi dặn dò: "Chú cẩn thận nhé, trong rừng có thú dữ không?". Im lặng vài giây rồi tôi nghe tiếng chú dịu dàng: "Phải mang theo súng chứ Hiên". Tay tôi lạnh toát. Những ý tưởng vụn gẫy lóe lên trong đầu, nhưng tôi không kịp phân tích chúng.

Tôi chỉ nhớ câu nói cuối của chú: "...rừng lan ở biên giới Ấn và Bangladesh".

Tôi đã nhìn thấy nó trên bản đồ.

Đường vẽ ngoằn ngèo theo suốt hành trình của chú ngừng lại ở đó, tựa như đó là đích tới cuối cùng. Suốt hai ngày dài tôi tìm trong chồng

sách của cô những đoạn nói về rừng rậm Manipur, nơi nổi tiếng về lan dại,và đầm lầy. Không phải chỉ vài ngày như chú nói, muốn vào tận trung tâm rừng người ta phải băng qua những bãi lầy từ hai đến ba tuần. Dọc đường là rắn độc, beo gấm ,và những cạm bẫy ngầm.

Không còn nghi ngờ gì nữa: những đóa hoa rừng đâu phải là một tình cờ, nó nằm trong toan tính của cô. Cô đã chuẩn bị chu đáo, kỹ càng như tất cả chỉ là ngẫu nhiên, chỉ là chuyến phiêu du vô định. Đầu óc tôi sáng suốt lạ lùng, tôi như nhìn thấu vào bóng tối, thấy một sợi dây nối kết những hình ảnh đã được xếp đặt từ lâu - căn phòng này, những cuốn sách này, tấm bản đồ này, và chuyến đi chấm dứt ở một nơi không du khách nào muốn tới. Cũng chẳng có lối về.

Tôi bỏ ra vườn, đi giữa bóng đêm, đi thăm những đóa hoa. Mấy ngàn cây lan quen thuộc với tôi, tôi biết tên của từng cây một. Chúng là bạn tôi, những người bạn thầm lặng và đáng tin cậy nhất. Tôi vẫn cảm được ý tưởng của chúng, ngay vào lúc này tôi biết chúng không chỉ an ủi tôi, linh tính cho tôi biết chúng muốn báo cho tôi biết một điều gì đó. Tôi cứ đi hết khu vườn này đến khu vườn khác, những bông hoa mịn màng và mê đắm hơn trong sương. Tôi vào nhà kính, những cành lan vẫn đứng ngồi trong thế giới bình an của truyện thần tiên. Những bộ máy vẫn bận rộn làm mây trắng phả hơi nước xuống hoa. Hệ thống báo động vẫn chăm chỉ nhấp nháy những thông tin thường nhật. Tất cả vẫn bình thường. Không có gì đe dọa sự sinh tồn của chúng. Tôi đến phòng thí nghiệm. Những cây non, những mầm sống mỏng hơn bụi phấn vẫn bình yên trong ống kính. Tôi ngồi vào computer, những tên hoa lướt qua màn ảnh. Dáng vẻ, hình dung, màu sắc từng loại hiện lên trong đầu: tôi yêu loài hoa này, chú yêu loài hoa kia, cả chú lẫn tôi đều mê mệt một cây lan khác. Bất chợt tôi hiểu. Hiểu là mình đang đi tìm điều gì.

Điều ấy làm tôi hoảng loạn.

File Vanda 2001 chỉ còn là một hồ sơ rỗng.

Tôi chạy đi tìm cây Vanda bướm. Nó vẫn ở dưới cành si già. Trực giác cho tôi biết điều gì đó ẩn nấp đàng sau những cánh hoa. Mới sáng nay chúng còn mọng nước và tươi mát. Bây giờ cánh hoa mỏng tanh, tôi nhìn được những đường gân cong quắt. Những đóa hoa bị hút kiệt sinh lực. Chúng khô héo và tàn tạ.

Đấy là lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến một sự kiện lạ lùng như vậy.Bởi vì những bông hoa không bao giờ chết cùng một lúc chỉ trong một ngày.Đấy là lý thuyết, là khoa học, lá kinh nghiệm, là một điều không

thể phủ nhận. Vậy mà cây Vanda bướm đã phủ nhận tất cả. Nó đứng ngoài, thách thức tất cả.

Tôi mang nó trở lại phòng thí nghiệm. Tôi biết đêm nay tôi sẽ không ngủ được. Tôi cũng không muốn trở vào nhà. Tôi ngồi suốt đêm với những bông hoa tàn, và một hồ sơ hoa rỗng. Ai đó đã xóa sạch nội dung. File Vanda 2001 chỉ còn là một cái tên. Tôi nhớ ra chú chưa kịp đặt tên cho cây lan này, như một điềm báo trước.

Sáng hôm sau tôi phát hiện những đốm vàng úa trên nhánh lá già gần rễ nhất. Thử bằng thuốc trừ nấm, hôm sau nữa tôi biết là chữa không đúng bệnh ,vì đốm vàng lan rất nhanh sang những lá gần đó. Tôi ngờ rằng nó bị một thứ virus lạ, khả năng hủy hoại như bệnh ung thư của loài người, nhưng tốc độ thí nhanh hơn nhiều.

Sang ngày thứ tư, những cọng rễ bắt đầu ung thối. Mầm bệnh lan rất nhanh, cắt chỗ này nó chạy sang chỗ khác. Tôi thấy mình tuyệt vọng. Bây giờ điều duy nhất tôi còn có thể làm chỉ là viết phần cuối của File Vanda 2001 - hồ sơ bệnh lý cho loài hoa yểu mệnh. Nó sẽ chẳng bao giờ được đời biết đến.

Tối ngày thứ sáu có điện thoại. Tôi mừng rỡ và lo ngại. Hy vọng và sợ hãi. Tôi cần nghe tiếng nói của chú biết bao.Tôi cần một điểm tựa để ngoi lên khỏi những tư tưởng u ám và bệnh hoạn.

"Hiên đấy à? Phải Hiên không?

Tôi nhận ra tiếng của cô. Ôi, tôi nhắm mắt lại. Hình ảnh chú hiện lên trước mặt, quần áo khaki đi rừng bê bết sình, đôi mắt u buồn gắn trên nụ cười bất biến. Tôi hỏi:

"Chú chết rồi phải không?"

Có tiếng khóc ở xa vọng lại:

"Không, chú mất tích trong rừng. Nhưng tại sao Hiên biết?"

Tôi trả lời bình tĩnh hơn tôi tưởng:

"Cọp beo. Đầm lầy. Rắn độc. Còn gì nữa không? Chúc mừng cô.

Tay tôi lạnh buốt, người tôi run cầm cập tựa như nhiệt độ trong phòng mới tuột xuống đột ngột. Tôi ôm chặt lồng ngực, đau xói lên như bị dao nhọn xoáy vào. Trái tim trong bàn tay tôi căng nhức, nó đập hỗn loạn vô nhịp điệu. Tôi muốn móc nó ra, nếu có thể được - để đổi lấy cây Vanda cho chú.

Tôi cứ vật vã như thế trong suốt hai tuần sau đó. Ngày và đêm cứ trôi

qua như bóng. Ngày và đêm cứ lướt đi không để lại dấu vết gì trên ký ức mờ mịt của tôi. Trí não tôi tê dại. Nhưng nỗi đau vẫn vô cùng sắc nhọn. Vườn lan thêng thang quá, và nỗi cô độc đáng sợ đến tột cùng. Chẳng lẽ không bao giờ , không bao giờ nữa sao, không bao giờ tôi còn nhìn thấy chú. Những lúc mê man tôi đi tìm chú. Nhiều lần tôi thấy chú thấp thoáng dưới gốc si già. Có tiếng nói trong đầu bảo tôi:

"Chú đang ở gần đây, giữa những cành lan, chú đang nhìn thấy Hiên đó". Đôi lúc tỉnh ra, tôi thấy mình ôm một bụi lan khóc rưng rức. Có lúc tôi thấy yêu thương thật nồng nàn những đóa hoa. Có lúc tôi thấy chúng hoàn toàn vô giá trị. Chúng vô tri. Chúng thờ ơ. Vẻ đẹp của chúng tỏa ra một thứ hương độc ác.

Lúc bình tĩnh trở lại tôi biết mình phải làm gì. Thư cô mấy ngày nay tôi không đụng đến. Tôi muốn viết vài hàng để lại cho cô , nên mở thư ra đọc. Cô viết: "Hiên hiểu lầm hay là Hiên tưởng tượng? Không ai đẩy chú vào tình huống này cả. Chính chú tự chọn kết thúc này. Chú biết khu rừng này hơn mười năm trước. Chú biết nhiều người từng bỏ mạng vì tìm lan. Nhưng hôm đi săn nghe nói vào sâu trong rừng có Vanda màu rêu - màu Hiên thích, màu chưa ai có - thế là không ai ngăn cản được. Thật ra không phải lỗi của Hiên. Đam mê của chú đã giết chú. Mà cũng không riêng gì chú, tất cả những người chơi lan đều điên dại như thế. Họ theo đuổi lan như theo đuổi đàn bà , theo đuổi người tình. Họ tham muốn tất cả các loài lan trên đời, họ không biết họ sẽ chết trước khi đạt được ước mơ. Một thứ đam mê nguy hiểm và tối tăm chi phối họ. Nó không bao giờ biết buông tha. Nó khốc liệt hơn ma túy. Bởi nó được che giấu bằng vẻ đẹp siêu phàm của những đóa hoa. Lan là nỗi ám ảnh tàn ác nhất.

Về những cuốn sách trong phòng, tất cả chú đều biết và đã đọc. Có thể tuần tới Hiên sẽ nhận được quà của chú. Tôi còn phải ở lại để chờ xác nhận và làm thủ tục."

Tôi ra cảng nhận quà của chú. Món quà cuối cùng chú dành cho tôi là hơn trăm cây lan dại. Tôi mang tất cả ra vườn, ngồi trên đất, lặng im ngắm nhìn chúng. Trông chúng không được khỏe, không được vui. Chuyến đi dài làm chúng mệt mỏi, cũng có thể chúng nhớ rừng. Tôi vuốt nhẹ những phiến lá - nghĩ đến đôi bàn tay dài và gầy của chú. Chú đã đệm thêm sơ rêu và vỏ cây để bảo vệ những cọng rễ khi di chuyển. Tôi chú ý đến một tảng rễ to nhất, được cột kỹ lưỡng hơn hẳn những cây khác, một mẩu giấy nhỏ ghi chú: "Vanda màu rêu".

Hoa đã tàn cả. Chùm rễ dài cả thước như mái tóc rối. Tôi gỡ từng sợi,

Tháng giêng em về
TRẦN THIỆN HIỆP

trong tịch mịch ngày. như gặp lại
tháng giêng em về nắng nhạt hiên rêu
khói sương bay đôi dòng tóc rẽ
hạnh phúc đời nhóm lửa lên môi
tháng giêng em về đêm dài huyền hoặc
trăng soi nghiêng ẩn bóng thiên thần
vòng tay nối rừng lên cơn bão
lạc bến nào tháng bảy mưa ngâu
em nghiêng vai mượt mà con dốc
trong nhịp tim nghe tiếng biển gọi thầm

tháng giêng ở đây bây giờ lạnh giá
giữa tàn đông cây đứng trơ cành
vắng tiếng chim, vườn sau lặng lẽ
mưa giăng bay trên mỗi bước em về
tháng giêng ở đây đêm buồn khơi lửa
rượu lên men mà nhạt trên môi
dĩ vãng đã xa sao thật gần trí nhớ
em vẫn đầy ký niệm trên tay

tháng giêng em về ngày xưa ngà ngọc
tháng giêng em về đất khách tàn đông
nửa trăm năm nước chảy chung dòng
ta còn mãi tháng giêng và em đó

gượng nhẹ trong một trạng thái kỳ lạ. Khi không còn sơ nữa, tôi thấy đám rễ già nhất quấn quanh một vật gì giống khúc cây. Đụng vào, tôi biết không phải. Nó từa tựa xương khô. Có thể là xương người - người đó có thể đã đi tìm lan, đi tìm một điều gì huyền hoặc ẩn hiện như chỉ trong tầm tay, nhưng cái chết lại gần hơn thế nữa.

Tôi ngồi vậy, rất lâu, như có thể mãi mãi ngồi như thế. Gió trong vườn thổi rùng rùng ớn lạnh như một mùa thu trút lá đã xa. Ký ức tôi quay lại gốc si già. Con bướm xanh vướng trong chùm lá . Nơi lần đầu tiên chú ôm tôi. Chưa bao giờ chú gần tôi đến thế. Tôi ôm cây lan vào ngực-cả hoa tàn, lá úa- cả rễ khô, xương mục. Tôi hôn nó điên cuồng.

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Hà Thúc Như Hỷ, ***Thiên hùng ca dân tộc Việt,*** trường thi, bìa và phụ bản do tác giả trình bày, in trên giấy quí, Khôi Việt xuất bản, sách dày 184 trang, giá 20 MK.

Tác giả có khiếu mỹ thuật nên từ cách chọn kiểu chữ, màu giấy, cách bố trí bài, cách in phụ bản đều trang nhã.

Nhưng quan trọng hơn là tâm huyết tác giả đặt vào tập trường thi. Như nhan đề cho thấy, Hà Thúc Như Hỷ muốn viết một thứ "quốc sử diễn ca" mới cho thời hiện đại, trải từ Thời Mở Nước (từ khởi thủy Hùng vương đến hết Triều Nguyễn), Thời Giữ Nước (Chống Thực dân, Cần vương, Yên Bái khởi nghĩa, Việt Minh, Đệ nhất Cộng hòa, Chiến đấu cho Tự do, Biến cố 30.4.75, Trại Cải tạo, Thảm trạng thuyền nhân, Người Việt tị nạn), Thời Dựng nước (Bài học chiến tranh VN, Xây dựng con người VN, các vấn đề chủ thuyết, lãnh đạo, dân chủ, đoàn kết, tôn giáo, kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, vai trò người Việt hải ngoại). Lược qua nội dung trường ca như thế đã thấy tham vọng lớn tác giả đặt vào tác phẩm. Tham vọng lớn đó lại đặt lên vai 2095 câu thơ, liệu thi ca có gánh nổi không?

Nguyễn Đình Chiểu từng viết một cách đầy tự tín: "Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm". Hy vọng chiếc thuyền trường ca của Hà Thúc Như Hỷ, do tài thiết kế của ông, cũng chịu được trọng tải lớn như thuyền chở đạo của tác giả Lục Vân Tiên.

Muốn mua sách xin liên lạc:
Nhà xuất bản Khôi Việt
14922 Moran Street # B
Westminster, CA 92683
Phone: 909-465-0716

📖 Bùi Giáng, ***Thi tuyển,*** thi tập do Mưa nguồn xuất bản, in trang nhã cả bìa lẫn ruột, dày 190 trang, giá 15 MK.

Nhà xuất bản do thân nhân của thi sĩ Bùi Giáng chủ trương, và *Thi Tuyển* ra đời nhằm đáng dấu kỷ niệm một năm ngày mất của thi sĩ. Trong lời nói đầu, *Mưa Nguồn* giải thích: "Nhân kỷ niệm một năm ngày tạ thế của thi sĩ Bùi Giáng và để chào mừng thiên niên kỷ mới thay cho người quá cố, chúng tôi trích tuyển một số ít thi ca Bùi Giáng trong *Mưa nguồn, Lá hoa còn, Ngàn thu rớt hột, Màu hoa trên ngàn, Mưa nguồn Hòa âm*, chủ yếu là những sáng tác trước ngày 30/4/75 - và một số ít sau ngày đó, để xuất bản thành tập *Thi tuyển* này. Ngoài ra, chúng tôi có thêm phần Phụ lục về "ngôn ngữ tư tưởng" Bùi Trung niên vào cuối tập. Phát biểu về các sáng tác phẩm của mình trong đời, Bùi Giáng đã nói: 'chỉ có những tập Thơ là ngộ nghĩnh mà thôi'."

Tác phẩm Bùi Giáng để lại cho đời quá nhiều, tìm hiểu về Bùi Giáng mà đọc hết những điều ông viết, có thể 'tẩu hỏa nhập ma', đi lạc trong mớ bòng bong của tư tưởng và ngôn ngữ độc đáo khác thường của ông. Cho nên việc làm một thi tuyển là cần thiết. Văn Học không đủ khả năng xác định xem *Thi tuyển* này tiêu biểu cho thi nghiệp của Bùi Giáng hay không, nhưng hoan hô công việc hữu ích và cần thiết này.

Muốn mua sách xin liên lạc: Nhà xuất bản Mưa nguồn
1055 Dewcrest Drive
Anaheim, CA 92808
Phone: 714-281-2934
Fax: 714-280-1204

📖 Lâm Thùy Giang, ***Niềm quên bỗng nhớ,*** thơ, Những Cánh Vạc Bay xuất bản, Tựa của Bích Huyền, Bạt và Cảm nhận của Phạm Ngọc, Mạc Ly Hương, Đặng Nguyên Phả, in hạn chế, dày 88 trang, giá 12 MK.

Trong lời tựa, Bích HUyền nhận xét thế này về thơ Lâm Thùy Giang:

"Thơ Lâm Thùy Giang, nếu có mưa, chỉ là mưa xuân, mưa xuân như rác bụi; nếu có nắng, chỉ là nắng ấm đủ ửng hồng đôi má; nếu có mầu chỉ là mầu phơn phớt tím hồng; nếu có mơ chỉ như là mình đang đứng trên một bến sông xanh nào đó, nhìn về tuổi xuân xa xưa. Lưu luyến. Bồi hồi."

Mọi liên lạc xin gửi về:
Nguyễn Uyên Ly
9032 Madison Ave
Westminster, CA 92683

Phone: 714-894-7826
Email: thuygiang@juno.com

📖 Sương Mai, ***Trăng mộng,*** Suối Hoa xuất bản, bìa của Huỳnh Minh Chí, in trên giấy quí màu vàng nhạt, dày 390 trang, giá tại Mỹ 15 MK (ngoài Mỹ 18 MK). Tác giả là một nhà thơ quen biết ở vùng Bắc Cali, đã xuất bản hai thi tập Thoảng Chút Hương Xưa và Thơ Tình Sương Mai.

Ngay phần vào tập, nhà thơ đã viết mấy câu:

Thơ tôi không...Bạt ai đề
Không lời ai...Tựa, mực kể giấy thơm
Thơ tôi là chút giận hờn,
Chút thương, chút nhớ, chút buồn...riêng tôi.

Bốn câu trên nói lên được hai điều: niềm tự tin rất thơ của thi sĩ, và chất thơ Sương Mai. Trên ba trăm trang thơ Sương Mai là ghi nhận những xúc cảm riêng tư nhẹ nhàng, phơ phất, như trang thơ nào cũng có phủ lên một lớp khói sương. Bạn đọc từng đọc thơ Sương Mai đăng trên Văn Học chắc đồng ý với chúng tôi về nhận xét này.

Địa chỉ liên lạc: Sương Mai
P.O. Box 59039
San Jose, CA 95159
Phone: 408-289-1252
Email: Suong-Mai@hotmail.com

📖 Hồ Công Tâm, ***Ngày tháng lưu vong,*** Hải Ngoại Nhân Văn xuất bản, bìa và ruột in đơn giản trên giấy trắng, dày 120 trang, giá 10 MK.

Thi tập gồm hai phần khác biệt nhau rõ rệt về chủ đề cũng như chất thơ. Phần I: *Viết cho Quê hương* lấy thơ làm phương tiện đấu tranh chính trị, gồm những bài 'hờn vong quốc' và niềm phẫn nộ đối với những kẻ tác giả cho là tác nhân của vong quốc. Phần II: *Viết cho Tình Yêu*, ngược lại, gồm những bài thơ lãng mạn đầy ủy mị nhớ thương. Giống như một số người làm thơ đả kích, làm thơ chua khác, như Hà Huyền Chi, Định Nguyên, Hồ Công Tâm cũng có 'hai mặt thơ': một bên là những bài thơ đả kích tàn nhẫn không chút thương xót, một bên là những bài thơ tình đầy xót thương. Giải thích vì sao có hiện tượng này, thật khó!

Muốn mua thơ xin liên lạc:
Hải Ngoại Nhân Văn
P.O. Box 1898
Lowell, MA 01853, USA

KHẢO CỨU

📖 Trần Bình Nam, ***Tuyển tập bình luận chính trị tập 3 1997-1999***, do Mõ Làng (San Francisco USA) xuất bản và phát hành tháng 1.2000, sách dày 400 trang, giá tại Mỹ 18MK, ngoài Mỹ thêm 8 MK gửi máy bay.

Tuyển tập gồm các bài bình luận chính trị của Trần Bình Nam viết trong các năm 1999, 1998, 1997 liên quan đến Việt Nam, thế giới, Hoa Kỳ, Trung quốc và Liên bang Nga.

Theo lời giới thiệu của nhà xuất bản: "Ngoài một tấm lòng với đất nước, một kiến thức quảng bác, khả năng phân tích và tổng hợp cao, có lẽ còn nhờ lăn lộn nhiều trong các sinh hoạt chính trị khi còn ở trong nước cũng như thời gian lưu vong ở nước ngoài, nên Trần Bình Nam có được cái nhìn xuyên suốt, sắc cạnh mà vẫn bao dung của một chính trị gia về những vấn đề chính trị phức tạp trên đất nước mình cũng như trên thế giới"

Mua sỉ sách xin liên lạc nhà xuất bản Mõ Làng qua số phone 415-673-8115. Mua lẻ qua các tiệm sách, hay trực tiếp với tác giả tại:

1026 S. 8th Street, Philadelphia, PA 19147

Toàn bộ tuyển tập có thể đọc trên website http://www.vnet.org/tbn

📖 Long Thọ- Thích Viên Lý dịch, ***Thập nhị môn luận***, Viện Triết lý Việt Nam và Triết học Thế giới xuất bản, dày 134 trang, giá 10 MK.

Một trong những bộ luận giải tinh mật nhất về giáo nghĩa Tính Không của Ngài Long Thọ là bộ "Thập Nhị Môn Luận". Qua mười hai cánh cửa này, Bồ tát Long Thọ trang bị đầy đủ tất cả những phương tiện cần thiết để tẩy sạch mọi cấu uế vì vọng chấp do tâm vô minh của chúng sanh gây ra, mà cũng chính vì căn bệnh này mà chúng sanh bị trói buộc vào thế giới khổ đau của nghiệp lực và sống chết bất tận.

Muốn mua sách xin liên lạc về nhà xuất bản ở địa chỉ:

424 S. Ramona Ave

Monterey Park, CA 91754

Phone: 626-288-5359

📖 Kiêm Đạt, ***Kiến thức truyền thống Việt Nam,*** biên khảo, Nhà xuất bản Mỹ thuật, Xuân Thu phát hành, sách dày 200 trang, giá 10 MK.

Tác giả dùng tài liệu văn hóa và lịch sử dẫn giải cho bạn đọc những kiến thức phổ thông về kiến trúc truyền thống của dân tộc chúng ta, như:

Kiến trúc thời cổ đại, Kiến trúc dân gian, Đình làng Việt Nam, Chùa Việt Nam, Tháp Việt Nam, Tháp Chăm-pa, Di tích thành trì cổ, Đô thị cổ, Đền miếu lăng tẩm, Văn miếu.

Xin liên lạc nhà phát hành Xuân Thu:
P.O. Box 97, Los Alamitos, CA 90720 USA

🕮 Đông vọng, ***Về miền sâu thẳm,*** biên khảo, Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng xuất bản, sách dày 200 trang, không thấy đề giá bán.

Sách thuộc loại hiếm hoi, vì lâu nay rất ít người Việt nghiên cứu về văn học nghệ thuật Nhật Bản. Tác giả "Về miền sâu thẳm" chịu khó đi vào những phần ảo diệu của văn hóa Nhật. Trong "Đôi giòng của người viết", Đông Vọng tóm lược những kinh nghiệm tâm linh ông rút được từ văn hóa nghệ thuật Nhật: "Nghệ thuật Nhật Bản chiêm nghiệm sâu xa giá trị thẩm mỹ của khoảng trống, sự bất động, cái tĩnh lặng. Giữa khoảng trống mênh mông, giữa bóng tối ngập tràn, một khoảnh khắc tồn tại mong manh vụt trở thành điểm hút sâu vời."

Muốn mua sách xin liên lạc VHNT Liên mạng
PO Box 452512
Garland, Texas 75045 USA
Email: vhnt@saomai.org
Ebsite: http://www.saomai.org

TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Nhóm Việt Thường thực hiện, ***Tuyển tập Thơ văn Hải ngoại năm 2000***, Bìa Nguyễn Trọng Khôi, Kỹ thuật Vũ Ngọc Hiến, Văn Mới, xuất bản, Văn Nghệ phát hành, sách dày 660 trang, giá 20 MK.

Tuyển tập qui tụ 67 tác giả hải ngoại: Bắc Phong, Chân Phương, Cao Đông Khánh, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Dương Kiền, Đỗ Kh., Đỗ Quyên, Hà Thúc Sinh, Hoàng Anh Tuấn, Hoàng Chính, Hoàng Du Thụy, Hoàng Khởi Phong, Hoàng Lộc, Hoàng Nga, Hoàng Xuân Sơn, Hồ Đình Nghiêm, Hồ Trường An, Khế Iêm, Kiệt Tấn, Kinh Dương Vương, Lâm Chương, Lâm Hảo Dũng, Lê Minh Hà, Lê thị Huệ, Lê thị Thấm Vân, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Mai Kim Ngọc, Miêng, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Quí Đức, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Sao Mai, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Nguyễn thị

Thanh Bình, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Xuân Thiệp, Phạm Đình Cường, Phạm thị Hoài, Phạm Việt Cường, Phan Nhật Nam, Phan Ni Tấn, Phan Tấn Hải, Phan thị Trọng Tuyến, Song Thao, Tâm Thanh, Thái Tú Hạp,, Thành Tôn, Thảo Trường, Thế Uyên, Thi Vũ, Tô Thùy Yên, Trang Châu, Trần Doãn Nho, Trần Hoài Thư, Trần Long Hồ, Trần Mộng Tú, Triều Hoa Đại, Tưởng Năng Tiến, Võ Kỳ Điền.

Tuy nhan đề sách có hai chữ trọng yếu "Tuyển tập", nhưng theo chỗ Văn Học được biết, nhóm Chủ trương không có ý "tuyển" theo một tiêu chuẩn nào rõ rệt. Phương pháp làm việc của nhóm Việt Thường ở Montréal Canada là viết thư mời càng đông đảo càng tốt tất cả những người cầm bút ở hải ngoại, và nhờ chính tác giả tự chọn lấy một văn phẩm mình thích. Số người viết được mời không bị "kỳ thị" về tuổi tác, khuynh hướng chính trị, văn phong, phe nhóm, bằng chứng là trong 67 người góp mặt, chúng ta thấy có rất nhiều khuynh hướng và nguồn gốc khác nhau. Một số người vắng mặt do tác giả không gửi bài kịp hoặc do một lý do nào khác, không do chủ trương phân biệt của Việt Thường.

Có một thiếu sót trong Tuyển tập có lẽ là của chính nhóm Việt Thường: sách thiếu một bài giới thiệu tổng quát của tuyển tập.

Nói chung, sách in đẹp và công phu, một cuốn sách cần có trong mọi tủ sách gia đình.

Nhà xuất bản Văn Mới và nhà phát hành Văn Nghệ đã gửi bán rộng rãi khắp các hiệu sách. Bạn đọc ở xa, liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ.

🕮 Nguyễn văn Sâm, ***Khói sóng trên sông,*** tập truyện, Tạp chí Văn xuất bản, Tựa của Nguyễn Xuân Hoàng, tranh bìa và phụ bản Trần Nho Bụi, trình bày bìa Vĩnh Tuấn, sách dày 264 trang, Văn Nghệ tổng phát hành, giá 14 MK.

Đây là tác phẩm thứ năm của Nguyễn văn Sâm, một nhà nghiên cứu, một nhà văn đặc chất Nam bộ, với bốn tác phẩm đã được xuất bản (*Văn chương tranh đấu Miền Nam*, Sài gòn 1969; *Văn học Nam Hà*, Sài gòn 1971; *Văn chương Nam bộ*, Sài gòn 1972; *Câu hò Vân Tiên*, Texas 1985; Ngày tháng bệnh bồng, Texas 1987).

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng nhận định rất đúng về truyện Nguyễn văn Sâm: "Tôi là một độc giả của Nguyễn văn Sâm từ những truyện ngắn đầu tay của ông. Truyện của ông không có cái ma thuật lôi cuốn người đọc bằng những thứ chữ nghĩa thời thượng, cũng không có những mối tình cuồng nhiệt làm người đọc nín thở lật từng trang, nhưng truyện của ông như một thứ nước uống có phản ứng chậm, những giọt đầu tiên tưởng như không mùi vị, nhưng càng nhấp càng thấy ngon, nó thơm ngát đầu

Huế tương tư
NGUYỄN ĐỨC THANH

lần đầu anh nói yêu em
môi kê trăng lạnh đêm thèm nụ hôn
rừng che khuất mặt tâm hồn
thành qua tám cửa mưa tròn giọt lăn
trao em giấc mộng trăm năm
núi mang nỗi nhớ sông lầm lỡ xa
đang tay níu lấy chiều tà
chợt nghe sương khói thở ra nỗi buồn

lưỡi và để lại một chút hơi cay đôi khi làm chảy nước mắt."

📖 Nguyên Khôi, ***Ông số phận,*** tuyển tập truyện ngắn, Tống Châu xuất bản, Doãn Quốc Sỹ đề tựa, bìa Đinh Cường, sách dày 212 trang, giá 12 MK.

Bìa sau tác phẩm có một đoạn văn gần giống như lời tự bạch của tác giả: "...Người ta sinh ra ở đời ai cũng có một "ông số phận" bên cạnh cuộc đời mình và không ai thỏa mãn những gì "ông số phận" áp đặt cho. Tình yêu, sự chung thủy, tình vợ chồng...hết thảy là đắng cay bám sát, làm ung thối số phận con người không ngơi nghỉ, không chán nản, không bỏ cuộc...Cho nên làm người nghĩa là gắn liền với lao đao, phiền não, chia lìa..."Ông Số Phận" cố gắng nói lên điều đó."

Mười hai truyện trong tập là mười hai trường hợp minh chứng quan niệm trên của Nguyên Khôi. Bằng lối thuật truyện cổ điển, tác giả thường chú trọng đến việc kể lại diễn tiến câu chuyện hơn là đi sâu vào những khúc mắc rắc rối của tâm lý nhân vật, càng không muốn đẩy câu chuyện đi vào những suy tư đau đầu. Truyện vì thế dễ đọc, nhiều truyện tạo được xúc động thương tâm.

Địa chỉ liên lạc: 866 Bathurst Street
Toronto, Ontario, M5R 3G3 Canada
Phone: 416-537-5579
Tại Hoa Kỳ: Phone: 972-606-0406
Email: Tokh@aol.com

hộp thư

*** Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:**

Nguyễn Đức Thanh (Emporia KS), Nguyễn Phương Thảo (đổi địa chỉ, Cerritos CA), Do Hoa (Houston TX), Lê Tấn Phước (Hawaii, đổi địa chỉ), Khanh Duong (Pearland, TX), Nguyễn văn Sâm (McArthur TX), Dương Thanh Phong (Brossard Canada), Asia Video (Dayton OH), Trần thị Bạch Vân (Clifton Hts. PA), Tường Nguyễn (Roslindale MA), Thái Hoá Lộc (Garland, TX), Nguyễn Q. Hân (Marlboro NJ), Hoàng Xuân Thanh (SF CA), Nguyễn thị Sương (Houston TX), Trần Hoài Thư (NJ), Nguyễn thị Hồng Phong (San Jose CA), Nguyễn văn Thiệu (Menai NSW Australia), Hanh Nguyen (Fairfax VA), Hoàng Đỗ (Spokane WA), Lê thị Thấm Vân (Mountain View, CA)

*** Bài nhận được trong tháng:**

"Bài thơ ngăn cách", "Lá rơi", "Chim hót sau vườn", "Em đi xem lễ", "Tiếng hát học trò" gửi từ Roslindale MA, "Hương tâm", "Giang mộ" gửi từ Philadelphia PA, "Gửi người bạn cũ" gửi từ Burbank IL, "Sau mưa"gửi từ Midway City CA, "Đọc Đoạn đường Hốt Tất Liệt của Lâm Chương", "Hoài niệm trường xưa", "Sự phát triển và thực trạng tiếng Việt tại hải ngoại" gửi từ Roslindale MA, "Về nơi có nhau" gửi từ Ontario Canada, "Chinh Phụ Ngâm, bản dịch hai câu 45 và 46" gửi từ Bonn Germany

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

Đính chính:

Bài "Tiền bạc, văn chương và lịch sử" vừa kêu gào "địa nội chư quân tử" góp ý thì đã được một hải nội quân tử lên tiếng giúp giùm. Ông Nguyễn Tiến Văn ở Canada gọi điện thoại cho tác giả biết rằng ông có quyển *Tục ngữ Phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh tái bản năm 1991, nơi trang 519, ghi rõ:

Hai mươi mốt đồng bột nấu chè

chứ không phải chỉ "Hai mươi đồng bột nấu chè" như chúng tôi đã viết. Như vậy "một quan tiền tốt" đã được tính đủ 600 đồng chứ không phải bà nội trợ kia đã ăn bớt tiền chợ. Vậy xin có lời đính chính lại. Tuy nhiên cũng nên lưu ý rằng theo cách sắp xếp lục bát thông thường thì "câu 6" trên đã thừa một chữ, người đọc bình thường không ngờ bà nội trợ làm văn chương độc đáo (không phải là sai) nên chữ "mốt" mới dễ rơi rụng để tác giả có dịp tán thêm vài câu lếu láo.

Xin cảm ơn lời chỉ dẫn của anh Nguyễn Tiến Văn.

TÌM MUA

Thi phẩm hơn 2,000 dòng thơ
đón chào thiên niên kỷ mới

THIÊN HÙNG CA DÂN TỘC VIỆT

của

Hà Thúc Như Hỷ

Những dòng thơ hùng tráng ghi dấu từng bước đi lịch sử
của dân tộc từ thời mở nước cho đến hôm nay

Những dòng thơ cô đọng mọi biến cố lịch sử
của dân tộc trong thế kỷ vừa qua

Những dòng thơ súc tích tư tưởng phản ánh suy tư
của người Việt trước những vấn đề của đất nước

Sách in tuyệt đẹp, trình bày trang nhã
trên giấy quí, có phụ bản tranh của chính tác giả,
dày 184 trang, giá 20 Mỹ kim

Nhà xuất bản Khôi Việt
14922 Moran Street # B, Westminster, CA 92683
Phone: (909) 465-0716

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., # 123 Westminster CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)
Phone: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

SÁCH MỚI VỀ MÙA XUÂN NĂM 2000:

* *Hậu trường Chính trị Miền Nam* cuốn 2, 1954-75 (770 tr.) của Đặng văn Nhâm $25.00
* *Tôn vinh cuộc chiến đấu thần thánh của Q.L.V.N.C.H.* (225 tr.) của Phạm Kim Vinh $18.00
* *Cách sử dụng Windows 98* (464 tr.) sách thực dụng điện toán, V.N. Guide Ed. $16.00
* *Sống hạnh phúc chết bình an* (198 tr.) bestseller năm 2000 của Đức Đạt Lai Lạt Ma $15.00
* *Văn phạm Anh ngữ Thực hành* (598 tr.) của Trần văn Điền mới soạn lại năm 1999, $20.00
* *Tự học Computer* (2 videos) để học điện toán bằng video cho dễ hiểu dễ nhớ $14.00
* *Tự học Internet 1* (2 videos) bestseller video dạy sử dụng liên mạng dễ dàng $14.00
* *Mùi hương quế* (322 tr.) tập truyện đầu tay xuất sắc của Dương Như Nguyện $14.00
* *Hồ Xuân Hương Tác phẩm* (272 tr.) biên khảo công phu & giá trị của Nguyễn Ngọc Bích $20.00
* *Khoảng tối nhìn lên* (267 tr.) hồi ký chiến trường nóng bỏng của Đào Đức Bảo $15.00
* *Đạo lý cho thiên niên kỷ mới* (281 tr.) của Đức Đạt Lai Lạt Ma, Linh Thụy phiên dịch $13.00

"Quê hương mến yêu, chốn sanh trưởng thân thiết, tiếng địa phương nghe từ lúc còn nằm võng ẩn náu trong hồn, tuôn ra đúng lúc, phải chỗ. Kiến thức màu mè, ngôn ngữ phô trương, đồn xuống không cho xuất hiện. Những kể lể, dẫn giải, lý luận, đem vào thể loại khác. Đối thoại mua trang, tuyệt đối không có mặt. Vẽ đường mà đi, lối mòn nên tránh, bản sắc nên giữ. Lắng tai nghe người kể chuyện, học tinh tế từ bất cứ ai. Biến thói đời thế thái làm đề tài, không bi quan, rêu rao. Biến khổ sở thất bại làm kinh nghiệm, không oán trách, bỏ cuộc. Viết là sáng tạo cái mới từ chất liệu quanh ta và ở trong ta, phải thấy và nắm bắt ngay chất liệu. Ngưng xúc động trong hồn để ghi lại trên giấy. Ý không lạ nên cho ngòi bút nghỉ. Cố gắng, cố gắng và cố gắng. Thành thật, thành thật và thành thật."

Đây là bài châm Nguyễn văn Sâm viết cho mình, thường nhựt tụng nhưng ông cũng thú nhận là không biết mình có thuộc, có áp dụng được không?

Muốn tìm câu trả lời, hãy tìm đọc tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN VĂN SÂM

KHÓI SÓNG TRÊN SÔNG

(tập truyện)

Tạp chí Văn xuất bản

sách dày 264 trang. Giá 14 Mỹ kim

NHÀ VĂN NGHỆ TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của Nhà Xuất Bản

*

Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Người Chết Vẫn Sống
Tạp luận Nguyễn Quốc Trụ
Loanh Quanh Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Kẻ Giật Dây
Tiến Sĩ Công Pháp Lê Đình Chi
Cảm Nhận
Võ Phiến
Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.___
Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____
Quốc gia _____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn _____ năm,
từ số _____ tháng _____, gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____
Địa chỉ _____ Apt.____
Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.

Los Angeles, CA 90035

Tel: (310) 559-0413 - Fax: (310) 659-2627

Xin giới thiệu:

TUYỂN TẬP THƠ VĂN HẢI NGOẠI NĂM 2000

QUY TỤ 67 TÁC GIẢ

NHÓM VIỆT THƯỜNG thực hiện

VĂN MỚI xuất bản tháng 4 năm 2000

Bìa Nguyễn Trọng Khôi

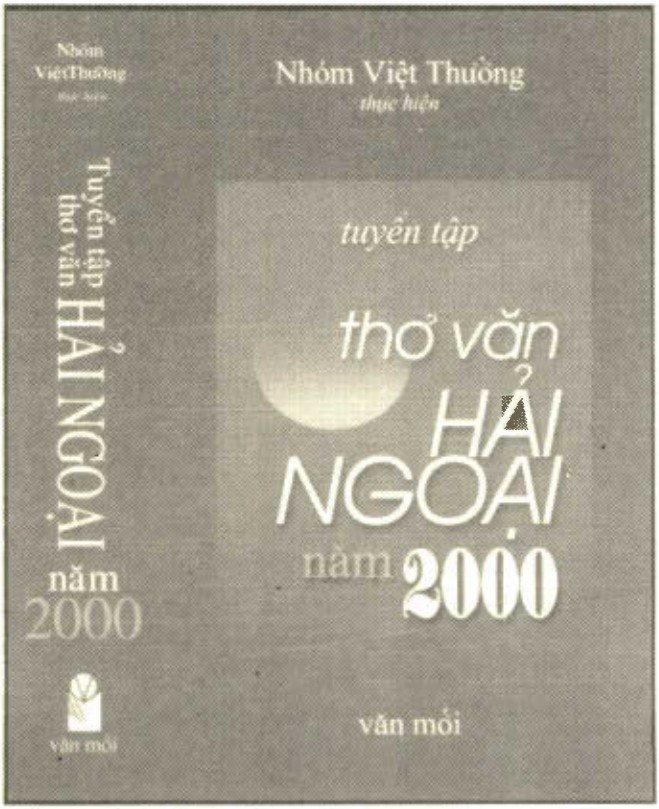

NHÀ SÁCH
VĂN NGHỆ
SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel (714) 934-8574
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/van nghe

SÁCH MỚI NĂM 2000

- TĂNG SĨ VÀ TRIẾT GIA 22MK
  Hội luận về tôn giáo - Phật Giáo giữa hai nhà đại trí thức Pháp: Triết gia ***Jean-Francois Revel*** (cha) và nhà bác học-tăng sĩ ***Matthieu Ricard*** (con). Bản Pháp ngữ và Anh ngữ đều thuộc loại Best Seller hiện nay. ***Linh Thụy*** chuyển ngữ.
- CHUYỆN NƯỚC NON 12MK
  tiểu luận ***Nguyễn Minh Cần***
- GIỮA HAI MIỀN MƯA NẮNG 13MK
  tạp ghi ***Hoàng Mai Đạt***
- MÙI HƯƠNG QUẾ 14MK
  truyện ***Dương Như Nguyện***
- RỪNG MẮM VĂN NGHỆ 13MK
  18 chuyện văn nghệ, ***Võ Đình***
- MẤY NẺO ĐƯỜNG CỦA NGHỆ THUẬT VÀ CHỮ NGHĨA 13MK
  Huỳnh Hữu Ủy

Ở vùng không có nhà sách xin liên lạc với Văn Nghệ để lấy thư mục hơn 600 tựa sách giá trị.

Giá:$4.00